

TRẦN BÁCH HIẾU

# CỤC DIỆN CHÍNH TRỊ ĐÔNG Á

**GIẢI ĐOẠN 1991 - 2016**

**(Sách chuyên khảo)**

*(Sách tái bản lần thứ nhất, có sửa chữa, bổ sung)*



**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT**

Chịu trách nhiệm xuất bản:  
Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP  
PHẠM CHÍ THÀNH

Chịu trách nhiệm nội dung:  
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP  
TS. ĐỖ QUANG DŨNG

Biên tập nội dung:	ThS. CÙ THỊ THÚY LAN TS. HOÀNG MẠNH THẮNG NGUYỄN THU HƯỜNG TRẦN PHAN BÍCH LIỄU
Trình bày bìa:	ĐUỜNG HỒNG MAI
Chế bản vi tính:	NGUYỄN THU THẢO
Đọc sách mẫu:	NGUYỄN THU HƯỜNG BÙI BỘI THU

---

Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 892-2020/CXBIPH/7-295/CTQG.  
Số quyết định xuất bản: 4872-QĐ/NXBCTQG, ngày 16/04/2020.  
Nộp lưu chiếu: tháng 5 năm 2020.  
Mã ISBN: 978-604-57-5549-5.

**CỤC DIỆN CHÍNH TRỊ**  
**ĐÔNG Á**  
GIAI ĐOẠN 1991 - 2016

**Biên mục trên xuất bản phẩm  
của Thư viện Quốc gia Việt Nam**

Trần Bách Hiếu

Cục diện chính trị Đông Á giai đoạn 1991 - 2016 / Trần Bách Hiếu. -  
Tái bản. - H. : Chính trị Quốc gia, 2018. - 224tr. ; 21cm

1. Chính trị 2. 1991-2016 3. Đông Á  
320.95 - dc23

CTM0214p-CIP

TRẦN BÁCH HIẾU

# CỤC DIỆN CHÍNH TRỊ ĐÔNG Á

**GIAI ĐOẠN 1991 - 2016**

**(Sách chuyên khảo)**

*(Sách tái bản lần thứ nhất, có sửa chữa, bổ sung)*

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT**

**Hà Nội - 2018**



## LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Cục diện chính trị thế giới cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI biến động và thay đổi nhanh chóng với nhiều sự kiện nổi bật có tác động không nhỏ, thậm chí còn làm xoay chuyển cán cân quyền lực tại nhiều quốc gia hay khu vực. Đông Á cũng không ngoại lệ. Diễn biến chính trị tại khu vực Đông Á luôn thu hút sự quan tâm, chú ý của cộng đồng quốc tế, giới học giả bởi đây là một điểm nóng về lợi ích kinh tế, lợi ích chính trị; một khu vực địa chiến lược quan trọng của thế giới.

Năm 1991, sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu không chỉ có tác động to lớn đến nền chính trị thế giới nói chung mà còn làm thay đổi cục diện chính trị tại Đông Á nói riêng. Lúc này, các nước phương Tây, đặc biệt là Mỹ, đóng vai trò chi phối nền chính trị khu vực. Bên cạnh đó, sự phát triển nhanh về kinh tế của Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc cũng đã đưa vị thế của các quốc gia này nổi bật trên bản đồ chính trị Đông Á. Giai đoạn 1991-2016, bản cờ chính trị Đông Á biến động không ngừng bởi sự tham gia của ngày càng nhiều quốc gia trên thế giới như Nga, Ôxtrâyliia, Niu Dilân, Ấn Độ,... cũng như các tổ chức trong và ngoài khu vực như ASEAN, EU, WTO,... Vì vậy, các nước lớn trong khu vực luôn phải điều chỉnh chính sách để tăng tầm ảnh hưởng, nâng tầm vị thế của mình ở khu vực nói riêng và trên thế giới nói chung, đồng thời lựa chọn những đối tác mang lại nhiều lợi ích nhất cho quốc gia. Trong khi đó, các nước vừa và nhỏ cũng tận dụng lợi thế mà khu vực mang lại để thu hút sự đầu tư của những cường quốc trên thế giới và liên kết với các nước lớn để tạo vành đai bảo vệ chính mình trước những biến động khôn lường của nền chính trị thế giới. Kết quả là nhiều mối quan hệ hợp tác, liên minh về quân sự, chính trị, kinh tế được hình thành như Mỹ - Nhật Bản, Mỹ - Trung Quốc, Liên minh chiến lược châu Á (Nhật Bản, Hàn Quốc và ASEAN),... đồng thời cũng xuất hiện những

tham vọng dẫn đầu, những đối trọng chính trị khó giải quyết,... Tất cả đã góp phần làm sinh động hơn bức tranh mọi mặt của Đông Á cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI.

Với mong muốn mang đến cho bạn đọc cái nhìn đầy đủ hơn về cục diện chính trị Đông Á từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản lần thứ hai cuốn sách ***Cục diện chính trị Đông Á giai đoạn 1991-2016 (Sách chuyên khảo)*** của Tiến sĩ Trần Bách Hiếu. Đây là công trình nghiên cứu công phu với nhiều phân tích, lý giải chuyên sâu về những diễn biến chính trị nổi bật diễn ra tại Đông Á và những tác động, ảnh hưởng của những sự kiện này tới đời sống chính trị khu vực và thế giới giai đoạn này. Đặc biệt, tác giả cũng dành một phần của cuốn sách viết về tác động của cục diện Đông Á đến Việt Nam. Cuốn sách sẽ là tài liệu tham khảo hữu ích cho bạn đọc và những người quan tâm tới vấn đề này.

Nội dung cuốn sách thể hiện sự nghiên cứu nghiêm túc, tác giả đã có nhiều cố gắng trong việc sưu tầm tư liệu và dành nhiều tâm huyết để hoàn thành nhưng cuốn sách cũng khó tránh khỏi những thiếu sót. Một số nhận định, phân tích nêu trong cuốn sách có giá trị tham khảo tốt, nhưng vẫn còn những ý kiến, nhận xét của tác giả cần được tiếp tục nghiên cứu, trao đổi. Để bạn đọc tiện theo dõi, tham khảo, Nhà xuất bản vẫn giữ nguyên các ý kiến, nhận xét của tác giả và coi đó là quan điểm riêng. Rất mong nhận được sự góp ý từ bạn đọc, các nhà chuyên môn để cuốn sách được hoàn thiện hơn trong lần xuất bản sau.

Xin giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

*Tháng 2 năm 2018*

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT



## LỜI MỞ ĐẦU

Chúng ta đang sống trong một giai đoạn có nhiều sự thay đổi ngoạn mục, thậm chí với nhiều người thì đã đến lúc phải viết lại nhiều thứ. Xét một cách toàn diện, đó là bởi sự đa dạng và sự vận động không ngừng của thế giới, của con người. Quan hệ chính trị quốc tế ở khu vực Đông Á cũng không nằm ngoài sự vận động chung đó. Sau gần nửa thế kỷ được định hình bởi sức mạnh và ảnh hưởng của Mỹ, cục diện chính trị khu vực Đông Á đang biến đổi hết sức nhanh chóng, thậm chí giờ đây đã diễn ra quá trình tan rã của cơ cấu quyền lực cũ để thay vào đó là một cấu trúc mới với vai trò lớn hơn của các chủ thể khác (Trung Quốc, Nhật Bản, ASEAN...)

Cuốn sách *Cục diện chính trị Đông Á giai đoạn 1991-2016* tập trung nghiên cứu cấu trúc, sự tương tác và biến đổi của cục diện chính trị khu vực Đông Á kể từ sau khi Liên Xô sụp đổ đến nay. Đồng thời, các điểm nóng của khu vực như vấn đề hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên, xung đột ở Biển Đông, cạnh tranh quyền lực giữa các cường quốc,... cũng được luận giải, góp phần làm sáng tỏ những khía cạnh còn ẩn khuất. Bằng việc vận dụng lý luận của một số lý thuyết chính trị quốc tế, trong đó đặc biệt nhấn mạnh vào chủ nghĩa hiện thực (*Realism*) cuốn sách muốn đưa đến một cách nhìn nhất quán, mạch lạc, cũng như thấy rõ được lôgích vận động của các sự kiện.

Việt Nam là một chủ thể không thể thiếu trong cục diện chính trị Đông Á, do đó, nghiên cứu cục diện chính trị khu vực cũng nhằm khảo sát, đánh giá tác động đối với Việt Nam. Từ đó, đề xuất một số định hướng đối ngoại, đóng góp vào lý luận và thực tiễn xây dựng chính sách đối ngoại của Việt Nam.

Hy vọng, cuốn sách sẽ là nguồn tài liệu tham khảo có giá trị cho các bạn sinh viên, độc giả quan tâm và cả những người làm công tác nghiên cứu, hoạch định chính sách.

Để có được cuốn sách này, tác giả xin chân thành cảm ơn những ý kiến góp ý, động viên của GS.NGND. Vũ Dương Ninh, GS.TS. Nguyễn Văn Kim, TS. Phạm Quốc Thành, GS.TS. Đỗ Quang Hưng, PGS.TS. Hoàng Khắc Nam, PGS.TSKH. Trần Khánh, PGS.TS. Nguyễn Tất Giáp, PGS.TS. Hoàng Anh Tuấn, GS.TS. Trần Thị Vinh, PGS.TS. Nguyễn Thu Mỹ, PGS.TS. Nguyễn Thị Quế, PGS.TS. Phạm Minh Sơn, GS.TS. Đỗ Tiến Sâm, HVCH. Nguyễn Văn Trung và đặc biệt là GS.TS. Phạm Quang Minh - người đã có những đóng góp quý báu cho nội dung cuốn sách này.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

*Hà Nội, tháng 4 năm 2017*

**TS. TRẦN BÁCH HIẾU**

## DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

ADIZ	<i>Air Defense Identification Zone</i> Vùng nhận dạng phòng không
APEC	<i>Asia Pacific Economic Cooperation</i> Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương
ARF	<i>ASEAN Regional Forum</i> Diễn đàn Khu vực ASEAN
ASEAN	<i>The Association of Southeast Asian Nations</i> Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
BRICS	<i>Brazil, Russia, India, China, South Africa</i> Nhóm các nền kinh tế mới nổi gồm Braxin, Nga, Ấn Độ, Trung Quốc, Nam Phi
EU	<i>European Union</i> Liên minh châu Âu
EAS	<i>East Asian Summit</i> Hội nghị Cấp cao Đông Á
GDP	<i>Gross Domestic Product</i> Tổng sản phẩm quốc nội
IAEA	<i>International Atomic Energy Agency</i> Cơ quan Năng lượng nguyên tử quốc tế
IMF	<i>International Monetary Fund</i> Quỹ Tiền tệ quốc tế
NATO	<i>North Atlantic Treaty Organization</i> Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương
NICs	<i>New Industrial Countries</i> Các nước công nghiệp mới

OPEC	<i>Organization of Petroleum Exporting Countries</i> Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ
SCO	<i>Shanghai Cooperation Organization</i> Tổ chức Hợp tác Thượng Hải
SEV	<i>Council of Mutual Economic Assistance (COMECON)</i> hoặc CMEA (tiếng Anh) Hội đồng Tương trợ kinh tế
SNG	Tiếng Nga: Содружество Независимых Государств, viết tắt: СНГ, chuyển tự sang tiếng La Tinh thành Sodruzhestvo Nezavisimyykh Gosudarstv. Tiếng Anh: <i>Commonwealth of Independent States (CIS)</i> Cộng đồng các quốc gia độc lập
SIPRI	<i>Stockholm International Peace Research Institute</i> Viện Nghiên cứu Hòa bình quốc tế Xtốchôm
WB	<i>World Bank</i> Ngân hàng Thế giới
WTO	<i>World Trade Organization</i> Tổ chức Thương mại thế giới

## Chương 1

# MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CỤC DIỆN CHÍNH TRỊ VÀ VỊ TRÍ CỦA KHU VỰC ĐÔNG Á TRONG NỀN CHÍNH TRỊ THẾ GIỚI

## 1. Khái niệm “cục diện chính trị khu vực”

### 1.1. Khái niệm “cục diện”

Trong nghiên cứu lịch sử thế giới nói chung, lịch sử quan hệ quốc tế nói riêng hiện nay, khi đánh giá về khía cạnh chính trị của một khu vực, có nhiều thuật ngữ được sử dụng như “kiến trúc”, “cấu trúc”, “môi trường”, “tình hình”, “thực trạng”,... nhưng có lẽ thuật ngữ đang được sử dụng phổ biến và rộng rãi là hai thuật ngữ: “trật tự” và “cục diện”.

Theo *Từ điển tiếng Việt*, *trật tự* là “sự sắp xếp theo một thứ tự, một quy tắc nhất định”. Bàn về quan hệ quốc tế là bàn về sự tương tác xuyên biên giới giữa các chủ thể, trong đó, các chủ thể lớn nhất - thường được gọi là các cường quốc - đóng vai trò định hình, chi phối và quyết định trạng thái của quan hệ quốc tế. Cách sắp xếp quyền lực như vậy chính là “trật tự”, ở cấp độ thấp hơn là “cục diện”. Bàn về trật tự thế giới có nghĩa là bàn về việc quyền lực quốc tế được sắp xếp như thế nào. Theo Phạm Thái Việt, “cơ cấu phân bổ sức mạnh, có tác dụng duy trì trạng thái ổn định của hệ thống quan hệ quốc tế, được hiểu là trật tự thế giới hay trật tự quốc tế”<sup>1</sup>. Còn theo PGS.TS. Lê Minh Quân, “*trật tự thế giới* là sơ đồ sắp

---

1. Phạm Thái Việt: *Toàn cầu hóa: Những biến đổi lớn trong đời sống chính trị quốc tế và văn hóa*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2006, tr.9.

xếp các chủ thể quốc tế hàng đầu theo quy mô quyền lực của mỗi chủ thể, là sơ đồ tổ chức toàn bộ xã hội quốc tế theo những nguyên tắc nhất định,... Trong một số thời điểm lịch sử, các quan hệ quốc tế chưa được cấu trúc và vận động trong khuôn khổ trật tự cụ thể, mà chỉ được triển khai trong cục diện thế giới nhất định. Trật tự thế giới chỉ được xác lập khi hội tụ đủ ba yếu tố là các giá trị tư tưởng nền móng, sự phân ngôi giữa các cường quốc và những quy tắc được thừa nhận”<sup>1</sup>. Như vậy, có thể thấy “trật tự” bao hàm cả “cục diện”. Nếu như trật tự là bức tranh tổng thể của cả một giai đoạn, thì cục diện là bố cục và diện mạo của quyền lực xuất hiện trong một thời gian ngắn, chưa ổn định.

Việc xem xét các khái niệm trật tự và cục diện có ý nghĩa quan trọng đối với việc luận giải và phân tích quan hệ quốc tế ở một khu vực trong khoảng thời gian nhất định. Trật tự thế giới gắn với tư duy quyền lực, thể hiện vị trí của quốc gia có ảnh hưởng lớn nhất trong quá trình xây dựng và thực hành “luật chơi” - nguyên tắc xử sự giữa các chủ thể của quan hệ quốc tế,... Trật tự thiên về thứ bậc trong một giai đoạn dài. Trật tự thế giới gắn với cấu trúc quyền lực, phản ánh mặt phân chia quyền lực giữa các nước lớn trong một khoảng thời gian dài xác định, có ý nghĩa đối với toàn thể giới<sup>2</sup>.

Còn “cục diện khu vực” là biểu hiện tương tác quyền lực giữa các chủ thể ở một khu vực trong một thời gian ngắn, không ổn định và khó dự báo. Theo *Từ điển tiếng Việt*, *cục diện* là “tình hình chung của cuộc đấu tranh, cuộc tranh chấp, biểu hiện ra trong một thời điểm nhất định”. Trong tiếng Anh, từ “cục diện” thường được dùng là *conjecture* và *complexion*, thể hiện tình cảnh, cảnh ngộ phản ánh diện mạo chung và cũng được hiểu là diện mạo hoặc đặc điểm, khía cạnh chung nhất của một hiện tượng, sự vật, ví dụ như trong từ “cục diện chiến tranh” (the complexion of the war). Theo Lê Văn Sang, cục diện thế giới là “kết cấu các quan hệ kinh tế chính

---

1. PGS.TS. Lê Minh Quân (Chủ biên): *Về một số xu hướng chính trị chủ yếu trên thế giới hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2014, tr.124-125.

2. Phạm Bình Minh: “Xu thế phát triển của cục diện thế giới đến năm 2020 và định hướng chiến lược đối ngoại của Việt Nam”, *Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu của đề tài Mã số KX.04/06-10, Nghiên cứu khoa học lý luận chính trị giai đoạn 2006-2010*, Hà Nội, tr.66.

trị quốc tế, các chủ thể kinh tế chính trị lớn tương đối ổn định và có ảnh hưởng lớn đến toàn bộ thế giới trong quá trình phát triển”<sup>1</sup>. Trong một số công trình khác, các tác giả cho rằng, khái niệm cục diện chỉ “thực trạng tình hình trên các lĩnh vực chủ yếu của đời sống xã hội” thể hiện ở ba cục diện kinh tế, chính trị, an ninh và văn hóa xã hội.

Tại Hội thảo khoa học *Cục diện thế giới 2020* do Học viện Ngoại giao tổ chức, ngày 14-8-2008, trong bài viết “Xu hướng phát triển cục diện thế giới đến năm 2020 - Thách thức và cơ hội đối với Việt Nam”, tác giả Hồng Hà có đưa ra định nghĩa: Cục diện thế giới là bộ mặt tổng quan, trạng thái các lực lượng, các chủ thể trong đời sống quốc tế có mối quan hệ tác động lẫn nhau ở một thời điểm nhất định. Như vậy, “cục diện thế giới” là một khái niệm động, chuyển biến với tần suất ngày càng nhanh, phức tạp và có những đột biến khó lường, khó dự báo. Khái niệm này không nên chỉ được hiểu là tình hình chung thế giới mà nó còn có nội hàm rộng bao gồm cả cục diện chính trị và cả các lĩnh vực khác như kinh tế, văn hóa, môi trường, sắc tộc, tôn giáo, quốc phòng, an ninh..., với những mối liên kết song phương, đa phương, toàn cầu. Cục diện thế giới phát triển có quy luật. Hiểu được quy luật phát triển mới có cách đánh giá đúng cục diện. Trong cái biến đổi của cục diện có thể tìm ra cái không biến đổi, cái trật tự trong sự mất trật tự của cục diện. Cũng trong một bài viết, tác giả Lê Văn Cương đưa ra khái niệm: “Cục diện thế giới là sự vận động, phát triển của sự phân bố lực lượng và cấu trúc quyền lực giữa các quốc gia, trước hết và chủ yếu là giữa các cường quốc, trên sân khấu chính trị thế giới được thể hiện ở các trạng thái chiến tranh - hòa bình, ổn định và không ổn định, xung đột và hòa dịu, hợp tác và cạnh tranh thỏa hiệp và đối đầu ở cấp độ toàn cầu”. Trong bài viết “Vài ý kiến về cục diện thế giới hiện nay”, tác giả Vũ Dương Huân có đưa ra khái niệm: “cục diện thế giới, cục diện khu vực” là “tình hình mọi mặt của thế giới, khu vực, trong một khoảng thời gian nhất định cũng như tương quan lực lượng giữa các lực lượng chính trị chủ yếu trên bàn cờ chính trị thế giới, khu vực”.

---

1. Lê Văn Sang (Chủ biên): *Cục diện kinh tế thế giới hai thập niên đầu thế kỷ XXI*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2005, tr.12.

Nói tóm lại, có thể hiểu “cục diện” là thuật ngữ thể hiện bố cục, diện mạo, trạng thái quan hệ giữa các quốc gia, sự phân bố quyền lực trong một giai đoạn nhất định, là trạng thái biểu hiện một cách tổng quát của các mặt, nhưng lại mang tính đặc trưng của sự vật. Nói đến cục diện là nói đến vị trí, vai trò của các cường quốc trong khu vực, các mô hình quản lý an ninh tương đối ổn định và khả năng dự báo về tình hình trong tương lai. Đây cũng chính là quan điểm xuyên suốt mà cuốn sách áp dụng trong quá trình thực hiện.

## **1.2. Khái niệm “cục diện chính trị khu vực”**

Về khái niệm “cục diện chính trị khu vực”, đã có nhiều định nghĩa được đưa ra. Có quan điểm cho rằng đó là kết cấu quyền lực được hình thành bởi so sánh lực lượng, tập hợp lực lượng giữa các quốc gia trong khu vực, là những nguyên tắc, quy phạm, phương pháp, khả năng xử lý các mối quan hệ giữa các quốc gia với nhau trong khu vực. Một quan điểm khác cho rằng: “Cục diện chính trị” được hiểu với ý nghĩa chung nhất là khả năng của các quốc gia, chủ thể chi phối, tham gia chi phối sân khấu chính trị thế giới, khu vực. Cũng theo quan điểm này, muốn chi phối hoặc tham gia chi phối “sân khấu” chính trị thế giới, khu vực, các quốc gia, chủ thể cần có sức mạnh quân sự, tiềm lực kinh tế, an ninh và giá trị văn hóa dân tộc.

Từ đó có thể đưa ra định nghĩa: “Cục diện chính trị khu vực” là kết cấu các quan hệ chính trị quốc tế giữa các chủ thể quan hệ chính trị quốc tế của khu vực (vị trí, vai trò của các cường quốc khu vực, các nước vừa và nhỏ, các quốc gia bên ngoài khu vực) hình thành nên các mô hình quản lý an ninh, xung đột tương đối ổn định của khu vực trong một giai đoạn nhất định, đồng thời có khả năng dự báo trong tương lai gần.

Cục diện chính trị luôn tác động trở lại cục diện kinh tế của khu vực và ngược lại. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, khi nói đến chính trị là nói đến quyền lực, đến giai cấp và nhà nước. Nội dung cốt lõi của quyền lực là lợi ích kinh tế. Khi bàn đến các nhà nước trong khu vực đại diện cho các giai cấp nào, nhằm lợi ích gì, thông qua việc tổ chức và tập hợp các lực lượng như thế nào, xây dựng các mối quan hệ quốc tế ra sao, bằng hình thức và cơ chế gì để đạt được và bảo vệ các lợi ích đó cũng có nghĩa là chúng ta đang bàn đến thực trạng chính trị của khu vực. Khi nghiên cứu, tìm hiểu diễn biến của các quan hệ quốc tế trong khu vực, đặc



biệt là tìm hiểu lợi ích bên trong của các mối quan hệ giữa các nước lớn với nhau, giữa các nước lớn với các nước nhỏ và giữa các nước nhỏ với nhau, đồng thời thấy được những biện pháp, cơ chế và các hình thức mà các nước này triển khai thực hiện nhằm vào các lợi ích bên trong đã xác định đó cũng có nghĩa là chúng ta đang nghiên cứu một cách tổng thể thực trạng chính trị của khu vực. Ngoài ra, nghiên cứu cục diện chính trị khu vực là xác định những vấn đề an ninh, chính trị nổi bật của khu vực, chi phối quan hệ giữa các quốc gia và cách thức mà các quốc gia trong khu vực ứng xử với các vấn đề chung đó. Những vấn đề của khu vực đang nổi lên hiện nay có lẽ cũng không khác nhiều so với các vấn đề của thế giới, bao gồm an ninh, hợp tác và xung đột.

Về đại thể, quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin (giới học giả quốc tế vẫn thường gọi là quan điểm mácxít hay cấp tiến) bàn đến cục diện chính trị ở mấy khía cạnh sau đây: (i) chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản là hai lực lượng chính của nền chính trị thế giới, mâu thuẫn giữa hai lực lượng này là mâu thuẫn cơ bản của thời đại; (ii) mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản với giai cấp công nhân là mâu thuẫn xã hội căn bản; (iii) quan hệ cạnh tranh và mâu thuẫn giữa các nước phát triển với các quốc gia kém hoặc đang phát triển do các nước phát triển thường xuyên đề ra “luật chơi” và các chuẩn giá trị “ép” các nước phát triển chậm hơn phải tuân theo; (iv) các nước đế quốc, tư bản phát triển cũng mâu thuẫn với nhau, có thể gây nên chiến tranh hoặc xung đột có vũ trang để tranh giành quyền lợi. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin coi lợi ích kinh tế (sự háms lợi của các nước tư bản) là yếu tố căn bản tạo nên sự thay đổi trong cục diện chính trị thế giới và khu vực. Ví dụ, “cơ cấu kinh tế của chủ nghĩa tư bản, được giải thích là nguyên nhân khiến nước Mỹ (với tư cách là một nước tư sản vượt trội trên thế giới) trở thành một nước có tư tưởng bành trướng chưa từng thấy, một quốc gia triển khai ngoại giao pháo hạm và các cuộc xâm lược vũ trang vượt quá địa phận của mình, kích động những căng thẳng quốc tế và chạy đua vũ trang”<sup>1</sup>.

---

1. George H. Quester: “American Foreign Policy (Chính sách đối ngoại của Mỹ)” theo Joel Krieger (Chủ biên): *Toàn cảnh nền chính trị thế giới*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2009, tr.42.

Từ quan điểm của chủ nghĩa hiện thực - một lý thuyết nổi trội về chính trị quốc tế - cục diện chính trị cũng chính là mô hình địa - chính trị hay cấu trúc quyền lực của một khu vực được xác lập dựa trên thế cân bằng quyền lực giữa các chủ thể; hoặc sự thống trị vượt trội của một chủ thể đứng đầu so với phần còn lại (hệ thống đơn cực - bá quyền). Gần đây, thuật ngữ “cấu trúc khu vực” được sử dụng phổ biến hơn trong giới học thuật và giới chính trị gia khi nghiên cứu, thảo luận về cục diện và trật tự khu vực. Theo đó, “các khía cạnh của cấu trúc khu vực được quan tâm nhiều nhất là: (i) nhân tố chủ đạo, hay *kiến trúc sư* của cấu trúc khu vực; (ii) các nhân tố cấu thành khác của cấu trúc khu vực; (iii) chức năng của cấu trúc khu vực, hay cấu trúc khu vực đó nhằm giải quyết vấn đề gì?”<sup>1</sup>. Đồng thời, do các vấn đề chính trị cao cấp (xung đột, chiến tranh và hòa bình) thường được sự quan tâm lớn nhất của nhân loại, cũng như sự đan xen lẫn nhau giữa chính trị học cao cấp và chính trị học thứ cấp (kinh tế chính trị), do đó thuật ngữ “cấu trúc khu vực” thường đề cập vấn đề an ninh hay mối quan hệ giữa các quốc gia liên quan đến an ninh khu vực. Điều đó có nghĩa là “cấu trúc khu vực” bàn đến mối quan hệ quyền lực giữa các chủ thể trong khu vực đó, mối quan hệ quyền lực giữa các chủ thể tạo nên cục diện chính trị khu vực.

Từ nội hàm của khái niệm “cục diện chính trị khu vực” có thể rút ra hai vấn đề trọng tâm là: chủ thể (chính và phụ) của cục diện đó là ai?; mối quan hệ giữa các chủ thể này dẫn đến hệ quả gì? Chẳng hạn, Henry A.Kissinger trong bài viết “A Path Out of the Middle East Collapse” (Lối thoát cho sự sụp đổ của Trung Đông)<sup>2</sup> coi Mỹ và Nga là “kiến trúc sư” của cấu trúc địa chính trị Trung Đông kể từ khi nó được hình thành năm 1973 sau cuộc chiến tranh Ả-rập - Ixraen, do đó mối quan hệ giữa hai kiến trúc sư chính này sẽ quyết định đến sự tồn tại của cục diện khu vực.

---

1. Nguyễn Hùng Sơn: “Cấu trúc khu vực và vấn đề mở rộng cấu trúc khu vực ở châu Á - Thái Bình Dương”, Tạp chí *Nghiên cứu quốc tế*, số 2(81), tháng 6-2010, tr.5-22.

2. Xem Henry A. Kissinger: “A Path Out of the Middle East Collapse”, Tạp chí *The Wall Street Journal*, ngày 16-10-2015, <http://www.wsj.com/articles/a-path-out-of-the-middle-east-collapse-1445037513>.

Nói tóm lại, nghiên cứu quá trình vận động của cục diện chính trị khu vực Đông Á giai đoạn 1991-2016 là tìm hiểu vị trí và vai trò của những chủ thể là các cường quốc lớn trong khu vực (Trung Quốc, Nhật Bản), những chủ thể là các quốc gia vừa và nhỏ qua các cơ chế hợp tác đa phương mà ASEAN là tiêu biểu, và đặc biệt là những chủ thể ngoài khu vực có ảnh hưởng lớn đến khu vực (Mỹ, Nga); tìm hiểu sự tương tác giữa các chủ thể đó trong giai đoạn 1991-2016.

## **2. Những nhân tố tác động đến cục diện khu vực và thế giới**

*Một là, sự thay đổi và đấu tranh của các chủ thể chủ yếu trên trường quốc tế.*

Nhà nước dân tộc (*nation-state*) - hay quốc gia - tiếp tục là chủ thể cơ bản và quan trọng nhất của nền chính trị thế giới. Đây là lực lượng truyền thống tác động đến cục diện chính trị khu vực và thế giới. Chủ thể quốc gia thường đi kèm với phạm trù lợi ích dân tộc. Sự mở rộng và phát triển của quan hệ quốc tế cũng dẫn đến sự ra đời của nhiều chủ thể khác tồn tại song song với các quốc gia như các tổ chức quốc tế, các cá nhân, thậm chí là các nền văn hóa - văn minh. Các tổ chức quốc tế bao gồm Tổ chức Liên Chính phủ (IGOs), công ty đa quốc gia (MNC), các tổ chức phi chính phủ (NGOs) và các tổ chức khác (các phong trào xã hội, tổ chức khủng bố,...). Các cá thể, cá nhân đại diện cho quốc gia, chẳng hạn như Giáo hoàng Vatican, hoặc phi quốc gia, như thủ lĩnh Al-Qeada Osama Bin Laden, có ảnh hưởng rất lớn đến chính trị quốc tế. Các nền văn hóa - văn minh có được coi là chủ thể của nền chính trị thế giới hay không vẫn còn là vấn đề gây nhiều tranh cãi, nhất là từ khi cuốn sách *Sự va chạm của các nền văn minh* của học giả người Mỹ Samuel P. Huntington xuất bản, song ảnh hưởng của văn hóa - văn minh thông qua tôn giáo, bản sắc, nhân khẩu... đến quan hệ quốc tế là hiện thực không thể phủ nhận.

Đây là nhân tố quan trọng trong việc đưa đến sự thay đổi của cục diện thế giới. Trong nền chính trị thế giới, các chủ thể quan hệ quốc tế, mà trước hết là các quốc gia - dân tộc có lợi ích khác nhau. Thông thường, các quốc gia - dân tộc chia làm hai lực lượng chủ yếu trong việc thay đổi cục diện, trật tự thế giới. Có những nước ủng hộ việc duy trì cục diện, trật tự hiện hành vì lợi ích của mình, song lại có những lực lượng muốn thay đổi

cục diện hiện hành, phân đấu cho một cục diện mới có lợi cho mình hơn nhất là khi tương quan lực lượng đã thay đổi. Sự kết thúc của Chiến tranh lạnh và sự sụp đổ của Liên Xô cũng chấm dứt sự chi phối của ý thức hệ đối với sự cạnh tranh giữa các lực lượng trong nền chính trị thế giới.

*Hai là, sự thay đổi của cán cân quyền lực thế giới.*

Cục diện thế giới được tạo nên bởi các chủ thể quan hệ quốc tế, tương quan lực lượng giữa các chủ thể, nhất là các chủ thể chủ chốt. Cán cân quyền lực thay đổi, đương nhiên sẽ dẫn đến sự biến động của cục diện. Lịch sử quan hệ quốc tế đã chứng minh cán cân quyền lực giữa các chủ thể thay đổi bao giờ cũng kéo theo sự thay đổi của cục diện thế giới, thậm chí cả trật tự thế giới. Trạng thái cân bằng quyền lực - tiếp cận từ quan điểm chủ nghĩa hiện thực mới - đã sụp đổ từ năm 1991 dẫn đến sự thay đổi căn bản trong cán cân quyền lực thế giới với ưu thế nghiêng về Mỹ và châu Âu là đặc trưng căn bản của cục diện thế giới hậu Chiến tranh lạnh. Điều này có tác động rất lớn tới quan hệ quốc tế, sự hình thành và tan rã của các liên minh cũng như việc tập hợp lực lượng tại nhiều khu vực trên thế giới.

*Ba là, các xu thế chủ yếu của thế giới đương đại.*

Xu thế lớn của thế giới chính là tính quy luật của thế giới đương đại. Các chủ thể quan hệ quốc tế muốn phát triển phải tuân theo quy luật và tính quy luật. Nếu không tôn trọng các quy luật, tính quy luật sẽ phải trả giá. Các quốc gia đều nhận thức được điều đó. Cục diện thế giới hình thành và vận động theo quy luật và tính quy luật dù các chủ thể có nhận biết được các quy luật và tính quy luật hay không. Theo đa số các nhà nghiên cứu quốc tế, khoa học quan hệ quốc tế là khoa học phức tạp nhất trong khoa học xã hội và nhân văn. Chính vì vậy, nhiều học giả cho rằng chỉ nên nói đến tính quy luật trong quan hệ quốc tế là chính<sup>1</sup>.

*Bốn là, cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại và tác động của toàn cầu hóa.*

Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại tiếp tục phát triển mạnh mẽ với nhiều kỳ tích mới trên nhiều lĩnh vực. Đặc biệt, có những

---

1. Vũ Dương Huân: “Bản về quy luật và tính quy luật trong quan hệ quốc tế”, Tạp chí *Nghiên cứu quốc tế*, số 2/2006, tr.15.

thành tựu mới về tạo ra nguồn năng lượng mới thay thế dầu mỏ, công nghệ xử lý môi trường ô nhiễm và công nghệ vũ trụ. Những thành tựu của cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại phát triển biến tri thức trở thành yếu tố quan trọng bên trong quá trình sản xuất, tạo ra nền kinh tế tri thức, quyết định sự phát triển của nền kinh tế thế giới và thúc đẩy xu thế phát triển của cục diện khu vực và thế giới. Cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại cùng kinh tế tri thức làm tăng tốc sự phát triển của lực lượng sản xuất, đòi hỏi mở rộng thị trường, thúc đẩy các mối quan hệ, liên hệ giữa tất cả các khu vực, các quốc gia - dân tộc trên thế giới. Các học giả, chẳng hạn như Alvin Toffler trong cuốn *Làn sóng thứ ba*, đã bàn đến thời kỳ văn minh hậu công nghiệp, bất chấp một thực tế rằng còn rất nhiều quốc gia đang ở trong tình trạng chậm hoặc đang phát triển, chưa đạt đến trình độ văn minh công nghiệp.

Toàn cầu hóa tác động mạnh mẽ đến cục diện chính trị thế giới và khu vực, cụ thể là tác động trực tiếp và chi phối xu hướng phát triển cục diện, trật tự thế giới. Để chống lại sự thống trị của một siêu cường duy nhất thì chủ trương đa cực có ý nghĩa nhất định trong tương quan lực lượng quốc tế hiện nay. Toàn cầu hóa đi đôi với khu vực hóa. Khu vực hóa vừa như một nấc thang của toàn cầu hóa, vừa như một hình thức liên kết các nước trong vùng để đối phó với sự cạnh tranh và tác động tiêu cực từ toàn cầu hóa, hoặc từ các thế lực mạnh hơn. Ngoài ra, toàn cầu hóa với vô số những hình thức liên kết; hợp tác song phương, đa phương, đa dạng và nhiều tầng, nhiều cấp độ khác nhau, khiến sự giao lưu, ràng buộc và tùy thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia - dân tộc ngày càng sâu rộng. Theo một số nhà nghiên cứu, toàn cầu hóa có những tác động rất lớn đối với hệ thống quan hệ quốc tế, như: sự biến dạng của các tác nhân trong hệ thống, trước hết là chủ quyền của các nhà nước dân tộc; sự biến đổi mang tính tương phản của các quan hệ trong hệ thống, vừa gia tăng tính phụ thuộc lẫn nhau, vừa khơi dậy tính tự quyết dân tộc. Bởi vậy, toàn cầu hóa cũng hàm ý về sự “hình thành nên một trật tự thế giới tùy thuộc lẫn nhau của các quan hệ siêu quốc tế và xuyên quốc gia”<sup>1</sup>. Tác động của toàn cầu hóa lớn

---

1. Phạm Thái Việt: *Toàn cầu hóa: Những biến đổi lớn trong đời sống chính trị quốc tế và văn hóa*, Sđd.

đến nỗi một số học giả người Nga như Aleksey Bogaturov hay Viktor Averkov cho rằng, xu thế toàn cầu hóa dẫn tới sự xuất hiện một trạng thái mới của hệ thống quốc tế<sup>1</sup>.

*Tóm lại*, cục diện chính trị của một khu vực được tạo nên bởi sự kết hợp vị trí, vai trò của các quốc gia lớn, các cơ chế đa phương, trong đó nổi bật là các quốc gia thành viên vừa và nhỏ, các chủ thể phi quốc gia như các công ty xuyên quốc gia, các tổ chức phi chính phủ trong và ngoài khu vực. Tuy nhiên, do nội dung nghiên cứu khá rộng nên cuốn sách chủ yếu nghiên cứu về vị thế, vai trò của các cường quốc trong khu vực, vị trí, vai trò của các nước vừa và nhỏ thông qua hoạt động của các cơ chế hợp tác đa phương và vị trí, vai trò của các cường quốc ngoài khu vực, đó chính là những chủ thể quan trọng nhất trong việc định hình cục diện chính trị khu vực. Bên cạnh đó, cục diện chính trị khu vực cũng chịu sự tác động, ảnh hưởng bởi các yếu tố như: (i) sự đấu tranh của các chủ thể chủ yếu trên trường quốc tế; (ii) sự thay đổi của cán cân quyền lực thế giới; (iii) các xu thế chủ yếu của thế giới đương đại; (iv) cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại và tác động của toàn cầu hóa.

### **3. Vị trí của Đông Á trong nền chính trị thế giới**

Cho đến nay, đã có rất nhiều ý kiến về cách xác định khuôn khổ Đông Á xét từ các tiêu chí khu vực địa - văn hóa, địa - lịch sử, địa - chính trị, song mỗi cách xác định cũng tồn tại những hạn chế do sự đa dạng của thế giới. Vì vậy, khái niệm về khu vực Đông Á cũng chỉ mang tính tương đối.

Về mặt địa lý, Đông Á nằm ở phía Đông của lục địa Á - Âu. Có ý kiến cho rằng Đông Á bao gồm Đông Bắc Á và Đông Nam Á, hoặc coi Đông Á chính là Đông Bắc Á. Ngoài ra, còn có cách gọi Đông Á bao gồm cả Nam Á nhưng cách gọi này không phổ biến. Hay có cách hiểu khác, Đông Á là vùng bờ Tây của Thái Bình Dương, trải dài từ các vùng ven Thái Bình Dương thuộc phần đất của Nga ở phía bắc tới Xingapo ở phía nam. Theo *Từ điển Bách khoa thư*: “Đông Á là một phần của vành đai núi lửa quanh Thái Bình Dương và của mạng tetit cũ chạy từ sơn nguyên Tiểu Á

---

1. Xem Bogaturov Aleksey Demosfenovich và Averkov Viktor Viktorovich: *Lịch sử quan hệ quốc tế*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2016, tr.568.

đến quần đảo Mã Lai”, theo đó, Đông Á là một phần lục địa châu Á, giáp Thái Bình Dương, thuộc đới khí hậu ôn đới, cận nhiệt đới và nhiệt đới (20-60 độ vĩ Bắc), phần đất liền chủ yếu thuộc nền Trung Hoa và khu uốn nếp Trung Sinh, ngoài đất liền còn quần đảo Kuril, Sakhalin, Nhật Bản, Đài Loan. Các nước ở Đông Á gồm miền Viễn Đông của Nga, Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên, Hàn Quốc. Tuy nhiên, cũng có ý kiến cho rằng Đông Á chính là khu vực châu Á - Thái Bình Dương, bao gồm hai tiểu khu vực là Đông Bắc Á và Đông Nam Á<sup>1</sup>. Hơn nữa, Đông Á cũng bị chia cắt mạnh mẽ giữa lục địa và hải đảo, các đại dương đóng vai trò quan trọng đối với kinh tế - văn hóa của các quốc gia. Nhà nghiên cứu chính trị quốc tế Robert D. Kaplan viết: “Đông Á là một hải cảnh” (*East Asia a Seascape*) cho thấy biển là một phần không thể thiếu khi nói đến địa - chính trị khu vực Đông Á. Bởi vậy, giới nghiên cứu phương Tây vẫn thường gọi là khu vực Đông Á - Thái Bình Dương (East Asia - Pacific), nhưng bao gồm một khu vực rộng lớn hơn.

Văn hóa - xã hội được coi là khía cạnh gây tranh cãi nhất khi bàn về Đông Á. Khác với châu Âu - nơi chủ yếu chịu ảnh hưởng bởi Kitô giáo, thì Đông Á lại là một khu vực rất đa dạng về văn hóa. Những học giả theo quan niệm chủ nghĩa kiến tạo xã hội (*Social Constructivism*), chẳng hạn như Peter J. Katzenstein cho rằng, khái niệm khu vực cần được nhắc đến dựa trên nền tảng về mặt xã hội - chính trị - văn hóa, chứ không phải từ yếu tố địa lý<sup>2</sup>. Tuy nhiên, Samuel P. Huntington, nhà chủ nghĩa hiện thực mới nổi tiếng với luận thuyết “sự va chạm của các nền văn minh”, vẫn coi Đông Á bao gồm cả Đông Bắc Á và Đông Nam Á, “đây là ngôi nhà chung của những con người thuộc sáu nền văn minh khác nhau”<sup>3</sup>. Đông Bắc Á chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của nền văn minh Trung Hoa, cho dù

---

1. Lê Hải Bình: “Tác động của quan hệ Mỹ - Trung đến an ninh châu Á - Thái Bình Dương sau Chiến tranh lạnh”, Luận án Tiến sĩ Quan hệ quốc tế, Học viện Ngoại giao, 2013, tr.39.

2. Xem Hoàng Khắc Nam: *Một số vấn đề lý luận quan hệ quốc tế dưới góc nhìn lịch sử*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2014, tr.96-97.

3. Samuel Huntington: *Sự va chạm giữa các nền văn minh*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2005, tr.157.

Nhật Bản là một biệt lệ; còn Đông Nam Á là sự pha trộn giữa Hồi giáo (Indônêxia là quốc gia có đông người Hồi giáo nhất thế giới), Phật giáo, Kitô giáo và các tôn giáo bản địa khác. Như thế, việc phân định khu vực dựa trên khía cạnh văn hóa - xã hội dường như không phù hợp ở Đông Á, do đó Đông Á chỉ đơn giản là tên gọi về mặt địa lý, còn nó thuộc các nền văn minh khác nhau.

Rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau về khái niệm khu vực Đông Á. Chính vì những nhận thức khác nhau về khu vực Đông Á mà quan niệm về Đông Á của các nhà nghiên cứu cũng rất khác nhau. Trong khuôn khổ cuốn sách này, quan điểm của tác giả khi nói đến Đông Á là nói đến cả hai khu vực: Đông Bắc Á gồm các nước Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Triều Tiên; Đông Nam Á với toàn bộ 11 quốc gia: Brunây, Campuchia, Timo Leste, Indônêxia, Lào, Malaixia, Mianma, Philippin, Xingapo, Thái Lan và Việt Nam. Tuy không nằm trong phạm vi địa lý tự nhiên của khu vực Đông Á nhưng với vị trí, sự can dự và liên hệ của mình với khu vực Đông Á, Mỹ, Nga cũng được đề cập như một trong những chủ thể có vai trò quan trọng trong quá trình tạo nên cục diện chính trị Đông Á bên cạnh các cường quốc, tổ chức ngoài khu vực như Ấn Độ, Ôxtrâyliia, Niu Dillân, EU,...

Đông Á là khu vực có vị trí địa - chiến lược đặc biệt trên thế giới, là nơi hội tụ lợi ích của các trung tâm quyền lực lớn nhất thế giới và cũng là khu vực nằm trong quỹ đạo ảnh hưởng của các cường quốc trong và ngoài khu vực. Điều này đã được khẳng định qua lịch sử phát triển của khu vực trong những thế kỷ qua, đặc biệt là từ đầu thế kỷ XXI đến nay. Vì vậy, Đông Á trở thành trung tâm nghiên cứu của các học giả trong nước và quốc tế, chủ đề bàn luận giữa các nguyên thủ quốc gia và các chính khách quốc tế. Sự chuyển mình của Đông Á trong nửa cuối thế kỷ XX đến nay được xem là một sự “thần kỳ”, vì vậy giới học giả và chính trị gia đã bàn đến ý tưởng về “giá trị châu Á” và liệu rằng “thế kỷ XXI có phải là thế kỷ của châu Á hay không”.

Khu vực Đông Á ngày càng đóng vai trò quan trọng trong mọi lĩnh vực của thế giới giai đoạn sau Chiến tranh lạnh, trong đó nổi bật nhất là kinh tế. Nhà phân tích chính trị quốc tế Fareed Zakaria, tác giả của cuốn sách nổi tiếng *Thế giới hậu Mỹ*, khi nói đến “phần còn lại của thế giới” đã



nhắc đến Trung Quốc và Ấn Độ là hai tác nhân chính của sự chuyển dịch quyền lực trong thế kỷ XXI, đe dọa tới vị thế độc tôn của Mỹ. Song Zakaria vẫn cho rằng sức mạnh và vị thế tuyệt đối của Mỹ khó có thể bị lu mờ, ít nhất là trong thế kỷ này.

Xuất phát từ đặc điểm trên, các nước lớn trong khu vực đều điều chỉnh chính sách khu vực của mình, nhằm mở rộng ảnh hưởng, giành lấy vai trò chi phối khu vực. Hệ quả là cục diện khu vực luôn đứng trước khả năng thay đổi.

**Bảng 1: Thông tin cơ bản về các nước Đông Á hiện nay**

<b>Quốc gia</b>	<b>Dân số (triệu người)</b>	<b>GDP (tỷ USD)</b>	<b>Chi tiêu quân sự (tỷ USD)</b>
Brunây	0,423	15,4	0,424
Campuchia	15,5	18	0,278*
Timo Leste	1,2	1,4	0,037
Hàn Quốc	50,6	1377,8	36,435
Indônêxia	257,5	861,9	7,642
Lào	6,8	12,3	0,022**
Malaixia	30,3	296,2	4,549
Mianma	53,8	64,8	2,193***
Nhật Bản	126,9	4123,2	40,885
Philippin	100,6	291,9	3,870
Thái Lan	67,9	395,2	5,737
Triều Tiên	25,1	-	-
Trung Quốc	1371,2	10866,4	214,787
Việt Nam	91,7	193,5	4,571***
Xingapo	5,5	292,7	9,417
<b>Tổng cộng</b>	<b>2205,023</b>	<b>18810,7</b>	<b>330,847</b>
<b>Thế giới</b>	<b>7,347</b>	<b>73434</b>	<b>1676</b>

*Nguồn dữ liệu: SIPRI (2016); WB (2016).*

\* Dữ liệu ước tính năm 2014

\*\* Dữ liệu ước tính năm 2013

\*\*\* Dữ liệu có mức độ chắc chắn không cao

## *Chương 2*

# **MỸ DẪN DẮT QUAN HỆ QUỐC TẾ Ở ĐÔNG Á GIAI ĐOẠN 1991-2009**

### **1. Khái quát về cục diện chính trị Đông Á trước năm 1991**

Sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc (1945) và trong suốt thời kỳ Chiến tranh lạnh (1947-1991), thế giới bị phân chia thành hai khối chủ đạo giữa Đông và Tây, giữa khối tư bản chủ nghĩa ở phương Tây do Mỹ đứng đầu và khối xã hội chủ nghĩa có Liên Xô là thành trì. Tình trạng đối đầu Đông - Tây của thời kỳ Chiến tranh lạnh thường được biết đến là cuộc đụng độ của ý thức hệ. Cuộc chiến ý thức hệ trở thành cách tiếp cận chủ yếu đối với quá trình vận động của thế giới trong thế kỷ XX.

Kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, quan hệ quốc tế ở Đông Á trải qua nhiều biến động, có ảnh hưởng sâu sắc tới tình hình an ninh khu vực và tác động mạnh mẽ đến cán cân quyền lực toàn cầu. Nếu như trước Chiến tranh thế giới thứ hai Nhật Bản trở thành quốc gia duy nhất có khả năng dẫn dắt quan hệ quốc tế trong khu vực sau khi trở thành cường quốc mạnh nhất, thì tham vọng đó đã bị dập tắt khi nước này đầu hàng Đồng minh do thất bại trong cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai. Sự phát triển thần kỳ của Nhật Bản từ thập niên 1960 tiếp tục làm sống dậy ý tưởng về sự thống trị của Nhật Bản ở Đông Á, nhưng bối cảnh quốc tế thời kỳ này không còn phù hợp.

Năm 1949, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập với sự thống nhất về lãnh thổ và chính quyền dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc có ý nghĩa rất lớn đối với Đông Á. Trung Quốc đã từng là quốc gia hùng mạnh nhất châu Á trong suốt thời kỳ phong kiến.

Quốc gia này có một lãnh thổ rộng lớn với dân số đông đúc, một trong những nền văn minh rực rỡ nhất thế giới phương Đông. Năm 1971, theo Nghị quyết số 2758 của Đại hội đồng Liên hợp quốc, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa thay thế Trung Hoa Dân quốc ở vị trí Ủy viên thường trực của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, đánh dấu sự gia tăng vai trò quốc tế của Trung Quốc. Điều đó càng được bảo đảm hơn nhờ sự dàn xếp của Ngoại trưởng Mỹ Henry Kissinger và mối quan hệ căng thẳng giữa Trung Quốc và Liên Xô sau các tranh chấp biên giới đã thúc đẩy sự xích lại gần nhau giữa Trung Quốc và Mỹ, bất chấp sự khác biệt về ý thức hệ. Năm 1972, Tổng thống Mỹ Richard Nixon tới thăm Trung Quốc, mở ra thời kỳ mới chuyển “thù” thành “bạn” trong quan hệ Trung Quốc - Mỹ. Cũng từ đây, cục diện chính trị khu vực Đông Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai được hình thành.

Trong thời kỳ Chiến tranh lạnh, Đông Á trở thành nơi tương tác mạnh mẽ nhất giữa các cường quốc thông qua hai cuộc chiến tranh ở Việt Nam và bán đảo Triều Tiên. Liên Xô với tư cách là quốc gia dẫn dắt khối xã hội chủ nghĩa - và Trung Quốc đã đóng vai trò cân bằng với Mỹ và các đồng minh châu Á ở Đông Á. Quan điểm về “khu đệm” ở Đông Á là “kết quả của sự thỏa hiệp” giữa Liên Xô và Mỹ trong thời kỳ Chiến tranh lạnh<sup>1</sup>, khi Liên Xô sụp đổ thì Trung Quốc đã thay thế Liên Xô cho dù về tương quan sức mạnh thì Trung Quốc yếu thế hơn hẳn Liên Xô và Mỹ. Trên bán đảo Triều Tiên, vĩ tuyến 38 (Bắc) trở thành ranh giới chia cắt hai nhà nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên ở phía bắc theo phe chủ nghĩa xã hội và Đại Hàn Dân quốc ở phía nam liên kết với Mỹ. Tình trạng chia cắt trên bán đảo Triều Tiên chính là kết quả của sự thỏa hiệp giữa các cường quốc về “khu đệm” ở Đông Á.

Giai đoạn này, Tổng thống Mỹ H. Truman đang trong chiến lược chống chủ nghĩa cộng sản trên toàn thế giới, ngăn chặn sự bành trướng của Liên Xô, nhằm đưa nước Mỹ lên vị thế thống trị. Các quan chức bảo thủ trong chính phủ Mỹ lo ngại về mối quan hệ trên cơ sở ý thức hệ giữa Liên Xô và Trung Quốc có thể trở thành một khối chống lại phương Tây,

---

1. Xem Bogaturov Aleksey Demosfenovich, Averkov Viktor Viktorovich: *Lịch sử quan hệ quốc tế*, Sđd, tr.137.

bất chấp những mâu thuẫn trong quan hệ Trung - Xô do tham vọng riêng của mỗi nước<sup>1</sup>. Trong khi Mỹ tỏ ra thận trọng hơn, họ vừa không chấp nhận chính phủ độc tài Lý Thừa Vãn (Syngman Rhee) ở Hàn Quốc, vừa xem Triều Tiên không nằm trong “chu vi an toàn Thái Bình Dương” của Mỹ - Triều Tiên, không được coi là nhân tố quan trọng sống còn đối với những quyền lợi quốc gia của Mỹ<sup>2</sup>. Thậm chí, ngay cả khi chiến tranh Triều Tiên xảy ra năm 1950, Tổng thống Mỹ Truman cũng chỉ chấp nhận một cuộc chiến tranh “có giới hạn”. Tuy nhiên, Tướng MacArthur - một người theo chủ nghĩa bảo thủ cứng rắn - đã quyết định hỗ trợ Hàn Quốc chống lại Triều Tiên với sự hậu thuẫn từ Liên Xô và Trung Quốc. Sau khi Tướng MacArthur bị miễn nhiệm, chiến tranh Triều Tiên tiếp tục diễn ra dẫn đến hiệp định đình chiến năm 1953, do đó, về mặt kỹ thuật, cuộc chiến vẫn chưa kết thúc và hai miền vẫn luôn ở trong trạng thái chuẩn bị cho chiến sự có thể bùng nổ bất cứ lúc nào.

Sự chia cắt trên bán đảo Triều Tiên chính là hậu quả của tình trạng đối đầu, song cũng là sự tính toán, thỏa thuận lợi ích thực dụng giữa các cường quốc trong thời kỳ Chiến tranh lạnh. Chiến tranh Triều Tiên (1950-1953) đã trở thành cuộc xung đột đầu tiên mà lực lượng quân sự của các cường quốc tham chiến với nhau, mặc dù tránh được một thảm họa hạt nhân tương tự như Nhật Bản, nhưng đổi lại bán đảo Triều Tiên đã bị phân ly thành hai nhà nước ở hai miền.

Từ những thập niên 1960 và 1970, mà đỉnh điểm là năm 1972, khi cuộc gặp gỡ giữa Trung Quốc và Mỹ diễn ra, tình hình chính trị ở Đông Bắc Á dần ổn định hơn, các quốc gia trong khu vực đã bắt đầu bước vào công cuộc xây dựng đất nước, dù nguy cơ chiến tranh và xung đột vẫn luôn thường trực do nhiều mâu thuẫn khác nhau. Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Hồng Kông, Xingapo là những quốc gia và vùng lãnh thổ đạt được sự phát triển thịnh vượng về kinh tế và sự ổn định, trở thành hình mẫu cho sự phát triển của châu Á. Đất nước Trung Quốc rộng lớn sau một

---

1. Xem Phạm Quang Minh: *Quan hệ quốc tế ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2014, tr.19.

2. Xem Bogaturov Aleksey Demosfenovich, Averkov Viktor Viktorovich: *Lịch sử quan hệ quốc tế, Sdd*, tr.150.

loạt những khó khăn, bất ổn triền miên cũng đã bắt đầu quá trình cải cách từ năm 1978, mở đường cho sự trỗi dậy sau này.

Ở Đông Nam Á, sau Chiến tranh thế giới thứ hai, các quốc gia vẫn tiếp tục cuộc đấu tranh chống lại chủ nghĩa thực dân - đế quốc và trở thành các quốc gia độc lập. Sau đó, các nước Đông Nam Á bắt đầu xây dựng kinh tế - xã hội, một số đã trở thành những quốc gia phát triển như Xingapo, Thái Lan. Tuy nhiên, trong đường lối phát triển vẫn có sự khác biệt do sự đa dạng về văn hóa, ý thức hệ và điều kiện lịch sử... giữa các quốc gia. Ở Đông Nam Á cũng dần hình thành hai nhóm nước, một bên là các nước lựa chọn con đường chủ nghĩa xã hội (Việt Nam, Lào) và một bên lựa chọn con đường tư bản chủ nghĩa (Thái Lan, Philippin...). Trong bối cảnh đó, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) ra đời.

Sự hình thành của ASEAN là một dấu mốc quan trọng trong quan hệ quốc tế ở Đông Nam Á, bởi từ đây một cấu trúc an ninh - chính trị mới dần được định hình trong một khu vực vốn tiềm ẩn nhiều bất ổn, nhất là khi cuộc chiến tranh ở Việt Nam đang ở giai đoạn ác liệt. Tháng 8-1967, tại Băng Cốc (Thái Lan), đại diện của năm nước: Thái Lan, Malaixia, Indônêxia, Xingapo và Philippin đã quyết định thành lập ASEAN. Cho dù có sự khác biệt về cách thức xây dựng ASEAN, song “điều quan trọng là tất cả các nước đều nhất trí về ý tưởng thành lập một tổ chức khu vực hành động mới, do chính bản thân người Đông Nam Á sáng tạo ra và vận hành”<sup>1</sup>. Sự ra đời của ASEAN cũng gián tiếp chấm dứt vai trò và sự tồn tại của Tổ chức Hiệp ước Đông Nam Á (SEATO) hoạt động trong những năm 1954-1977.

Như vậy, quan hệ quốc tế ở Đông Á từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai trải qua nhiều biến động lớn, làm thay đổi bộ mặt của cả khu vực này. Cục diện chính trị Đông Á giai đoạn từ năm 1945 đến 1991 có mấy đặc điểm nổi bật sau:

*Một là*, cục diện chính trị Đông Á trong thời kỳ Chiến tranh lạnh gồm hai giai đoạn chính: giai đoạn 1945-1971, khi Liên Xô và Mỹ chi phối đời sống chính trị thế giới, trong đó có Đông Á; giai đoạn 1972-1991, sau khi quan hệ Trung Quốc - Mỹ vượt qua rào cản ý thức hệ để xích lại gần nhau,

---

1. Phạm Quang Minh: *Quan hệ quốc tế ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương*, Sđd, tr.130.

làm thay đổi căn bản cục diện khu vực, đồng thời do sự suy yếu của Liên Xô đã khiến quốc gia này không thể tập trung vào Đông Á như trước được nữa.

*Hai là*, cục diện chính trị Đông Á chịu sự chi phối chủ yếu của hai cường quốc bên ngoài khu vực, trong đó quan trọng nhất là Mỹ và Liên Xô. Sau năm 1972, đó là sự thống trị hoàn toàn của nước Mỹ, song vai trò của Trung Quốc dần tăng lên và lấn át Liên Xô trong khu vực. Sự tương đồng về mối lo ngại an ninh từ phía Liên Xô đã khiến Trung Quốc và Mỹ chủ động kiến tạo nên cơ cấu quyền lực mà Mỹ là kẻ đứng đầu, Trung Quốc không còn được coi là kẻ thù, nhờ đó quốc gia này có thể giảm bớt và xóa bỏ sự hiện diện của Liên Xô ra khỏi khu vực Đông Á.

*Ba là*, một số nước và vùng lãnh thổ Đông Á có sự phát triển thần kỳ về kinh tế như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan,... Tuy nhiên, do bối cảnh lịch sử không phù hợp và những nước này hầu hết đều là đồng minh của Mỹ, nên đã tự hạn chế vai trò của mình trong việc trở thành “người kiến tạo” chính. Nhật Bản là một ví dụ điển hình nhất. Song điều này lại giúp ích cho an ninh khu vực, khi mà Trung Quốc vốn có mối thù hận với Nhật Bản do sự xâm lược của người Nhật, nhất là những tội ác của lính Nhật trong Chiến tranh thế giới thứ hai, nên Bắc Kinh sẽ không dễ gì chấp nhận Nhật Bản ở vị thế trên họ.

*Bốn là*, sự ra đời của ASEAN là một tín hiệu tích cực cho an ninh ở Đông Á, cụ thể là Đông Nam Á. Dù mới chỉ mang tính sơ khai, song ASEAN đã thể hiện những cố gắng chung trong việc xây dựng nên một Đông Nam Á hòa bình và hướng đến các mục tiêu khác trong tương lai.

*Năm là*, cân bằng quyền lực giữa Mỹ với Liên Xô, giữa Trung Quốc - Mỹ với Liên Xô, giữa Mỹ với Trung Quốc là cách thức mà các chủ thể này thực hiện để hình thành nên trật tự địa - chính trị, cục diện chính trị Đông Á. Những dấu hiệu của sự bá quyền của Mỹ dần được bộc lộ từ thập niên 1980 khi Ronald Reagan - một chính trị gia cánh hữu điển hình - lên làm Tổng thống Mỹ.

Một số nhà nghiên cứu cho rằng<sup>1</sup>, cục diện chính trị Đông Á trước năm 1991 là “cục diện chính trị đa cực, có nhiều nét đặc thù và mô thức

---

1. Xem PGS.TS. Nguyễn Hoàng Giáp (Chủ biên): *Cạnh tranh chiến lược ở khu vực Đông Nam Á giữa một số nước lớn hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2013, tr.48.

kinh tế độc đáo, với bốn cực Mỹ - Xô - Trung Quốc - Nhật Bản”. Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên, tác giả cho rằng cục diện chính trị Đông Á trước năm 1991 là cục diện đa cực với ba cực chính là Mỹ - Xô - Trung. Theo Giáo sư Amitav Acharya, các yếu tố giúp giữ gìn an ninh - trật tự ở châu Á trong Chiến tranh lạnh theo chủ nghĩa hiện thực bao gồm: Sự hiện diện của Mỹ trong khu vực thông qua sức mạnh quân sự (chủ nghĩa hiện thực tấn công - *offensive realism*) và hệ thống lưỡng cực (chủ nghĩa hiện thực phòng thủ - *defensive realism*)<sup>1</sup>. Cần phải nhấn mạnh rằng, cách tiếp cận trên thuộc về khoa chính trị cao cấp với đối tượng nghiên cứu là các nhà nước dân tộc (quốc gia) xoay quanh vấn đề hòa bình, chiến tranh và xung đột.

## **2. Cục diện chính trị Đông Á giai đoạn 1991-2001**

### **2.1. Bối cảnh quốc tế và khu vực**

Trong những năm cuối thế kỷ XX, nhân loại đã chứng kiến nhiều sự kiện quan trọng làm biến đổi mọi mặt đời sống kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa của các quốc gia. Sự xích lại gần nhau giữa Trung Quốc với phương Tây, các cuộc đối thoại giữa Đông - Tây diễn ra nhiều hơn, hai phía Đông Đức và Tây Đức đã có các chính sách hòa giải, nhất là việc Mikhail Gorbachev lên nắm quyền ở Liên Xô và thực thi các chính sách thân thiện với phương Tây. Tháng 11-1989, bức tường Berlin - một biểu tượng của Chiến tranh lạnh - chia cắt Đông Đức và Tây Đức sụp đổ, báo hiệu sự kết thúc của một thời kỳ căng thẳng, chia rẽ, đối đầu Đông - Tây. Đầu tháng 12-1989, tại Hội nghị thượng đỉnh Malta (đảo Malta), trong một cuộc gặp không chính thức giữa Tổng thống Mỹ George H.W. Bush (cha) và Tổng thống Liên Xô M. Gorbachev, hai bên đã chính thức tuyên bố chấm dứt cuộc chạy đua vũ trang kéo dài hơn 40 năm. Sau khi nước Đức tái thống nhất (1990), Liên Xô đã sụp đổ (1991), kỷ nguyên lưỡng cực kết thúc.

Sự kết thúc của trật tự thế giới “hai cực Yalta” do Mỹ và Liên Xô đứng đầu không chỉ là việc chấm dứt một cuộc chiến ý thức hệ giữa hai

---

1. Xem Amitav Acharya, “Theoretical Perspectives on International Relations in Asia” trong David Shambaugh, Michael Yahuda (eds), *International Relations of Asia*, Rowman & Littlefield Publishers, Maryland, 2008, pp.57-82.

phe tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa, mà còn là sự giảm nhiệt của một cuộc chạy đua vũ trang hao người, tốn của và ảnh hưởng lớn sức mạnh của Mỹ và Liên Xô. Sự tan rã của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu đã đặt dấu chấm hết thực sự cho Chiến tranh lạnh.

Nước Nga sau năm 1991 kế thừa địa vị pháp lý của Liên Xô trên trường quốc tế bước vào một thời kỳ đầy hỗn loạn, vị thế và vai trò của Nga trong quan hệ quốc tế bị giảm sút nghiêm trọng. Dưới thời Tổng thống Boris Yeltsin, nước Nga chuyển từ mô hình kinh tế tập trung bao cấp sang mô hình kinh tế thị trường tự do<sup>1</sup>; giải quyết sự khủng hoảng và hỗn loạn của một loạt các vấn đề chính trị, kinh tế và xã hội. Đồng thời, Nga từ bỏ chính sách đối ngoại siêu cường từ thời Liên Xô, nhưng vẫn cố gắng giữ cho mình uy thế toàn cầu và không bị lệ thuộc vào Mỹ.

*Sự sụp đổ của Liên Xô không chỉ dẫn đến một hệ quả tất yếu là Mỹ trở thành siêu cường duy nhất, mà còn là thời cơ để Mỹ thực hiện “chủ nghĩa đơn phương” thời kỳ sau Chiến tranh lạnh.* Nhà chính trị học người Mỹ Samuel P. Huntington cho rằng, thế giới sau năm 1991 được định hình bằng vị thế “siêu cường đơn độc” của Mỹ, nhưng không có nghĩa là đơn cực<sup>2</sup>. Một sự thừa nhận rộng rãi về vị thế này của Mỹ đã diễn ra trên toàn cầu, ở cả Trung Quốc và Nga. Có thể khẳng định về sự thống trị của Mỹ trong một thế giới đang thay đổi sau Chiến tranh lạnh, tuy nhiên những hoài nghi về “trật tự thế giới đơn cực” do Mỹ đứng đầu cũng không phải là không có cơ sở, cho dù các nhà chủ nghĩa hiện thực như Samuel P. Huntington hay John Mearsheimer vẫn phủ nhận điều đó.

*Quan hệ quốc tế trong giai đoạn thống trị của Mỹ thập niên 1990 có một số nét nổi bật:*

Tại khu vực Trung Đông, tham vọng tiêu diệt Côoét nhằm sáp nhập Irắc của Saddam Hussein đã dẫn đến Chiến tranh vùng Vịnh (1991) và sau đó kết thúc với thắng lợi của Mỹ và đồng minh (gồm hơn 30 quốc gia và sự giúp đỡ của Liên hợp quốc). Trong khi đó, Liên Xô thực hiện việc

---

1. Xem Phạm Minh Sơn: *Chính sách đối ngoại của một số nước trên thế giới*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2008, tr.115.

2. Xem Samuel P. Huntington: “The lonely Superpower (Siêu cường đơn độc)”, *Foreign Affairs*, Vol. 78, No. 2, March/April, tr.35.



rút quân khỏi Ápganixtan, nơi mà họ đã tăng cường sự hiện diện của quân đội để tăng vị thế của mình ở Trung Đông từ năm 1979. Thắng lợi của Mỹ và liên minh sau cuộc Chiến tranh vùng Vịnh đã củng cố thêm vai trò của Mỹ trong việc ổn định trật tự ở Trung Đông kể từ sau Chiến tranh Ixraen - Ả-rập (1973).

Trải qua bốn cuộc chiến tranh, xung đột dai dẳng giữa Ixraen và Palectin<sup>1</sup> vẫn chưa được giải quyết, Palectin đã mất đi sự hỗ trợ cần thiết từ phía Liên Xô, trong khi đó Ixraen vẫn nhận được sự ủng hộ từ phía Mỹ. Năm 1993, sau hai cuộc đàm phán ở Oslo (Na Uy) và Oasinhton (Mỹ), nhờ dàn xếp của Mỹ và Ai Cập - Ai Cập lúc này đã từ bỏ đường lối thân Liên Xô để gần hơn với phương Tây bắt chấp sự phản đối của thế giới Ả-rập - Chủ tịch Tổ chức Giải phóng Palectin (PLO) Yasser Arafat và Tổng thống Ixraen I. Rabin đã ký thỏa thuận công nhận lẫn nhau, sau đó là Hiệp định hòa bình và trao quyền tự trị cho người Palectin ở Dải Gaza và Jericho (bờ Tây sông Jordan). Mỹ cần Ixraen để có thêm lực lượng nhằm kiểm soát Trung Đông, do đó Oasinhton muốn thúc đẩy việc công nhận một quốc gia Ixraen hơn là việc xúc tiến cho một quá trình hòa bình giữa Ixraen và Palectin, song điều đó vẫn chưa thành hiện thực do sự phản đối từ phía Palectin và các nước Ả-rập khác. Trên thực tế, nước Nga vẫn muốn tham dự vào tình hình ở Trung Đông, bởi họ vẫn còn căn cứ hải quân duy nhất trong khu vực nằm ở cảng Tartus (Xyri) do đó, Mátxcova cũng cố gắng dàn xếp xung đột giữa các nước Ả-rập với Ixraen, góp phần thúc đẩy tiến trình hòa bình Trung Đông. Với Ixraen là đồng minh chủ chốt ở Trung Đông và sự rút lui của Liên Xô, Mỹ về căn bản đã thiết lập sự thống trị của họ trong khu vực.

*Tại châu Phi*, chế độ thực dân phương Tây đã để lại những hậu quả nặng nề đối với chính trị, văn hóa - xã hội của châu lục này. Châu Phi tiếp tục bị giằng xé bởi các cuộc xung đột sắc tộc - tôn giáo giữa các tộc người, bất ổn chính trị do các phe phái trong nước, tình trạng nghèo đói, các dịch vụ công, hệ thống y tế, giáo dục kém phát triển đã dẫn đến nhiều

---

1. Hiện nay, về danh nghĩa cả Ixraen và Palectin mới chỉ được công nhận là “Nhà nước”, chưa phải quốc gia.

thảm họa nhân đạo. Nội chiến ở Xômali (1991) đã khiến cho những nỗ lực hòa giải của Liên hợp quốc trở nên vô nghĩa, sau đó Mỹ cũng tuyên bố rút quân khỏi lực lượng của Liên hợp quốc tại Xômali sau cái chết của 19 lính Mỹ, đẩy tình hình ở nước này vào thế bế tắc. Thảm họa khủng khiếp nhất diễn ra ở Rwanda, xung đột gay gắt và kéo dài giữa người Tutsi và người Hutu đã dẫn tới nạn diệt chủng khiến hàng trăm ngàn người Tutsi bị giết hại<sup>1</sup>. Rwanda chìm trong loạn lạc và chiến tranh đẫm máu. Nội chiến do tranh giành quyền lực và giữa các phe phái tôn giáo cũng nổ ra ở Libêria - Xiêra Lêôn và Angiêri.

Điểm sáng duy nhất tại châu Phi là thắng lợi của người da đen tại Nam Phi, sau khi F.W. de Klerk (Đảng Quốc gia) lên nắm quyền vào năm 1990 đã tiến hành xóa bỏ chế độ phân biệt chủng tộc Apartheid, trả lại các quyền tự do cho người da màu, mở rộng tự do chính trị, nhất là dỡ bỏ lệnh cấm đối với Đại hội Dân tộc Phi (ANC). Năm 1994, trong cuộc bầu cử đa sắc tộc đầu tiên, Đại hội Dân tộc Phi giành thắng lợi với đa số ghế, Nelson Mandela - lãnh đạo ANC - lên cầm quyền và trở thành vị tổng thống da đen đầu tiên trong lịch sử nước Cộng hòa Nam Phi. Chế độ phân biệt chủng tộc Apartheid chính thức sụp đổ, Nam Phi bước vào một thời kỳ phát triển mạnh mẽ và đầy ắp hy vọng.

Tại châu Âu, kể từ khi Liên minh châu Âu (EU) ra đời, “châu Âu chủ yếu là tồn tại trong hòa bình và phồn vinh; đó là điều mong mỏi và cũng là tài sản quý giá của những người sáng lập ra EU”<sup>2</sup>, trên thực tế điều này diễn ra chủ yếu ở các nước Tây Âu. Cùng với Nhật Bản và Mỹ, Tây Âu trở thành một trong ba trung tâm kinh tế - chính trị lớn nhất của thế giới. Các nước Tây Âu không chỉ thống nhất trong EU, mà còn được “bảo hộ” an ninh bởi Mỹ thông qua việc tiếp tục duy trì Khối Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO). Tháng 6-1990, Hiệp ước Schengen được ký kết, xóa bỏ những rào cản về mặt địa lý và thủ tục pháp lý để mở rộng sự tự do đi

---

1. Xem Học viện Ngoại giao: *Đông Tây Nam Bắc: Những diễn biến chính trong quan hệ quốc tế từ 1945*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2009, tr.182.

2. Bùi Huy Khoát: “Dự báo sự phát triển của Liên hiệp châu Âu trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI” trong Viện Thông tin Khoa học Xã hội (Chuyên đề): *Trật tự thế giới sau Chiến tranh lạnh: Phân tích và dự báo*, t.II, tr.304.

lại của công dân các nước EU. Tháng 02-1992, các nước châu Âu ký với nhau Hiệp ước Maastricht xây dựng “Ngôi nhà chung châu Âu”, trên cơ sở đó thành lập Liên minh châu Âu (EU) (tháng 11-1993) với Tây Âu là trung tâm. Trước đó, với sự gia nhập của Anh (bao gồm Liên hiệp Anh và Bắc Ailen) vào EU sau hơn 10 năm đàm phán, thế cân bằng quyền lực ở “lục địa già” được hình thành. Những cường quốc hàng đầu khu vực như Anh, Pháp, Đức đều không còn trực tiếp coi nhau là đối thủ khi đã cùng nằm trong một tổ chức, châu Âu băng băng trên con đường thống nhất và ngày càng thịnh vượng để trở thành hình mẫu hội nhập cho thế giới.

Trong khi đó, ở Đông Âu, tình hình khá hỗn loạn do sự tan rã của khối các nước xã hội chủ nghĩa. Tháng 6-1991, Hội đồng Tương trợ kinh tế (SEV) dừng hoạt động, sau đó là sự giải thể của Khối Hiệp ước Vácsava (tháng 7-1991). Mười một nước cộng hòa tuyên bố độc lập, tách khỏi Liên bang Xôviết và thành lập Cộng đồng các quốc gia độc lập (SNG) vào tháng 12-1991. Tại Liên bang Nam Tư, các cuộc nội chiến đòi ly khai của các nhóm sắc tộc liên tiếp xảy ra, Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Nam Tư chính thức tan rã, và được chia thành năm quốc gia: Bôxnia và Hécdegôvina, Crôatia, Maxêđônia, Xlôvenia, Xécbia và Môntênêgrô (tức Liên bang Nam Tư mới).

Các cuộc ly khai và thậm chí là thảm sát đẫm máu dựa trên nền tảng sắc tộc - tôn giáo thành những nhà nước khác nhau đã củng cố thêm quan điểm của Samuel Huntington là lấy văn hóa - văn minh làm nền tảng để phân loại những biến cố của thế giới<sup>1</sup>. Cuộc nội chiến ở Bôxnia và Hécdegôvina giữa người Hồi giáo Bôxnia, người Chính Thống giáo Xécbia và người Thiên Chúa giáo Crôatia; người Anbani tại Xécbia muốn ly khai khỏi Liên bang Nam Tư cũ,... Những năm 1998-1999, chiến tranh ở Côxôvô giữa Quân Giải phóng Côxôvô của người Anbani với người Xécbia và lực lượng vũ trang của Nam Tư lên đến đỉnh điểm và trở thành vấn đề an ninh quốc tế lớn nhất ở khu vực Bancăng và châu Âu. Sau các cuộc thương lượng bất thành ở Pháp, cũng như nỗ lực hòa giải của Liên hợp quốc không được tôn trọng, năm 1999, phương Tây đã

---

1. Samuel Huntington: *Sự va chạm giữa các nền văn minh*, Sđd, tr.28.

quyết định đưa NATO tham chiến nhằm ổn định tình hình. Mặc dù còn tồn tại nhiều mâu thuẫn trong mục tiêu can thiệp vào Xô-viết, song cả Mỹ và phương Tây đều thống nhất ở mục tiêu cần phải đẩy nước Nga ra khỏi khu vực Balcans, đồng thời, cuộc chiến ở Xô-viết là một “thử nghiệm” tốt cho chiến tranh hiện đại, và là một dạng chủ nghĩa can thiệp kiểu mới. Trong khi đó, Nga, Trung Quốc và một số nước khác lo ngại về sự can thiệp của Mỹ dưới chiêu bài “nhân quyền” cũng như việc Mỹ và phương Tây đã bỏ qua vai trò của Liên hợp quốc trong cuộc Chiến tranh Xô-viết.

Cuộc chiến ở Xô-viết cũng dẫn đến hệ lụy là sự quay trở lại tình trạng đối đầu giữa Mỹ và phương Tây với Nga, thậm chí cả Mỹ với Trung Quốc (do máy bay của Mỹ ném bom nhằm vào Đại sứ quán Trung Quốc tại Belgrade của Xécbia làm ba người thiệt mạng). Năm 1999, Vladimir Putin - một cựu sĩ quan Ủy ban An ninh quốc gia Nga (KGB) - lên làm Tổng thống Liên bang Nga thay cho Boris Yeltsin. Tổng thống Nga Putin là một nhân vật cứng rắn và có quan điểm chống phương Tây, khác biệt với người tiền nhiệm Boris Yeltsin - người vốn theo đuổi chính sách đưa nước Nga đến gần hơn với phương Tây.

Tại châu Mỹ và khu vực Mỹ Latinh, Mỹ là quốc gia mạnh nhất và thống trị phía tây bán cầu. Sự kết thúc của Chiến tranh lạnh và sự sụp đổ của Liên Xô đã làm nổi lên làn sóng bàn về “sự tận cùng của lịch sử” do Francis Fukuyama khởi xướng, chiến thắng thuộc về Mỹ và phương Tây với sự ưu việt về chế độ chính trị, kinh tế và văn hóa. Ngày 29-01-1991, trong bản thông điệp hằng năm trước Quốc hội Mỹ, Tổng thống Mỹ George H.W. Bush nói về ý tưởng của một trật tự thế giới trong tương lai: “đã hai trăm năm Mỹ đấu tranh vì tự do, và hôm nay đã trở thành thủ lĩnh thế giới trên con đường đến với tự do. Và cũng theo G.H.W. Bush, hòa bình và an ninh, tự do và chiến thắng của pháp luật là thế giới tương lai của con cháu chúng ta<sup>1</sup>. Bởi vậy, khác với hầu hết các tổng thống trước đó, Tổng thống Mỹ George H.W. Bush - người đã đặt dấu chấm hết cho Chiến tranh lạnh - chỉ cảm quyền một nhiệm kỳ duy nhất, Bill Clinton

---

1. Nicolai Zlobin: *Trật tự thế giới mới thứ hai: Những vấn đề địa - chính trị nan giải*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2012, tr.13.

(2002-2001) của Đảng Dân chủ trở thành người lãnh đạo Nhà Trắng và dẫn dắt chính sách đối ngoại của Mỹ sau đó.

Kể từ sau cuộc khủng hoảng tên lửa ở Cuba (1962), châu Mỹ không còn đối mặt với một thách thức an ninh nào đáng kể. Khi Liên Xô sụp đổ, các phong trào cánh tả ở khu vực Mỹ Latinh cũng dần thoái trào, các nước trong khu vực tập trung bắt tay vào công cuộc xây dựng đất nước. Một số nước như Braxin, Áchentina,... trở thành những nền kinh tế mới nổi trong khu vực. Nhìn chung, tình hình khu vực châu Mỹ trong thập niên 1990 tương đối ổn định, Mỹ đã thể hiện được sự thống trị của mình trong khu vực này.

*Ở khu vực Đông Á cũng như ở châu Á - Thái Bình Dương*, trong khi Nhật Bản tiếp tục rơi vào các cuộc khủng hoảng kinh tế triền miên, thì Trung Quốc bước vào thời kỳ phát triển nhanh chóng. Tuy nhiên, Nhật Bản vẫn duy trì vị thế là nền kinh tế đầu tàu, lớn thứ hai thế giới, sau Mỹ. Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan cùng với các nền kinh tế mới nổi ở Đông Nam Á đã góp phần làm nên một “châu Á thần kỳ”, dẫn đến sự chuyển dịch cán cân thương mại toàn cầu về phía Đông Á.

Tháng 7-1997, bắt đầu từ Thái Lan, cuộc khủng hoảng tài chính châu Á nổ ra đã làm chậm lại sự phát triển của Đông Á nói riêng và châu Á nói chung. Hai trong “bốn con hổ” châu Á bị ảnh hưởng nặng nề nhất là Hàn Quốc và Hồng Kông. Mặc dù vậy, ngay sau đó các nước Đông Á đã vượt qua được cuộc khủng hoảng, phục hồi và tiếp tục đà phát triển kinh tế của mình. Thành công của nền kinh tế Đông Á đã góp phần làm suy yếu thêm lời kêu gọi xây dựng trật tự kinh tế thế giới mới<sup>1</sup> mà Mỹ và châu Âu là hai trung tâm.

Vấn đề còn gây nhiều nhức nhối là sự thống nhất bán đảo Triều Tiên và sự nổi lên của vấn đề hạt nhân của Triều Tiên. Sau khi ký Hiệp định đình chiến vào tháng 7-1953, hai miền bước vào thời kỳ xây dựng đất nước trong trạng thái chuẩn bị cho chiến tranh, nhưng đi theo hai con đường khác nhau. Sự sụp đổ của Liên Xô đã khiến Triều Tiên mất đi những sự ủng hộ cần thiết, quốc gia này rơi vào tình trạng thiếu

---

1. Học viện Ngoại giao: *Đông Tây Nam Bắc: Những diễn biến chính trong quan hệ quốc tế từ 1945, Sđd*, tr.388.

thốn và bị đe dọa. Trong khi đó, Hàn Quốc không chỉ có sự thịnh vượng mà còn nhận được sự bảo vệ từ phía Mỹ. Cả hai miền đều nuôi dưỡng ý chí thống nhất, nhưng khác nhau về cách thức tiến hành. Năm 1994, cuộc khủng hoảng hạt nhân ở Triều Tiên diễn ra khi nước này tiến hành nghiên cứu hạt nhân và sử dụng nhiên liệu từ các cơ sở hạt nhân ở Yongbyon.

Nhìn chung, sau Chiến tranh lạnh, Đông Á nằm trong phạm vi ảnh hưởng của Mỹ và tại đây, Mỹ đã hình thành được một hệ thống các đồng minh chiến lược của mình (Nhật Bản, Hàn Quốc, Philippin, Thái Lan...).

Song song với sự đấu tranh của các chủ thể được thể hiện qua những sự kiện diễn ra liên tục trong đời sống chính trị thế giới là sự liên kết và phát triển không ngừng của các quốc gia trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa, khoa học - kỹ thuật và công nghệ. Có thể thấy, mặc dù xung đột và cạnh tranh là xu hướng căn bản của thế giới hậu Chiến tranh lạnh, nhưng không thể phủ nhận xu hướng hợp tác của các quốc gia và cả các chủ thể phi quốc gia trong kỷ nguyên toàn cầu hóa ngày càng nở rộ. Sự ra đời và phát triển mạnh mẽ của một loạt các tổ chức, các thiết chế liên kết khu vực, xuyên quốc gia và phi nhà nước; nhân loại ngày càng tìm được tiếng nói chung trong nhiều vấn đề được xem là “vấn đề toàn cầu”, cho dù việc giải quyết không hề dễ dàng như mong muốn.

Năm 1992, Hội nghị Thượng đỉnh Trái đất (The Earth Summit) được tổ chức tại Rio de Janeiro (Braxin) với sự tham dự của 179 quốc gia để bàn về các vấn đề môi trường và phát triển của trái đất. Đây là một sự kiện lớn có ý nghĩa quan trọng trong việc kết nối các quốc gia, tạm gác lại mâu thuẫn để chung tay hành động vì thế giới. Sau đó là Hội nghị về sự nóng lên toàn cầu ở Kyoto (Nhật Bản) năm 1997 đã cho ra đời Nghị định thư Kyoto với mục tiêu cắt giảm lượng khí thải gây hiệu ứng nhà kính. Đây là một chương trình khung về biến đổi khí hậu mang tầm quốc tế của Liên hợp quốc.

Đồng thời với sự ra đời của Liên minh châu Âu (1993), Hiệp định Thương mại tự do Bắc Mỹ (NAFTA) được phê duyệt (1994) giữa Mỹ, Canada và Mêhicô chính thức có hiệu lực. NAFTA được đưa vào thực thi đã tạo ra một thị trường hàng hóa và dịch vụ lớn nhất thế giới về sức tiêu thụ với số dân khoảng 400 triệu người và GDP thực tế khoảng

8.500 tỷ USD<sup>1</sup>. Tháng 9-1994, Hội nghị quốc tế về Dân số và Phát triển (ICPD) diễn ra tại Cairo (Ai Cập) với chủ đề “Hỗ trợ các nhóm dân số dễ bị tổn thương trong khủng hoảng”. Tháng 12-1994, Mỹ đăng cai tổ chức Hội nghị Thượng đỉnh các nước châu Mỹ, trong đó nhấn mạnh các vấn đề lớn của bán cầu này phải được giải quyết trên cơ sở nhất trí giữa các nước châu Mỹ, các quốc gia cần phải nỗ lực để các lợi ích và mục tiêu xích lại gần nhau hơn, trên cơ sở này hình thành nên Khu vực Thương mại tự do châu Mỹ (FTAA)<sup>2</sup>. Nhằm đáp ứng nhu cầu mở rộng quan hệ kinh tế quốc tế thời đại toàn cầu hóa, Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) đã ra đời và chính thức đi vào hoạt động năm 1995, thay thế cho Hiệp định chung về Thuế quan và Thương mại (GATT) vốn đã bộc lộ nhiều hạn chế.

Một trong những vấn đề rất được quan tâm trong quan hệ Mỹ - Nga sau Chiến tranh lạnh là kho vũ khí hạt nhân của hai quốc gia này - thứ có thể đẩy thế giới vào một thảm họa tương tự như Chiến tranh thế giới thứ hai, thậm chí mức độ tàn phá còn lớn hơn rất nhiều. Nhận thức được điều đó, Mỹ và Nga đã ký các Hiệp ước cắt giảm vũ khí chiến lược (START I năm 1991 và START II năm 1993).

Năm 1999, trước ngưỡng cửa của thế kỷ mới, dân số trái đất đã đạt tới 6 tỷ người. Năm 2000, diễn ra Hội nghị Thượng đỉnh Thiên niên kỷ của Liên hợp quốc tại Niu Oóc (Mỹ), trong Tuyên bố Thiên niên kỷ, Liên hợp quốc khẳng định quyết tâm chung của toàn nhân loại là “xây dựng một nền hòa bình thực sự và bền vững trên toàn thế giới mà phù hợp với các mục đích và nguyên tắc của Hiến chương Liên hợp quốc”, đồng thời, “nỗ lực nhằm duy trì sự bình đẳng về chủ quyền của mọi quốc gia, tôn trọng sự toàn vẹn lãnh thổ và nền độc lập chính trị của họ, giải quyết các tranh chấp bằng các biện pháp hòa bình, phù hợp với các nguyên tắc của công lý và luật pháp quốc tế, với quyền tự quyết của các dân tộc..., tôn trọng

---

1. Xem Bùi Thành Nam: “Nhìn lại cách tiếp cận của các nước thành viên trong quá trình vận động thành lập NAFTA”, <http://www.khoaquoctehoc.edu.vn>.

2. Xem Trần Bách Hiếu: “Khu vực tự do thương mại châu Mỹ (FTAA) với Mỹ và các nước Mỹ Latinh”, Tạp chí *Khoa học - Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn*, Đại học Quốc gia Hà Nội, (số 25/2009), tr.206-207.

các quyền và tự do cơ bản của con người, tôn trọng các quyền bình đẳng của tất cả mọi người, không phân biệt về chủng tộc, giới tính, ngôn ngữ hoặc tôn giáo, và hợp tác để giải quyết các vấn đề quốc tế về kinh tế, xã hội, văn hóa hoặc các vấn đề nhân đạo”.

Như vậy, sự sụp đổ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu, “về thực chất, là khúc dạo đầu cho quá trình phân bổ lại cơ cấu sức mạnh ở cấp độ toàn cầu”<sup>1</sup>. Điều đó có tác động mạnh mẽ đến cục diện chính trị ở mỗi khu vực trên thế giới, trong đó có Đông Á. Đồng thời, một thời kỳ mới trong quan hệ quốc tế bắt đầu, trong đó các quốc gia, các nhà nước dân tộc đều đang đứng trước những thử thách và những thời cơ để đưa vận mệnh đất nước mình tiến lên kịp với thời đại<sup>2</sup>.

Các nhà nước dân tộc, hay các quốc gia, chính là những chủ thể đầu tiên và quan trọng nhất thực hiện những thay đổi sau Chiến tranh lạnh. Hệ thống lưỡng cực không còn tồn tại, “sự sụp đổ của hệ thống ấy đã đẩy các quốc gia vào tình thế phải đánh giá lại đường lối phát triển và vị thế quốc tế mới của mình” trong bối cảnh “các cấu trúc cơ bản của trạng thái cân bằng mới - mà thực chất là một hệ thống quan hệ quốc tế mới” đang hình thành<sup>3</sup>, sau đó mới đến các tổ chức và các thể chế quốc tế - nơi mà các quốc gia tham gia - thực hiện sự điều chỉnh của mình. Không thể phủ nhận sự gia tăng ảnh hưởng của các chủ thể phi truyền thống này, song chúng vẫn sẽ chỉ đóng vai trò thứ yếu, chúng chỉ thay đổi khi các thành viên của nó thay đổi trước.

Trên đây là bối cảnh khái quát của quốc tế và khu vực Đông Á những năm sau Chiến tranh lạnh. Có thể nhận thấy bối cảnh này đã tạo ra một bố cục, diện mạo mới bởi những tương tác, cơ cấu quyền lực giữa các chủ thể quan hệ quốc tế trong khu vực. Bối cảnh của một cục diện chính trị khu vực Đông Á với sự tham gia ngày càng sâu của nhiều chủ thể, song cũng khẳng định vị thế số 1 của Mỹ.

---

1, 3. Phạm Thái Viêt: “Hệ thống quan hệ quốc tế đương đại” trong Viện Thông tin Khoa học Xã hội (Chuyên đề): *Trật tự thế giới sau Chiến tranh lạnh: Phân tích và dự báo*, Sđd, t.II, tr.14.

2. Xem Nguyễn Anh Thái (Chủ biên): *Lịch sử thế giới hiện đại*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2008, tr.425.



## **2.2. Cơ cấu quyền lực và sự tương tác của một số chủ thể chính**

### *2.2.1. Mỹ khẳng định vị thế đứng đầu trong một thế giới chuyển đổi*

Thuần túy về mặt lý thuyết - đặc biệt là từ quan điểm của chủ nghĩa hiện thực mới - mỗi chủ thể trong hệ thống quốc tế đều phải tuân thủ trật tự sức mạnh mang tính thứ bậc. Trên thực tế, hệ thống lưỡng cực được xem là “điểm tựa cho hoạt động hoạch định chính sách đối ngoại” để từ đó có thể xác định được vị thế và mục tiêu của mỗi quốc gia<sup>1</sup>. Dù chỉ là một cách tiếp cận còn nhiều hạn chế, song nó là cần thiết để luận giải, đánh giá và dự báo hành vi của mỗi quốc gia trong quan hệ quốc tế hậu Chiến tranh lạnh. Sau khi Liên Xô sụp đổ, trật tự “hai cực” chấm dứt, Mỹ nghiễm nhiên trở thành siêu cường “đơn độc” trên thế giới, sức mạnh và tầm ảnh hưởng của Mỹ hoàn toàn vượt trội so với bất kỳ quốc gia nào khác. Bởi vậy, Mỹ cũng được xem là “một điểm tựa” để các quốc gia còn lại tính toán chiến lược và đưa ra chính sách.

Một số học giả Mỹ, chẳng hạn như Bruce W. Jentleson (2004), cho rằng lợi ích quốc gia của Mỹ xoay quanh khuôn khổ: quyền lực (*power*), hòa bình (*peace*), thịnh vượng (*prosperity*) và nguyên tắc (*principles*)<sup>2</sup>. Tuy nhiên, các lợi ích quốc gia này nằm trong quan niệm của các lý thuyết quan hệ quốc tế khác nhau, do đó, ưu tiên theo đuổi lợi ích của Mỹ cũng khác nhau giữa các đời tổng thống, tương ứng với những lý thuyết chính trị quốc tế được vận dụng. Sự phân hóa chính sách đối ngoại ở Mỹ đang trở nên rõ rệt hơn do hai yếu tố căn bản là: (i) “sự thiếu vắng một nguy cơ đe dọa từ bên ngoài”<sup>3</sup> mà cụ thể ở đây là sự sụp đổ của Liên Xô; (ii) sự khác biệt về quan niệm và hệ giá trị giữa các đảng phái (tả - hữu), mặc dù gần đây sự phân loại đó không còn mạnh mẽ nữa mà đã có sự pha

---

1, 3. Phạm Thái Việt: “Hệ thống quan hệ quốc tế đương đại” trong Viện Thông tin Khoa học Xã hội (Chuyên đề): *Trật tự thế giới sau Chiến tranh lạnh: Phân tích và dự báo*, Sđd, t.II, tr.6-10, 17.

2. Xem Bruce W. Jentleson: *Chính sách đối ngoại Hoa Kỳ: Động cơ của sự lựa chọn trong thế kỷ XXI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004.

trộn, song nó vẫn còn khá rõ nét. Ví dụ, Tổng thống Ronald Reagan được xem là người đã làm sống dậy tư tưởng cánh hữu ở Mỹ, nhưng sau đó người kế nhiệm của ông là G.H.W. Bush lại dần chuyển sang trung hữu ở cuối nhiệm kỳ.

Những điều này rất quan trọng, nó không chỉ là hệ quy chiếu để xem xét sự vận động trong chính sách đối ngoại của Mỹ từ sau Chiến tranh lạnh đến nay, mà còn để các quốc gia khác quan sát và hoạch định chính sách của mình. George H. Quester đã phác thảo ba tranh luận chính về chính sách đối ngoại của Mỹ như sau: *Thứ nhất*, “phần lớn người Mỹ tán thành quan điểm tự do hay “tự do tư sản” trong chính sách đối ngoại của Mỹ”. Theo quan điểm này, Mỹ là một chủ thể có đạo lý trên trường quốc tế, luôn thúc đẩy hòa bình và thịnh vượng trên toàn cầu. *Thứ hai*, trái ngược với quan điểm trên, chính sách đối ngoại của Mỹ bị chỉ trích bởi những người theo quan điểm mácxít và cấp tiến. Theo đó, “cơ cấu kinh tế của chủ nghĩa tư bản được giải thích là nguyên nhân khiến nước Mỹ (với tư cách là một nước tư sản vượt trội trên thế giới) trở thành một nước có tư tưởng bành trướng chưa từng thấy...”. *Thứ ba*, “nước Mỹ là một nước bình thường, theo đuổi lợi ích của mình và quyền lực như hầu hết các nước lớn khác đã làm”. Quan điểm thứ ba này mang đậm dấu ấn của chủ nghĩa hiện thực, vì vậy tư tưởng chủ đạo của nó là “coi tính chất vô chính phủ của chính trị thế giới là nhân tố chỉ đạo hành vi cơ bản của bất kỳ chủ thể quốc tế nào: tất cả đều cư xử theo cùng một cách thức”<sup>1</sup>. Trong ba quan điểm trên, quan điểm thứ nhất và thứ ba vẫn được giới quan sát và các nhà bình luận quốc tế áp dụng nhiều nhất và coi đó là cách tiếp cận phù hợp đối với chính sách đối ngoại của nước Mỹ.

Về căn bản, cuộc chạy đua vào chiếc ghế tổng thống của mỗi ứng cử viên hai đảng sẽ đặc trưng cho hai dòng tư tưởng truyền thống chi phối chính sách đối ngoại của Mỹ trong suốt những thập kỷ qua: Đảng Dân chủ theo chủ nghĩa tự do điển hình, Đảng Cộng hòa theo xu hướng bảo thủ và cứng rắn.

---

1. George H. Quester: “Chính sách đối ngoại của Mỹ” trong Joel Krieger (Chủ biên): *Toàn cảnh nền chính trị thế giới*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2009, tr.24.

**Bảng 2: Những ưu tiên lý thuyết và lợi ích quốc gia tương ứng trong chính sách đối ngoại của các tổng thống Mỹ<sup>1</sup>**

<b>Tổng thống</b>	<b>Ưu tiên lý thuyết</b>	<b>Mục tiêu lợi ích quốc gia tương ứng</b>
Ronald Reagan (1981-1989)	Chủ nghĩa hiện thực	Quyền lực
George H.W. Bush (1989-1993)	Chủ nghĩa hiện thực	Quyền lực
Bill Clinton (1993-2001)	Chủ nghĩa tự do/lý tưởng	Thịnh vượng, các nguyên tắc dân chủ
George W. Bush (2001-2009)	Chủ nghĩa hiện thực	Quyền lực
Barack Obama (2009-2017)	Chủ nghĩa tự do/lý tưởng	Thịnh vượng, các nguyên tắc dân chủ

Đối với Mỹ, sự sụp đổ của Liên Xô đồng nghĩa với việc Mỹ đã xóa bỏ được mối lo ngại đối với an ninh nước Mỹ và trật tự mà Mỹ đã thiết lập từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đã hoàn chỉnh. George H.W. Bush đã thất bại trong lần tranh cử thứ hai, nhường chỗ cho Bill Clinton của Đảng Dân chủ - một người theo quan điểm chủ nghĩa tự do (chủ nghĩa quốc tế) điển hình. Thông qua hai chính sách an ninh quốc gia là *Chính sách an ninh quốc gia cam kết và mở rộng* (National Security Strategy of Engagement and Enlargement) - năm 1995 và *Chính sách an ninh quốc gia cho thế kỷ mới* (National Security

---

1. Tác giả tự tổng hợp dựa trên hai lý thuyết chính, cạnh tranh nhau là chủ nghĩa hiện thực và chủ nghĩa tự do/lý tưởng về quan hệ quốc tế. Không có một lý thuyết nào phản ánh toàn bộ chính sách đối ngoại của Mỹ một cách đầy đủ và không có một tổng thống nào chỉ áp dụng một lý thuyết duy nhất. Tham khảo thêm tại: Bruce W. Jentleson: *Chính sách đối ngoại Hoa Kỳ: Động cơ của sự lựa chọn trong thế kỷ XXI*, Sđd, tr.11, 22.

Strategy for a New Century) - năm 1998, Mỹ đã thể hiện rõ ý đồ mở rộng tầm ảnh hưởng của mình trên cả ba lĩnh vực: kinh tế, chính trị - quân sự, các giá trị dân chủ - được hiểu như sự hấp dẫn bằng sức mạnh - quyền lực mềm. Rõ ràng, Mỹ đã không còn quá dựa vào sức mạnh quân sự, mà đã kết hợp cân bằng các sức mạnh khác. Như vậy, mục tiêu của Mỹ là bất biến, chỉ có biện pháp, phương tiện là có thay đổi cho phù hợp với tình hình<sup>1</sup>.

Về căn bản, những chính sách của Bill Clinton vẫn nhằm củng cố và tăng cường vị trí đứng đầu của Mỹ sau Chiến tranh lạnh. Theo đó, chính sách an ninh và đối ngoại của Mỹ có những điểm chính sau: (i) Phục hồi và phát triển nền kinh tế, giữ vững địa vị là nền kinh tế mạnh nhất thế giới; (ii) Duy trì sức mạnh và ưu thế quân sự của Mỹ, tiến hành tổ chức và cơ cấu lại lực lượng quân sự, bảo đảm an ninh toàn cầu trong tình hình mới của thế giới; (iii) Phát huy những ưu thế về chính trị, quân sự và kinh tế, Mỹ thúc đẩy phổ biến và áp đặt các giá trị của mình cho các nước trên toàn thế giới, đặc biệt là “*kinh tế thị trường*” và “*dân chủ*” kiểu Mỹ<sup>2</sup>. Nước Mỹ vốn đã trở thành quốc gia đứng đầu thế giới từ giữa thế kỷ XX và trở thành siêu cường duy nhất sau khi Liên Xô sụp đổ. Sự vượt trội của nước Mỹ và thế giới phương Tây trong bối cảnh toàn cầu hóa đang là một xu thế không thể đảo ngược và càng làm gia tăng sức ảnh hưởng của Mỹ ra toàn thế giới. Bởi vậy, có không ít những nghi ngờ rằng xét về mặt chủ quan, toàn cầu hóa là “do chính Mỹ định ra”, “nhằm định hình và củng cố cấu trúc của quan hệ quốc tế đã xuất hiện sau sự sụp đổ của thể lưỡng cực”, “duy trì vai trò lãnh đạo của Mỹ” trong cộng đồng quốc tế cho phù hợp với quyền lợi của Mỹ<sup>3</sup>.

*Chiến lược mới của Mỹ trong khu vực Đông Á là thiết lập một khu vực ảnh hưởng mở rộng theo mô hình “trục và nan hoa”, với Mỹ là trung*

---

1. Xem Hoàng Văn Hiến, Nguyễn Viết Thảo: *Quan hệ quốc tế từ 1945 đến 1995*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.94.

2. Xem Phạm Minh Sơn: *Chính sách đối ngoại của một số nước trên thế giới*, Sdd, tr.47-48.

3. Xem Bogaturov Aleksey Demosfenovich, Averkov Viktor Viktorovich: *Lịch sử quan hệ quốc tế*, Sdd, tr.569.

*tâm, sự vận động của các chủ thể khác đều xoay quanh Mỹ và bị Mỹ chi phối.* Mô hình “Trục và nan hoa” của Mỹ có thể được hình dung như sau: Quan hệ Mỹ - Nhật Bản là trục chính, các “nan hoa”: Mỹ - Hàn Quốc, Mỹ - Thái Lan, Mỹ - Philippin, Mỹ - Niu Dilân, Mỹ - Ôxtrâylia và các nước còn lại trong khu vực dù muốn hay không muốn, dù ít hay nhiều cũng sẽ bị cuốn theo vòng quay của trục trung tâm là Mỹ. Chiến lược mới này kết hợp với “sân sau” Mỹ Latinh sẽ tạo ra một khu vực bao trọn gần như cả phía nam thế giới, từ đó, tạo sức ép lên khu vực phía bắc, nơi Nga đang còn bất ổn và Trung Quốc đang trỗi dậy và được dự báo sẽ đe dọa vị trí số 1 của Mỹ. Hướng chủ đạo trong cách định hình thế giới của Mỹ sẽ là đẩy mạnh can thiệp nhân quyền và dân chủ, từ đó thúc đẩy hòa bình trên thế giới, đặc biệt là những điểm nóng.

*Trong quan hệ với Trung Quốc, Mỹ đã cải thiện mối quan hệ giữa hai nước bằng việc không gọi lại những kỷ ức về sự kiện tháng 6-1989 tại Bắc Kinh và tăng cường các quan hệ thương mại với Trung Quốc.* Nhưng ngay sau đó, quan hệ Mỹ - Trung Quốc xấu đi do những tác động từ phía Đài Loan. Có thể thấy, thời kỳ này, eo biển Đài Loan trở thành vấn đề lớn nhất ảnh hưởng tới quan hệ Mỹ - Trung Quốc. Bắt đầu từ năm 1992, Mỹ đã tiến hành bán vũ khí cho Đài Loan nhằm giúp Đài Loan tránh được những đe dọa từ phía Trung Quốc. Năm 1995, Tổng thống Đài Loan Lý Đăng Huy được chính phủ Mỹ cấp thị thực du lịch và chuyển thăm tới Mỹ của ông đã khiến Trung Quốc coi Mỹ là kẻ ủng hộ độc lập cho Đài Loan. Ngay lập tức, Trung Quốc tiến hành những đe dọa quân sự trên eo biển Đài Loan (1995-1996). Sau đó là việc Bill Clinton có những động thái khiến việc gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) của Trung Quốc bị chậm lại. Mặc dù, Mỹ xúc tiến với Trung Quốc các quá trình nhằm nâng cấp mối quan hệ này lên, nhưng những thận trọng và hạn chế nhất định của chính quyền Bill Clinton khiến cho nỗ lực đó không trở thành hiện thực. Mỹ phản ứng khá linh hoạt trong vấn đề khủng hoảng eo biển Đài Loan (1996) nhưng lại chậm chạp trong việc nhận thức đầy đủ về Trung Quốc. Nếu như trong Chiến tranh lạnh, Mỹ cảnh giác với Liên Xô bao nhiêu, thậm chí - như Fareed Zakaria nhận định - mặc dù dân chúng Mỹ không ủng hộ hành động đưa quân đi tham chiến tại nhiều nơi nhưng quan điểm của họ được cân bằng bởi các

hành vi của Liên Xô<sup>1</sup>, thì sau Chiến tranh lạnh, Mỹ chủ quan bấy nhiêu. Thực tế, những cố gắng kiềm chế Trung Quốc của Mỹ cũng đã phát huy tác dụng nhất thời, bởi trong vấn đề Đài Loan, Mỹ hoàn toàn không thể sử dụng sức mạnh quân sự để ép Trung Quốc mà buộc phải có những động thái mềm dẻo hơn để tránh bị lôi vào một cuộc chiến với Trung Quốc. Đối với Mỹ, việc ủng hộ Đài Loan “không phải vì một Đài Loan ly khai, mà là vì lợi ích địa - chính trị của Mỹ ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương”<sup>2</sup>.

Từ ngày 25 tháng 6 đến 03-7-1998, Tổng thống Bill Clinton sang thăm Trung Quốc nhằm mở ra những tiến triển mới trong quan hệ giữa hai nước. Kết quả hai bên đạt được là khá tích cực. Theo đó, nhận thức rõ vai trò của nhau trong môi trường quốc tế có nhiều thay đổi, hai bên tăng cường hợp tác và thống nhất lập trường giải quyết các vấn đề quan hệ quốc tế, cố gắng đạt được các mục tiêu trở thành “đối tác chiến lược mang tính xây dựng” bước vào thế kỷ XXI; nỗ lực xây dựng sự đồng thuận trong những vấn đề kinh tế, thương mại và thúc đẩy sự tham gia mạnh mẽ, sâu rộng, đóng góp tích cực đối với nền kinh tế thế giới. Hai bên còn ra Tuyên bố chung về quá trình đàm phán Nghị định thư bổ sung cho Công ước vũ khí sinh học và Tuyên bố chung về cấm mìn sát thương. Những kết quả trên cho thấy, điều mà Bill Clinton quan tâm tới vẫn là tạo ra mối quan hệ và các thể chế song phương Trung Quốc - Mỹ trên hai lĩnh vực an ninh và kinh tế. Tuy nhiên, Bill Clinton đã không giải quyết thỏa đáng những bất đồng an ninh nghiêm trọng, đặc biệt là vấn đề Đài Loan và việc Trung Quốc sở hữu vũ khí hạt nhân, khiến Trung Quốc đi chệch hướng và người dân Mỹ không nhận thức đầy đủ về tính chất nghiêm trọng trong các hành vi của Trung Quốc<sup>3</sup>.

---

1. Xem Fareed Zakaria: “The Arrogant Empire”, *Newsweek*, 2003, theo <http://www.newsweek.com/arrogant-empire-132751>.

2. Brzezinski: *Bàn cờ lớn - Địa vị quan trọng hàng đầu của Mỹ và các vấn đề địa - chính trị khác*, Nxb. Nhân dân Thượng Hải, 1998, tr.246.

3. Xem Kiyoshi Kojima: “The “flying geese” model of Asian economic development: origin, theoretical extensions, and regional policy implications”, *Journal of Asian Economics* (11), 2000, tr.58.

Điểm quan trọng lớn nữa trong chính sách đối ngoại của Mỹ đối với Trung Quốc là vấn đề gia nhập WTO. Tháng 4-1999, nhân chuyến thăm Mỹ của Thủ tướng Trung Quốc Chu Dung Cơ, hai bên đã ra được tuyên bố chung về việc Trung Quốc tiếp tục đàm phán để gia nhập WTO và Mỹ sẽ tích cực ủng hộ Trung Quốc. Tháng 4-2001, máy bay J-8 của Trung Quốc đã đụng độ với máy bay do thám EP-3 của không quân Mỹ trên đảo Hải Nam, làm các phi công Trung Quốc thiệt mạng. Nhưng sự việc nhanh chóng được dàn xếp ổn thỏa bởi vấn đề Trung Quốc quyết tâm gia nhập WTO. Liên tiếp các cuộc gặp gỡ sau đó giữa hai lãnh đạo Mỹ và Trung Quốc trong tháng 9-2000 nhân Hội nghị Thượng đỉnh Thiên niên kỷ của Liên hợp quốc và tháng 11-2000, tại Banda Xêri Bêgaoan, Brunây bên lề Hội nghị APEC. Chủ đề chính trong các cuộc hội đàm vẫn chủ yếu xoay quanh tiến trình Trung Quốc gia nhập WTO. Như vậy, quan hệ Mỹ - Trung thời kỳ này có nhiều nét thăng trầm. Xu thế hòa hoãn, hợp tác giữa hai nước đang phát triển nhưng những bất đồng, mâu thuẫn và cạnh tranh cũng tăng lên nhanh chóng.

*Trong các đồng minh của Mỹ ở khu vực Đông Á, Nhật Bản được Mỹ hết sức coi trọng bởi đây là con bài chiến lược trong tham vọng của Mỹ tại Đông Á.* Mỗi quan hệ Mỹ - Nhật Bản được thiết lập từ năm 1951, khi Mỹ ký với Nhật Bản Hiệp ước An ninh Mỹ - Nhật Bản nhằm duy trì hòa bình và an ninh ở vùng Viễn Đông, bảo vệ an ninh cho Nhật Bản trước các mối đe dọa từ bên ngoài. Nhưng thực chất, Mỹ muốn dựa vào mối quan hệ này để tạo bàn đạp cho Mỹ tấn công Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa. Sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc, Mỹ đã tăng cường, củng cố liên minh này ngày càng thêm chặt chẽ. Nhật Bản luôn là ưu tiên hàng đầu trong chính sách đối ngoại của Mỹ ở Đông Á. Đối với Mỹ, duy trì quan hệ Mỹ - Nhật Bản không chỉ là nhiệm vụ, trách nhiệm đối với Nhật Bản như đã cam kết trong hiệp ước, mà còn có tầm quan trọng chiến lược trong chính sách đối ngoại của họ, là cơ sở để Mỹ hình thành và thực hiện khu vực ảnh hưởng của Mỹ theo mô hình “trục và nan hoa”. Không những thế, bài học về sự bành trướng của Nhật Bản hồi cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX và chủ nghĩa quân phiệt Nhật trước Chiến tranh thế giới thứ hai đã khiến Mỹ tìm cách kiềm chế Nhật Bản. Đồng thời, Mỹ cũng nhận thấy những dấu hiệu đáng lo ngại từ sự trỗi

dậy của Trung Quốc đang ảnh hưởng tới vị thế của Mỹ trên trường quốc tế, nên duy trì quan hệ với Nhật Bản cũng là cách để Mỹ kiềm chế Trung Quốc, làm giảm đi sức ảnh hưởng của Trung Quốc trong các vấn đề khu vực và quốc tế. Sự chắc chắn trong liên minh Mỹ - Nhật Bản cao đến nỗi đây được coi là xương sống trong cấu trúc an ninh châu Á - Thái Bình Dương, thách thức toàn bộ các kịch bản an ninh khác<sup>1</sup>.

*Trong quan hệ với Nga, nhận thấy sức mạnh của Nga không còn đủ để đối đầu như thời Chiến tranh lạnh nhưng Nga vẫn là một quốc gia có sức mạnh quân sự không thua kém gì Mỹ nên để bảo đảm an ninh cho mình cũng như kiềm chế Nga, Mỹ đã chủ động đối thoại với Nga, lôi kéo Nga vào các chương trình hợp tác song phương và đa phương.*

Vấn đề mà Mỹ quan tâm tới đầu tiên là giải quyết số vũ khí hạt nhân mà Nga đang nắm giữ. Năm 1992, thỏa thuận Nunn - Lugar (hay còn gọi là CTR) được ký kết nhằm thúc ép Nga giảm quy mô, số lượng kho vũ khí hạt nhân của mình sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc; tiêu hủy các loại vũ khí sinh học và hóa học đã lỗi thời. Trong một tuyên bố chung giữa Mỹ và Nga (tháng 6-1992), hai bên khẳng định không coi nhau là đối thủ tiềm tàng. Tháng 4-1993, Mỹ - Nga cam kết xây dựng quan hệ đối tác chiến lược toàn diện, thúc đẩy đối thoại an ninh và hòa bình trên thế giới. Mỹ ký với Nga Hiệp ước cắt giảm vũ khí chiến lược (START II) tháng 01-1993, gia hạn năm 1996, nhằm bổ sung cho Hiệp ước START I đã ký kết năm 1991.

Quan hệ an ninh, quân sự Mỹ - Nga còn được đẩy lên cao nhờ các cuộc tập trận chung Nga - Mỹ trên đảo Guam, ở Vladivôxtôc và các hợp tác nghiên cứu vũ trụ. Mỹ coi các vấn đề thuộc lãnh thổ Nga là công việc nội bộ của Nga và sẽ không ủng hộ hay can thiệp tới bất kỳ lực lượng chính trị nào, đặc biệt là trong vấn đề Chechnya. Song song với các điều khoản về an ninh chung, Mỹ cũng hợp tác với Nga trong lĩnh vực kinh tế. Trong năm 1993, hai bên đã thành lập Ủy ban Liên Chính phủ về hợp tác kinh tế thương mại và khoa học do Thủ tướng Nga Viktor Chernomyrdin

---

1. Xem Bruce W. Jentleson: *Chính sách đối ngoại Hoa Kỳ: Động cơ của sự lựa chọn trong thế kỷ XXI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004; và Phạm Quang Minh: *Quan hệ quốc tế ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương*, Sđd, tr.46-47.



và Phó Tổng thống Mỹ Al Gore làm đồng Chủ tịch Ủy ban<sup>1</sup>. Mỹ cam kết sẽ viện trợ 1,6 tỷ USD để Nga chuyển đổi nền kinh tế và hứa phối hợp trong nhóm G7 viện trợ cho Nga 43 tỷ USD<sup>2</sup>.

Nhìn chung, thời kỳ này quan hệ Mỹ - Nga có nhiều bước phát triển tốt đẹp, góp phần quan trọng vào việc thúc đẩy đối thoại và hòa bình tại nhiều điểm nóng trên thế giới. Mặc dù vậy, quan hệ giữa hai nước cũng gặp những trở ngại lớn chung quanh các vấn đề chống tên lửa đạn đạo (ABM) và hệ thống tên lửa phòng thủ quốc gia (NMD) của Mỹ tại châu Âu, vấn đề mở rộng thành viên và không gian ảnh hưởng sang phía đông và không gian hậu Xô Viết của NATO,...

*Các nước Đông Nam Á và ASEAN cũng là một phần trong chiến lược an ninh quốc gia mới của Mỹ.* Khu vực này có sự hiện diện hai đồng minh của Mỹ là Thái Lan và Philipin. Đông Nam Á trở thành khu vực thứ hai mà Mỹ thực hiện chủ trương mở rộng ảnh hưởng của mình như Mỹ Latinh. Bên cạnh việc duy trì quan hệ đồng minh chiến lược với Thái Lan, Philipin, Mỹ tăng cường quan hệ đối tác lâu dài với Xingapo và các nước ASEAN khác. Trước những mối quan tâm của Nhật Bản, Trung Quốc và các quốc gia khác tới Đông Nam Á, mục tiêu của Mỹ đối với khu vực này là tạo ra ưu thế vượt trội trong Đông Nam Á, từng bước hình thành “Liên minh chiến lược châu Á” (Nhật Bản, Hàn Quốc và ASEAN), đồng thời dùng Đông Nam Á làm phương tiện để kiềm chế sức mạnh đang lên của Trung Quốc, đưa Nhật Bản và các đồng minh khác vào vòng kiểm soát của Mỹ; cùng với “sân sau” của mình, Mỹ nuôi tham vọng độc chiếm châu Á - Thái Bình Dương.

*Như vậy,* trong các chiến lược mới của mình sau Chiến tranh lạnh, Mỹ đang lôi kéo các nước Đông Á vào khuôn khổ hợp tác chung và những thể chế quốc tế nhằm tạo ra môi trường Đông Á được định hình và chi phối bởi Mỹ, hạn chế những hành vi đơn phương của một quốc gia nào đó gây ảnh hưởng tới lợi ích của Mỹ cũng như cục diện khu vực.

---

1, 2. Xem PGS.TS. Nguyễn Hoàng Giáp (Chủ biên): *Một số vấn đề chính trị quốc tế trong giai đoạn hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2014, tr.94, 92.

### 2.2.2. Trung Quốc chấp nhận vị thế hạng hai để phát triển

Trung Quốc những năm 1990 phải đối mặt với nhiều thách thức lớn ở cả trong và ngoài nước. Song bằng sự khôn khéo trong ngoại giao, cũng do Mỹ - vẫn là đối thủ lớn nhất của Trung Quốc - đã có sự thay đổi trong chính sách đối ngoại, nên Trung Quốc không chịu ảnh hưởng lớn từ sự sụp đổ của Liên Xô, mà trái lại Trung Quốc vẫn nằm trong quá trình cải cách, phát triển đất nước từ năm 1979. Tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế Trung Quốc luôn ở mức hai con số (trên 10%/năm) trong suốt những năm 1990. Đây được coi là tốc độ tăng trưởng nhanh nhất đối với một nền kinh tế được ghi nhận trong lịch sử nhân loại<sup>1</sup>.

Công cuộc phát triển đất nước theo con đường chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc mà Đặng Tiểu Bình phát động đã trở thành điển hình của nền kinh tế thế giới. Là một nước đông dân nhất thế giới, với 1,141 tỷ người chiếm 1/6 dân số thế giới (năm 1994), diện tích lãnh thổ lớn thứ ba thế giới (trên 9,6 triệu km<sup>2</sup>), Trung Quốc luôn duy trì tốc độ phát triển kinh tế nhanh bậc nhất thế giới của mình. Đại hội lần thứ XIV Đảng Cộng sản Trung Quốc năm 1992 đề ra kế hoạch trọng tâm của Trung Quốc trong thập niên 1990 là xây dựng thành công một nền “kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa” bằng kế hoạch 10 năm, kéo dài đến đầu thế kỷ XXI. Năm 1992, tốc độ phát triển kinh tế của Trung Quốc đạt 12,8% và tăng lên 13,4% năm 1993 với GDP đạt 3.138 tỷ Nhân dân tệ. Do cuộc khủng hoảng tài chính Đông Á, Trung Quốc cũng chịu ảnh hưởng một phần khiến cho tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế giảm xuống còn 7,8% trong năm 1998, và 7,1% trong năm 1999. Nhưng bước sang năm 2000, nền kinh tế Trung Quốc đã khôi phục lại sự phát triển. Sự phát triển thần kỳ này của Trung Quốc được xếp chung vào sự “thần kỳ châu Á” và Trung Quốc được coi là “con rồng châu Á”. Là một quốc gia lớn trong khu vực Đông Á, Trung Quốc cũng đang trên con đường tìm kiếm vị thế là cường quốc hàng đầu khu vực và quốc tế. Trung Quốc là một trong năm thành viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc. Không chỉ tham gia “Câu lạc bộ nước lớn”, Trung Quốc còn là thành viên của “Câu lạc bộ các

---

1. Xem Fareed Zakaria: *Thế giới hậu Mỹ*, Nxb. Tri thức, Hà Nội, 2010, tr.120.

nước có vũ khí hạt nhân” và là quốc gia duy nhất chính thức sở hữu vũ khí hạt nhân ở Đông Á hiện nay.

*Trong quan hệ quốc tế, Trung Quốc thi hành chính sách đối ngoại chủ động, bình thường hóa quan hệ với các quốc gia, mở rộng quan hệ hợp tác với các nước trên thế giới, góp phần tham gia giải quyết các vấn đề quốc tế, từ đó nâng cao địa vị và quyền lực của Trung Quốc trên trường quốc tế.* Chiến lược ngoại giao mới của Trung Quốc được thực hiện theo hướng: “Ngoại giao nước lớn là then chốt; ngoại giao láng giềng là quan trọng hàng đầu; ngoại giao với các nước đang phát triển là quan trọng”<sup>1</sup>. Tính đến năm 2001, Trung Quốc đã có quan hệ ngoại giao với 165 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới. Đêm 01-7-1997, tại Trung tâm Hội nghị và triển lãm Hồng Kông, Trung Quốc đã thu hồi chủ quyền của Hồng Kông từ Vương quốc Anh và thành lập Đặc khu Hành chính Hồng Kông, Trung Quốc. Tiếp đó, tháng 12-1999, Trung Quốc cũng tuyên bố biến vùng lãnh thổ Ma Cao thành Đặc khu Hành chính Ma Cao, Trung Quốc. Việc sáp nhập và hình thành hai đặc khu hành chính này có ý nghĩa rất lớn đối với Trung Quốc, làm tăng lên đáng kể sức mạnh của nền kinh tế nước này.

*Mối quan tâm lớn nhất lúc này của Trung Quốc trong khu vực chính là thiết lập một trật tự dưới sự dẫn dắt của Trung Quốc. Để làm được điều này, Trung Quốc cố gắng thay thế vị trí bá chủ của Mỹ.* Mối quan hệ Trung Quốc - Mỹ trong lịch sử có nhiều nét thăng trầm, lúc hòa dịu, lúc căng thẳng. Trung Quốc và Mỹ vốn là hai quốc gia thuộc hai phe đối đầu nhau trong Chiến tranh lạnh, nhưng đã có lúc hai nước bắt tay nhau trong việc chống lại Liên Xô. Tháng 11-1991, Trung Quốc gia nhập hệ thống thương mại toàn cầu. Trong thời gian này, Trung Quốc cũng đã gia nhập Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC), tăng cường tự do thương mại và hợp tác trong các vấn đề kinh tế, thương mại, đầu tư và công nghệ. Tháng 11-1993, Hội nghị APEC lần thứ nhất được tổ chức tại đảo Blake, Seattle (Mỹ) với chủ đề “*Tinh thần cộng đồng khu vực châu Á - Thái Bình Dương*”. Tranh thủ tinh thần đó, các nhà lãnh đạo Bắc Kinh

---

1. Nguyễn Hoàng Giáp (Chủ biên): *Cạnh tranh chiến lược ở khu vực Đông Nam Á giữa một số nước lớn hiện nay*, Sđd, tr.58.

đã mau chóng tìm đến Mỹ để hóa giải những bất đồng xung quanh sự kiện và thiết lập quan hệ ngoại giao trong thời kỳ mới. Bước đột phá trong quan hệ Trung Quốc - Mỹ là vào cuối tháng 10, đầu tháng 11-1997, Chủ tịch Trung Quốc Giang Trạch Dân tới thăm Mỹ theo lời mời của Tổng thống Mỹ Bill Clinton. Đây là chuyến thăm đầu tiên của một nguyên thủ quốc gia Trung Quốc tới Mỹ. Hai bên đều nhận định phải xem xét mối quan hệ Trung Quốc - Mỹ từ góc nhìn chiến lược trong thế kỷ XXI, với mục tiêu là tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau, mở rộng nhận thức chung, tăng cường hợp tác và đưa quan hệ Trung Quốc - Mỹ vào một thời kỳ mới. Đồng thời, “Tuyên bố chung Trung Quốc - Mỹ” ký kết ngày 29 tháng 10, nhất trí tiếp cận quan hệ song phương trên cơ sở các nguyên tắc của ba bản tuyên bố chung và hướng tới mối quan hệ “đối tác chiến lược mang tính xây dựng giữa Trung Quốc và Mỹ”. Hai bên nhất trí tăng cường hơn nữa hợp tác trong lĩnh vực kinh tế, thương mại, mở rộng trao đổi trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, năng lượng, khoa học công nghệ, luật pháp, giáo dục, văn hóa... Lúc này, vấn đề gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) của Trung Quốc được Bắc Kinh hết sức quan tâm, do đó, trong chuyến thăm Mỹ của Thủ tướng Trung Quốc Chu Dung Cơ từ ngày 4 đến 14-4-1999 theo lời mời của Tổng thống Bill Clinton, Trung Quốc đã đạt được thỏa thuận với Mỹ để đưa ra tuyên bố chung về việc Trung Quốc gia nhập WTO. Theo đó Chính phủ Mỹ bày tỏ cam kết ủng hộ sự gia nhập của Trung Quốc. Đây là chuyến thăm đầu tiên của một vị Thủ tướng Trung Quốc tới Mỹ trong vòng 15 năm. Vấn đề gia nhập WTO tiếp tục được đề cập trong các cuộc gặp gỡ giữa các nhà lãnh đạo cấp cao hai nước. Ngày 15-11-1999, hai bên đã ký một hiệp định song phương về vấn đề này, mở đường cho Trung Quốc gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới; đồng thời cam kết sẽ tiếp tục duy trì và xây dựng quan hệ đối tác chiến lược mang tính xây dựng trong tương lai. Sau đó, được sự giúp đỡ của Mỹ, Trung Quốc đã đạt được các thỏa thuận song phương với EU và các đối tác thương mại khác, tiến tới một thỏa thuận trọn gói với WTO. Năm 2001, Trung Quốc đã giữ chức Chủ tịch APEC và Thượng Hải đã đăng cai hội nghị các lãnh đạo APEC thường niên. Sự kiện này diễn ra ngay sau vụ khủng bố ngày 11 tháng 9 gây chấn động nước Mỹ. Tại hội nghị, các bên đã ra tuyên bố đầu tiên về chống khủng bố. Có thể thấy, các

quan hệ kinh tế - thương mại đang giúp cho quan hệ Mỹ - Trung Quốc trở nên gắn kết hơn trong thời gian qua. Tuy nhiên, sự ủng hộ của Mỹ với Đài Loan là cản trở lớn nhất cho quan hệ Mỹ - Trung Quốc.

Như vậy, trong suốt thập kỷ 1990, quan hệ Trung Quốc - Mỹ từ chỗ bất đồng gay gắt đã được cải thiện và có sự phát triển liên tục, nhanh chóng nhờ những nỗ lực từ phía Trung Quốc. Nhờ đó, Trung Quốc đã tạo dựng được hình ảnh và vị thế của Trung Quốc trong nền kinh tế thế giới. Trục tam giác kinh tế khu vực châu Á - Thái Bình Dương được hình thành với Mỹ - Nhật Bản - Trung Quốc.

*Trong quan hệ với Nhật Bản*, Trung Quốc luôn tìm cách để vượt lên trên đối thủ nặng ký của mình trong khu vực Đông Á. Thực tế, mối quan tâm và lo ngại lớn nhất của Trung Quốc là liên minh của Nhật với Mỹ và sự mở rộng phạm vi ảnh hưởng của Nhật Bản ra khu vực đang đe dọa nghiêm trọng tới vị thế của Trung Quốc và có thể ảnh hưởng xấu tới sự trỗi dậy của Trung Quốc. Do đó, trong quan hệ với Nhật Bản, Trung Quốc có thái độ hoàn toàn khác so với Mỹ. Bất chấp mối quan hệ kinh tế đang trên đà phát triển, quan hệ chính trị giữa hai quốc gia luôn trong tình trạng căng thẳng, tranh chấp, đặc biệt là trong vấn đề Đài Loan. Trung Quốc coi Nhật Bản là kẻ phá hoại sự thống nhất quốc gia khi Nhật Bản ủng hộ chính quyền Đài Bắc. Bên cạnh đó, cả hai đều có lợi ích chiến lược tại các điểm nóng như Triều Tiên, Biển Đông và quần đảo Điếu Ngư/Senkaku.

*Trong quan hệ với Nga*, Trung Quốc đang có những động thái tích cực để cải thiện quan hệ và phát triển hợp tác song phương. Việc Nga coi Trung Quốc là một trong những ưu tiên hàng đầu trong chính sách đối ngoại của Nga là một lợi thế không nhỏ để Trung Quốc tạo được quan hệ láng giềng hữu nghị vốn đã xấu đi từ cuối Chiến tranh lạnh. Hơn nữa, Trung Quốc đang muốn tạo được thế cân bằng chiến lược với Nga trong mọi lĩnh vực, nhất là quân sự và kinh tế. *Về kinh tế*, Trung Quốc hoàn toàn có thể vượt Nga bởi Trung Quốc vẫn đang trong quá trình phát triển mạnh mẽ, còn Nga thì đang suy thoái. *Về quân sự*, Trung Quốc vẫn còn thua kém Nga về mọi mặt, vì thế, hợp tác quân sự với Nga cũng là yếu tố then chốt. Trung Quốc nhận thấy Nga có vai trò cực kỳ quan trọng đối với trật tự và an ninh khu vực, cấu trúc quyền lực Đông Á không thể thiếu sự tham gia tích cực của Nga.

*Đối với khu vực Đông Nam Á*, Trung Quốc xác định “ngoại giao láng giềng là quan trọng hàng đầu” nên đây được coi là chiến lược ngoại giao nhằm cạnh tranh tầm ảnh hưởng tại Đông Nam Á. Năm 1993 được coi là “năm ASEAN của Trung Quốc”. Trong năm 1993, Trung Quốc cố gắng thiết lập quan hệ ngoại giao với toàn bộ các nước ASEAN và mở ra những cơ hội đầu tư cho ASEAN vào Trung Quốc. Ba điểm nhấn đáng chú ý trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc đối với ASEAN trong thập niên 1990 là: *một là*, tích cực tham gia và xây dựng cơ chế đa phương; *hai là*, mở rộng đối ngoại kinh tế, tăng cường quan hệ hợp tác với các nước Đông Nam Á; *ba là*, tăng cường đối thoại an ninh với các nước láng giềng, xây dựng cơ chế an ninh tin cậy lẫn nhau.

Song, bên cạnh những chính sách thể hiện đường lối đối ngoại tích cực với Đông Nam Á, Trung Quốc cũng có những động thái thiếu tích cực với khu vực giai đoạn này. Điển hình là việc Trung Quốc đơn phương đưa quân đội chiếm đảo Vành Khăn của Việt Nam năm 1995, hay các hành động gây hấn tranh chấp lãnh thổ với Philippin,...

Lợi dụng cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ 1997-1998 làm chao đảo các nền kinh tế Đông Á, Trung Quốc đã tăng cường ảnh hưởng và vị thế của một nền kinh tế lớn thông qua sáng kiến thành lập cơ chế ASEAN+3. Sự ủng hộ của Trung Quốc cho cơ chế này có ý nghĩa rất lớn, góp phần làm giảm mức độ tàn phá của cuộc khủng hoảng và vực dậy nền kinh tế khu vực. Các nhà phân tích đã dự đoán về thái độ bất hợp tác của Bắc Kinh thông qua chính sách phá giá đồng Nhân dân tệ. Nhưng Trung Quốc đã không làm như vậy. Nhờ chính sách ổn định đồng Nhân dân tệ của Trung Quốc, cuộc khủng hoảng tài chính châu Á đã không trở nên quá tồi tệ và lan ra phạm vi toàn cầu. Các đồng tiền trong khu vực đã giữ được ổn định. Thị trường Đông Nam Á còn ổn định hơn nhờ Trung Quốc vẫn duy trì việc nhập khẩu hàng hóa từ ASEAN.

Rõ ràng, sự trỗi dậy của Trung Quốc xét trong một chừng mực nhất định đang là cơ hội cho sự phát triển chung của nền kinh tế khu vực, tuy nhiên cũng tiềm ẩn những nguy cơ gây bất ổn đối với an ninh chính trị khu vực. Đây là một chủ thể rất quan trọng trong cục diện chính trị Đông Á.

### 2.2.3. Nhật Bản đứng dưới ô bảo hộ an ninh của người Mỹ

Cùng với Trung Quốc, Nhật Bản trong thập niên cuối thế kỷ XX đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành nên cục diện chính trị Đông Á. Nhật Bản chính là quốc gia tạo ra làn sóng “châu Á thần kỳ” nửa cuối thế kỷ XX. “Sự thần kỳ Nhật Bản” trong hai thập niên 1960 và 1970 đã đưa quốc gia này từ một đồng đồ nát sau Chiến tranh thế giới thứ hai trở thành một hình mẫu của châu Á, trở thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới, sau Mỹ. Chiến tranh lạnh đi đến hồi kết cũng là lúc nền kinh tế Nhật Bản bắt đầu chững lại từ thập niên 1980 và đưa Nhật Bản bước vào giai đoạn trì trệ trong suốt thập niên 1990. Mặc dù vậy, sức mạnh của nền kinh tế hàng đầu châu Á vẫn giúp Nhật Bản có được vị thế của mình. Những yếu tố đó đã thúc đẩy Nhật Bản phải tìm kiếm cho mình một vai trò thực sự trong khu vực trên cả bình diện kinh tế, chính trị, văn hóa.

*Thực tế, trên con đường thành công của Nhật Bản không thể không nhắc tới Mỹ - từng là kẻ thù trong Chiến tranh thế giới thứ hai nhưng cũng nhanh chóng trở thành cứu tinh của Nhật Bản sau đó.* Nhật Bản một mặt luôn muốn duy trì quan hệ đồng minh chiến lược với Mỹ để nhận được sự trợ giúp về an ninh - quân sự, mặt khác lại muốn độc lập với Mỹ trong các vấn đề quốc tế và khu vực. Trong thập niên 1990, bất chấp sự suy thoái của nền “kinh tế bong bóng” (1989-1991), Nhật Bản vẫn là một siêu cường kinh tế đứng thứ hai thế giới. Nhật Bản bước vào “Câu lạc bộ cường quốc” nhờ sự giúp đỡ của Mỹ. Sự phụ thuộc của Nhật Bản vào Mỹ được thể hiện rõ trong Hiệp ước an ninh Mỹ - Nhật Bản ký kết năm 1951 và năm 1970 được ký kết kéo dài vĩnh viễn. Mối ràng buộc về an ninh - chính trị với Mỹ đã định hình quan hệ quốc tế của Nhật Bản, trong đó, Nhật Bản lấy Hiệp ước An ninh Mỹ - Nhật Bản làm trụ cột cho chính sách đối ngoại của mình. Theo bản hiệp ước này, Nhật Bản được đặt dưới “ô bảo hộ hạt nhân” của Mỹ, được Mỹ bảo đảm an ninh. Về cơ bản, Nhật Bản trở thành một căn cứ quân sự chiến lược của Mỹ ở Đông Á. Tháng 01-1992, trong chuyến thăm của Tổng thống Mỹ George Bush (cha) tới Nhật Bản, hai bên đã ra Tuyên bố Tokyo về quan hệ đối tác toàn cầu, khẳng định liên minh Mỹ - Nhật Bản là nền tảng cho quan hệ giữa hai nước. Tháng 4-1996, Thủ tướng Nhật Bản Hashimoto và Tổng thống Mỹ Bill Clinton đã

ra Tuyên bố chung khẳng định lại Hiệp ước An ninh Mỹ - Nhật Bản được kéo dài vĩnh viễn. Tháng 9-1997, Nhật Bản và Mỹ chính thức công bố các báo cáo cuối cùng về hợp tác an ninh song phương<sup>1</sup>.

Sự sụp đổ của Liên Xô (1991) và việc thiết lập quan hệ ngoại giao, xoá bỏ sự thù địch với Nga (1997) đã giúp Nhật Bản có thể yên tâm về mối đe dọa từ phương Bắc. Thêm vào đó, từ sau “Học thuyết Fukuda” (1977), Nhật Bản đã đánh dấu sự “trở về” châu Á, coi đây là ưu tiên đối ngoại của Nhật Bản trong thời gian tới. Những năm sau Chiến tranh lạnh, chính quyền Mỹ của Tổng thống Bill Clinton đang giảm dần tầm ảnh hưởng của Mỹ trong khu vực, tạo điều kiện cho Nhật Bản mạnh dạn hơn trong hành động, độc lập hơn về đối ngoại. Chỉ có điều, trở ngại đối với Nhật Bản là Hiến pháp Nhật Bản không cho phép họ xây dựng lực lượng quân đội bình thường, trong khi Nga, Trung Quốc và Triều Tiên - mối nguy hại trực tiếp - đều có vũ khí hạt nhân. Chính vì vậy, Nhật Bản không thiết lập con đường ngoại giao bằng sức mạnh hay quyền lực quân sự - chính trị mà bằng con đường “ngoại giao kinh tế”, lấy sức mạnh kinh tế làm mũi nhọn. Đồng thời, việc thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước láng giềng cũng được Nhật Bản hết sức quan tâm, nhằm tạo lập môi trường xung quanh ổn định và hòa bình.

*Nhật Bản chú trọng tăng cường mối quan hệ kinh tế với các quốc gia trong khu vực, đặc biệt là khu vực Đông Nam Á.* Dựa vào sức mạnh kinh tế của mình, Nhật Bản đề xuất mô hình phát triển kinh tế Đông Á có kết cấu “đàn ngỗng bay”, trong đó, Nhật Bản là con ngỗng đầu đàn, có vai trò dẫn dắt nền kinh tế khu vực đủ sức cạnh tranh với các nền kinh tế phát triển ở Tây Âu và Bắc Mỹ. Nhật Bản đề cao các nền kinh tế mới nổi ở Đông Nam Á, coi đây là thị trường chính trong chính sách kinh tế hướng ngoại.

Có thể thấy, Nhật Bản đã rất khôn ngoan khi chọn Đông Nam Á là nơi để quan tâm hợp tác và đầu tư bởi khu vực này phần lớn là các nước nhỏ và nghèo, đang trong quá trình đổi mới và phát triển đất nước nên rất

---

1. Xem Lê Linh Lan: “Về những phương châm mới trong quan hệ Mỹ - Nhật”, <http://www.dav.edu.vn/en/introduction/missions.html?id=325:so-20-ve-nhung-phuong-cham-moi-trong-quan-he-an-ninh-my-nhat>.



cần nguồn đầu tư tài chính từ nước ngoài. Chiến lược ngoại giao này của Nhật Bản có thể nói là đang phát huy tác dụng rõ rệt. Ngày 14-11-1997, trong chuyến thăm chính thức tới các nước ASEAN, tại thủ đô Manila (Philippin), Thủ tướng Hashimoto đã đưa ra tuyên bố về chính sách đối ngoại của Nhật Bản đối với ASEAN hướng tới thế kỷ XXI. Theo đó, Nhật Bản tăng cường hơn nữa quan hệ Nhật Bản - ASEAN, mở rộng hợp tác các lĩnh vực chính trị, an ninh, văn hóa, phúc lợi xã hội và các vấn đề toàn cầu. Cuộc khủng hoảng tài chính châu Á năm 1997-1998 đã tác động nghiêm trọng tới tình hình kinh tế Nhật Bản, nhưng đây cũng là lúc Nhật Bản thể hiện vai trò “đầu đàn” của mình trong khu vực. Tháng 11-1998, tại Hội nghị APEC lần thứ 6 tổ chức ở Cuala Lămpơ (Malaixia), Nhật Bản đã cùng Mỹ nhất trí lập kế hoạch hỗ trợ 10 tỷ USD phục hồi các khu vực tư nhân ở châu Á. Chính phủ Nhật Bản của Thủ tướng Obuchi còn tuyên bố sẽ cung cấp nguồn tài chính khoảng 30 tỷ USD cho các nước châu Á đang lâm nạn<sup>1</sup>.

*Bên cạnh việc phát triển mối quan hệ với các nước Đông Nam Á, Nhật Bản cũng chú ý tới quan hệ với các nước láng giềng xung quanh NICs.*

*Trong quan hệ với Nga, Nhật Bản chủ trương thiết lập quan hệ láng giềng hữu nghị, thân thiện và hợp tác cùng có lợi. Bất đồng lớn nhất trong quan hệ giữa hai nước là vấn đề tranh chấp các vùng lãnh thổ phía Bắc đảo Hokkaido (Nhật Bản) và phía Nam Sakhalin, đặc biệt là ở quần đảo Kuril. Các giải pháp thông qua luật pháp và công lý đã được tính đến nhưng không mấy hiệu quả, các bên vẫn chưa dung hòa được mối quan hệ lợi ích tại các khu vực này. Nhận thấy vai trò của Nga trong việc bảo đảm an ninh khu vực, cũng như sự yếu thế hơn trong tương quan sức mạnh quân sự với Nga, Nhật Bản đã chủ động nhượng bộ Nga trong một số vấn đề nhằm đạt được sự ủng hộ từ phía Nga. Năm 1997, quan hệ Nhật Bản - Nga có tín hiệu khả quan hơn, mở ra những hy vọng trong việc giải quyết vấn đề tranh chấp lãnh thổ. Trong diễn văn trước Quốc hội Nhật Bản chiều 16-02-1998, cựu Thủ tướng Hashimoto đã tuyên bố: “Bốn nước Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc, Nga thiết lập mối quan hệ trên cơ sở tin cậy*

---

1. Xem Trần Hoàng Long: “Quan hệ Nhật - Trung hiện nay: Thách thức và triển vọng”, Tạp chí *Nghiên cứu Đông Bắc Á*, số 7/2007, tr.16.

và phối hợp là quan trọng, vì hòa bình và ổn định ở châu Á - Thái Bình Dương. Trong đó, tôi chú trọng nhất việc triệt để cải thiện quan hệ với Liên bang Nga”<sup>1</sup>.

*Ngoài Nga, Trung Quốc đang là mối lo ngại trực tiếp và lớn nhất của Nhật Bản trong khu vực Đông Á.*

Sự lo ngại đối với Trung Quốc thể hiện rõ qua sự tham gia vào “ván cờ” Triều Tiên và Đài Loan của Nhật Bản. Trung Quốc và Nhật Bản vốn là hai quốc gia có mâu thuẫn từ lâu trong lịch sử, nhất là ký ức kinh hoàng về những vụ thảm sát trong Chiến tranh thế giới thứ hai. Hai nước cũng đang tranh chấp nhau các vùng lãnh thổ trên biển, điển hình là đảo Senkaku/Điếu Ngư. Việc Trung Quốc sở hữu vũ khí hạt nhân luôn được coi là mối đe dọa đối với Nhật Bản. Trung Quốc liên tiếp có những cuộc tập trận tại vùng eo biển Đài Loan và gây áp lực chính trị đối với Đài Loan. Cuộc khủng hoảng eo biển Đài Loan (1996) càng làm cho Tôkyô thêm lo sợ trước sức mạnh đang lên của Trung Quốc. Thêm vào đó, Nhật Bản và Trung Quốc còn va chạm nhau trên Biển Đông, nơi mà cả hai bên đều có những lợi ích chiến lược tại đây. Nhật Bản từ lâu đã coi Biển Đông là “sân sau kinh tế và cửa ngõ đi vào Nhật Bản”<sup>2</sup>, các tuyến giao thông vận tải trên Biển Đông là huyết mạch và là xương sống của nền kinh tế Nhật Bản. Mức độ phụ thuộc của nền kinh tế Nhật Bản vào Biển Đông ngày càng lớn. Vì vậy, Nhật Bản can dự vào các vấn đề Đài Loan, Triều Tiên, Biển Đông là nhằm kiềm chế Trung Quốc, hạn chế Trung Quốc có những hành vi đơn phương làm thiệt hại tới lợi ích của Nhật Bản. Năm 1998, Nhật Bản và Trung Quốc đã ra tuyên bố chung, tiến tới thiết lập quan hệ “đối tác hợp tác hữu nghị về hòa bình và phát triển tiến vào thế kỷ XXI”. Như vậy, bên cạnh những mâu thuẫn và xung đột sẵn có, quan hệ Nhật Bản - Trung Quốc cũng cho thấy những triển vọng phát triển trong tương lai. Đây sẽ là hai quốc gia có vai trò và vị trí quan trọng nhất trong khu vực Đông Á.

---

1. Lê Linh Lan: “Quan hệ Nhật - Nga và vấn đề tranh chấp lãnh thổ”, <http://www.dav.edu.vn/en/international-cooperation/introduction.html?id=424:so-26-quan-he-nhat-nga-va-van-de-tranh-chap-lanh-tho>.

2. Hoàng Văn Hiến, Nguyễn Viết Thảo: *Quan hệ quốc tế từ 1945 đến 1995*, Sđd, tr.102.

#### 2.2.4. Sự rút lui của Nga

Một chủ thể nằm ngoài khu vực địa lý tự nhiên nhưng có vai trò vô cùng quan trọng trong cục diện chính trị Đông Á thời gian này là Nga. Mặc dù có những suy giảm nhất định trong quan hệ quốc tế ở khu vực và quốc tế, nhưng vai trò của Nga đối với các vấn đề an ninh, phát triển ở Đông Á là điều không thể phủ nhận. Nga kế thừa địa vị của Liên Xô trong các quan hệ quốc tế. Với diện tích địa lý rộng lớn vắt ngang từ Đông sang Tây và sức mạnh quân sự lớn nhất ở lục địa Á - Âu, Nga được ví như “con đại bàng hai đầu... nhìn cả về phương Đông và phương Tây”<sup>1</sup>. Trong bài phát biểu của mình ngày 17-4-1992, Tổng thống Nga Boris Yeltsin nói: “Nhiệm vụ trung tâm bao trùm mọi hoạt động quốc tế của Nga là xây dựng quan hệ bạn bè với các nước dân chủ trên thế giới nhằm bảo đảm cho nước Nga gia nhập khối cộng đồng các nước phương Tây một cách hợp pháp và hài hòa”<sup>2</sup>. Đông Á tuy không còn nằm trong ưu tiên đối ngoại của Nga nhưng vẫn là khu vực mà Nga có ảnh hưởng rõ rệt nhất, do đó, tiếp tục hiện diện tại Đông Á là yếu tố quan trọng để Nga không bị bao vây. Trong đó, Nga coi trọng quan hệ với các nước lớn như Trung Quốc và Nhật Bản.

*Trong quan hệ với Trung Quốc*, trong thời kỳ Chiến tranh lạnh, mặc dù cùng đứng trong hàng ngũ các nước xã hội chủ nghĩa nhưng cả Nga và Trung Quốc thường mâu thuẫn nhau gay gắt trong các vấn đề tranh chấp biên giới và đã từng xảy ra xung đột vũ trang. Trung Quốc cũng chính là nhân tố làm hệ thống xã hội chủ nghĩa do Nga đứng đầu suy yếu và làm xói mòn “trật tự hai cực Yalta”. Sự đối đầu giữa hai quốc gia có chiều hướng giảm đi từ năm 1991, khi Hiệp định biên giới quốc gia Nga - Trung Quốc được ký kết. Sự kiện này đã đánh dấu một bước chuyển mình trong quan hệ Nga - Trung Quốc, đưa mối quan hệ này phát triển theo hướng hòa bình hơn và ổn định hơn, tác động không nhỏ tới cục diện chính trị Đông Á và

---

1. Hoàng Văn Hiến, Nguyễn Viết Thảo: *Quan hệ quốc tế từ 1945 đến 1995*, Sđd, tr.103.

2. PGS.TS. Nguyễn Hoàng Giáp (Chủ biên): *Một số vấn đề chính trị quốc tế trong giai đoạn hiện nay*, Sđd, tr.90-91.

tình hình thế giới. Từ đây, hai nước bắt đầu thiết lập mối quan hệ hòa bình, láng giềng hữu nghị, tin cậy lẫn nhau và hợp tác cùng có lợi. Tháng 6-1994, Chủ tịch Trung Quốc Giang Trạch Dân tới thăm Nga, hai bên đã tái khẳng định cam kết đã ký kết trước đó. Cũng trong năm 1994, chính sách đối ngoại của Nga có sự thay đổi khi Nga chú ý nhiều hơn tới châu Á - Thái Bình Dương, không còn quá ưu tiên phương Tây, bởi phương Tây muốn Nga lệ thuộc vào mình. Chính sách đối ngoại mới của Nga cũng nêu lên nguyên tắc “ưu tiên trước hết cho lợi ích quốc gia dân tộc Nga”. Mối quan hệ với Trung Quốc của Nga được mở rộng và thắt chặt hơn nữa khi năm 1994, Nga xác định là “năm Trung Quốc” của Nga và đề nghị xây dựng quan hệ “đối tác chiến lược Nga - Trung Quốc hướng về thế kỷ XXI”<sup>1</sup>. Tháng 4-1996, cuộc gặp cấp cao của hai người đứng đầu hai nước Nga và Trung Quốc đã bày tỏ quan điểm nâng cấp quan hệ Nga - Trung Quốc lên tầm cao mới. Sau khi Boris Yeltsin rời nhiệm sở, quan hệ Nga - Trung Quốc vẫn tiếp tục được phát triển. Ngay sau khi đắc cử Tổng thống Nga (tháng 5-2000), Vladimir Putin đã có chuyến thăm Bắc Kinh, thắt chặt hơn nữa quan hệ láng giềng chiến lược và tin cậy lẫn nhau trong các vấn đề giữa hai nước và các vấn đề quốc tế. Như vậy, sự quan tâm của Nga đối với Trung Quốc đã chỉ rõ vai trò quan trọng của khu vực Đông Á trong chính sách đối ngoại của Nga. Thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc chính là bước đầu để Nga gia tăng ảnh hưởng của mình tại Đông Á.

*Bên cạnh mối quan hệ với Trung Quốc, Nga cũng ý thức được mối quan hệ với Nhật Bản.* Nga, Nhật Bản là hai quốc gia đứng trên hai chiến tuyến đối đầu nhau trong Chiến tranh lạnh. Khi Chiến tranh lạnh kết thúc, mối quan hệ giữa hai nước còn nhiều mâu thuẫn, nhất là xung quanh vấn đề tranh chấp các quần đảo ở phía Nam Sakhalin và quần đảo Kuril mà Nhật Bản gọi là các vùng lãnh thổ phía bắc đảo Hokkaido. Để cải thiện mối quan hệ đang nóng lên đó, ngày 13-10-1993, Tổng thống Nga Boris Yeltsin đã tới Nhật Bản nhằm thúc đẩy các quan hệ hợp tác thương mại, kinh tế, kỹ thuật. Nga đã ký với Nhật Bản hai tuyên bố chung Nga - Nhật Bản

---

1. PGS.TS. Nguyễn Hoàng Giáp (Chủ biên): *Một số vấn đề chính trị quốc tế trong giai đoạn hiện nay*, Sđd, tr.92-93.

về chính trị, kinh tế cùng 16 văn kiện về các vấn đề khác<sup>1</sup>. Đến năm 1997, quan hệ Nga - Nhật Bản lại có bước phát triển hơn. Tháng 01-1997, một tàu chở dầu của Nga bị đắm trên vùng biển Nhật Bản, phía Nga đã nhanh chóng có những nỗ lực hợp tác với Chính phủ Nhật Bản điều tra nguyên nhân vụ việc. Tháng 3-1997, Thủ tướng Nhật Bản Hashimoto bày tỏ sự ủng hộ Nga tham gia các thể chế kinh tế quốc tế như WTO và APEC. Tháng 6-1997, bên lề Hội nghị Thượng đỉnh G8 tại Denver, Nga cũng bày tỏ quan điểm về sự đối đầu Nga - Nhật Bản như thời Chiến tranh lạnh đã đến hồi kết thúc, Nga sẽ dỡ bỏ hệ thống tên lửa hướng vào Nhật Bản, không phản đối việc nâng cấp Hiệp ước an ninh Mỹ - Nhật Bản. Nga cũng cho rằng, với tư cách là một quốc gia mạnh trong khu vực và trên thế giới, vị thế của Nhật Bản hoàn toàn xứng đáng là thành viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc. Trong năm 1998, vấn đề chủ quyền xoay quanh các hòn đảo giữa Nga và Nhật Bản có những bước phát triển tốt đẹp, quan hệ giữa Nga - Nhật Bản đã được điều hòa. Với các nước Đông Nam Á, Nga coi phát triển mối quan hệ với các nước Đông Nam Á là một hướng quan trọng nhằm tăng cường vị thế của Nga ở châu Á - Thái Bình Dương<sup>2</sup>.

#### *2.2.5. ASEAN hoàn thiện mình cho kỷ nguyên mới*

Nhắc đến cơ chế đa phương trong khu vực có thể nói đến ngay là Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á - ASEAN (Association of Southeast Asian Nations - ASEAN). Tính đến năm 1999, ASEAN bao gồm 10 quốc gia: Brunây, Campuchia, Ấn Độ, Lào, Malaixia, Mianma, Philippin, Xingapo, Thái Lan và Việt Nam. Tổng diện tích của các thành viên ASEAN là 4.492.443 km<sup>2</sup>, chiếm 14,1% lãnh thổ châu Á và chiếm 3,3% diện tích toàn thế giới, trong đó lớn nhất là Ấn Độ và nhỏ nhất là Xingapo.

Trong giai đoạn này, mặc dù chưa trở thành trung tâm quyền lực trong khu vực Đông Á, song các nước thuộc ASEAN cũng có vai trò nhất định

---

1. Xem Hoàng Văn Hiến, Nguyễn Viết Thảo: *Quan hệ quốc tế từ 1945 đến 1995*, Sđd, tr.103.

2. Xem PGS.TS. Nguyễn Hoàng Giáp (Chủ biên): *Cạnh tranh chiến lược ở khu vực Đông Nam Á giữa một số nước lớn hiện nay*, Sđd, tr.64.

trong việc tạo dựng nên cục diện chính trị trong khu vực. Đối với khối nước này thì việc duy trì sự ổn định, trước hết là ổn định chính trị, được ưu tiên hàng đầu. Mức độ hội nhập quốc tế của tổ chức khá cao. Sự liên kết chặt chẽ của các nước Đông Nam Á với thế giới, đặc biệt là với các nền kinh tế phát triển là một trong những nguyên nhân chủ yếu tạo nên thành công về kinh tế của các nước ASEAN. Cùng với vị trí địa - chiến lược và sự giàu có về tài nguyên thiên nhiên, sự lớn mạnh của tổ chức ASEAN, khả năng phối hợp hành động và liên kết ngày càng chặt chẽ hơn giữa các thành viên của tổ chức đã làm cho khu vực Đông Nam Á trở nên quan trọng trong bàn cờ địa - chính trị thế giới và đặc biệt là khu vực Đông Á.

Trong thời kỳ Chiến tranh lạnh, ASEAN đã giữ sự trung lập hình thức và đã thành công trong trật tự hai cực và sự đối đầu Đông - Tây ở khu vực. Chiến tranh lạnh kết thúc cùng với trật tự hai cực tan rã đã dẫn đến tình trạng “khoảng trống quyền lực” ở khu vực Đông Nam Á. Các chủ thể quyền lực quan trọng như Trung Quốc, Nhật Bản, Mỹ giữ vị thế quan trọng ở khu vực, nhưng chưa có quốc gia nào đủ khả năng thực hiện đường lối “bá quyền” tại đây.

Trong hoàn cảnh đó, các nước ASEAN đã nhanh chóng, tích cực tham gia các cuộc thảo luận về việc xây dựng cơ chế đa phương, kết nạp thêm các thành viên mới trong khu vực với mục đích xây dựng Đông Nam Á trở thành khu vực hòa bình, trung lập, an ninh và thịnh vượng. Sau Chiến tranh lạnh, ASEAN đã đóng một vai trò khá tích cực trong việc thúc đẩy liên kết kinh tế, hòa giải về chính trị và thúc đẩy trao đổi về văn hóa trong vùng. Điểm mạnh của ASEAN là vai trò trung gian, cầu nối quan trọng trong khu vực, là nơi mà bất kỳ nước nào muốn đóng vai trò then chốt trong khu vực Đông Á đều cần phải tranh thủ và lôi kéo.

Nhìn chung, ASEAN có quan hệ tốt với cả Mỹ, Nhật Bản và Trung Quốc. Các nước ASEAN được coi là thị trường có tiềm năng lớn tiếp nhận hàng hóa Mỹ. Năm 1997 xuất khẩu của Mỹ vào đây đạt 48 tỷ USD. Nhật Bản từ thập niên 1980 trở lại đây trở thành nhà đầu tư lớn nhất của Đông Nam Á và là bạn hàng lớn nhất của ASEAN. Còn quan hệ hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư của Trung Quốc với ASEAN cũng phát triển tương đối nhanh. Mặc dù bất đồng về phương thức và phương pháp thực

hiện hợp tác kinh tế và an ninh khu vực, song do các nước lớn có mâu thuẫn nên ASEAN đã phát huy vai trò chủ đạo, tích cực trong hợp tác khu vực Đông Á.

Sự liên kết chặt chẽ của 10 nước thành viên cho phép ASEAN có tiếng nói mạnh mẽ, thống nhất trong đàm phán và thương lượng với các chủ thể quyền lực khác như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ,... ASEAN ngày càng nâng cao vị thế về an ninh, chính trị, kinh tế trong khu vực thông qua việc thành lập Diễn đàn Khu vực ASEAN (ARF) năm 1994, tạo dựng khuôn khổ thảo luận các vấn đề an ninh khu vực, tạo dựng một cộng đồng an ninh, thực hiện nhiệm vụ hòa giải xung đột khu vực.

Việc phát triển kinh tế của các nước thành viên trong tổ chức đã đưa ASEAN trở thành một trong những khu vực phát triển kinh tế năng động nhất, là một thị trường lớn ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương<sup>1</sup>.

Nhắc đến ASEAN không thể không nhắc tới các cơ chế hợp tác, đối thoại đa phương bên cạnh ASEAN như: Diễn đàn Khu vực ASEAN, Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương, Cơ chế ASEAN+1 và ASEAN+3,...

#### *a) ARF*

Diễn đàn Khu vực ASEAN (ASEAN Regional Forum - ARF) được thành lập năm 1994 nhằm thúc đẩy cơ chế đối thoại và tham vấn về các vấn đề an ninh và chính trị trong khu vực. Khẩu hiệu của ARF là *“Xúc tiến hòa bình và an ninh qua đối thoại và hợp tác ở châu Á - Thái Bình Dương”*.

Với sự tham dự của nhiều quốc gia trong và ngoài khu vực Đông Nam Á, ARF đã thể hiện tư duy mới của ASEAN về các vấn đề an ninh và hợp tác an ninh - chính trị, gắn an ninh với sự phát triển, gắn quốc gia với khu vực, gắn khu vực với quốc tế.

Cùng với việc xác định cơ cấu và nguyên tắc hoạt động, ARF đã đề ra một lộ trình gồm ba giai đoạn nhằm duy trì, củng cố nền hòa bình, an ninh khu vực. Đó là: thúc đẩy “xây dựng lòng tin”; thực hiện “ngoại

---

1. Xem Nguyễn Thiết Sơn: “Quan hệ kinh tế ASEAN - Mỹ: những vấn đề hiện nay”, Tạp chí *Châu Mỹ ngày nay*, số 4/1997, tr.33.

giao phòng ngừa”; và xem xét các cách “giải quyết các cuộc xung đột”. Mỗi giai đoạn đã soạn thảo những nội dung, biện pháp chính. Việc phân chia ba giai đoạn đều mang ý nghĩa, không phải là theo tuần tự một cách cứng nhắc.

Trong một khu vực vốn ít có lịch sử hợp tác an ninh đa phương, Diễn đàn Khu vực ASEAN là cơ chế hợp tác đa phương quan trọng nhất về an ninh ở châu Á. Diễn đàn này đã bổ sung vào các cơ chế liên minh song phương và đối thoại khác nhau hiện có ở châu Á, củng cố thêm kinh nghiệm hợp tác an ninh ở khu vực này. Diễn đàn ARF được xây dựng từ ý tưởng - rút ra từ chính kinh nghiệm của ASEAN - rằng một tiến trình đối thoại có thể tạo ra những biến chuyển tích cực trong quan hệ chính trị giữa các nước. Nó tạo ra một cơ chế hoạt động giúp các thành viên có thể thảo luận về các vấn đề an ninh hiện có trong khu vực và tăng cường các biện pháp hợp tác nhằm thúc đẩy hòa bình và an ninh trong khu vực.

ARF ra đời trên nhu cầu cấp bách cần có một cơ chế hợp tác an ninh đa phương ở Đông Á nói riêng, châu Á - Thái Bình Dương nói chung. Bởi vì, mặc dù Chiến tranh lạnh đã chấm dứt, nhưng môi trường an ninh trong khu vực còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ xung đột như tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, tài nguyên thiên nhiên, xung đột tôn giáo, sắc tộc,...

Với một cơ cấu tổ chức mềm dẻo, nguyên tắc ra quyết định dựa trên sự đồng thuận và phát triển với tốc độ phù hợp với tất cả các nước thành viên, ARF là cơ chế hợp tác an ninh đa phương thích hợp với khu vực Đông Á, châu Á - Thái Bình Dương đúng như một học giả phương Tây nhận xét: “Về phương diện lịch sử, ARF là duy nhất trong phạm vi địa lý của nó. Một cơ cấu an ninh mở rộng, bao gồm tất cả các cường quốc lớn trong khu vực, chưa bao giờ tồn tại ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương”<sup>1</sup>.

Đối với ASEAN, sự ra đời của ARF là một thành công lớn về phương diện ngoại giao của Hiệp hội này ở thời kỳ hậu Chiến tranh lạnh. ARF không chỉ tạo cơ hội cho ASEAN đóng góp vào hòa bình, ổn định và hiểu biết lẫn nhau giữa các nước trong khu vực Đông Á, châu Á - Thái Bình Dương, trong đó có Đông Nam Á, mà còn tạo điều kiện cho Hiệp hội này

---

1. Michael Leifer: *The ASEAN Regional Forum: A Model for Cooperative Security in the Middle East*, The Australian National University, Canberra, 1998, p.4.



đóng vai trò lãnh đạo trong việc vạch ra các quá trình an ninh ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

*b) APEC*

Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương - APEC (Asia-Pacific Economic Cooperation) là tổ chức quốc tế của các quốc gia nằm trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương với mục tiêu tăng cường tự do hóa thương mại và thuận lợi hóa đầu tư liên khu vực.

Từ cuối những năm 1970, đặc biệt là trong những năm 1980, sự tăng trưởng kinh tế liên tục với nhịp độ cao của châu Á mà nòng cốt là các nền kinh tế Đông Á đã thu hút sự chú ý của cả thế giới. Tiếp theo “sự thần kỳ” của Nhật Bản, các nền kinh tế công nghiệp mới (NIEs), ASEAN và đặc biệt là sự nổi lên của Trung Quốc đã biến châu Á thành khu vực phát triển kinh tế năng động nhất thế giới. Chính yếu tố này đã thúc đẩy nhu cầu xây dựng một sự hợp tác hiệu quả giữa các nền kinh tế ở khu vực.

Tháng 01-1989, tại Xơun, Hàn Quốc, Thủ tướng Ôxtrâyliya Bob Hawke đã nêu ý tưởng về việc thành lập một diễn đàn tư vấn kinh tế cấp bộ trưởng ở châu Á - Thái Bình Dương với mục đích phối hợp hoạt động giữa các chính phủ nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế ở khu vực và hỗ trợ hệ thống thương mại đa phương. Nhật Bản, Malaixia, Hàn Quốc, Thái Lan, Philíppin, Xingapo, Indônêxia, Niu Dilân, Canada và Mỹ đã ủng hộ sáng kiến này. Tháng 11-1989, các bộ trưởng ngoại giao và kinh tế của các nước này đã họp tại Canberra, Ôxtrâyliya quyết định chính thức thành lập APEC.

Sau đó, APEC kết nạp thêm Trung Quốc, Hồng Kông và Đài Loan (với tên gọi theo tiếng Anh là Chinese Taipei) vào tháng 11-1991; Mêhicô, Papua Niu Ghinê tháng 11-1993; Chilê tháng 11-1994 và tạm ngừng thời hạn xét kết nạp thành viên trong ba năm. Đến tháng 11-1998, APEC kết nạp thêm ba thành viên mới là Pêru, Liên bang Nga và Việt Nam, đồng thời quyết định tạm ngừng thời hạn xem xét kết nạp thành viên mới trong 10 năm để củng cố tổ chức.

Về chính trị, APEC có tiếng nói quan trọng trên các diễn đàn quốc tế và khu vực. Ba trong năm Ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc là thành viên của APEC (Nga, Mỹ, Trung Quốc).

Trong số 14 nền kinh tế lớn nhất thế giới có GDP hơn 500 tỷ USD thì có tới 7 thành viên thuộc APEC, trong đó có 3 nền kinh tế lớn hàng đầu thế giới là Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc.

Với các nguyên tắc hoạt động rõ ràng, bình đẳng, không phân biệt về chính trị, trình độ phát triển kinh tế, APEC thực sự đóng vai trò quan trọng; là cơ sở, động lực để thúc đẩy sự phát triển của từng thành viên cũng như cả khu vực và trên phạm vi toàn cầu.

APEC là nơi mà các nền kinh tế thành viên có thể đóng góp quan điểm, ý kiến riêng của mình nhằm xây dựng diễn đàn thành một cộng đồng kinh tế phát triển trong sự đa dạng đồng đều, hỗ trợ và bổ trợ lẫn nhau để tạo thành một thực thể kinh tế gắn bó về chính sách chung, về thị trường, về hợp tác kinh tế - khoa học - kỹ thuật, thúc đẩy quá trình tự do hóa thương mại và đầu tư trong khu vực cũng như trên toàn thế giới.

### *c) ASEAN+1, ASEAN+3*

Đầu những năm 1990, Thủ tướng Malaixia Mahathir Mohamad đã đề xuất ý tưởng thành lập Nhóm kinh tế Đông Á (EAEC) bao gồm ASEAN, Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc. Nhóm này sau đó được đổi tên thành “Diễn đàn kinh tế Đông Á” nhưng không thành hiện thực do gặp phải sự phản đối của Mỹ. Tuy nhiên, sự phản đối của Mỹ không làm cho các nước ASEAN từ bỏ ý tưởng này. Malaixia vẫn tuyên truyền, giải thích và vận động về ý tưởng thành lập một tổ chức riêng của các nước ở khu vực Đông Á. Cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ châu Á trong những năm 1997-1998 càng làm cho nhu cầu hợp tác khu vực trở nên cấp thiết. Nhiều quốc gia trong khu vực Đông Nam Á và Đông Bắc Á mong muốn gia tăng hợp tác để tìm ra những giải pháp cho cuộc khủng hoảng. Ngày 15-12-1997, Hội nghị chính thức giữa các nhà lãnh đạo ASEAN, Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc chính thức được triệu tập tại Cuala Lăm-pơ và cơ chế hợp tác ASEAN+3 ra đời từ đó. Cuộc khủng hoảng xuất phát từ Thái Lan và lan rộng tới khắp các nước Đông Nam Á đã khiến cho nền kinh tế các nước Đông Nam Á suy thoái trầm trọng, sản xuất giảm sút mạnh. Trước tình hình đó, Nhật Bản và Trung Quốc đã ra tay giúp đỡ các nước ASEAN, trong khi đó, Mỹ vốn được coi là đồng minh của một số nước ASEAN lại quay mặt làm ngơ. Điều này đã khiến ASEAN thất vọng. Cuộc khủng

hoảng tài chính - tiền tệ châu Á và phản ứng của các nước đối thoại của Đông Nam Á trước khủng hoảng này đã khiến ASEAN nhận thức được hai điều: *thứ nhất*, sự liên kết, phụ thuộc về mặt kinh tế giữa các nền kinh tế Đông Á tương đối chặt chẽ, các nền kinh tế đã trở nên phụ thuộc lẫn nhau hơn; *hai là*, những vấn đề của kinh tế Đông Á chỉ được giải quyết bằng sự nỗ lực chung của chính các quốc gia trong khu vực.

Những cố gắng thể chế hóa hợp tác khu vực khác cũng góp phần đặt những viên gạch cho con đường hướng tới một thể chế Đông Á. Đó là sự tập hợp các nước Đông Á tại các cuộc gặp sau Hội nghị Ngoại trưởng ASEAN và trong khuôn khổ ASEM. Đầu tiên là Nhật Bản (1977), sau đó là Hàn Quốc (1991) và Trung Quốc (1996) đã lần lượt tham gia hàng năm vào các cuộc ASEAN PMC để bàn về những vấn đề khu vực liên quan đến mình.

Nhìn chung, sau Chiến tranh lạnh cho đến trước năm 1997, quan hệ đa phương trong khu vực đã phát triển rõ rệt, các nỗ lực thể chế hóa hợp tác đa phương cũng có nhiều kết quả hơn. Tuy nhiên, các nỗ lực này vẫn hướng tới tiểu khu vực hoặc liên khu vực mà chưa phải là khuôn khổ Đông Á. Cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ năm 1997-1998 đã đánh dấu sự chuyển hướng sang khuôn khổ Đông Á. Từ đây, xu hướng thể chế hóa trong khuôn khổ Đông Á mới bắt đầu tăng mạnh và được quan tâm nhiều hơn.

Trong bối cảnh đó, ASEAN+3 đã được hình thành một cách đầy ý thức. ASEAN+3 xuất phát từ đề nghị của Thủ tướng Nhật Bản Hashimoto về việc tổ chức cuộc gặp thượng đỉnh Nhật Bản - ASEAN. Các nước ASEAN đã đề nghị lại rằng, cuộc gặp thượng đỉnh đó nên được mở rộng bao gồm cả Trung Quốc và Hàn Quốc. ASEAN+3 được coi là bắt đầu bằng cuộc gặp thượng đỉnh không chính thức đầu tiên giữa nguyên thủ mười nước ASEAN và ba nước Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc tại Cuala Lămpơ (Malaixia) tháng 12-1997 nhân dịp kỷ niệm 30 năm thành lập tổ chức ASEAN. Sự kiện này thực sự có ý nghĩa khởi đầu bởi đây là cuộc gặp thượng đỉnh Đông Á đầu tiên. Cuộc gặp này đã tạo đà cho sự hình thành *de facto* (các luật định) trong khuôn khổ hợp tác Đông Á diễn ra liên tục những năm sau đó.

Đúng như Muhadi Sugiono nhận xét, sự kiện ASEAN được thành lập năm 1967 có thể được coi là “một trong những sáng kiến quan trọng nhất cho một nền hòa bình ở Đông Nam Á... Từ một khu vực nhiều bất cập

bởi sự thiếu ổn định, các cuộc xung đột và gồm nhiều nước kém phát triển trong những năm 1960 trở thành một trong những khu vực có tính ổn định nhất và một nền hòa bình tương đối trên thế giới”<sup>1</sup>. Sau khi Liên Xô sụp đổ, quá trình thể chế hóa và mở rộng của ASEAN được đẩy mạnh với việc kết nạp thêm các quốc gia Đông Nam Á còn lại. ASEAN đang trên con đường trở thành một chủ thể có đủ sức mạnh để cầm lái an ninh khu vực; hoặc ít nhất là trở thành một nhân tố quan trọng bên cạnh các cường quốc khác, giúp điều phối an ninh và duy trì sự ổn định của Đông Nam Á.

### **2.3. Vai trò của các chủ thể trong một số điểm nóng an ninh khu vực**

Như đã phân tích ở trên, sau năm 1972, trục chính trong quan hệ quốc tế ở Đông Á là quan hệ Mỹ - Trung Quốc. Sự tan rã của hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu càng làm củng cố thêm sức mạnh của Mỹ và Trung Quốc trong khu vực. Vị trí, vai trò và sức mạnh của mỗi chủ thể là bản lề để đánh giá quan hệ giữa chúng với nhau. Đó cũng là quá trình hình thành luật chơi trong cục diện chính trị ở Đông Á.

Mô hình cơ cấu quyền lực trong cục diện chính trị Đông Á giai đoạn 1991-2001 giống như một vòng tròn đồng tâm mà trong đó, Mỹ đứng ở vị trí trung tâm, chi phối và kiểm soát hầu hết quan hệ quốc tế trong khu vực. Đây không chỉ là tham vọng, mà còn là thực tế. Nước Mỹ vốn bị coi là “sen đầm quốc tế”, vì lợi ích của chính nó nên Oasinhton “không thể rút lui khỏi chức năng lãnh đạo thế giới”, và thứ nữa, “sự can dự của Mỹ vào các công việc thế giới trở nên không thể đảo ngược”<sup>2</sup>. Với tư cách là “cực chiến thắng”, Mỹ là người kiến tạo nên cục diện chính trị khu vực Đông Á cùng với các tác nhân trung gian là Trung Quốc, Nhật Bản, Nga, trong một chừng mực nhất định là cả ASEAN... Cục diện chính trị thập niên 1990 được gọi cục diện *nhất siêu - đa cường*, với Mỹ là siêu cường

---

1. Muhadi Sugiono: “Các logic cho nền hòa bình: ASEAN và khu vực hòa bình tại Đông Nam Á” trong Phạm Quang Minh (Biên soạn): *Quan hệ chính trị quốc tế*, Khoa Quốc tế học - Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội, 2009, tr.46.

2. Phạm Thái Việt: “Hệ thống quan hệ quốc tế đương đại”, trong Viện Thông tin Khoa học Xã hội (Chuyên đề): *Trật tự thế giới sau Chiến tranh Lạnh: Phân tích và dự báo*, Sđd, t.II, tr.17-18.

duy nhất, phía dưới là các cường quốc như Trung Quốc, Nga, Nhật Bản và tổ chức ASEAN. Đây là sự tiếp nối của cục diện chính trị đã được Mỹ - Trung Quốc dàn xếp từ năm 1972, bởi vậy, trong khi bên ngoài nước Mỹ nhìn nhận thập niên 1990 là thời gian hình thành trật tự thế giới *đơn cực - đa nguyên*<sup>1</sup>, thì ở bên trong, giới chính trị gia Mỹ tin rằng đây là thời cơ mà Mỹ phải nắm lấy để biến thế kỷ XXI thành một thế kỷ Mỹ thứ hai, chứ không phải để thiết lập một trật tự thế giới mới<sup>2</sup>.

Sự thống trị của Mỹ và sự thiếu vắng các mối đe dọa trực tiếp khiến cho nước Mỹ có cách nhìn khác về Đông Á, thậm chí là cả việc sẽ biến Trung Quốc thành một cường quốc có trách nhiệm khi Bắc Kinh trở nên lớn mạnh. Sự vượt trội của Mỹ dường như đã làm khỏa lấp những thiếu sót từ chính sự phân hóa trong nội bộ nước Mỹ về chính sách đối ngoại, hay thậm chí là quan điểm về “khoảng trống quyền lực” ở Đông Á khi Nga rút lui và nước Mỹ giảm dần sự hiện diện tại đây. Cuộc khủng hoảng tên lửa trên bán đảo Triều Tiên và khủng hoảng eo biển Đài Loan trong thập niên 1990 cho thấy, Mỹ đã chiếm vị trí thượng phong, nhưng không phải mọi thứ đều diễn ra theo ý muốn của họ.

*Thứ nhất, vấn đề hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên.* Trong bức tranh chung của khu vực Đông Á vẫn có những khoảng tối còn lại của thời kỳ Chiến tranh lạnh trên bán đảo Triều Tiên - nơi bị chia cắt thành hai nhà nước là Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên ở phía bắc vĩ tuyến 38 và Hàn Quốc ở phía nam vĩ tuyến 38. Quan hệ Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên - Hàn Quốc có dấu hiệu âm dần lên. Cả hai miền Triều Tiên đều thuộc một nền văn hóa Triều Tiên, chịu ảnh hưởng của văn minh Trung Hoa. Bất chấp những khác biệt về chính trị - kinh tế - xã hội và nổi đầu chiến tranh kéo dài từ năm 1950 đến nay, người Triều Tiên ở cả hai miền vẫn xem họ là một “dân tộc”<sup>3</sup>. Học giả người Mỹ Samuel P. Huntington dự báo, “bạo lực giữa hai miền Triều Tiên vẫn còn có khả năng xảy ra, sự

---

1. Xem Bogaturov Aleksey Demosfenich, Averkov Viktor Viktorovich: *Lịch sử quan hệ quốc tế*, Sđd.

2. Xem Hoàng Văn Hiến, Nguyễn Viết Thảo: *Quan hệ quốc tế từ 1945 đến 1995*, Sđd, tr.93.

3. Xem Phạm Quang Minh: *Quan hệ quốc tế ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương*, Sđd, tr.170.

tương đồng văn hóa giữa họ lại có thể xói mòn khả năng đó theo thời gian”<sup>1</sup>. Dựa trên cơ sở này, chính quyền dân sự đầu tiên ở Hàn Quốc dưới thời Kim Young Sam đã đề ra cách thức thống nhất cho Cộng đồng dân tộc Hàn dựa trên ba khía cạnh sau:

1. *Sự hòa giải và hợp tác: Sự thù địch và đối đầu hiện nay sẽ phải được thay thế bằng sự hòa giải và hợp tác.*

2. *Cộng đồng Hàn: Một khi việc cùng tồn tại hòa bình và sự thịnh vượng chung được bảo đảm, hai phần của bán đảo Hàn sẽ hội nhập trong một cộng đồng kinh tế - xã hội duy nhất.*

3. *Một quốc gia dân tộc: Vấn đề này sẽ được hoàn thành với sự hợp nhất hoàn toàn của hai miền Nam và Bắc*<sup>2</sup>.

Ngày 13-6-2000, Hội nghị Thượng đỉnh liên Triều đã diễn ra, mở ra thời kỳ hòa bình, hợp tác giữa Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên và Hàn Quốc, nhen nhóm hy vọng về việc thống nhất đất nước.

Giữa lúc vấn đề thống nhất hai miền đang thu hút mọi sự chú ý trên bán đảo Triều Tiên thì cuộc khủng hoảng hạt nhân Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên nổ ra năm 1992, khi giới chức Cơ quan Năng lượng nguyên tử quốc tế (IAEA) cho biết chính quyền Bình Nhưỡng đã cho sử dụng nhiên liệu từ các cơ sở hạt nhân ở Yongbyon một cách bí mật. Sau đó, bất chấp sự phản đối từ bên ngoài, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên tuyên bố sẽ rút khỏi Hiệp ước không phổ biến vũ khí hạt nhân (NPT). Sự việc chỉ lên đến đỉnh điểm khi Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên tiến hành phóng tên lửa Paektusan-1, làm khởi phát lên cuộc khủng hoảng tên lửa, mà điều đáng quan tâm nhất là nó che giấu một vụ thử vũ khí hạt nhân.

Nhận thấy mối đe dọa hạt nhân từ phía Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên đang lên cao, tháng 6-1994, cựu Tổng thống Mỹ Jimmy Carter đã tới gặp gỡ với Chủ tịch Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên Kim Nhật Thành và đạt được một thỏa thuận khung về việc Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên đồng ý dừng các chương trình hạt nhân của mình để

---

1. Samuel P. Huntington: *Sự va chạm giữa các nền văn minh*, Sđd, tr.310.

2. Xem Cơ quan Thông tin hải ngoại Hàn Quốc: *Hàn Quốc - Lịch sử và văn hóa*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.186.

đổi lấy các khoản cứu trợ từ phía Mỹ và Hàn Quốc. Tuy nhiên, tình hình căng thẳng trở lại sau khi Kim Nhật Thành qua đời, con trai Kim Nhật Thành là Kim Jong-il lên làm Chủ tịch Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên, tiếp tục tiến hành các chương trình hạt nhân của cha mình. Kim Jong-il thi hành một chính sách đối ngoại khá cứng rắn nhằm theo đuổi tham vọng trở thành một cường quốc hạt nhân, đủ khả năng bảo đảm an ninh Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên trước bất cứ hành vi xâm phạm nào của Hàn Quốc và Mỹ. Mặc dù vậy, những khó khăn trong nước đã hạn chế phần nào ý muốn này của Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên. Năm 1998, tình hình Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên dần được cải thiện. Năm 1999, thu nhập quốc dân đạt 13 tỷ USD và mức thu nhập bình quân đầu người rất thấp, chỉ là 544 USD<sup>1</sup>.

**Bảng 3: Chương trình hạt nhân  
của Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên theo quan điểm  
ba mô hình của Scott D. Sagan<sup>2</sup> và lợi ích quốc gia tương ứng**

<b>Mô hình</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Lợi ích quốc gia tương ứng</b>
Mô hình an ninh ( <i>Security Model</i> )	Vũ khí hạt nhân và các mối đe dọa quốc tế ( <i>Nuclear Weapons and International Threats</i> )	An ninh
Mô hình chính trị nội bộ ( <i>The Domestic Politics Model</i> )	Tham vọng hạt nhân của nhà lãnh đạo và những lợi ích cục bộ ( <i>Nuclear Pork and Parochial Interests</i> )	- Sự cố kết quốc gia - Môi trường chính trị trong nước
Mô hình quy chuẩn ( <i>The Norms Model</i> )	Biểu tượng hạt nhân và bản sắc quốc gia ( <i>Nuclear Symbols and State Identity</i> )	Hình ảnh, danh dự và vị thế quốc gia

1. Xem Nguyễn Anh Thái (Chủ biên): *Lịch sử thế giới hiện đại, Sđd*, tr.331.

2. Xem Scott D. Sagan: “Why do States Build Nuclear Weapons? Three Models in Search of a Bomb”, *International Security*, Chương 21, số 3, Winter, 1996-1997, tr.54-86.

Về lý thuyết, Mỹ hoàn toàn có thể trở thành “đạo diễn” cho một Triều Tiên thống nhất, nhưng chiến tranh ở Việt Nam là một bóng đen phủ lên tham vọng của nước Mỹ ở châu Á - Thái Bình Dương, trong khi quan hệ Mỹ - Trung Quốc đã có những thỏa thuận theo kiểu nước lớn. Cục diện nước lớn trong vấn đề Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên có nhiều thay đổi quan trọng: *Thứ nhất*, Liên Xô (sau này là Nga) mất đi vai trò là kẻ đối trọng chính với Mỹ trong vấn đề Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên, thay vào đó là Trung Quốc. *Thứ hai*, tham vọng hạt nhân ở Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên khiến vấn đề phi hạt nhân hóa trở thành trung tâm trong quan hệ nước lớn ở bán đảo Triều Tiên, bên cạnh câu chuyện thống nhất hai miền. *Thứ ba*, cả Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên và Hàn Quốc đều chủ động trở thành các nhân tố định hình nên cục diện chính trị - an ninh khu vực trong vai trò là những cường quốc bậc trung, Hàn Quốc có sự bảo trợ của Mỹ, còn Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên là một quốc gia có vũ khí nguyên tử<sup>1</sup>.

Phía Mỹ tin vào ưu thế vượt trội của họ có thể thống nhất bán đảo Triều Tiên theo hướng có lợi cho mình; hoặc tối thiểu là một Triều Tiên phi hạt nhân. Tuy nhiên, khi Kim Jong-il kiên quyết thực hiện tham vọng hạt nhân, thì chính quyền Mỹ đã chấp nhận nhượng bộ giải pháp thống nhất, đổi lại hạn chế chương trình hạt nhân của Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên bằng lương thực. Trong khi đó, Trung Quốc tiếp tục bị chi phối bởi quan điểm “vùng đệm”, không chấp nhận kịch bản Triều Tiên thống nhất thân phương Tây, do đó dường như giữ nguyên hiện trạng là giải pháp ổn hơn cả. Các cường quốc khu vực khác như Nga, Nhật Bản, Hàn Quốc thì quan tâm đến việc một cuộc chiến tranh có thể xảy ra nếu Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên phát triển năng lực hạt nhân.

*Thứ hai, cuộc khủng hoảng eo biển Đài Loan năm 1996 là sự kiện tiêu biểu thứ hai phản ánh sự tương tác giữa các chủ thể chính trong cục diện chính trị Đông Á. Khủng hoảng ở eo biển Đài Loan là sự kiện hiếm hoi mà*

---

1. Xem thêm Trần Bách Hiếu, Nguyễn Văn Trung: “Prospect for Reunification of the Korean Peninsula: Perspective from International Relations in East Asia Today”, tr. 293-303 trong Korean Global Foundation: *International Relations in East Asia in the New Regional Context*, KGB-Publishing House.



Trung Quốc và Mỹ đối đầu với nhau một cách trực tiếp. Bắc Kinh luôn bảo vệ quan điểm về việc Đài Loan là một phần lãnh thổ của Trung Quốc và có thể sử dụng vũ lực để tiến hành thống nhất đất nước, trong khi Oasinhton mong muốn duy trì mối quan hệ với Đài Loan dựa trên Luật quan hệ với Đài Loan năm 1979 nhằm duy trì vành đai liên minh bao vây Trung Quốc sau khi quan hệ ngoại giao chính thức bị chấm dứt. Tháng 3-1996, quân đội Trung Quốc đã tiến hành diễn tập quy mô lớn và bắn tên lửa ở eo biển Đài Loan trong khi Đài Loan diễn ra bầu cử tổng thống, nhằm cảnh báo chính quyền mới ở Đài Loan nên từ bỏ tham vọng theo đuổi một chính sách độc lập.

Sự việc chỉ trở nên căng thẳng khi các lực lượng quân sự của Mỹ, bao gồm tàu sân bay *Independence* và tàu tiếp tế, đã được điều đến sát eo biển Đài Loan bất chấp sự phản đối từ phía Trung Quốc. Sự hiện diện của Mỹ tại khu vực này đã làm kết thúc cuộc khủng hoảng eo biển Đài Loan. Hành động của Mỹ ở eo biển Đài Loan cho dù chỉ mang tính biểu dương lực lượng, trong khi sức mạnh hải quân của Trung Quốc còn rất yếu, song nó cũng cho thấy vai trò của Mỹ trong cục diện chính trị khu vực. Điều đó cũng khiến cho Trung Quốc đẩy mạnh hơn hợp tác với Nga như là cách để cân bằng với Mỹ. Khác với vấn đề Triều Tiên, lợi ích của nước Mỹ ở Đài Loan rõ ràng hơn. Về căn bản, Oasinhton đã có thể hài lòng với tình hình trên bán đảo Triều Tiên cho dù vấn đề hạt nhân của Bình Nhưỡng vẫn còn nóng bỏng, song Đài Loan lại là một mắt xích không thể thiếu trong vành đai phòng thủ Thái Bình Dương của Mỹ; do đó, chính quyền Clinton vẫn duy trì quan điểm về một Đài Loan độc lập không chịu sự kiểm soát của Bắc Kinh.

Tuy nhiên, vì Trung Quốc cũng là một nước lớn nên việc Mỹ vẫn chưa nối lại các kênh ngoại giao chính thức với Đài Loan cũng phần nào phản ánh sự nhượng bộ đối với Trung Quốc. Lợi ích của Trung Quốc ở Đài Loan không chỉ là ngăn chặn được một đồng minh chính thức nữa của Mỹ ở châu Á mà còn là hình ảnh, vị thế của một cường quốc không muốn quay lại “thế kỷ nhục nhã” bị thực dân bên ngoài xâm xé. Bởi vậy, sau khi đã thống nhất được Hồng Kông và Ma Cao, giới lãnh đạo Trung Quốc chắc chắn sẽ thúc đẩy tham vọng tương tự đối với Đài Loan. Việc sáp nhập Đài Loan vào Trung Quốc đại lục sẽ dễ dàng hơn nhờ vào sự tương đồng văn hóa - văn minh, song nó bị chi phối bởi ý muốn của người dân Đài Loan và lợi ích của Mỹ.

### **3. Cục diện chính trị Đông Á giai đoạn 2001-2009**

#### **3.1. Bối cảnh quốc tế và khu vực**

Thế giới bước vào thập niên thứ hai sau Chiến tranh lạnh và là thập niên đầu tiên của thế kỷ mới - thế kỷ XXI với những cuộc đổi ngôi liên tiếp trên chính trường của các cường quốc: ở Mỹ, sau hai nhiệm kỳ cầm quyền liên tiếp của Đảng Dân chủ là thời gian lãnh đạo của Đảng Cộng hòa (2001); ở Nga, Vladimir Putin (thuộc Đảng nước Nga Thống nhất) lên làm Tổng thống Liên bang Nga (2000) tiếp quản từ thời Boris Yeltsin; ở Trung Quốc, năm 2002, Hồ Cẩm Đào - thuộc thế hệ lãnh đạo thứ tư Đảng Cộng sản Trung Quốc - được bầu làm Tổng Bí thư, sau đó là Chủ tịch nước (2003) thay cho Giang Trạch Dân... Thập niên đầu thế kỷ XXI cũng là thời gian mà sự vận động của đời sống chính trị thế giới trở nên mạnh mẽ và phức tạp hơn bởi sự lớn mạnh của các chủ thể, các trung tâm mới bên cạnh các chủ thể, các trung tâm cũ. Điều này đã tạo nên tính chất đa cực hóa và sự phân tuyến rõ nét trong cục diện chính trị thế giới. Mặc dù sau Chiến tranh lạnh, xu thế hòa hoãn, hợp tác đang là chủ đạo, nhưng trước những mối đe dọa trực tiếp và tiềm ẩn, thế giới vẫn tiếp tục chứng kiến những cuộc chiến tranh, xung đột giữa các quốc gia, các nền văn hóa - đại diện là các tôn giáo - và các nhóm sắc tộc. Thực tế, các quốc gia vẫn không ngừng gia tăng các mối lo ngại về nhau, và những nghi kị về sức mạnh của các quốc gia luôn trở thành “động lực” để cạnh tranh và cọ sát lợi ích chiến lược với nhau.

Nước Mỹ - xét trên mọi khía cạnh - vẫn đang đứng ở vị trí độc tôn trên thế giới. Mỹ là chủ thể quốc gia có nền kinh tế lớn nhất thế giới, và là quốc gia có quyền lực nhất trong nền chính trị thế giới cũng như trong các thể chế quốc tế như Liên hợp quốc. Sức mạnh của Mỹ được kết hợp ở cả hai nền tảng là sức mạnh cứng (quân sự) và sức mạnh mềm (các giá trị kiểu Mỹ: dân chủ, khoa học - công nghệ,...). Các nhà phân tích chính trị quốc tế đều đi đến một nhận định chung rằng: Mỹ là một siêu cường duy nhất trong thế giới đương đại. Nhà bình luận chính trị Fareed Zakaria - người theo chủ nghĩa hiện thực điển hình - trong một bài viết trên tờ *Newsweek* năm 2003, đã khẳng định: “Vị thế của nước Mỹ là vô tiền khoáng hậu” và “thế giới được định hình và thống trị bởi Mỹ”. Cuốn sách

nổi tiếng *The Post-American World* của ông xuất bản năm 2008, vẫn duy trì quan điểm rằng Mỹ tiếp tục đứng ở vị thế đứng đầu, cho dù phần còn lại của thế giới đang biến đổi nhanh chóng.

Trong năm 2001, nước Mỹ diễn ra hai sự kiện quan trọng, không chỉ tác động tới nước Mỹ mà còn cả thế giới. Sự kiện thứ nhất là vào ngày 20-01-2001, George W. Bush, thành viên của Đảng Cộng hòa, tuyên thệ nhậm chức Tổng thống thứ 43 của Mỹ. Sự kiện thứ hai là vào thứ Ba, ngày 11-9-2001, hai chiếc máy bay hiệu Boeing đã lao thẳng vào Tòa tháp đôi của Trung tâm Thương mại thế giới tại Manhattan, Thành phố New York, Mỹ. Hai tiếng sau đó, cả hai tòa tháp sụp đổ. Một chiếc máy bay khác đâm vào trụ sở Bộ Quốc phòng Mỹ tại Lầu Năm Góc ở Quận Arlington, Virginia. Vụ tấn công đã làm gần 3.000 người thiệt mạng. Người dân Mỹ gọi đó là “Ngày thứ Ba đen tối” và ngày 11 tháng 9 đã làm thay đổi thế giới và thay đổi nước Mỹ. Ngày 26-10-2001, Tổng thống Mỹ George W. Bush ký Đạo luật Đoàn kết và Củng cố nước Mỹ bằng cách cung cấp những công cụ thích hợp cần thiết để ngăn chặn và hạn chế chủ nghĩa khủng bố (Uniting and Strengthening America by Providing Appropriate Tools Required to Intercept and Obstruct Terrorism - The USA PATRIOT Act) nhờ được sự ủng hộ của hai đảng, mở đường cho cuộc chiến chống khủng bố sau này - khi mà khủng bố bắt đầu được xem là mối đe dọa lớn nhất đối với nước Mỹ.

Vụ khủng bố ngày 11-9-2001 đã thay đổi phần lớn chính sách đối ngoại của nước Mỹ dưới thời Tổng thống George W. Bush (Đảng Cộng hòa), bắt đầu một giai đoạn hao người tổn của nhất kể từ sau Chiến tranh lạnh. Trong suốt hai nhiệm kỳ của mình, ông George W. Bush đã đưa nước Mỹ vào các cuộc chiến ở Trung Đông: chống khủng bố trên toàn Trung Đông và các nhà nước được liệt vào danh sách “trục ma quỷ” (Irắc, Iran, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên); chống lại nhà nước của Tổng thống Saddam Hussein ở Irắc; tiêu diệt tổ chức khủng bố Al-Qaeda - lực lượng được cho là gây ra vụ 11-9 - và các phần tử Taliban ở Ápganixtan; ngăn cản chương trình hạt nhân của Iran,... Dĩ nhiên, bằng việc đề cao quá mức sự nguy hiểm của bọn khủng bố đối với an ninh của Mỹ nên các chính sách của ông Bush nhận được rất nhiều sự ủng hộ của người dân Mỹ trong thời gian đầu. Chính quyền của G. Bush đã tiến hành một cuộc chiến tại

Trung Đông với hai mục tiêu căn bản: i) tái khẳng định vị thế là người kiểm soát Trung Đông - nơi giao thoa của lục địa Á - Âu và là nơi có nguồn năng lượng dầu mỏ dồi dào; ii) tiêu diệt các lực lượng khủng bố có khả năng ảnh hưởng tới an ninh của Mỹ, đồng thời loại bỏ các chính phủ bị Mỹ coi là độc tài hoặc chống lại vai trò của Mỹ ở Trung Đông, điển hình là Irắc và quốc gia hồi giáo Iran.

Cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ năm 2004 cũng phản ánh thực tế nỗi sợ hãi về một cuộc tấn công tiếp theo của bọn khủng bố vẫn âm ỉ trong lòng xã hội Mỹ. Đương kim Tổng thống, cũng đồng thời là ứng cử viên của Đảng Cộng hòa George W. Bush và ứng cử viên của Đảng Dân chủ John Kerry “đã bất đồng gay gắt về mức độ mà Mỹ nên hành động đơn phương trong chính sách đối ngoại của mình, về việc liệu cuộc chiến chống Irắc là chính đáng, về việc liệu Mỹ có nên tham gia cuộc đàm phán toàn cầu để giảm phát thải khí gây ấm lên toàn cầu, và trong một loạt các vấn đề khác”. Trong khi John Kerry tuyên bố sẽ rút hết quân khỏi Irắc thì George W. Bush không nghĩ vậy, quân đội Mỹ cần được duy trì ở đây để hỗ trợ Irắc tái thiết và ổn định tình hình khu vực. Nước Mỹ chưa thể chắc chắn rằng, các lực lượng khủng bố đã bị tiêu diệt khi mà mục tiêu của họ chưa đạt được. Cuối cùng, George W. Bush lại là người chiến thắng và tiếp tục “dẫn dắt chính sách đối ngoại của Mỹ trong thời gian 2005-2008”<sup>1</sup>. Gần như trong suốt thời gian làm Tổng thống Mỹ, Bush luôn duy trì lý lẽ rằng, “hòa bình mà chúng ta tìm kiếm sẽ chỉ đạt được bằng việc loại bỏ những điều kiện nuôi dưỡng chủ nghĩa cực đoan và tư tưởng của những vụ thảm sát”<sup>2</sup>. Tuy nhiên, cuộc chiến tại Irắc và Ápganixtan mà Mỹ và liên quân thực hiện đã không thể chấm dứt trong suốt hai nhiệm kỳ của George W. Bush (2000-2008).

Sức mạnh của nước Mỹ không chỉ bị hút vào cuộc chiến ở Trung Đông mà còn bị ảnh hưởng bởi cuộc khủng hoảng tài chính xảy ra cuối năm 2007 rồi lên đến đỉnh điểm vào năm 2008. Trong hai năm 2008-2009, kinh tế Mỹ còn có mức tăng trưởng âm lần lượt là -0,19% và -2,7%. Nguyên nhân được cho là bắt nguồn từ bong bóng nhà đất và sự tự tin quá

---

1, 2. John T. Rourke: *International Politics on the World Stage*, Eleventh Edition, McGraw-Hill, New York, pp.21, 28.

mức vào thị trường tự do của chính phủ, dẫn đến sự sụp đổ của nhiều ngân hàng lớn, chứng khoán sụt giảm..., tình trạng này nhanh chóng lan rộng sang châu Âu và nhiều khu vực khác trên thế giới, trở thành cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới. Mặc dù vẫn duy trì được vị trí là nền kinh tế lớn nhất thế giới, song khoảng cách giữa Mỹ với các nền kinh tế lớn khác đang bị thu hẹp nhanh chóng. Cũng bởi những tác động lớn lao mà cuộc khủng hoảng kinh tế này gây ra, ý tưởng về trật tự thế giới mới, trước hết là những thay đổi trong hệ thống kinh tế thế giới, ngày càng trở thành chủ đề trung tâm trong các dự báo thế giới tương lai với vai trò ngày càng tăng của Trung Quốc, Nga, Ấn Độ,... bên cạnh các trung tâm cũ như EU và Nhật Bản.

Bước sang thế kỷ XXI cũng là lúc sự vận động của đời sống chính trị thế giới phát triển mạnh mẽ hơn, nhưng về căn bản vẫn là sự tiếp tục từ thời kỳ sau Chiến tranh lạnh. Trong các nhân tố đó, nổi lên chủ yếu là Trung Quốc, EU, Nga, Ấn Độ,... Những chủ thể này đang từng bước đưa cục diện chính trị thế giới vận động theo nhiều chiều hướng khác nhau, theo cách dần rời xa siêu trung tâm là Mỹ, từ đó hình thành các trung tâm - tiểu trung tâm mang tính khu vực hoặc những liên kết vùng rộng lớn.

Ở châu Âu, “để giữ gìn và phát huy những thành quả đã đạt được, những người lãnh đạo Liên minh châu Âu ngày nay đã khẳng định đường lối chiến lược về một EU “mạnh hơn và mở rộng hơn” trong thế kỷ XXI”<sup>1</sup>. Liên minh châu Âu tiếp tục là trung tâm chi phối đời sống chính trị ở châu Âu, bên cạnh là những ảnh hưởng riêng biệt của các cường quốc trong khu vực này. Hiệp ước Nice - trụ cột thứ ba của EU - có hiệu lực năm 2003 đã mở đường cho những hội nhập về mặt thể chế để các nước EU có thể đề ra một hiến pháp chung cho “siêu Nhà nước” của châu Âu. Mặc dù đã gặp phải thất bại, cũng như sự phản đối nhất định từ phía các thành viên, nhưng sau đó với nỗ lực của các nước đi đầu thì EU cũng đã đạt được thỏa thuận về Hiến pháp chung năm 2004. Tháng 12-2007,

---

1. Bùi Huy Khoát: “Dự báo sự phát triển của Liên hiệp châu Âu trong hai thập niên đầu tiên thế kỷ XXI”, trong Viện Thông tin Khoa học Xã hội (Chuyên đề): *Trật tự thế giới sau Chiến tranh lạnh: Phân tích và dự báo*, Sđd, tr. 304.

Hiệp ước Lisbon được ký kết (có hiệu lực từ ngày 01-01-2009), các nước châu Âu về cơ bản đã hoàn thành những công việc quan trọng nhất cho việc nhất thể hóa châu Âu. EU đã thành lập Hội đồng châu Âu (European Council) và có cơ quan riêng phụ trách vấn đề ngoại giao và an ninh.

Song song với quá trình cổ kết nội bộ, EU cũng tăng cường mở rộng thành viên sang phía Đông. Năm 2007, số lượng thành viên của EU là 27 thành viên, trong đó phần lớn là các nước trước đây từng thuộc phạm vi ảnh hưởng của Liên Xô, nay đã đủ các điều kiện cần thiết để gia nhập EU. Nền kinh tế của EU tiếp tục đứng hàng đầu thế giới, từ năm 2001 đến 2009, GDP của EU đã tăng gấp đôi từ 8,92 nghìn tỷ USD lên đến 17,02 nghìn tỷ USD. Một sự kiện đáng chú ý ở châu Âu giai đoạn này mà không thuộc EU đó là, với 55% dân chúng đồng ý, Thụy Sĩ đã trở thành thành viên của Liên hợp quốc vào năm 2002 sau gần hai thế kỷ thi hành chính sách trung lập.

Tuy nhiên, châu Âu không phải lúc nào cũng ổn định. Từ sau vụ khủng bố ngày 11-9-2001 ở Mỹ, một số quốc gia châu Âu cũng phải đối mặt với những vụ khủng bố đẫm máu. Quan hệ giữa Nga với EU bị chia rẽ mạnh mẽ hơn bởi hai vấn đề lớn là Côxôvô và cuộc chiến tranh Nam Ôxétia năm 2008. Ngày 17-02-2008, sau hơn 10 năm xảy ra cuộc chiến tranh, Côxôvô đã tuyên bố độc lập, trở thành Cộng hòa Côxôvô. Mỹ, Đức, Italia, Anh, Ba Lan,... đã ủng hộ và công nhận Côxôvô độc lập, tách khỏi Xécbia; trong khi đó, Nga không công nhận tính độc lập của Côxôvô. Tháng 8-2008, xảy ra cuộc chiến ở Nam Ôxétia, giữa quân đội Nga ủng hộ sự độc lập của Ápkhadi và Nam Ôxétia với Grudia. Giữa tháng 8-2008, thỏa thuận đình chiến được tiến hành, Nga chính thức công nhận độc lập của Ápkhadi và Nam Ôxétia, trong khi Grudia, Mỹ, Đức và nhiều quốc gia phương Tây khác tuyên bố phản đối.

Ở châu Phi, Liên hiệp châu Phi (African Union - AU) ra đời năm 2002, với tiền thân là Tổ chức Thống nhất châu Phi (The Organization of African Unity - OAU) đã cơ bản hoàn thành vai trò của mình là hỗ trợ cho cuộc đấu tranh giành độc lập ở châu Phi trong thế kỷ XX, trở thành tổ chức khu vực hàng đầu của châu Phi và cũng là tổ chức khu vực có số lượng thành viên đông nhất thế giới. Không khó để nhận ra tham vọng của những nhà lãnh đạo sáng lập ra AU là nhằm hướng tới một mô hình tương tự như Liên minh châu Âu ở châu Phi. Trong bối cảnh quốc tế mới,

AU đề ra mục đích là: i) Tăng cường đoàn kết, hòa bình giữa các quốc gia châu Phi; ii) Khuyến khích nền dân chủ và quản trị tốt; iii) Thúc đẩy tăng trưởng bền vững<sup>1</sup>. Sự ra đời của AU diễn ra trong bối cảnh trào lưu chủ nghĩa khu vực, chủ nghĩa đa phương đang nở rộ trong quan hệ quốc tế. Tuy nhiên, những nghi ngờ về tương lai của AU cũng rất lớn, nhất là khi châu Phi vẫn được xem là khu vực kém phát triển nhất thế giới - nơi mà trước đây từng được xem là “thế giới thứ ba”.

Tình hình châu Phi vẫn tiếp tục bị تهدد bởi các cuộc xung đột, nội chiến vì quyền lực, sắc tộc - tôn giáo,... mà nổi bật nhất là thảm sát ở Darfur, miền Tây Xudăng. Các cuộc xung đột sắc tộc, đụng độ giữa quân đội chính phủ với lực lượng phiến quân đã làm hơn 70.000 người chết và buộc khoảng 1,8 triệu người phải di dời ra xa khu vực bất ổn. Khủng hoảng ở Darfur đang là thảm họa nhân đạo lớn nhất hành tinh<sup>2</sup>.

Trung Đông trở thành trung tâm của nền chính trị thế giới trong thập niên đầu tiên của thế kỷ XXI, nó gắn chặt với trọng tâm chính sách đối ngoại của Mỹ dưới thời Tổng thống G.W. Bush. Tháng 10-2001 với Chiến dịch Enduring Freedom, Mỹ đã bắt đầu cuộc chiến chống khủng bố tại Ápganixtan, nơi được cho là Osama bin Laden đang ẩn náu; mục tiêu của chiến dịch nhằm tiêu diệt Al-Qaeda và các thành phần Taliban mà Mỹ coi là “những kẻ chứa chấp chúng”. Trong *Thông điệp Liên bang* đầu tiên năm 2002, Tổng thống Mỹ G.W. Bush tuyên bố: “*Mỹ và Ápganixtan hiện nay là đồng minh chống khủng bố*”. Theo Bush, những kẻ khủng bố đã từng chiếm đóng Ápganixtan và hiện đang chiếm các vùng quan trọng ở Vịnh Guantanamo; Ápganixtan đang bị phân chia bởi những kẻ khủng bố và những người đã được giải phóng, một trong số đó có nhà lãnh đạo Ápganixtan - Tổng thống Hamid Karzai<sup>3</sup>. Tiếp theo cuộc chiến tại

---

1. Xem “Profile: African Union”, *BBC News*, [http://news.bbc.co.uk/2/hi/africa/country\\_profiles/3870303.stm](http://news.bbc.co.uk/2/hi/africa/country_profiles/3870303.stm).

2. Xem Scott Straus: “*Darfur and the Genocide Debate*”, *Foreign Affairs*, <http://www.foreignaffairs.com/articles/60434/scott-straus/darfur-and-the-genocide-debate>.

3. Xem George W. Bush: *President Delivers State of the Union Address*, <http://georgewbush-whitehouse.archives.gov/news/releases/2002/01/20020129-11.html>.

Ápganixtan, ngày 20-3-2003, Mỹ và đồng minh tiến hành cuộc chiến tại Irắc với lý do chính quyền Irắc của Tổng thống Saddam Hussein tàng trữ vũ khí hủy diệt hàng loạt. Nhưng sau các chiến dịch quan trọng kết thúc, chính quyền Tổng thống Saddam Hussein sụp đổ, Mỹ và liên quân vẫn không thể tìm ra dấu hiệu cho thấy Irắc có vũ khí hủy diệt. Ngày 13-12-2003, Saddam Hussein bị bắt giữ và tử hình tại Bagdad, Irắc cuối năm 2006. Tuy nhiên, George Bush vẫn coi đây là một chiến thắng của nước Mỹ chống lại tội ác.

Sau Ápganixtan và Irắc, Iran là quốc gia tiếp theo thu hút sự chú ý của dư luận quốc tế do chương trình làm giàu Uranium của Têhêran. Iran là quốc gia có vị trí địa chiến lược cực kỳ quan trọng ở khu vực Trung Đông, lại sở hữu nguồn tài nguyên thiên nhiên rất lớn, đặc biệt là “vàng đen”: dầu mỏ và khí đốt. Iran là một quốc gia Hồi giáo và cũng được coi là quốc gia Hồi giáo lớn nhất thế giới. Sau vụ khủng bố ngày 11-9-2001, chính quyền George W. Bush đã đưa Iran vào danh sách các quốc gia nằm trong “trục ma quỷ”. Nhưng Iran không dễ bị tấn công như Irắc và Ápganixtan, thực tế Têhêran đã sẵn sàng bước vào một cuộc chơi nước lớn với sự tham gia của cả Mỹ và Nga. Phía Nga một mặt có những cảnh giác nhất định đối với chương trình hạt nhân của Iran, nhưng mặt khác cũng lợi dụng chương trình này để tạo dựng uy tín với Iran và hạn chế ảnh hưởng của Mỹ. Mỗi quan hệ giữa Iran và Nga được xem là tương đối ổn định, chủ yếu trên lĩnh vực quân sự khi kế hoạch hiện đại hóa quân đội của Iran được Nga đứng sau trợ giúp bằng các loại vũ khí, trang thiết bị hiện đại. Những động thái này của Nga chắc chắn sẽ khiến Mỹ không hài lòng và buộc phải hành động. Mặc dù tầm ảnh hưởng của Mỹ ở Trung Đông là khá lớn, nhưng trước những tuyên bố đầy mạnh mẽ từ phía Iran, Mỹ buộc phải trông chờ vào phản ứng của dư luận quốc tế, đặc biệt là Liên hợp quốc. Mỹ còn lên tiếng yêu cầu Nga ngừng các hành động trợ giúp chương trình hạt nhân của Iran. Trước sức ép của Mỹ và phương Tây, Liên hợp quốc đã thông qua những biện pháp trừng phạt, áp đặt các lệnh cấm vận đối với Iran. Thậm chí, Mỹ còn hé lộ khả năng sẽ tấn công quân sự đối với Iran. Điều này đẩy lên lo ngại về cuộc chiến tranh vùng vịnh lần thứ ba mà Mỹ và liên quân có thể tiến hành, song song với cuộc chiến tại Ápganixtan và Irắc.



Về phần mình, Iran tuyên bố các chương trình hạt nhân của họ được phát triển vì mục đích hòa bình, bản thân Iran cũng đã phê chuẩn tham gia Hiệp ước không phổ biến vũ khí hạt nhân (NPT). Thực tế, trước áp lực ngày càng lớn từ phía các đồng minh của Mỹ tại Trung Đông là Ixraen, Thổ Nhĩ Kỳ và ảnh hưởng của Mỹ ngày càng lớn, Iran cần phải có một sức mạnh đủ lớn để không bị chèn ép. Tháng 8-2005, Tổng thống Iran Mahmoud Ahmadinejad tuyên bố, Iran không có ý định dừng các chương trình hạt nhân của mình và cảnh báo nếu Mỹ có những hành động khiêu khích đối với Iran thì Iran sẵn sàng rút khỏi NPT. Bất chấp những phản đối của Mỹ và đồng minh, Iran vẫn tiếp tục phát triển chương trình hạt nhân riêng của mình. Vấn đề hạt nhân Iran bắt đầu trở thành cuộc khủng hoảng hạt nhân ở Trung Đông.

Cũng tại Trung Đông, xung đột và căng thẳng triền miên giữa Ixraen và Palestin vẫn chưa có hồi kết, thậm chí còn phức tạp hơn sau khi Mỹ can thiệp vào Ápganixtan và Irắc và sau đó là cái chết của Chủ tịch Tổ chức Giải phóng Palestin (PLO) Yasser Arafat - mà phía Palestin cũng cáo buộc Ixraen và phương Tây có liên quan. Năm 2005, Ixraen rút khỏi dải Gaza, và tổ chức Hamas (Palestin) đã giành được quyền kiểm soát vào năm sau đó. Hai bên đã thiết lập được các lệnh ngừng bắn, chiến sự tạm lắng xuống. Tuy nhiên, cuối năm 2008, tình hình đã căng thẳng trở lại ở dải Gaza và miền Nam Ixraen do cả hai bên đều cáo buộc lẫn nhau vi phạm lệnh ngừng bắn. Sự hậu thuẫn của Mỹ đối với Ixraen là mấu chốt của sự căng thẳng giữa Ixraen với các nước xung quanh. Bộ trưởng Quốc phòng Ixraen Ehud Barak tuyên bố sẽ tiến hành chiến tranh đến cùng, và phía Palestin cũng thể hiện động thái tương tự.

Ở Đông Á - Thái Bình Dương, bất chấp thảm họa sóng thần cuối năm 2004 phủ bóng mây ảm đạm, khu vực này vẫn đang trở thành nơi phát triển năng động làm chuyển dịch cán cân kinh tế toàn cầu. Sự nổi lên của Trung Quốc được coi là điểm đáng chú ý nhất của khu vực và thế giới. Sự trỗi dậy của Trung Quốc còn được lợi từ sự suy giảm tương đối vị thế và sức mạnh của Mỹ và Nhật Bản. Có thể nói, trong thập niên đầu của thế kỷ XXI, Trung Quốc đang bắt đầu hưởng thụ những thành quả của cuộc cải cách từ năm 1978. Trung Quốc tiếp tục duy trì được đà

tăng trưởng kinh tế cực kỳ ấn tượng, thuộc hàng nhanh nhất thế giới với tốc độ tăng trưởng trung bình khoảng hơn 10%, quy mô nền kinh tế Trung Quốc năm 2009 đã tăng lên gấp gần 4 lần so với năm 2001. Hình ảnh về sự phát triển của Đông Á còn được khắc họa thêm phần sinh động nhờ sự thành công từ World Cup 2002 được đồng tổ chức ở Hàn Quốc và Nhật Bản, đặc biệt là Thế vận hội mùa hè Olympic Bắc Kinh 2008 tại Trung Quốc.

Bước sang thế kỷ XXI, về cơ bản, các quốc gia Đông Á đã tạo được nền tảng cho chiến lược phát triển trong tương lai. Toàn cầu hóa kinh tế mang lại cho nền kinh tế châu Á nói chung và Đông Á nói riêng những kết quả rất tích cực. Các nhà phân tích đều nhận định chung rằng, trật tự kinh tế thế giới đã thay đổi, cán cân thương mại toàn cầu đang chuyển dịch từ Âu sang Á. Giáo sư Stuart Harris đánh giá: Việc tự do hóa nền kinh tế cùng với sự gia tăng thương mại đã góp phần rất lớn cho sự phát triển kinh tế thành công tại các nước châu Á - Thái Bình Dương. Sự gia tăng trong xuất khẩu và mở cửa thị trường nội địa đã giúp cho nền kinh tế thế giới phát triển nhanh hơn, đặc biệt đúng đối với các nền kinh tế châu Á - Thái Bình Dương.

Về quân sự, toàn cầu hóa đang kéo theo những hệ lụy là các quốc gia Đông Á không ngừng nâng cao và hiện đại hóa lực lượng quân sự để bảo đảm an toàn trước các mối lo ngại an ninh truyền thống và phi truyền thống. Theo dữ liệu từ Viện Nghiên cứu Hòa bình quốc tế Xtóchôm, Thụy Điển (SIPRI), năm 2011, chi tiêu cho quốc phòng của Trung Quốc đã tăng 170% so với năm 2002 và 500% so với năm 1995. Theo ước tính, chi tiêu quân sự của Trung Quốc năm 2001 là 923 tỷ Nhân dân tệ (tương đương 143 tỷ USD), cao thứ hai thế giới, sau Mỹ. Đồng thời, chi tiêu quân sự của Trung Quốc luôn ổn định. Tại Đông Nam Á, trước các nguy cơ an ninh mới xuất phát từ xung đột địa - chính trị, địa - kinh tế đã thúc đẩy các quốc gia Đông Nam Á có xu hướng đẩy mạnh hiện đại hóa quân sự nhằm tăng cường các khả năng hiện có và phát triển những khả năng mới trong tương lai, trước hết là sức mạnh của hải quân và không quân. Thống kê của SIPRI cũng cho thấy, chi tiêu quân sự của Việt Nam đã tăng 82% kể từ năm 2003; của Indônêxia tăng 82% từ năm 2002; Thái Lan và Campuchia cũng tăng lần

lượt là 66% và 70%. Đây là những nước đang dẫn đầu trong việc tăng chi tiêu cho mục đích quốc phòng<sup>1</sup>.

Mặc dù những mâu thuẫn về ý thức hệ đã không còn sâu sắc như thời kỳ Chiến tranh lạnh, nhưng Đông Á hiện nay vẫn tồn tại nhiều thể chế chính trị theo hai hình thái cũ trong Chiến tranh lạnh là các nước xã hội chủ nghĩa (Trung Quốc, Việt Nam, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên) và các nước tư bản (Nhật Bản, Hàn Quốc, Xingapo, Thái Lan, Malaixia,...) và cả những nhà nước quân sự như của Than Shwe (Mianma).

Trong một thế giới được định hình bởi một siêu cường là Mỹ thì các cường quốc đang lên cũng mong muốn tạo lập một cơ cấu quyền lực mới có lợi cho mình. Điều đó làm nảy sinh một cơ chế hợp tác khá thú vị của nhóm bốn nền kinh tế mới nổi gồm Braxin (Brazil), Nga (Russia), Ấn Độ (India), Trung Quốc (China) có tên gọi là BRIC<sup>2</sup> - với tham vọng gia tăng vai trò của các cường quốc này trên toàn cầu. BRIC ra đời từ ý tưởng xây dựng “tam giác chiến lược” Nga - Trung Quốc - Ấn Độ (gọi tắt là RIC) của cựu Ngoại trưởng Nga Primakov nhằm tạo thế cân bằng với Mỹ, song không đạt được mục tiêu mong muốn. Tháng 5-2008, tại Ekaterinburg (Nga), Hội nghị Bộ trưởng đầu tiên của bốn nước BRIC được diễn ra. Tại hội nghị lần này, các nhà lãnh đạo BRIC đều nhất trí ra một thông cáo chung về việc phản đối chủ nghĩa đơn phương của các nước phương Tây và kêu gọi xây dựng một môi trường quốc tế mới dân chủ và công bằng hơn. Ngoại trưởng Nga Sergey Lavrov khẳng định: *Chúng tôi là những nước phát triển nhanh nhất thế giới, có nhiều lợi ích chung trong thế giới toàn cầu hóa và chia sẻ nhiều điểm tương đồng trong việc xây dựng một thế giới dân chủ, công bằng và ổn định hơn.* Đồng quan điểm trên, Ngoại trưởng Braxin Celso Amorim tuyên bố: *Chúng tôi đang thay đổi trật tự thế giới hiện nay*<sup>3</sup>.

---

1. Xem SIPRI: *Background Paper on SIPRI Military Expenditure Data, 2011*, <http://www.sipri.org/media/pressreleases/press-release-translations-2012/milexbgeng.pdf>.

2. Năm 2010, Nam Phi (South Africa) gia nhập BRIC. Lúc này BRIC được viết thành BRICS (Brazil, Russia, India, China, South Africa).

3. Xem Thùy Dương: “*Từ RIC đến BRIC: một tổ chức quốc tế có sức lan tỏa mạnh mẽ trong thế giới đương đại*”, *Tạp chí Cộng sản*, [http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/Binh-luan/2008/354/Tu-RIC-den-BRIC-mot-to-chuc-quoc-te-co-suc-lan.aspx](http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/Binh-luan/2008/354/Tu-RIC-den-BRIC-mot-to-chuc-quoc-te-co-suc-lan-toa).

Ngày 16-6-2009, cũng tại đây, Hội nghị Thượng đỉnh chính thức của các nhà lãnh đạo cấp cao nhất khối BRIC đã đề ra các phương án để nâng cao hiệu quả hoạt động của BRIC trong tương lai, chuyển dịch nội dung đối thoại từ kinh tế sang các vấn đề chính trị, nhằm đưa BRIC đóng góp một vai trò lớn hơn vào các vấn đề có liên quan đến khu vực và thế giới.

**Bảng 4: Sức mạnh cứng và sức mạnh mềm  
của một số cường quốc<sup>1</sup>**

<b>Chủ thể</b>	<b>Sức mạnh cứng</b>				<b>Sức mạnh mềm</b>		
	<i>Tài nguyên</i>	<i>Quân sự</i>	<i>Kinh tế</i>	<i>Khoa học - kỹ thuật</i>	<i>Lực ngưng tụ*</i>	<i>Tính phổ biến của văn hoá</i>	<i>Mức độ tham dự vào cơ cấu quốc tế</i>
<b>Mỹ</b>	Mạnh	Mạnh	Mạnh	Mạnh	Mạnh	Mạnh	Mạnh
<b>Nga</b>	Mạnh	Mạnh	Vừa	Vừa	Yếu	Vừa	Vừa
<b>Nhật Bản</b>	Vừa	Yếu	Mạnh	Mạnh	Mạnh	Vừa	Vừa
<b>Trung Quốc</b>	Mạnh	Vừa	Vừa	Yếu	Mạnh	Vừa	Vừa

*\* Lực ngưng tụ quốc gia là khả năng huy động và tập trung sức mạnh.*

---

1. Xem Phạm Thái Việt: *Ngoại giao văn hóa: Cơ sở lý luận, kinh nghiệm quốc tế và ứng dụng*, Nxb. Chính trị - Hành chính, Hà Nội, 2012, tr.54. Dẫn theo: Joseph S. Nye: *The Paradox of American Power. Why the World's only Superpower can't Go It Alone*, Oxford University Press, New York, 2002, pp.44-48.

### **3.2. Cơ cấu quyền lực và sự tương tác của một số chủ thể chính**

#### *3.2.1. Mỹ thống trị trong khi chuyển hướng*

Ngày 20-9-2001, trong một bài diễn văn đọc trước Quốc hội Mỹ được phát trực tiếp trên truyền hình, Tổng thống Mỹ George W. Bush tuyên bố: “Khi mà Hợp chúng quốc Mỹ quyết tâm và đầy sức mạnh, sẽ không thể có chỗ cho kỷ nguyên khủng bố. Đây là kỷ nguyên của tự do, ở đây cũng như trên khắp thế giới. Trong đau thương và giận dữ, chúng ta đã nhận ra sứ mệnh và tầm quan trọng của chúng ta. Tự do và sự sợ hãi đang trong trạng thái chiến tranh. Tính ưu việt của tự do cho con người - thành tựu lớn nhất của thời đại chúng ta, và hy vọng lớn nhất trong bất cứ thời đại nào - phụ thuộc vào chúng ta lúc này. Đất nước chúng ta - thể hệ này - sẽ xóa bỏ mối đe dọa hắc ám của bạo lực khỏi nhân dân ta và tương lai của chúng ta. Chúng ta sẽ tập hợp toàn thể giới cho lý tưởng này bằng những cố gắng của chúng ta, bằng lòng dũng cảm của chúng ta. Chúng ta sẽ không mệt mỏi, chúng ta sẽ không chùn bước, và chúng ta sẽ không thua”<sup>1</sup>. Tháng 9-2002, George W. Bush đệ trình lên Quốc hội Mỹ bản Chiến lược an ninh mới cho nước Mỹ. Giới phân tích quốc tế gọi đây là “Học thuyết Bush” và coi đây là trụ cột trong chính sách đối ngoại của Mỹ trong suốt thời kỳ cầm quyền của George W. Bush<sup>2</sup>. Trong đó, Mỹ vẫn ưu tiên cho việc thực hiện các chính sách an ninh chống khủng bố và bảo đảm cho nước Mỹ an toàn trước các mối đe dọa từ bên ngoài. Có thể thấy, Tổng thống Mỹ George W. Bush đã thể hiện rõ một chính sách đối ngoại cứng rắn và không ngại sử dụng vũ lực khi an ninh và lợi ích của Mỹ bị xâm hại.

Mỹ vẫn là quốc gia có ảnh hưởng toàn cầu, do đó, Mỹ vẫn là quốc gia có vị thế lớn nhất ở Đông Á. Vẫn theo mô thức cũ, vị thế của Mỹ ở Đông Á được tạo nên bởi các mối cố kết về quân sự, kinh tế, chính trị với các

---

1. Joanne Meyerowitz (Chủ biên): *Lịch sử và ngày 11 tháng 9*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2011, tr.24.

2. Xem Phạm Minh Sơn: *Chính sách đối ngoại của một số nước trên thế giới*, Sdd, tr.49.

đồng minh của Mỹ và các nước có quan hệ ngoại giao với Mỹ trong khu vực.

Mặc dù vậy, sau vụ khủng bố 11-9, nước Mỹ dành nhiều sự chú ý của mình hơn sang khu vực Trung Đông, đặc biệt là các nước nằm trong tầm ngắm như Iran, Iraq, Ápganixtan. Điều đó được thể hiện ở việc Mỹ bắt đầu chiến dịch chống khủng bố trên toàn cầu bằng cuộc tiêu diệt Taliban ở Ápganixtan (2001) và gây ra chiến tranh Iraq (2003); Mỹ còn hậu thuẫn cho đồng minh Ixraen ở Trung Đông. Hai *Chính sách an ninh quốc gia* năm 2002 và năm 2006 của Tổng thống George W. Bush đã đặt nhiệm vụ chống khủng bố lên hàng đầu.

Ngay sau đó, cuộc khủng hoảng tài chính bùng nổ ở Mỹ làm nền kinh tế Mỹ bước vào thời kỳ suy thoái nghiêm trọng. Năm 2008, thâm hụt tài khoản vãng lai của Mỹ đạt mức trên dưới 1.000 tỷ USD, tương đương với 8% GDP, so với năm 2007, mức thâm hụt này đã tăng thêm 1% GDP. Nợ nước ngoài của Mỹ tăng nhanh lên con số 1,3 nghìn tỷ USD. Cuộc khủng hoảng lần này cũng làm cho hơn 3,6 triệu người mất việc làm.

Những điều này đã khiến Mỹ, một mặt bị sa lầy trong các chiến trường tiêu tốn hàng trăm tỷ đôla ngân sách quốc phòng; mặt khác, khi khủng hoảng kinh tế xảy ra, Mỹ buộc phải ưu tiên hơn cho các chính sách khôi phục lại sức mạnh của nền kinh tế. Như vậy, sự quan tâm của Mỹ dành cho các khu vực khác bị giảm đi đáng kể.

Tại Đông Á, các nghiên cứu quốc tế cho thấy, “với sự kết thúc của Chiến tranh lạnh và phản ứng trong nước của Mỹ trước các khoản thâm hụt thương mại, Mỹ có thể “rút lui” khỏi châu Á” hoặc theo quan điểm khác được đa số người Mỹ tin rằng, “các nền kinh tế hết sức thành công tại châu Á giờ đây có thể tự bảo vệ mình mà không cần sự trợ giúp từ Mỹ”<sup>1</sup>.

Hai nhiệm kỳ cầm quyền của Tổng thống George W. Bush không cho thấy được nhiều nét nổi bật trong quan hệ quốc tế tại Đông Á. Ưu tiên của

---

1. Jörn Dosch: “The United States in the Asia Pacific”, in Michael K. Connors, R. Davison, J. Dosch: *The New Global Politics of the Asia Pacific*, RoutledgeCurzon, New York, 2004, pp.12-22. (Tham khảo bản dịch tiếng Việt của Lý Thụy Vi tại <http://nghiencuuquoc.org/2013/05/20/my-ca-tbd/>).

Mỹ tại Đông Á vẫn là thắt chặt mối quan hệ giữa Mỹ và các đồng minh của Mỹ trong khu vực. Trong quan hệ với Nhật Bản và các đồng minh khác như Hàn Quốc, Philippin,... Mỹ tiếp tục can dự vào đời sống chính trị khu vực. Trong đó, liên minh Mỹ - Nhật Bản vẫn là trụ cột, có tiếng nói quyết định tới hành động của Mỹ trong các vấn đề an ninh, chính trị và kinh tế Đông Á. Mỹ vẫn coi Nhật Bản như một cách thức để gây sức ép lên Trung Quốc trong việc giải quyết vấn đề eo biển Đài Loan. Tuy nhiên, việc hơn 47.000 lính Mỹ đang đồn trú tại Nhật Bản theo quy định trong Hiệp ước an ninh Mỹ - Nhật Bản (1960) đang tạo ra những bất đồng lớn giữa hai bên. Năm 2006, Oasinhton và Tôkyô đã đạt được thỏa thuận quân sự về việc tổ chức lại binh lính Mỹ ở Nhật Bản, đưa 8.000 lính Mỹ từ đảo Okinawa (Nhật Bản) tới lãnh thổ Guam (Mỹ), đồng thời di chuyển căn cứ quân sự Futenma lên phía bắc đảo Okinawa. Với Hàn Quốc, chừng nào vấn đề Triều Tiên còn chưa ngã ngũ thì Hàn Quốc sẽ vẫn là con bài chiến lược để Mỹ tăng cường rắn đe đối với Triều Tiên. Mỹ cũng có trách nhiệm trong việc bảo đảm an ninh cho Hàn Quốc trước mối đe dọa tấn công hạt nhân từ phía Triều Tiên.

Trong quan hệ với Trung Quốc, Mỹ tiếp tục thể hiện quan điểm mềm dẻo với Trung Quốc như một đối tác chiến lược dưới thời Bill Clinton bằng việc tăng cường và mở rộng các mối cổ kết kinh tế - thương mại và mang tính xây dựng trong chính trị. Từ giữa nhiệm kỳ của mình, George W. Bush đã thực hiện một đối sách kép, đó là đặt Trung Quốc vào trong mối quan hệ là đối tác cạnh tranh chiến lược. Trung Quốc vừa là một đối tác quan trọng vừa là một đối thủ nặng ký nhất của Mỹ trên bình diện khu vực và thế giới. Tiếp nối thành công từ Hội nghị APEC tại Thượng Hải (2001), ngày 11-12-2001, Trung Quốc chính thức trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Ngày 27-12-2001, Tổng thống Mỹ George W. Bush đã quyết định trao cho Trung Quốc quy chế thương mại bình thường vĩnh viễn. Việc giúp Trung Quốc trở thành thành viên của WTO nằm trong tổng thể chiến lược của Mỹ ở châu Á - Thái Bình Dương. Trung Quốc đang là thị trường rộng lớn với sức mua khổng lồ của hơn 1,3 tỷ người, đồng thời cũng là nơi hấp dẫn các nhà đầu tư Mỹ. Như vậy, việc thiết lập quan hệ với Trung Quốc vẫn được chính quyền Bush tiếp cận từ góc độ quan hệ kinh tế hơn là từ an ninh - chính trị. Thêm vào đó, thành công từ

cuộc gặp thượng đỉnh Trung Quốc - Mỹ (tháng 10-2002) đã giúp cho mối quan hệ Mỹ - Trung Quốc bước vào thời kỳ nồng ấm nhất kể từ sau những bất đồng trong cuộc khủng hoảng ở Eo biển Đài Loan (1996). Năm 2006, Đối thoại chiến lược kinh tế (*Strategic Economic Dialogue*) được thiết lập giữa Tổng thống Mỹ George W. Bush và Chủ tịch Trung Quốc Hồ Cẩm Đào. Mục tiêu của cuộc đối thoại, theo Oasinhton, là để bảo đảm rằng những lợi ích của mỗi quan hệ kinh tế đang phát triển giữa hai quốc gia được chia sẻ công bằng cho các công dân của cả hai nước. Đồng thời, nó sẽ cung cấp một khuôn khổ tổng thể cho các cuộc đối thoại hợp tác kinh tế đang diễn ra hiệu quả và quan hệ kinh tế trong tương lai. Cả Mỹ và Trung Quốc sẽ làm việc với nhau để giải quyết những bất đồng trong quan hệ song phương và hợp tác đa phương về kinh tế, cũng như trách nhiệm của các bên trong hệ thống kinh tế quốc tế.

Đối với khu vực Đông Nam Á, Mỹ vẫn là quốc gia nằm ngoài khu vực nhưng lại có ảnh hưởng lớn nhất. Sau vụ khủng bố 11-9, chính quyền Mỹ đã quan tâm tới Đông Nam Á nhiều hơn, coi đây là “mặt trận thứ hai” trong cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu của Mỹ. Nhìn chung, mục tiêu của Mỹ ở Đông Nam Á vẫn nhằm: (i) Ổn định và duy trì sự thống trị duy nhất của Mỹ tại khu vực; (ii) Bảo vệ những lợi ích kinh tế: tự do lưu thông hàng hải và bảo vệ các đường bờ biển quốc tế; (iii) Phổ biến các giá trị Mỹ về dân chủ, nhân quyền và pháp quyền; (iv) Loại bỏ các nguy cơ khủng bố ra khỏi khu vực; (v) Duy trì, ủng hộ các nước đồng minh và các nước bạn bè<sup>1</sup>. Mặc dù vậy, có thể thấy rằng, việc Mỹ quan tâm tới Đông Nam Á là bởi khu vực này nằm trong chiến lược toàn cầu của Mỹ. Thực tế, Đông Nam Á chưa nằm trong trọng tâm chiến lược của Nhà Trắng.

Ngoài ra, việc tiến hành cuộc chiến tại Ápganixtan và Irắc cùng với khủng hoảng kinh tế thế giới (2008) đã khiến cho uy tín và ảnh hưởng của Mỹ tại Đông Nam Á suy giảm nghiêm trọng. Sức mạnh kinh tế của Mỹ trong khu vực cũng tụt dốc. Thống kê cho thấy vốn đầu tư trực tiếp (FDI) từ Mỹ vào ASEAN từ năm 2006 đến năm 2008 đã giảm hơn 2 lần, từ 12,8 tỷ USD,

---

1. Xem PGS.TS. Nguyễn Hoàng Giáp (Chủ biên): *Cạnh tranh chiến lược ở khu vực Đông Nam Á giữa một số nước lớn hiện nay*, Sđd.



tương đương với 6,9% tổng vốn FDI của khu vực, so với 17% trong giai đoạn 1995 - 2001. Trong khi đó, đầu tư FDI của châu Âu vào ASEAN từ năm 2006 đến năm 2008 đạt 42,1 tỷ USD, và Nhật Bản là 28,7 tỷ USD. Thậm chí, Bộ trưởng Thương mại Ấn Độ Manmohan Singh còn cho rằng: “Với Mỹ, chúng tôi không phải lo lắng về chuyện cạnh tranh như với Trung Quốc”<sup>1</sup>.

Như vậy, một mặt trọng tâm chính sách đối ngoại của Mỹ dưới thời George W. Bush được chuyển dịch sang Trung Đông vì cuộc chiến chống khủng bố, mặt khác sức mạnh của Mỹ còn rất lớn nên cho dù có những hạn chế nhất định thì Mỹ vẫn đứng trên toàn bộ các quốc gia khác, phạm vi ảnh hưởng của Mỹ vẫn bao trùm lên các quan hệ quốc tế lớn ở Đông Á.

### *3.2.2. Sự chuẩn bị kỹ lưỡng của Trung Quốc*

Trung Quốc bước vào thiên niên kỷ mới trong bối cảnh vị thế cường quốc của họ đang được phục hồi nhanh chóng. Sự tăng trưởng về kinh tế đã giúp Trung Quốc có được vị thế lớn trên bản đồ kinh tế - chính trị toàn cầu, nhất là khi vị thế của Mỹ đang bị suy giảm tương đối. Lịch sử thế giới đã chứng kiến những quốc gia trỗi dậy gây nên các đứt gãy và rối loạn hệ thống quốc tế, thậm chí là gây nên cả chiến tranh. Đó là trường hợp của Nhật Bản cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, là Đức quốc xã hồi giữa thế kỷ XX. Hiển nhiên, sự lớn mạnh của Trung Quốc trong thời gian qua không thể không khiến các quốc gia khác quan ngại và dè chừng. Đáp lại, Bắc Kinh đã cho ra đời học thuyết về sự “trỗi dậy hòa bình”, theo đó, Trung Quốc sẽ không đi vào vết xe đổ - hay nói cách khác là không tái hiện hành động - của các cường quốc nổi lên trong quá khứ. Học thuyết này của Trung Quốc cũng được nhắc lại và củng cố thêm bằng những tên gọi như “phát triển hòa bình” hay “cùng tồn tại hòa bình”. Theo lời một nhà chức trách thì Trung Quốc sẽ “không làm đảo lộn những trật tự hiện thời”, họ vẫn sẽ hướng tới “mục tiêu tăng trưởng và phát triển”, và sự trỗi

---

1. Phương Minh: *Đông Nam Á muốn được Mỹ chú ý hơn*, xem: <http://vnexpress.net/tin-tuc/the-gioi/phan-tich/dong-nam-a-muon-duoc-my-chu-y-hon-2156369.html>.

dây của họ sẽ có lợi cho các quốc gia láng giềng hơn là một “mối đe dọa Trung Quốc”<sup>1</sup>. Đại hội lần thứ XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc (2003) cũng chỉ rõ tư tưởng hội nhập vì tiến bộ của thời đại và trỗi dậy hòa bình. Chủ tịch Trung Quốc Hồ Cẩm Đào, trong một bài phát biểu năm 2004, đã thể hiện rõ quan điểm của Bắc Kinh trong quan hệ quốc tế là “*bốn không*” (không bá quyền, không dùng vũ lực, không kéo bè kéo cánh, không chạy đua vũ trang), và “*bốn có*” (xây dựng lòng tin, giảm bớt khó khăn, hợp tác phát triển, và tránh đối đầu). Trên bình diện toàn cầu, thông điệp hòa bình của Bắc Kinh được liên tiếp phát đi trên các diễn đàn quốc tế. Bắc Kinh còn tuyên bố rằng họ đang cố gắng kiến tạo nên một “thế giới hài hòa” giữa các quốc gia dựa trên sự bình đẳng, phát triển phồn thịnh và sự hữu hảo giữa các nền văn minh. Ngày 15-9-2005, phát biểu tại Đại Hội đồng Liên hợp quốc, Hồ Cẩm Đào đã nêu lên bốn kiến nghị, trong đó có kiến nghị về “cùng xây dựng thế giới hài hòa”. Văn kiện Đại hội XVII Đảng Cộng sản Trung Quốc (2007) cũng khẳng định: *Chúng ta chủ trương, nhân dân các nước cùng nỗ lực, thúc đẩy xây dựng thế giới hài hòa có nền hòa bình lâu dài, cùng nhau phồn vinh*. Như vậy, Trung Quốc đã phát triển chính sách đối ngoại của mình theo hướng mà Bắc Kinh cho là ôn hòa dựa trên nền tảng “ngoại giao nước lớn là then chốt; ngoại giao láng giềng là quan trọng hàng đầu; ngoại giao với các nước đang phát triển là quan trọng”.

Trong quan hệ với Mỹ, đây là chiến lược ngoại giao nước lớn của Trung Quốc. Mỗi quan hệ Trung Quốc - Mỹ có ý nghĩa “then chốt” trong việc xác lập vị thế của Trung Quốc trên bản đồ chính trị quốc tế. Mỗi quan hệ giữa hai quốc gia lớn nhất thế giới này có nhiều nét khác biệt. Về chiều cạnh kinh tế, Mỹ là nước phát triển lớn nhất, Trung Quốc là nước đang phát triển lớn nhất và nhanh nhất. Về thể chế chính trị, Mỹ là nước tư bản chủ nghĩa lớn nhất, Trung Quốc là nước xã hội chủ nghĩa lớn nhất. Về văn hóa, nền văn minh Trung Quốc một thời được coi là rực rỡ nhất

---

1. Mark Blyth (Chủ biên): *Cẩm nang kinh tế chính trị quốc tế: Kinh tế chính trị quốc tế với tư cách là cuộc đối thoại mang tính toàn cầu*, Khoa Quốc tế học - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội, 2011, tr.239.

trong các nền văn minh phương Đông với lịch sử phát triển hàng nghìn năm, còn Mỹ - quốc gia lớn nhất Tân lục địa (châu Mỹ) - lại mới chỉ hình thành cách đây hơn hai thế kỷ<sup>1</sup>. Đời sống chính trị Đông Á hiện nay đang phản ánh mối tương quan và sự khác biệt giữa các chủ thể này.

Trung Quốc được lợi từ mối quan hệ tương đối hòa bình với Mỹ. Ý đồ đưa Trung Quốc vào các định chế quốc tế nhằm kìm hãm Trung Quốc của Mỹ đang phản tác dụng. Trung Quốc đang ngày càng có quyền lực hơn trong hệ thống quốc tế trên phương diện kinh tế và chính trị. Nổi tiếp thành công sau khi gia nhập WTO, Trung Quốc duy trì đường lối lấy quan hệ kinh tế làm phương tiện chính trong quan hệ với Mỹ, trong đó, hợp tác chiến lược là chủ yếu nhưng cạnh tranh cũng là điều không thể thiếu. Trung Quốc coi quan hệ kinh tế với Mỹ “như chìa khóa của sự phát triển”<sup>2</sup>. Mỹ trở thành đối tác thương mại lớn nhất của Trung Quốc và cũng là đối thủ lớn nhất của Trung Quốc. Cuộc chiến dai dẳng về việc định giá đồng *Nhân dân tệ* giữa Trung Quốc và Mỹ vẫn chưa chấm dứt, bởi cả hai đều rơi vào thế tiến thoái lưỡng nan. Đến đầu năm 2007, hơn một nửa lượng dự trữ ngoại hối của Trung Quốc là đồng đôla Mỹ, và họ cũng đang nắm giữ hàng trăm tỷ trái phiếu của Bộ Tài chính Mỹ. Trung Quốc đang cố gắng tạo dựng lòng tin từ phía Mỹ về tương lai quan hệ Trung Quốc - Mỹ sẽ trở nên thân thiện và hợp tác. Trước đề xuất từ phía Mỹ, Trung Quốc cũng đã nhất trí nâng diễn đàn song phương “Đối thoại chiến lược kinh tế” Mỹ - Trung Quốc thành “Đối thoại chiến lược và kinh tế”. Một mặt, nó cho thấy khuôn khổ hợp tác giữa hai quốc gia này đã trở nên rộng lớn và bao phủ nhiều vấn đề quan trọng hơn; mặt khác, qua đây Trung Quốc đang chuyển dần sang con đường quan hệ chính trị với Mỹ. Nghĩa là, Trung Quốc đã bắt đầu cho một cuộc cạnh tranh với Mỹ tại Đông Á, hoặc ít ra cũng phải thu hẹp khoảng cách vị thế giữa hai quốc gia trong cuộc đua tới vị trí lãnh đạo khu vực. Những thành công bước đầu từ việc buộc Mỹ phải xuống thang trong vấn đề Đài Loan bằng

---

1. Xem Đỗ Tiến Sâm (Chủ biên): *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn nổi bật của Trung Quốc trong 10 năm đầu thế kỷ 21*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2012, tr.188-189.

2. Fareed Zakaria: *Thế giới hậu Mỹ*, Nxb. Tri thức, Hà Nội, 2010, tr.141.

tuyên bố thực hiện chính sách “ba không” đối với Đài Loan và trở thành đầu mối quan trọng trong việc giải quyết vấn đề phi hạt nhân hóa bán đảo Triều Tiên. Thực tế, các vòng đàm phán về vấn đề hạt nhân của Bình Nhưỡng được coi là những cuộc chơi thử vai trò cầm chịch trò chơi nước lớn của Trung Quốc. Nhưng cũng không thể phủ nhận rằng, trong quan hệ chính trị - an ninh thì cả Trung Quốc lẫn Mỹ đã có dấu hiệu tìm được tiếng nói chung.

Trong quan hệ với Nga, Trung Quốc đặc biệt coi trọng mối quan hệ này. Quan hệ đối tác Trung Quốc - Nga mang tính chính sách được xây dựng trên cơ sở bình đẳng và toàn diện, đáp ứng lợi ích trước mắt và lâu dài của mỗi nước<sup>1</sup>. Cả hai đều có những nét chung về vai trò của nhau đối với sự ổn định và phát triển trong nước, tới an ninh - chính trị ở khu vực Đông Á. Trung Quốc và Nga có chung đường biên giới dài trên 4.000 km. Mặc dù trung tâm kinh tế chính trị của Liên bang Nga nằm ở châu Âu nhưng vùng lãnh thổ phía Đông nước Nga có ý nghĩa quan trọng với Trung Quốc. Trong quan hệ kinh tế - thương mại, Trung Quốc đang xâm nhập và chiếm lĩnh thị trường rộng lớn này, tổng kim ngạch thương mại Trung Quốc - Nga cũng ngày càng gia tăng.

Sau một thập kỷ đầy biến động do sự sụp đổ của Liên Xô, cả hai cường quốc này đã đến lúc phải nhìn lại nhau bởi họ liền kề nhau, Liên Xô và Trung Quốc đã từng được coi là anh em<sup>2</sup> trong khối xã hội chủ nghĩa, nhưng cả hai đều là nước lớn với những tính toán lợi ích riêng nên đã bất hòa và bị xen ngang bởi nước Mỹ. Trong bối cảnh cả hai đều cần hòa bình để phát triển thì việc gây căng thẳng với nhau là điều không cần thiết, nhất là khi họ có chung những đối thủ tiềm tàng. Lịch sử quan hệ Liên Xô - Trung Quốc trong Chiến tranh lạnh là một thời kỳ đầy thăng trầm, nổi bật lên trong đó là sự cạnh tranh, thậm chí là đối đầu nhau. Nhưng khi nước Mỹ bắt đầu thiết lập trật tự thế giới mới từ cuối thế kỷ XX, chúng ta lại

---

1. Xem Phạm Minh Sơn: *Chính sách đối ngoại của một số nước trên thế giới*, Sđd, tr.91.

2. Xem Tao Wang: “China-Russia Energy Ties won’t Short-out”, *East Asia Forum*, <http://www.eastasiaforum.org/2016/09/30/china-russia-energy-ties-wont-short-out/>.

thấy một sự thay đổi mới trong quan hệ Nga - Trung Quốc, hai nước đã bắt đầu xích lại gần nhau như một tín hiệu cho thấy cả Nga và Trung Quốc đã bắt đầu đồng thuận với nhau về những vấn đề chiến lược.

Như vậy, chiến lược của Trung Quốc là tương đối rõ ràng, Bắc Kinh tiếp tục chủ động tạo ra mối quan hệ thân thiện với các cường quốc trong và ngoài khu vực, cũng như biết cách để dẫn dắt các nước nhỏ hơn đi theo ý đồ của họ. Cùng với đà tăng trưởng kinh tế trong nước, Trung Quốc dường như đã có một sự chuẩn bị tốt cho tương lai, chỉ có điều giờ chưa phải lúc. Đúng như Susan L. Shirk nhận định: “Việc tham gia tích cực hơn vào các hoạt động đa phương sẽ chứng tỏ Trung Quốc là một quốc gia ủng hộ trật tự hiện tại chứ không phải thách thức trật tự này”<sup>1</sup>.

### 3.2.3. Sự lưỡng lự của Nhật Bản

Bước sang thế kỷ XXI, sự trì trệ và suy thoái kinh tế của Nhật Bản diễn ra đồng thời với sự trỗi dậy mạnh mẽ của Trung Quốc và một số nước lớn khác, đe dọa làm xói mòn vị thế dẫn đầu trong nền kinh tế châu Á của Nhật Bản. Về kinh tế, do suy thoái kinh tế kéo dài, đồng thời với sự trỗi dậy nhanh chóng của các nước lớn khác, nhất là Trung Quốc, Ấn Độ, Braxin và gần đây là Nga đã làm cho tỷ trọng GDP của Nhật Bản so với thế giới giảm nhanh. Trong hai thập kỷ qua, các chính phủ Nhật Bản kế tiếp nhau, cùng với Ngân hàng Nhật Bản, đã tìm cách thúc đẩy nền kinh tế với những kế hoạch khuyến khích và những khoản tín dụng với giá rất thấp. Nhưng tất cả đều vô ích. Nền kinh tế vẫn đi theo con đường quen thuộc, mọi sự tăng trưởng kinh tế sau đó đã trượt dần tới sự suy thoái. Hậu quả là tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Nhật Bản đã giảm.

Về chính trị - ngoại giao và an ninh, sau sự kiện chủ nghĩa khủng bố tấn công nước Mỹ ngày 11-9-2001, chính sách ngoại giao và an ninh của Nhật Bản được điều chỉnh theo chiều hướng củng cố tiềm lực quốc phòng và nâng cao vai trò chính trị của mình trên trường quốc tế. Điều này được khẳng định bằng việc Quốc hội Nhật Bản đã thông qua ba dự luật quân sự vào tháng 10-2001, gồm “Các biện pháp đặc biệt chống

---

1. Susan L. Shirk: *Gã khổng lồ mất ngủ: Một góc nhìn về chính trị Trung Quốc đương đại*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 2015, tr.195.

khủng bố”; “Phương án chỉnh sửa pháp chế đối với lực lượng phòng vệ”; “Phương án chỉnh sửa pháp chế an ninh trên biển”. Các chỉnh sửa này cho phép Nhật Bản đưa quân ra nước ngoài, điều mà Hiến pháp và các văn bản pháp quy nước này trước đó đã ngăn cấm<sup>1</sup>. Tiếp đó, Nhật Bản chính thức công bố thành lập “Bộ Tổng tham mưu” vào tháng 3-2006 và cũng vào cuối năm này thành lập “Đội phản ứng nhanh” với quy mô 4.800 quân tinh nhuệ. Một bước tiến táo bạo hơn nữa, vào ngày 9-01-2007, Nhật Bản đã tái lập Bộ Quốc phòng thay cho Cục Phòng vệ. Đây là một bước đi mạnh mẽ, thể hiện quyết tâm “trở lại quốc gia bình thường” của Nhật Bản, điều mà các nước láng giềng Đông Á lân cận của Nhật Bản luôn tỏ ra quan ngại.

Bước sang thập niên đầu của thế kỷ XXI, Nhật Bản cũng đã chủ động cải thiện quan hệ với các quốc gia trong khu vực, tích cực tham gia vào các cơ chế hợp tác đa phương. Ngay sau khi lên nắm quyền, Thủ tướng Nhật Bản Koizumi đã quyết định sang thăm Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên vào tháng 9-2002, hai bên đã đi đến ký kết Hiệp định đàm phán khôi phục bình thường hóa quan hệ hai nước. Tuy các vòng đàm phán về bình thường hóa quan hệ giữa Nhật Bản và Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên diễn ra chậm chạp, ít thu được kết quả nhưng qua sự kiện đó đã cho thấy sự chủ động và có phần táo bạo của Nhật Bản trong việc tham gia giải quyết các vấn đề chính trị, an ninh bằng con đường ngoại giao trong khu vực Đông Bắc Á, nhất là vấn đề Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên, trong khi đồng minh thân cận của Nhật Bản là Mỹ luôn xếp Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên vào “trục ma quỷ” cần cô lập và loại bỏ.

Trong quan hệ với Mỹ, Nhật Bản đã “tận dụng” hiệu quả sự kiện ngày 11-9-2001 và ưu tiên chống khủng bố của Mỹ để khắc phục những vấn đề còn tồn tại trong quan hệ an ninh Mỹ - Nhật Bản. Hợp tác về an ninh đã trở thành ưu tiên và động lực mới trong quan hệ Nhật Bản - Mỹ thời kỳ này. Trước sự trỗi dậy mạnh mẽ của Trung Quốc về mọi mặt, cả Mỹ và Nhật Bản đều tỏ ra lo ngại và Mỹ, vì vậy, sẽ càng cố gắng hợp tác, hỗ trợ Nhật Bản

---

1. Xem Viện nghiên cứu Đông Nam Á: *Bản báo cáo tổng hợp Đề tài độc lập cấp Nhà nước: Sự biến động địa - chính trị Đông Á/thập niên đầu thế kỷ XXI, những vấn đề đặt ra và đối sách của Việt Nam*, Hà Nội, 2010, tr.67-68.

nhiều hơn trong lĩnh vực an ninh - quốc phòng. Nhật Bản tiến hành điều chỉnh chính sách đối ngoại theo hai trụ cột chính đó là quan hệ đồng minh Nhật Bản - Mỹ và chiến lược “trở lại châu Á”, trong đó coi mối quan hệ đồng minh Nhật Bản - Mỹ là quan hệ nền tảng và châu Á sẽ là bàn đạp để đưa Nhật Bản trở thành cường quốc chính trị. Trên cơ sở đó, Nhật Bản tăng cường quan hệ đồng minh chiến lược, tranh thủ Mỹ trong các vấn đề toàn cầu và khu vực, từng bước nâng cao vai trò của mình trong mối quan hệ đồng minh này. Đối với lĩnh vực an ninh - chính trị, Nhật Bản tăng cường trao đổi thường xuyên giữa hai nước, tiến hành tập trận chung,... Tại cuộc gặp 2+2 hồi tháng 02-2005 giữa Bộ trưởng Quốc phòng và Ngoại giao của hai nước, hai bên đã ra tuyên bố chung xác định các mục tiêu chung về chiến lược an ninh khu vực và toàn cầu, bao gồm cả việc duy trì và ứng phó với các tình huống khẩn cấp tác động tới Mỹ và Nhật Bản, tìm kiếm các giải pháp hòa bình liên quan đến bán đảo Triều Tiên và Đài Loan.

Quan hệ Nhật Bản - Trung Quốc bước sang thế kỷ XXI cũng có nhiều chuyển biến quan trọng, mặc dù vẫn còn bất đồng trong một số vấn đề do lịch sử để lại. Đối với Nhật Bản, Trung Quốc là một thị trường lớn và đầy tiềm năng. Phát triển quan hệ kinh tế với Trung Quốc thì Nhật Bản sẽ có cơ hội tiếp cận thị trường khổng lồ với hơn 1,3 tỷ dân. Hiện nay, Nhật Bản là bạn hàng lớn thứ ba của Trung Quốc sau EU (349,49 tỷ USD). Hợp tác kinh tế Trung Quốc - Nhật Bản luôn được tăng cường và Nhật Bản đang là một trong nhóm nước dẫn đầu về đầu tư vào Trung Quốc. Tính đến năm 2005, các doanh nghiệp Nhật Bản đã đầu tư vào Trung Quốc 31.855 dự án với tổng số vốn đăng ký lên tới 66,649 tỷ USD. Nhật Bản cũng là nước cung cấp một lượng lớn ODA cho Trung Quốc. Tính đến thời điểm năm 2006, riêng khoản viện trợ không hoàn lại của Nhật Bản dành cho Trung Quốc đã lên tới 30 tỷ USD<sup>1</sup>.

Tuy nhiên, trong quan hệ giữa Nhật Bản và Trung Quốc cũng xuất hiện nhiều mâu thuẫn về chiến lược phát triển, chiến lược khu vực và chiến lược thế giới, tạo ra một thế cạnh tranh tiềm ẩn nhiều nguy cơ phức tạp trong cục diện chính trị Đông Á. Sự biến chuyển của tình hình thế giới

---

1. Xem PGS.TS. Nguyễn Hoàng Giáp (Chủ biên): *Một số vấn đề chính trị quốc tế trong giai đoạn hiện nay*, Sđđ, tr.118.

và khu vực đã có tác động lớn tới sự phát triển quan hệ Nhật Bản - Trung Quốc. Việc viếng thăm đền Yasukuni của một số lãnh đạo Nhật Bản vào ngày 15 tháng 8 hằng năm gây ra phản ứng dữ dội từ Trung Quốc. Trở ngại tiếp theo ảnh hưởng tới quan hệ Nhật Bản - Trung Quốc là vấn đề Đài Loan. Trong những năm gần đây, Nhật Bản có nhiều tiếp xúc với Đài Loan khiến Trung Quốc nhận thấy Nhật Bản dường như đang coi Đài Loan như là một “thực thể chính trị độc lập”, bên cạnh đó Nhật Bản còn tăng cường hợp tác với Mỹ trong vấn đề TMD, theo đó đặt Đài Loan trong hệ thống phòng thủ tên lửa đạn đạo.

Ngoài ra, quan hệ Nhật Bản - Trung Quốc còn đứng trước một số vấn đề như cuộc chạy đua giành vai trò đầu tàu ở khu vực Đông Á và tranh giành ảnh hưởng đối với các nước ASEAN. Trung Quốc đã đi trước Nhật Bản trong việc ký kết với ASEAN thành lập khu vực thương mại tự do Trung Quốc - ASEAN (CAFTA), hỗ trợ nhiều nước ASEAN trong khủng hoảng tài chính toàn cầu từ năm 2008. Tuy nhiên, đối với các nước Đông Nam Á thì Nhật Bản vẫn là một đối tác truyền thống vô cùng quan trọng. Trong lĩnh vực kinh tế, quan hệ buôn bán và đầu tư giữa Nhật Bản và ASEAN ngày càng phát triển nhanh chóng. Năm 2005, tổng kim ngạch buôn bán giữa Nhật Bản và ASEAN đã lên tới 154,6 tỷ USD; Nhật Bản là nhà đầu tư FDI lớn thứ ba của ASEAN, dành cho ASEAN 30% tổng số ODA song phương của mình<sup>1</sup>. Hiện nay, Nhật Bản và ASEAN đã nhất trí đẩy nhanh tiến trình thành lập khu vực thương mại tự do ASEAN - Nhật Bản.

Nhật Bản dường như vẫn tiếp tục đóng vai “gã khổng lồ hiền lành” - một cách thể hiện sức mạnh có thể được định nghĩa là sức mạnh mềm của quốc gia này. Nhưng với việc thành lập Bộ Quốc phòng trong bối cảnh vẫn tiếp tục cần đến quan hệ đồng minh với Mỹ cũng như ảnh hưởng của Mỹ để có thể cân bằng với các chủ thể khác, các nhà chủ nghĩa hiện thực đã tỏ rõ hơn sự nghi ngờ về vai trò khiêm tốn của Nhật Bản ở Đông Á có thể được duy trì hay không. Samuel Huntington từng đặt ra câu hỏi hóc búa về Hiệp ước an ninh Mỹ - Nhật Bản - vốn được xem là trung tâm cho nền an ninh Đông Á - trong thời kỳ hậu Chiến tranh lạnh “để kiểm chế

---

1. Xem PGS.TS. Nguyễn Hoàng Giáp (Chủ biên): *Một số vấn đề chính trị quốc tế trong giai đoạn hiện nay*, Sđd, tr.123.



hay ngăn chặn Trung Quốc?” hay “để ngăn cản Nhật Bản quân sự hóa triệt để hơn?”<sup>1</sup>. Quả thật, hai câu hỏi này chưa có lời giải.

### *3.2.4. Những bước đi đầu tiên của người Nga*

Nước Nga tuy đã mất đi vị thế siêu cường, chưa thể khắc phục được hoàn toàn hậu quả của cuộc khủng hoảng toàn diện xảy ra sau khi Liên Xô sụp đổ, nhưng kể từ những năm đầu của thế kỷ XXI đến nay, khi nhiệm kỳ đầu tiên của Tổng thống V. Putin bắt đầu, nền kinh tế của nước Nga đã phục hồi khá nhanh, thực lực quân sự và sức mạnh ngoại giao được củng cố, nước Nga đã dần lấy lại được vị thế của một cường quốc ở cả phạm vi khu vực và thế giới.

Về kinh tế, với tỷ lệ tăng trưởng kinh tế bình quân hằng năm đạt khoảng 6,5% trong giai đoạn 2000 - 2008, nước Nga đến cuối thập niên đầu thế kỷ XXI trở thành một trong 10 cường quốc có GDP lớn nhất thế giới với con số tăng từ 220 tỷ USD năm 2000 lên 1.600 tỷ USD năm 2008, đồng thời Nga còn là nước có dự trữ ngoại tệ lớn trên thế giới với con số từ 12 tỷ USD năm 2000 lên 568,3 tỷ USD tính đến tháng 7-2008<sup>2</sup>.

Về quân sự, sau khi Liên Xô sụp đổ, nước Nga với tư cách là nhà nước kế thừa Liên Xô cũ đã tiếp quản hầu hết tiềm lực quân sự của Liên Xô, nhất là kho vũ khí hạt nhân. Sự phục hồi về mọi mặt của nước Nga, nhất là về kinh tế bắt đầu từ thời Tổng thống V. Putin lên nắm quyền vào năm 2000 đã tạo điều kiện thuận lợi để Nga tiếp tục củng cố và phát triển sức mạnh quân sự của mình. Hiện nay, Nga là một cường quốc quân sự trong khu vực và trên thế giới, sẵn sàng đáp trả tất cả các nguy cơ và đe dọa. Nga đã tiến hành tái cơ cấu ba quân chủng hải, lục, không quân và ba binh chủng độc lập là lực lượng tên lửa chiến lược, lực lượng hàng không vũ trụ và lực lượng lính dù, phát triển công nghệ quốc phòng, không ngừng cải tiến, chế tạo các loại vũ khí trang bị hiện đại và tối tân. Nga cũng thường xuyên tổ chức tập trận cả trong và ngoài nước, đặc biệt kể từ

---

1. Samuel P. Huntington: *Sự va chạm giữa các nền văn minh*, Sđd, tr.464-465.

2. Xem Viện nghiên cứu Đông Nam Á: *Bản báo cáo tổng hợp Đề tài độc lập cấp Nhà nước: Sự biến động địa - chính trị Đông Á/thập niên đầu thế kỷ XXI, những vấn đề đặt ra và đối sách của Việt Nam*, Tlđd, tr.94.

năm 2007, Nga đã tiến hành cuộc tập trận hằng năm với Trung Quốc mang tên “Sứ mệnh hòa bình”.

*Về chính trị - ngoại giao*, cùng với sự phục hồi về kinh tế, tiềm lực quốc phòng, chính sách đối ngoại của Nga cũng dần lấy lại cân bằng và thể hiện được vị thế của nước lớn. Nước Nga đã tái lập và mở rộng các loại quan hệ với tất cả các nước trên thế giới, chứ không chỉ nghiêng về phương Tây như dưới thời Yelsin. Điều này được thể hiện rõ nét trong Thông điệp Liên bang năm 2002 của Tổng thống V. Putin: “Đối với một nước lớn như Nga, không thể định hướng sang phương Đông, phương Tây, phương Nam hay phương Bắc, vì điều đó đi ngược lại với lợi ích dân tộc của Nga. Nước Nga có chính sách đa phương và chính sách này sẽ được duy trì”<sup>1</sup>. Kế tiếp nền tảng và thành tựu chính trị - ngoại giao của nước Nga dưới thời ông Putin, tân Tổng thống Medvedev lên cầm quyền từ tháng 5-2008 đã tiếp tục khẳng định và phát triển chính sách đối ngoại đa phương của Liên bang Nga, khẳng định: “Đưa nước Nga trở thành một cường quốc trên thế giới, hoạt động nhằm duy trì ổn định chiến lược và quan hệ hợp tác cùng có lợi trong điều kiện thế giới đa cực”<sup>2</sup>.

Trong quan hệ với Mỹ, sau sự kiện ngày 11-9-2001, quan hệ giữa Nga và Mỹ đã chuyển sang một giai đoạn mới. Xuất phát từ xu thế chuyển từ đối đầu sang đối thoại và từ lợi ích quốc gia của mỗi nước, cả Nga và Mỹ đều nhận thấy cần phải cải thiện và tăng cường hợp tác, trước hết là hợp tác trong việc chống chủ nghĩa khủng bố quốc tế. Trong cuộc chiến chống khủng bố, dường như Nga đã có những nhượng bộ nhất định đối với việc hợp tác với Mỹ, kể cả việc trao đổi thông tin tình báo cho nhau về vấn đề này. Nhằm tăng cường quan hệ Nga - Mỹ, trong chuyến thăm Nga của Tổng thống Mỹ G. Bush vào tháng 5-2002, hai nước đã ký tuyên bố chung về quan hệ đối tác chiến lược Nga - Mỹ trong thế kỷ XXI, đồng

---

1. Thông tấn xã Việt Nam: “Về chính sách đối ngoại của Nga đối với Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, bán đảo Triều Tiên và Iran”, *Tài liệu tham khảo đặc biệt*, ngày 05-01-2004, tr.23-26.

2. Thông tấn xã Việt Nam: “Chiến lược an ninh quốc gia Liên bang Nga đến năm 2020”, *Tài liệu tham khảo đặc biệt*, ngày 14-6-2009, tr.6.

thời Mỹ cũng công nhận Nga có nền kinh tế thị trường và cam kết ủng hộ Nga gia nhập WTO.

Tuy nhiên, từ năm 2003, quan hệ Nga - Mỹ lại xuất hiện những bất đồng, căng thẳng do Nga phản đối Mỹ trong cuộc chiến chống Irắc, phản đối kế hoạch Mỹ dự định triển khai hệ thống phòng thủ tên lửa ở Ba Lan và hệ thống radar ở Cộng hòa Séc. Nga và Mỹ cũng có nhiều mâu thuẫn trong vấn đề Xôcôvi khi Mỹ công nhận Xôcôvi là một nhà nước độc lập, bất đồng trong vấn đề NATO dự định kết nạp Ucraina và Grudia làm thành viên...

Đối với quan hệ Nga - Trung Quốc, bước sang thế kỷ XXI, quan hệ giữa hai nước đã có những bước phát triển mạnh mẽ. Cả Nga và Trung Quốc đều là hai nước lớn trong khu vực và cả hai đều nhận ra rằng, trong bối cảnh thế giới ngày nay có nhiều thay đổi, sự mở rộng và tăng cường quan hệ giữa hai nước là rất cần thiết, nhằm giữ vững hòa bình và ổn định trong khu vực và trên thế giới. Trung Quốc là nước láng giềng lớn nhất của Nga tại Đông Á với đường biên giới chung. Phần lãnh thổ dọc theo biên giới của Nga giáp với Trung Quốc rất giàu có về tài nguyên thiên nhiên nhưng dân cư lại thưa thớt và kém phát triển. Để có thể khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên tại vùng lãnh thổ này của mình, ngoài các nỗ lực tự thân, Nga phải mở rộng và tăng cường mối quan hệ với Trung Quốc, cùng Trung Quốc xây dựng một khu vực biên giới hòa bình, ổn định và phát triển trên cơ sở giải quyết các bất đồng, tranh chấp bằng biện pháp hòa bình, hữu nghị.

Trong quan hệ Nga - Trung Quốc, cả hai đều nhận thấy tầm quan trọng của mối quan hệ này, giúp đối trọng lại với Mỹ và phương Tây, tạo một xu thế đa cực trong trật tự thế giới. Đặc biệt, đối với Nga, cải thiện và tăng cường quan hệ với Trung Quốc rất có ý nghĩa trong việc khôi phục và nâng cao vị thế cường quốc của Nga trong khu vực và trên trường quốc tế. Trong bối cảnh Mỹ và Nhật Bản luôn tìm cách cản trở Nga nâng cao vai trò của mình, mở rộng ảnh hưởng trong khu vực châu Á và khôi phục vị thế cường quốc, thì việc tăng cường hợp tác với Trung Quốc sẽ giúp Nga cân bằng được cán cân quyền lực ở khu vực Đông Bắc Á, tạo thành lực lượng đối trọng lại Mỹ và Nhật Bản đang ra sức tăng cường ảnh hưởng của mình ở khu vực Đông Á nói riêng và châu Á - Thái Bình Dương

nói chung. Nga và Trung Quốc cũng có nhiều quan điểm giống nhau về vấn đề hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên.

Bước sang thập niên đầu của thế kỷ XXI, nước Nga đã quan tâm nhiều hơn tới khu vực Đông Nam Á sau khoảng một thập niên gần như buông lỏng. Nga đã tăng cường sự hiện diện của mình tại khu vực bằng các cuộc gặp cấp cao trong hợp tác về kinh tế, quốc phòng và an ninh. Năm 2004, Nga đã chính thức tham gia Hiệp ước hợp tác hữu nghị ASEAN. Tiếp đó, Tổng thống Nga Putin tham dự Hội nghị Thượng đỉnh Nga - ASEAN tại Cuala Lăm-pơ vào tháng 12-2005, trong đó Nga đã ký với ASEAN ba văn kiện quan trọng, gồm: “Tuyên bố chung Nga - ASEAN”; “Chương trình tổng thể phát triển quan hệ Nga - ASEAN giai đoạn 2005-2015” và “Hiệp định Nga - ASEAN về hợp tác kinh tế”. Sự tăng cường quan hệ với các quốc gia ASEAN cho thấy xu hướng ngoại giao đa phương, đa dạng của Nga và quyết tâm mở rộng khu vực ảnh hưởng, khôi phục và tăng cường địa vị cường quốc của mình tại khu vực Đông Á.

### *3.2.5. Tham vọng “cầm lái” của ASEAN*

Cục diện chính trị khu vực Đông Á những năm đầu thế kỷ XXI, nhất là sau “sự kiện ngày 11-9-2001” là vô cùng phức tạp, đặc biệt là vấn đề an ninh khu vực. Điểm chung của các nước Đông Á với cộng đồng quốc tế là vấn đề an ninh quốc gia, theo nghĩa hẹp lẫn nghĩa rộng, đã trở nên nóng bỏng. Tuy vậy, chính sự nóng lên của vấn đề an ninh quốc gia đã trở thành nhân tố quan trọng thúc đẩy các nước chú trọng tìm giải pháp tăng cường hợp tác với nhau hơn trên nhiều bình diện chứ không chỉ trong lĩnh vực an ninh, bởi hòa bình, hợp tác và phát triển đã trở thành nhu cầu bức thiết của mọi quốc gia. Vì vậy, vị trí và vai trò của các cơ chế đa phương có sự tham gia của đông đảo các nước Đông Á như ASEAN và sự cố gắng của tổ chức ASEAN trong việc thực hiện các kết nối rộng lớn hơn như ARF, ASEAN+1, ASEAN+3, ASEAN+6 (EAS) quan trọng hơn bao giờ hết bởi hướng hoạt động của chúng là theo hướng hợp tác.

Sau khủng hoảng tài chính tiền tệ, ASEAN ý thức được vị trí, vai trò của mình tại khu vực Đông Á đã xuống thấp, do đó tổ chức này đã phải mở rộng và đi sâu hợp tác với các nước Đông Bắc Á. Hội nghị “10 + 3”

gồm 10 nước ASEAN với Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc diễn ra tại Manila năm 2000 trở thành diễn đàn quốc tế lấy ASEAN làm trung tâm và đã thông qua “Tuyên bố chung hợp tác Đông Á”. Tiếp đó, ASEAN đã giành được thắng lợi với việc Trung Quốc rồi đến Nhật Bản đề nghị ký Hiệp định Thương mại tự do (Free Trade Agreement - FTA), với việc Trung Quốc ký Tuyên bố chung về ứng xử của các bên tại Biển Đông (DOC) với ASEAN vào năm 2002.

Tuy nhiên, sau hơn bốn thập kỷ tồn tại và phát triển, ASEAN cũng bộc lộ những hạn chế của mình. Điểm yếu của ASEAN là:

*Về kinh tế*, liên kết kinh tế còn yếu, cấu trúc lỏng lẻo, trình độ phát triển kinh tế chưa cao và không đồng đều.

*Về chính trị*, ASEAN là tổ chức chịu ảnh hưởng rất lớn của sự đối đầu ý thức hệ trong thời kỳ Chiến tranh lạnh nên có sự khác biệt giữa các thành viên trong tổ chức.

*Về an ninh*, tổ chức này hiện đang còn thiếu vắng thủ lĩnh có khả năng tập hợp và dẫn dắt. Thành tích của ASEAN trong việc xử lý xung đột ở Đông Nam Á không nhất thiết đồng nghĩa với việc “phương cách ASEAN” sẽ có hiệu quả trong việc xử lý các vấn đề an ninh ở khu vực Đông Á rộng lớn hơn, đa dạng hơn về diện tích địa lý, dân số, sắc tộc so với các nước ASEAN. Hơn nữa, ASEAN không phải là một chủ thể đơn nhất mà bao gồm 10 nước nhỏ và trung bình thì ASEAN khó có thể khẳng định vị trí, vai trò trung tâm của mình tại Đông Á, nơi có cả những nước lớn như Trung Quốc, Nhật Bản và Nga.

*Về chính trị - an ninh*, các nước ASEAN đã tăng cường hợp tác với nhau trước sự đe dọa của nạn khủng bố. Sau sự kiện ngày 11-9-2001, phương Tây và đặc biệt là Mỹ cũng đã tăng cường hơn nữa sự quan tâm đến khu vực Đông Nam Á. Mỹ đã ký với ASEAN một hiệp ước đấu tranh chống khủng bố. Hiệp ước này được đánh giá là một bước đi hướng tới sự liên kết chặt chẽ hơn giữa các nước trong khu vực. Tuy ASEAN tích cực triển khai đối thoại an ninh với Trung Quốc và Nhật Bản nhưng vẫn lo ngại về vai trò của hai nước này trong khu vực cũng như sự phát triển của họ trong tương lai, cho nên nhiều nước ASEAN muốn lực lượng quân sự Mỹ tiếp tục có mặt tại Đông Nam Á để giữ vai trò cân bằng. Đồng thời, có thể thấy việc ASEAN đang theo đuổi chính

sách cân bằng giữa các nước lớn là một thực tế hiện nay. Các nước ASEAN cho rằng, việc đơn thuần dựa vào sức mạnh của bản thân sẽ không thể bảo đảm an ninh khu vực, trong khi đó, xuất phát từ đòi hỏi lợi ích và nhu cầu tìm kiếm quyền lực, các nước lớn nhất định sẽ bành trướng và cạnh tranh ở Đông Nam Á. Các nước ASEAN hy vọng lợi dụng sự cạnh tranh lẫn nhau giữa các nước lớn để đạt được một cục diện cân bằng nào đó, để từ đó bảo đảm an ninh, ổn định và phồn vinh trong khu vực. Chiến lược cân bằng giữa các nước lớn không nhằm loại trừ ảnh hưởng của các nước lớn tại Đông Nam Á, mà lợi dụng mâu thuẫn giữa các nước lớn và quá trình tìm kiếm quyền lực của các bên để chủ động phát triển quan hệ toàn diện với các nước đó trên các mặt chính trị, kinh tế, an ninh..., song không liên minh, đồng thời, ngăn chặn bất cứ thế lực nước lớn nào bành trướng quá mạnh, nhằm cân bằng lực lượng giữa các nước lớn trong khu vực, duy trì an ninh và ổn định khu vực<sup>1</sup>. Thực tiễn những năm qua đã cho thấy chiến lược cân bằng giữa các nước lớn của ASEAN đã thu được hiệu quả tích cực.

ASEAN đã góp phần thúc đẩy tiến trình nhất thể hóa nền kinh tế khu vực Đông Á. Tiếp đến, đã nâng cao địa vị quốc tế của ASEAN và cuối cùng là đã nuôi dưỡng việc hình thành cơ chế an ninh khu vực châu Á - Thái Bình Dương<sup>2</sup>. ASEAN+3, một cơ chế hợp tác đa phương mới hình thành ở Đông Á trong cuộc khủng hoảng tài chính 1997-1998, lấy ASEAN là nòng cốt, đang được coi là cơ chế mang lại hòa bình, an ninh và ổn định cho toàn bộ khu vực Đông Á. Hợp tác đa phương ASEAN+3 phát triển sẽ giúp củng cố và duy trì môi trường an ninh chính trị của ASEAN. Những lợi ích của hợp tác ASEAN+3 đang tăng lên, khuyến khích đối thoại thay cho xung đột, hợp tác thay cho tranh chấp, phối hợp thay cho chia rẽ, thân thiện thay cho thù địch. Đồng thời, hợp tác đa phương ASEAN+3 cũng giúp giảm cả mức độ và quy mô của các vấn đề an ninh đối với ASEAN nói riêng, Đông Á nói chung, đặc biệt nguy cơ đe dọa từ sự đối đầu giữa các nước lớn như trong thời kỳ Chiến tranh

---

1, 2. Xem Thông tấn xã Việt Nam: “Chiến lược cân bằng giữa các nước lớn của ASEAN”, *Tài liệu tham khảo đặc biệt*, ngày 28-9-2009, tr.2, 5.

lạnh và thúc đẩy quá trình hình thành an ninh chung của cả khu vực. Khả năng thể chế hóa tăng lên chính là một cách thức bảo đảm an ninh cho ASEAN. Rõ ràng, hợp tác đa phương ASEAN+3 đã làm tăng yêu cầu thể chế hóa quan hệ quốc tế khu vực, nhất là yêu cầu tạo kênh đối thoại và thiết lập cơ chế giải quyết tranh chấp<sup>1</sup>. Nhằm có được vai trò ở Đông Á, ASEAN đã đóng góp khá nhiều cho tiến trình hợp tác ASEAN+3 từ vai trò người đưa ra sáng kiến đến nguồn cung cấp cơ chế. Các cố gắng của ASEAN cũng như tình hình đặc thù của Đông Á đã giúp ASEAN duy trì được vai trò đáng kể trong khu vực. Tuy nhiên, do thực lực còn hạn chế, tính cố kết chưa cao, vai trò này của ASEAN chỉ ở mức vừa phải. ASEAN chưa đủ trọng lượng cần có đối với việc giải quyết các vấn đề Đông Á. ASEAN vẫn cần phải làm nhiều việc để có thể duy trì vai trò của mình trong hợp tác Đông Á nói chung, hợp tác đa phương ASEAN+3 nói riêng<sup>2</sup>.

Một học giả Trung Quốc đã nhận xét rằng: “Sau Chiến tranh lạnh, ASEAN đã nổi lên như một lực lượng thống nhất mới đầy sức sống trên vũ đài chính trị châu Á - Thái Bình Dương, tạo thành cục diện đặc thù 5 cực, vừa giữ thế cân bằng, vừa xung đột lẫn nhau ở châu Á - Thái Bình Dương, tạo ra những quan hệ phức tạp nhiều mâu thuẫn đan xen”<sup>3</sup>. Đương nhiên, việc ASEAN được coi là một cực như đánh giá còn gây nhiều tranh cãi, song một điều hoàn toàn có thể khẳng định được, đó là vai trò và vị thế của nhóm nước này đang ngày càng được chú trọng và tăng cường trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương, ASEAN đang góp phần tạo dựng nên cục diện chính trị tại đây.

Từ 18 thành viên ban đầu, đến nay số lượng thành viên ARF đã lên tới 27. Có lẽ trong số các tổ chức khu vực hiện nay, ARF là tổ chức duy nhất có sự tham gia của hầu hết các cường quốc như Mỹ, EU, Nhật Bản, Liên bang Nga, Trung Quốc và Ấn Độ... ARF đã tạo được sự hấp dẫn, sự quan tâm của các nước, kể cả các nước lớn.

---

1, 2. Xem Hoàng Khắc Nam: *Chủ thể và hệ thống trong quan hệ quốc tế*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2008, tr.220, 226.

3. Dương Phú Hiệp, Vũ Văn Hà (Chủ biên): *Cục diện châu Á - Thái Bình Dương*, Sđd, tr.122.

Những thành tựu của ARF trong những năm qua gắn liền với những cố gắng không mệt mỏi của ASEAN. Có thể nói, nếu không có sự đóng góp của ASEAN sẽ không có sự tham gia của các nước lớn khác trong ARF. Nếu Mỹ nắm vai trò lãnh đạo diễn đàn này, Trung Quốc sẽ lo ngại Mỹ sử dụng ARF để chống lại lợi ích của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Ngược lại, Mỹ, Nhật Bản và Liên minh châu Âu cũng không thể chấp nhận vai trò lãnh đạo của Trung Quốc.

Chính nhờ sự chèo lái khôn khéo của ASEAN, ARF đã vượt qua được những khó khăn ban đầu và ngày càng khẳng định được vai trò không thể thiếu của nó đối với hòa bình và an ninh khu vực. Vì thế, có lẽ là tất cả các nước thành viên khác hoan nghênh hơn là thách thức vai trò lãnh đạo này.

Tuy nhiên, diễn đàn này cũng còn nhiều hạn chế, không dễ vượt qua.

*Thứ nhất*, ARF là một diễn đàn thu hút sự tham gia của nhiều quốc gia, trong đó có tất cả các nước lớn trong khu vực. Tuy nhiên, do vị trí lãnh đạo ARF thuộc về ASEAN nên các thảo luận về an ninh trong diễn đàn được tập trung nhiều vào các vấn đề của Đông Nam Á. Vì thế, theo ý kiến của một số người, hoạt động của ARF chưa tương xứng với quy mô của nó và cũng chưa mang tính toàn diện. ARF cần phải quan tâm nhiều hơn nữa đến các vấn đề khác như vấn đề bán đảo Triều Tiên, eo biển Đài Loan,...

*Thứ hai*, ARF có số thành viên rất đa dạng và chưa có một thỏa thuận an ninh nào lại bao trùm lên một khu vực rộng lớn và đa dạng như ARF. Mức độ đa dạng trong ARF chắc chắn sẽ tăng lên khi có thêm nhiều nước tham gia vào diễn đàn. Điều này sẽ dẫn tới những tranh luận phức tạp trong ARF về việc ARF sẽ phát triển như thế nào và khi nào ARF có thể bước hẳn sang giai đoạn ngoại giao phòng ngừa và giải quyết xung đột.

Hiện nay, khu vực Đông Á có nhiều vấn đề an ninh chính trị đang nổi lên như vấn đề bán đảo Triều Tiên, eo biển Đài Loan, tranh chấp lãnh thổ, lãnh hải... Những vấn đề đó tạo cho ARF nhiều cơ hội để thực hiện vai trò an ninh, chính trị của mình. Nhưng do sự đa dạng của nó, việc các thành viên đi đến được một sự nhất trí chung chắc chắn là không dễ dàng.

*Thứ ba*, hoạt động của ARF bị phụ thuộc rất nhiều vào thái độ của các cường quốc tham gia diễn đàn. Cho tới nay, ARF chưa thực sự gây ảnh



hưởng đáng kể đến các nước lớn. Trong quá trình tham gia ARF, các nước lớn đều đặt lợi ích quốc gia của họ lên hàng đầu và không chấp nhận bất kỳ hạn chế nào đối với những lợi ích chiến lược của họ.

*Thứ tư*, mục tiêu chính của ARF là bảo đảm an ninh khu vực, giải trừ quân bị và xây dựng lòng tin. Vậy mà sau nhiều năm tồn tại với hàng loạt hội nghị được tiến hành ở cả hai kênh và ở các cấp độ khác nhau, ARF vẫn không thể giúp giảm tốc độ chạy đua vũ trang trong khu vực và quả thực là các nước thành viên ARF chưa tin tưởng vào khả năng bảo đảm an ninh khu vực của ARF và chưa xem ARF là một công cụ ngoại giao hữu hiệu để bảo vệ lợi ích an ninh của mình.

Dù sao trong cục diện chính trị khu vực Đông Á, ARF có một vai trò nhất định là một diễn đàn để bày tỏ ý kiến, tiến hành thương lượng, xây dựng lòng tin, đồng thời có tác dụng kiềm chế và đối lập với quan hệ an ninh nước lớn trong khu vực Đông Á nói riêng và châu Á - Thái Bình Dương nói chung. Tuy nhiên, do lợi ích giữa các nước lớn cũng như các nước có quan hệ với nước lớn trong khu vực khác nhau nên vai trò của cơ chế đa phương này còn rất hạn chế. Nếu chỉ dừng lại ở kiểu hoạt động như bấy lâu nay thì ARF chỉ là một diễn đàn an ninh đa phương mà không thể trở thành một cơ chế giải quyết các vấn đề an ninh khu vực.

Có thể thấy, cấu trúc khu vực Đông Á đã phát triển đáng kể trong hai thập kỷ vừa qua, đại diện bởi một loạt các tổ chức bên cạnh ASEAN, ARF, APEC có thể kể đến ASEAN+1, ASEAN+3, và Hội nghị Cấp cao Đông Á (EAS). Những sắp xếp này rất khác so với các khu vực khác. Điểm *đầu tiên*, các tổ chức này nhấn mạnh vào đối thoại không chính thức và xây dựng niềm tin qua các thỏa thuận chính thức (như phong cách ASEAN). *Thứ hai*, tất cả đều được thúc đẩy bởi trọng tâm là ASEAN, nhưng có sự chông chéo đáng kể, thể hiện các quan điểm khác biệt về thành viên của một cộng đồng Đông Á. *Thứ ba*, chúng tập trung chủ yếu vào tự do thương mại, kinh tế và những vấn đề phát triển khác. Tuy nhiên, gần đây các tổ chức này cũng bắt đầu theo hướng trao đổi rộng hơn những vấn đề khu vực cũng như các mối đe dọa an ninh phi truyền thống.

Đến tháng 12-2005, một cơ chế hợp tác Đông Á khác đã được hình thành. Đó là Hội nghị Cấp cao Đông Á (EAS) với sự tham gia của 10 nước ASEAN, ba nước Đông Bắc Á gồm Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc

cùng với ba nước liên quan khác là Ôxtrâyliia, Niu Dilân và Ấn Độ. Sự xuất hiện cơ chế mới được khẳng định là nhằm tăng cường thể chế hóa hợp tác khu vực. Cho dù vẫn có những nghi ngờ về sự chông chéo chức năng hoạt động với ASEAN+3 và có vẻ làm cho khái niệm khu vực Đông Á khó xác định hơn nhưng ít nhất, EAS cũng là một biểu hiện rất rõ ràng về tính khu vực của Đông Á và nhu cầu hợp tác Đông Á dưới tác động của chủ nghĩa khu vực Đông Á.

Quá trình thể chế hóa đang diễn ra ngày càng mạnh mẽ ở khu vực Đông Á. Nó cũng nhằm thúc đẩy hợp tác khu vực sâu rộng hơn trong khuôn khổ khu vực Đông Á. Quá trình này vừa là sự tác động của chủ nghĩa khu vực Đông Á đối với sự hình thành khu vực, vừa tác động ngược trở lại để củng cố chủ nghĩa khu vực này. Quá trình này cùng với sự tăng cường hợp tác kinh tế khu vực là hai xu hướng chủ yếu quy định cái gọi là “khu vực kinh tế Đông Á”.

### **3.3. Vai trò của các chủ thể trong một số điểm nóng an ninh khu vực**

Từ cuối thế kỷ XX, Mỹ đã thống trị và kiểm soát hầu hết các khu vực quan trọng của thế giới như Bắc Mỹ, châu Âu, Trung Đông và châu Á - Thái Bình Dương bởi Mỹ có đủ sức mạnh, trách nhiệm và sự khôn ngoan để làm điều đó<sup>1</sup>. Cơ cấu của hệ thống quốc tế khiến cho mỗi động thái của Mỹ - với tư cách là siêu cường thế giới - đều tác động đến an ninh và hòa bình thế giới. Theo một nghĩa tương tự, Mỹ là một biến số quan trọng nhất tác động đến tình trạng của hệ thống quốc tế, thậm chí có thể làm thay đổi cấu trúc và quan hệ quốc tế, do đó chiến lược và

---

1. Xem Michael K. Connors, Rémy Davison, and Jörn Dosch (eds): *The New Global Politics of the Asia Pacific*, Routledge, New York, 2004, pp.12-22; David Shambaugh, Michael Yahuda (eds): *International Relations of Asia*, Rowman & Littlefield Publishers, Maryland, 2008, pp.127-149; Fareed Zakaria: *Thế giới hậu Mỹ, Sdd*; và John J. Mearsheimer, Stephen M. Walt: “The Case for Offshore Balancing: A Superior U.S. Grand Strategy”, *Foreign Affairs*, xem: <https://www.foreignaffairs.com/articles/united-states/2016-06-13/case-offshore-balancing>.

chính sách đối ngoại của quốc gia này luôn được chú ý kỹ lưỡng. Bởi vậy, các quan hệ quốc tế bị tác động mạnh mẽ bởi cuộc chiến của Mỹ ở Trung Đông.

Về căn bản, mô hình cơ cấu quyền lực ở Đông Á giai đoạn 2001-2009 không có nhiều khác biệt so với trước đó, Mỹ vẫn là trung tâm, xoay quanh Mỹ là các cường quốc khu vực (Trung Quốc, Nga, Nhật Bản, ASEAN,...). Một mặt, việc Mỹ sa lầy ở Trung Đông khiến cho sức mạnh và hình ảnh của Oasinhton bị ảnh hưởng nặng nề, nhưng Mỹ vẫn quá mạnh so với phần còn lại của Đông Á. Mặt khác, các quan điểm của chủ nghĩa tự do thống trị chính sách đối ngoại của chính quyền Bill Clinton đối với khu vực Đông Á dần được thay thế bằng những quan điểm mang tính hiện thực hơn, chính quyền Bush giảm nhẹ các chính sách can thiệp mang tính xây dựng bằng việc củng cố các ý tưởng thống trị và ngăn chặn Trung Quốc hoặc bất cứ quốc gia nào có thể đe dọa vị thế của Mỹ<sup>1</sup>. John J. Mearsheimer (2004) cho rằng sự lãnh đạo của Mỹ đối với châu Á - Thái Bình Dương được duy trì nhờ chiến lược cân bằng chính trị, quân sự và kinh tế thông qua việc lôi kéo Ấn Độ, Nhật Bản, Nga, Hàn Quốc để cân bằng với Trung Quốc<sup>2</sup>.

Cuộc chiến mà Mỹ tiến hành ở Trung Đông dường như cũng là một lời cảnh báo mạnh mẽ cho mọi quốc gia dám thách thức nước Mỹ. Đồng thời, vấn đề an ninh nóng nhất trong khu vực giai đoạn này cũng gắn với vấn đề hạt nhân của Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên. Cả Trung Quốc và Nga không phản đối nước Mỹ đưa Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên vào danh sách “trục ma quỷ” và tiến hành cuộc chiến ở Iraq, nhưng đều lo ngại về khả năng Mỹ sẽ tấn công Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên sau khi đã tấn công Iraq, do Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên cũng bị liệt vào danh sách “trục ma quỷ” của Oasinhton. Bắc Kinh và Mátxcova đã “chống lại tư tưởng can thiệp bằng sức mạnh của Mỹ vào Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên” bằng cách tạo ra một “liên minh ngoại giao

---

1. Xem Mark Blyth (Chủ biên): *Cảm nang kinh tế chính trị quốc tế: Kinh tế chính trị quốc tế với tư cách là cuộc đối thoại mang tính toàn cầu*, Sđd, tr. 258.

2. Xem John J. Mearsheimer: *Why China's Rise will not be Peaceful*, mearsheimer.uchicago.edu/pdfs/A0034b.pdf.

không chính thức” nhằm thuyết phục Mỹ không tấn công Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên mà đi theo con đường đàm phán<sup>1</sup>. Cách này đã tỏ ra có hiệu quả. Trước đó, chính quyền Bush cũng đã đi theo con đường thương thuyết với sự tham gia của Trung Quốc, Nga, Hàn Quốc, Nhật Bản sau khi Oasinhton và Bình Nhưỡng cáo buộc lẫn nhau vi phạm Hiệp định chung 1994<sup>2</sup>. Những động thái này của chính quyền George W. Bush khác biệt với sự phớt lờ yêu cầu trước đó của Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên khi quốc gia này lo sợ sự tấn công của Mỹ nên đã mong muốn Oasinhton “kết Mỹ - Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên về không tấn công và trong khuôn khổ hiệp ước đó sẽ giải quyết các vấn đề liên quan đến chương trình hạt nhân” của Bình Nhưỡng<sup>3</sup>.

Rút ra bài học từ cuộc khủng hoảng tên lửa ở eo biển Đài Loan trước đó và mối lo ngại về việc Mỹ có thể can thiệp quân sự vào Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên sau sự kiện ngày 11-9-2001 đã khiến Trung Quốc chủ động kiến tạo nên các cơ chế an ninh chung với sự tham gia của các cường quốc. Trung Quốc luôn tỏ ra bên vực Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên, bất chấp những mâu thuẫn giữa hai quốc gia này. Trung Quốc đã thể hiện được vai trò của họ, “Bắc Kinh đã thể hiện tính tích cực cao nhất, họ giữ quan hệ tương đối tốt cả với Mỹ cũng như cả với Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên”, cùng với Hàn Quốc và Nga “thuyết phục Mỹ và Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên đi theo con đường đàm phán”<sup>4</sup>. Điều đáng chú ý là ngay cả chính quyền hiếu chiến và thích hành xử đơn phương của George W. Bush cũng đồng ý với cách dàn xếp của Trung Quốc về vấn đề Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên.

Sự xuống thang của chính quyền George W. Bush bắt nguồn từ hai yếu tố căn bản: (i) trọng tâm chính sách đối ngoại đang bị dồn vào cuộc chiến Irắc và xử lý quan hệ với Iran; (ii) tháng 02-2003, chính quyền Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên tuyên bố họ đã sở hữu vũ khí hạt nhân, bởi vậy Mỹ lựa chọn giải pháp kiềm chế kích động Bình Nhưỡng,

---

1, 3, 4. Xem Bogaturov Aleksey Demosfenich, Averkov Viktor Viktorovich: *Lịch sử quan hệ quốc tế*, Sđd, tr.678, 677, 678.

2. Xem Michael Yahuda: “Cơ cấu mới trong bang giao quốc tế” trong Phạm Quang Minh (Biên soạn): *Quan hệ chính trị quốc tế*, Sđd, tr.271.

đồng thời cần đến ảnh hưởng của Trung Quốc, Nga, Hàn Quốc - những quốc gia cũng lo ngại về chương trình hạt nhân của Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên - để có thể dàn xếp ổn thỏa vấn đề Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên, trong khi vẫn phải tiếp tục tập trung vào khu vực Trung Đông. Trung Quốc về tham vọng và thực tế đều đóng một vai trò quan trọng hàng đầu đối với vấn đề này. Ngay khi Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên công bố sở hữu vũ khí hạt nhân và rút khỏi Hiệp ước không phổ biến vũ khí hạt nhân (NPT), Trung Quốc đã trở thành nước chủ nhà cho các cuộc họp - được biết đến là “vòng đàm phán sáu bên” - về vấn đề hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên, với sự tham gia của Trung Quốc, Mỹ, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên, Hàn Quốc, Nga, Nhật Bản.

Các vòng đàm phán ban đầu thất bại do sự cứng rắn của cả Mỹ và Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên. Trong khi chính quyền Mỹ giữ vững quan điểm về một bán đảo Triều Tiên phi hạt nhân, thì chính quyền Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên kiên quyết lập trường tiếp tục chương trình hạt nhân của họ và đe dọa rút khỏi vòng đàm phán. Nhưng dường như sự kiên quyết của Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên không kéo dài bao lâu do sự cứng rắn của Mỹ, cũng như khả năng có hạn của Bình Nhưỡng. Tình trạng thiếu thốn nhiên liệu, lương thực trong nước, cùng với sự cấm vận của Mỹ và Liên hợp quốc đã khiến Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên chấp nhận các giải pháp mà vòng đàm phán sáu bên đưa ra, cho dù có lúc tưởng chừng như đi vào bế tắc. Ngày 13-02-2007, sau khoảng sáu vòng đàm phán chính thức, Triều Tiên đã chấp nhận thỏa thuận về việc đóng cửa các lò phản ứng hạt nhân và các nhà máy tái chế nhiên liệu, cho các thanh sát viên quốc tế của Cơ quan Năng lượng nguyên tử quốc tế (IAEA) vào nước này kiểm tra. Đổi lại, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên nhận được sự hỗ trợ về kinh tế bao gồm cung cấp nhiên liệu, năng lượng, lương thực từ phía Mỹ, Hàn Quốc và Nhật Bản, cũng như sự bảo đảm về mặt an ninh của những cường quốc này đối với Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên, tức là sẽ công nhận về mặt ngoại giao và không gây chiến tranh với Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên.

Chỉ qua vấn đề hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên cũng cho thấy sự tương tác, vị thế và vai trò của các chủ thể trong cục diện chính trị Đông Á.

Quả thực, đó không chỉ là vấn đề chính trị của cả khu vực mà còn là cuộc chơi của các nước lớn.

*Tóm lại*, về căn bản trong cả hai giai đoạn 1991-2001 và 2001-2009, Mỹ vẫn là kẻ thống trị, và dĩ nhiên là vẽ ra luật chơi ở Đông Á. Mỹ đã dẫn dắt quan hệ quốc tế ở Đông Á theo mô hình “trục và nan hoa” với Mỹ là trung tâm, các nan đồng minh giúp duy trì ảnh hưởng của Mỹ ra toàn khu vực. Các chủ thể khác không thuộc liên minh của Mỹ như Trung Quốc, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN),... cũng chịu ảnh hưởng của mô hình địa chính trị này song vẫn thể hiện được vai trò của chúng. Bằng cách này, quan hệ quốc tế ở Đông Á được định hình rõ rệt bởi vai trò to lớn của Mỹ, tiếp sau đó là Trung Quốc và ASEAN; trong chừng mực nhất định là cả Nhật Bản - đồng minh lớn nhất của Mỹ ở châu Á, và nước Nga - bất chấp sức mạnh của quốc gia này không còn mạnh như trước nhưng vị thế quốc tế vẫn ở hàng đầu.

Cả ASEAN và BRIC mới chỉ là những cố gắng mang tính kinh tế - chính trị, chứ chưa đủ để tạo thành một liên minh chính trị, an ninh - quân sự mới ở Đông Á để có thể đưa ra luật chơi. Có phần trái ngược với Đông Nam Á là khu vực Đông Bắc Á luôn tiềm tàng những nguy cơ bất ổn. Khu vực Đông Bắc Á là nơi tập hợp các cường quốc kinh tế - quân sự lớn của châu Á: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên và cả Đài Loan (Trung Quốc). Mỗi quan hệ giữa các nước lớn ở Đông Bắc Á luôn trong trạng thái căng thẳng, kéo dài từ cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai, nhưng điều đó lại không làm nảy sinh nhu cầu cần có một thiết chế an ninh chung cho khu vực. Nhật Bản, Hàn Quốc và Đài Loan phần nào được sự bảo trợ của Mỹ, do đó họ không cần phải quá tập trung vào vấn đề an ninh, còn Trung Quốc thì khác - Trung Quốc là một cường quốc đơn độc. Bởi vậy, vai trò của Mỹ ở Đông Á trong hai giai đoạn này nổi trội ở cả các vấn đề của chính trị học cao cấp và chính trị học thứ cấp; trong khi đó sự liên kết giữa các cường quốc riêng rẽ, các nước vừa và nhỏ trong khu vực - nằm ngoài mối liên minh với Mỹ - đều chủ yếu dựa trên nền tảng chính trị học thứ cấp.

### Chương 3

## **SỰ TAN RÃ CỦA CỤC DIỆN CHÍNH TRỊ CŨ VÀ SỰ HÌNH THÀNH CỤC DIỆN MỚI GIAI ĐOẠN 2009-2016**

### **1. Bối cảnh quốc tế và khu vực**

Thế giới tám năm qua là quãng thời gian đầy biến động, mặc dù nó đã trở nên “ôn hòa” hơn do không còn cuộc chiến tranh lớn nào xảy ra. “Chào mừng đến với thế giới hậu Brexit” - một tiêu đề của *CNBC* để mô tả thế giới sau quyết định lịch sử của cử tri nước Anh về việc đồng ý rời khỏi Liên minh châu Âu<sup>1</sup>. Xoay quanh sự kiện này, có rất nhiều điều để nói. Đó là một thất bại ngớ ngẩn của nền dân chủ phương Tây hay đó là một chiến thắng của những người tự do - củng cố thêm làn sóng chủ nghĩa hoài nghi và chủ nghĩa đa phương từ dưới lên - ở châu Âu kể từ sau cuộc khủng hoảng nợ công ở Hy Lạp. Nhưng với 51,9% số phiếu đồng ý, người dân nước Anh đã tạo thêm một mảnh vỡ vào các cấu trúc quyền lực đã tồn tại trên thế giới sau Chiến tranh lạnh.

Mỹ chính là quốc gia kiến tạo và bảo đảm cho sự ổn định của các cấu trúc địa - chính trị đó và nó củng cố niềm tin trong giới bảo thủ ở quốc gia này về vai trò là kẻ giữ gìn hòa bình của Mỹ. Nước Mỹ trong vị thế siêu cường có thể một mình giải quyết hiệu quả những vấn đề quốc tế quan trọng và không có bất kỳ một đối thủ nào có thể ngăn cản nước Mỹ thực hiện

---

1. Ngày 24-6-2016, 51,9% người dân Anh đã bỏ phiếu ủng hộ Anh rời khỏi EU, trong khi chỉ có 48,1% người bỏ phiếu giữ Anh ở lại EU. Kết quả này đã chính thức đánh dấu sự rời bỏ EU của Anh (TG).

điều đó<sup>1</sup>; đồng thời, Oasinhton cũng có thể kêu gọi các liên minh cùng nhau chống lại mối đe dọa chung. Không quá ngạc nhiên khi cho rằng, sự ổn định tương đối ở những khu vực này là nhờ sự hiện diện đủ mạnh của Mỹ, bởi những biến động ở đây phụ thuộc vào lợi ích và cách tiếp cận của chính quyền Mỹ. Thật vậy, khi những người cánh hữu phê phán chính sách đối ngoại của chính quyền Obama vì cho rằng ông đã quá thận trọng, thậm chí là yếu đuối trước các vấn đề quốc tế lớn, điều đó cũng có nghĩa rằng nước Mỹ đang rút lui khỏi vai trò “cảnh sát toàn cầu”<sup>2</sup>. Hệ quả là các cấu trúc quyền lực được Mỹ tạo ra đang bị tan vỡ. Có thể thấy, giai đoạn 2009-2016 là một thời kỳ của sự rạn nứt và tan rã của các cấu trúc quyền lực ở mỗi khu vực khác nhau trên thế giới, trong đó Đông Á là nơi diễn ra mạnh mẽ nhất.

Bắc Phi - Trung Đông tiếp tục trở thành trung tâm của nền chính trị thế giới, sau chiến tranh Irắc là một phong trào “cách mạng” mang tên “Mùa xuân Ảrập”, các cuộc nội chiến mà đứng sau nó là sự cạnh tranh giữa các cường quốc đã làm cho khu vực Bắc Phi - Trung Đông ngày càng trở nên bất ổn. Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới năm 2008 đã tác động mạnh mẽ tới đời sống kinh tế - xã hội của các quốc gia trong khu vực. Nhiều quốc gia bị phương Tây cáo buộc là tồn tại chế độ độc tài như Xyri, Libi, Ai Cập, Tuynidi... tình trạng tham nhũng trở nên phổ biến, đời sống nhân dân khó khăn đã đẩy các mâu thuẫn xã hội trở nên ngày càng sâu sắc.

Ngày 17-10-2010, tại Tuynidi, mâu thuẫn giữa người dân với chính quyền xảy ra do cảnh sát xô xát với Mohamed Bouazizi - một người bán hàng rong trên đường phố. Cái chết sau đó của M. Bouazizi trở thành ngọn lửa làm bùng lên phong trào đấu tranh, biểu tình của nhân dân chống lại chế độ độc tài ở Tuynidi và các nước Ảrập khác, tạo thành sự khủng hoảng chính trị - xã hội lớn ở Bắc Phi - Trung Đông - được gọi là “Mùa xuân Ảrập”. Ngày 18-12-2010, một cuộc biểu tình của người dân Tuynidi nổ ra và sau đó đã trở thành cuộc “Cách mạng Tuynidi”. Như một “hiệu ứng Đôminô”, phong trào biểu tình tại Tuynidi đã lan sang các nước khác

---

1. Samuel P. Huntington: “The lonely Superpower”, *Foreign Affairs*, Tập 78, số 2, tháng 3/4-1999, tr.35.

2. Bret Stephens: *America in Retreat: The New Isolationism and the Coming Global Disorder*, Penguin/Sentinel, New York.



trong thế giới Arập. Chỉ trong năm 2011, các cuộc biểu tình đã dẫn đến sự sụp đổ của chính quyền Tổng thống Ben Ali ở Tuynidi, của Tổng thống Hosni Mubarak ở Ai Cập, của Tổng thống Gaddafi ở Libi... Mặc dù hiện nay phong trào “Mùa xuân Arập” đã chấm dứt nhưng những hệ quả để lại cho không chỉ Bắc Phi - Trung Đông, mà còn cả thế giới là không hề nhỏ.

Một số nhà nước dân chủ - được coi là mầm mống của nền dân chủ ở Trung Đông - được thành lập, song không thể duy trì được quyền lãnh đạo đất nước bởi sự chống đối của các lực lượng đối lập trong nước. Do đó, những hy vọng về một Trung Đông - Bắc Phi dân chủ hậu “Mùa xuân Arập” vẫn chưa đạt được một kết quả nào thực sự khả quan. Thế giới vẫn đang chứng kiến nhiều bất ổn tại khu vực này. Giữa lúc các cường quốc đã tỏ ra bế tắc trong việc giải quyết hậu quả của “Mùa xuân Arập” thì phong trào tị nạn từ Bắc Phi - Trung Đông bùng nổ đã tạo ra sự chú ý đặc biệt của cộng đồng quốc tế, nhất là sau bức ảnh về cái chết của em bé di cư người Xyri trên bờ biển Thổ Nhĩ Kỳ lan rộng toàn thế giới.

Vấn đề lớn nhất của hậu “Mùa xuân Arập” là tương lai của đất nước Xyri. Nội chiến ở Xyri bước sang năm thứ 5 mà chưa có tín hiệu kết thúc. Song, về căn bản, đây cũng là một cuộc chơi của các nước lớn. Với những lợi ích và mục đích riêng tại đất nước này, cả Nga và Mỹ đã có những hành xử khác nhau, có khi hợp tác, có khi phản đối. Là đồng minh thân cận từ lâu của Xyri, Nga luôn tỏ thái độ ủng hộ và viện trợ thường xuyên cho Chính phủ Xyri của ông Bashar al-Assad, trong khi Mỹ lại ủng hộ phe đối lập, với mục đích lật đổ chế độ độc tài của vị tổng thống này.

Căng thẳng giữa Palestin và Ixraen vẫn tiếp tục phức tạp và khó khăn trong tiến trình giải quyết mâu thuẫn. Tháng 11-2012, tại Đại hội đồng Liên hợp quốc, với 138 phiếu thuận, Palestin được công nhận là nhà nước với quy chế “nhà nước quan sát phi thành viên”. Mỹ và Ixraen đều lên tiếng chỉ trích kết quả cuộc bỏ phiếu này. Trái lại, đối với Palestin đây là một sự kiện có ý nghĩa đặc biệt. Nhờ đó, Palestin sẽ được phép tiếp cận các tổ chức quốc tế, và khởi động lại tiến trình hòa bình bị bế tắc từ năm 2010 với Ixraen - trong khi Ixraen vừa tuyên bố Palestin vi phạm thỏa thuận giữa hai quốc gia.

Vừa là đồng minh thân cận của Ixraen, vừa là quốc gia có tầm ảnh hưởng trong khu vực, Mỹ nhận làm “trung gian” hòa giải cho mâu thuẫn giữa hai nước này. Tuy nhiên, trong các chuyến công du của Ngoại trưởng

John Kerry, thậm chí của cả Tổng thống Obama đều chưa thấy có dấu hiệu giảm căng thẳng. Tháng 3-2014, Thủ tướng Ixraen kêu gọi Tổng thống Palestin Mahmoud Abbas công nhận Nhà nước Do thái và từ bỏ yêu cầu đòi hỏi hương người tỵ nạn Palestin về Ixraen. Tuyên bố này đã châm ngòi cho phản ứng tức giận từ phía Palestin. Họ cho rằng những lời mà người đứng đầu Nhà nước Do thái nói là dấu chấm hết cho tiến trình hòa bình Trung Đông.

Trong tình cảnh hỗn loạn ở Trung Đông, một lực lượng khác tiếp tục nổi lên đã thu hút được sự quan tâm đặc biệt của cộng đồng quốc tế, nhất là từ năm 2014 đến nay, đó là tổ chức Nhà nước Hồi giáo tự xưng (ISIS hoặc ISIL). Tổ chức ISIS được trang bị lực lượng vũ trang, phần lớn các hoạt động của tổ chức này đều diễn ra ở Irắc và Xyri. Thế giới đã chứng kiến nhiều vụ hành quyết con tin, tấn công và bạo động có tổ chức do IS thực hiện. Sự lớn mạnh ngày càng nhanh của IS tương phản lớn với sự bất lực của các chính phủ ở Irắc và Xyri trong việc tiêu diệt tổ chức này. Trong bối cảnh đó, Mỹ và một số nước đã tiên phong tiêu diệt IS. Năm 2014, với sự ủng hộ của 20 quốc gia, Mỹ đã dẫn đầu liên minh chống ISIS. Nhưng những kết quả đạt được lại không mấy khả quan, ISIS vẫn tồn tại và càng mở rộng phạm vi hoạt động. Trước tình hình này, Nga đã tuyên bố tham gia vào cuộc chiến chống ISIS bằng các cuộc không kích liên tiếp vào trụ sở của ISIS ở Xyri. Rõ ràng, bất chấp những mâu thuẫn về mặt lợi ích, việc đối phó với ISIS là điều cấp thiết và cần có sự hợp tác giữa các nước lớn, đặc biệt là Mỹ và Nga.

Cựu Ngoại trưởng Mỹ Henry Kissinger đã cảnh báo sự sụp đổ trật tự ở Trung Đông khi Nga đưa quân vào Xyri có thể đẩy quan hệ Nga - Mỹ vào một tình thế lặp lại của Chiến tranh lạnh<sup>1</sup>. Chính quyền Obama mặc dù đã có cố gắng, song vẫn khá lúng túng khi lực lượng Nhà nước Hồi giáo tự xưng nổi lên ở Trung Đông và đã không thể tiêu diệt được chúng. ISIS không chỉ đơn thuần là một lực lượng khủng bố, nó còn tiềm ẩn khả năng trở thành một nhà nước có thể cạnh tranh với bất kỳ một quốc gia truyền thống nào trong khu vực để thiết lập nên một đế chế Hồi giáo chung cho toàn Trung Đông.

---

1. Henry Kissinger: “A Path out of the Middle East Collapse”, *The Wall Street Journal*, *Ibid*.

ISIS có tham vọng thiết lập Nhà nước Hồi giáo theo dòng Sunni thống nhất toàn Trung Đông và những người Hồi giáo dòng Shia bị coi là kẻ thù. Chính quyền Mỹ đang mâu thuẫn với cả các đồng minh của mình ở Trung Đông. Mỹ không chỉ muốn tiêu diệt ISIS mà còn muốn loại bỏ cả Bashar al-Assad, trong khi đó, Nga muốn giữ lại Bashar al-Assad để duy trì thế cân bằng ở Trung Đông. Một đồng minh của Mỹ trong khu vực này là Thổ Nhĩ Kỳ đã không đóng góp được gì cho việc ổn định tình hình khu vực, trái lại càng làm rắc rối thêm do bất ổn chính trị trong nước và những toan tính của chính quyền Erdogan muốn mặc cả vấn đề di cư với EU. Từ việc chỉ có Iran là đối thủ lớn nhất, giờ đây chính quyền Obama còn phải đối mặt với cả ISIS, Nga và chính quyền Assad ở Xyri. Ixraen và Ả-rập Xêút không còn đứng về phía Mỹ do những bất đồng về chính sách ở Trung Đông, thái độ nhân nhượng Iran và sự thận trọng trước ISIS của Oasinhton. Cũng tại Xyri, Liên hợp quốc đã thất bại trong việc hòa giải các xung đột khi cựu Tổng thư ký Liên hợp quốc Kofi Annan chấm dứt vai trò là đặc sứ của Liên hợp quốc và Liên đoàn Ả-rập tại Xyri vì kế hoạch hòa bình sáu điểm của ông không được các bên tôn trọng.

Sự lưỡng lự và thiếu quyết đoán để tiêu diệt ISIS của chính quyền Obama dường như vẫn bắt nguồn từ mối e ngại rằng nước Mỹ sẽ tiếp tục sa lầy ở Trung Đông và còn rất lâu nữa nước Mỹ mới có thể thoát khỏi vùng bùn mà Tổng thống George W. Bush để lại. Chính quyền George W. Bush đã đi quá xa thay vì chỉ cần tập trung vào việc loại bỏ al-Qaeda; còn chính quyền Obama lại thận trọng và thiếu linh hoạt, do đó đã không thể ngăn cản được các tác nhân làm nên sự hỗn loạn địa - chính trị ở Trung Đông<sup>1</sup>. Việc Mỹ kêu gọi các quốc gia khác nhau tham gia vào cuộc chiến chống ISIS và các lực lượng khủng bố khác ở Trung Đông cho thấy một hy vọng mong manh về việc các quốc gia có thể cố kết với nhau vì các lợi ích an ninh chung. Nếu nước Mỹ không muốn thấy một Trung Đông thêm rối loạn và có thể sụp đổ hoàn toàn bởi tham vọng của quá nhiều bên khác nhau tại đây thì họ cần tái lập lại trật tự với vai trò của Nga. Chấp nhận sự

---

1. Stephen M. Walt: "What would a Realist World have Looked Like?", *Foreign Policy*. Xem: <http://foreignpolicy.com/2016/01/08/what-would-a-realist-world-have-looked-like-iraq-syria-iran-obama-bush-clinton/>.

tồn tại của chính quyền al-Assad không phải là vấn đề quá lớn đối với Mỹ, mà chính sự hung hăng của tổ chức ISIS mới nguy hiểm cho dù nước Mỹ ở cách xa chúng hơn nước Nga. Giới lãnh đạo châu Âu cũng cần từ bỏ những khác biệt trong cách hành xử của họ với Nga, Thổ Nhĩ Kỳ, đồng thời nên ủng hộ cho mối quan hệ Nga - Mỹ, cuối cùng - và cũng là quan trọng nhất - thừa nhận vai trò và vùng ảnh hưởng của nước Nga ở châu Âu.

Điều này đòi hỏi nước Mỹ - với vị tổng thống tiếp theo Donald Trump - phải cân bằng sự bất bình này, tức là cần phải tiêu diệt được các lực lượng khủng bố ở Trung Đông, sau đó giảm dần sự hiện diện quân sự quá mức và cùng với các cường quốc này thiết lập lại trật tự khu vực. Cuối cùng, niềm tin là thách thức mà mọi quốc gia phải vượt qua. Thiếu niềm tin sẽ làm gia tăng sự nghi ngờ lẫn nhau. Điều này vốn là một bài toán khó và là biểu hiện đặc trưng của nền chính trị quốc tế. Chính vì thế, cả Mỹ, Nga, cũng như cộng đồng quốc tế, quan trọng nhất là Liên hợp quốc, đều đang rơi vào vòng luẩn quẩn ở Xyri.

Đối với chương trình hạt nhân của Iran, tiến trình đàm phán hạt nhân giữa Iran và phương Tây đã có những bước tiến đáng kể, nhất là từ khi ông Hassan Rouhani trở thành Tổng thống Iran. Đồng thời, cũng xuất phát từ sự thay đổi thái độ của Mỹ theo hướng mềm mỏng hơn so với thời Tổng thống George W. Bush và Tổng thống Iran Mahmoud Ahmadinejad. Cuối năm 2013, với kết quả được xem là bước ngoặt, nhóm P5+1 (gồm Mỹ, Anh, Pháp, Nga, Đức và Trung Quốc) và Iran đã đạt được thỏa thuận về chương trình hạt nhân của Iran như sau: “Iran sẽ ngưng làm giàu uranium ở mức trên 5% và “vô hiệu hóa” các kho trữ uranium làm giàu từ mức này trở lên; Iran sẽ cho phép các thanh tra được tới - kể cả hàng ngày - khu vực hạt nhân Natanz và Fordo; khu vực Arak sẽ không được phát triển thêm, đây là vùng được cho là có thể sản xuất chất plutonium; Đổi lại, nếu Iran làm đúng những thỏa thuận trên, sẽ không có thêm áp đặt cấm vận liên quan tới hạt nhân trong vòng 6 tháng; Iran sẽ được nới lỏng cấm vận trị giá khoảng 7 tỷ USD ở nhiều lĩnh vực trong đó có kim loại quý”<sup>1</sup>. Đến tháng 7-2015, Iran và nhóm

---

1. Mohsen Asgari: *Người Iran đón nhận thỏa thuận hạt nhân*. Xem: [http://www.bbc.co.uk/vietnamese/world/2013/11/131124\\_iranians\\_welcome\\_nuclear\\_deal.shtml](http://www.bbc.co.uk/vietnamese/world/2013/11/131124_iranians_welcome_nuclear_deal.shtml)

P5+1 đã đạt được một thỏa thuận lịch sử. Tổng thống Iran Hassan Rouhani nhận định, thỏa thuận hạt nhân này sẽ “mở ra chân trời mới” cho Iran. Theo thỏa thuận, các lệnh trừng phạt do Mỹ, EU và Liên hợp quốc áp đặt sẽ được dỡ bỏ. Đổi lại, Iran phải đồng ý hạn chế dài hạn chương trình hạt nhân mà phương Tây nghi ngờ nhằm chế tạo bom hạt nhân<sup>1</sup>.

Không thể phủ nhận những cố gắng của phương Tây trong việc ngăn chặn Iran sở hữu vũ khí hạt nhân, song cách mà họ thực hiện với Iran không chỉ khiến nhiều nhà chủ nghĩa hiện thực tỏ rõ sự nghi ngờ mà còn khiến nhiều nhà lãnh đạo quốc gia là đồng minh của Mỹ phải thất vọng. Thỏa thuận này đã chấm dứt hơn một thập kỷ đàm phán căng thẳng giữa Mỹ và Iran. Nó làm chậm lại chương trình hạt nhân của Iran, nhưng không thể nào khiến quốc gia Hồi giáo này từ bỏ tham vọng hạt nhân. Ixraen, một đồng minh của Mỹ ở Trung Đông, đã lên tiếng chỉ trích Mỹ và thỏa thuận này. Thủ tướng Ixraen Benjamin Netanyahu gọi đây là “sai lầm lịch sử của thế giới”, còn phía Ảrập Xêút - đang có mâu thuẫn với Iran - cũng tỏ ra lo ngại. Rõ ràng, chính quyền Obama đã thiếu khôn ngoan. Chúng ta đã thấy Pakixtan quyết tâm chế tạo bằng được bom nguyên tử như thế nào khi Ấn Độ tuyên bố chế tạo ra nó. Điều tương tự cũng sẽ xảy ra ở Trung Đông. Iran chắc chắn sẽ không từ bỏ chương trình hạt nhân vì đó là vũ khí hiệu quả nhất để bảo vệ họ trước Mỹ và các đối thủ trong khu vực. Nếu Iran tuyên bố sở hữu bom hạt nhân, thì cả Ảrập Xêút và Ixraen cũng sẽ phải có. Trung Đông sẽ bước vào một cuộc chạy đua hạt nhân, thậm chí còn nguy hiểm hơn thời Chiến tranh lạnh giữa Mỹ và Liên Xô. Các nhà chủ nghĩa hiện thực đã đúng khi cho rằng, chính trị quốc tế không có chỗ cho sự tin tưởng, hoặc nếu có, sẽ là rất ít. Chính quyền Obama dường như đã đặt niềm tin vào Iran mà bỏ qua lợi ích của các đồng minh của Mỹ ở Trung Đông. Những điều này khiến cho tham vọng dàn xếp tình hình ở Trung Đông của Mỹ không những không thể thực hiện được, mà càng làm gia tăng sự phức tạp của nó, thậm chí khiến những đồng minh của Mỹ ở Trung Đông chống lại họ.

---

1. Xem Như Tâm: *Iran và 6 cường quốc đạt thỏa thuận hạt nhân*. Xem: <http://vnexpress.net/tin-tuc/the-gioi/iran-va-6-cuong-quoc-dat-thoa-thuan-hat-nhan-3248498.html>

Kể từ sau Chiến tranh lạnh, môi trường an ninh ở châu Âu được bảo đảm vững chắc trong hơn 20 năm thì nay đang dần bị phá vỡ, bắt đầu từ cuộc khủng hoảng nợ công, khủng hoảng Ucraina rồi đến khủng hoảng di cư. Một số nền kinh tế Nam Âu bắt đầu rơi vào tình trạng suy thoái do ảnh hưởng từ khủng hoảng kinh tế toàn cầu, nợ chính phủ tăng, tỷ lệ thất nghiệp cao... dẫn đến cuộc khủng hoảng nợ công và sau đó lan rộng ra nhiều nước châu Âu khác, được giới kinh tế coi là Khủng hoảng khu vực đồng tiền chung châu Âu (Eurozone). Hy Lạp trở thành quốc gia đầu tiên rơi vào khủng hoảng sau ba năm liên tiếp rơi vào tình trạng suy thoái kể từ năm 2008. Lần lượt Ailen, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Italia,... thông báo đang ở trong tình trạng khủng hoảng. Sau đó, một loạt chính phủ tại các quốc gia này sụp đổ, gây tâm lý bất ổn lớn cho người dân châu Âu và làm giảm khả năng phục hồi của nền kinh tế châu Âu và thế giới.

Giữa lúc nền kinh tế Mỹ đang có dấu hiệu phục hồi mang theo kỳ vọng sẽ thúc đẩy châu Âu tăng trưởng trở lại thì cuộc khủng hoảng Ucraina nổ ra, khiến nền kinh tế châu Âu tiếp tục rơi vào vòng xoáy suy trầm. Tăng trưởng kinh tế của Eurozone đã chững lại, một số nền kinh tế đầu tàu như Pháp, Đức, Italia,... cũng không có dấu hiệu khả quan. Các biện pháp cấm vận kinh tế giữa phương Tây và Nga đã tạo ra những khó khăn lớn đối với các nước EU. Cuộc khủng hoảng Ucraina được xem là điểm nóng của thế giới trong vòng ba năm trở lại đây. Tháng 11-2013, chính quyền Ucraina của Tổng thống V. Yanukovych cam kết thắt chặt quan hệ với Nga để đổi lấy khoản viện trợ 15 tỷ USD đã tạo ra những phản ứng trái chiều trong công chúng Ucraina, bởi trước đó Kiếp từ chối ký kết một thỏa thuận hợp tác và thương mại tự do với Liên minh châu Âu, với lý do nhằm bảo đảm an ninh quốc gia. Hành động này đã làm bùng phát các cuộc biểu tình và phong trào phản đối ở nhiều nơi. Những người biểu tình lên tiếng ủng hộ quan hệ với EU và cho rằng, chính phủ đã không dân chủ, ảnh hưởng đến đời sống của họ. Phong trào biểu tình lan rộng và trở nên phổ biến với tên gọi *Euromaidan*<sup>1</sup>.

---

1. Xem: "Ukraine's Euromaidan: What's in a Name?", *Huffington Post*. [http://www.huffingtonpost.com/huff-wires/20131202/eu--ukraine-revolutionary-word/?utm\\_hp\\_ref=arts&ir=arts](http://www.huffingtonpost.com/huff-wires/20131202/eu--ukraine-revolutionary-word/?utm_hp_ref=arts&ir=arts)

Ngày 22-02-2014, Yanukovych đã bị Quốc hội Ucraina bỏ phiếu bãi bỏ tư cách tổng thống. Sau đó, tháng 10-2014, Yanukovych đã chạy sang Nga và trở thành công dân Nga, được chính quyền Nga bảo vệ thoát án truy nã của Interpol. Tại Kiev, một chính phủ mới của Tổng thống Poroshenko được thiết lập, thân phương Tây và chống Nga quyết liệt. Điều này đã dẫn tới những tranh cãi gay gắt giữa Nga với các nước phương Tây và Mỹ. Phía Nga đổ lỗi cho Mỹ và phương Tây là thủ phạm gây nên cuộc lật đổ chính quyền một cách bất hợp pháp ở Ucraina. Tại Crimea - chủ yếu là người Nga sinh sống - lại diễn ra những hoạt động trái ngược. Những người biểu tình, vốn trước đây ủng hộ một nước cộng hòa tự trị Crimea, đã phản đối các sự kiện ở Kiev và muốn quay trở lại sáp nhập nước Nga. Tháng 3-2014, một cuộc trưng cầu ý dân về tương lai của Crimea đã được tiến hành. Không ngoài dự đoán, 93% cử tri Crimea bỏ phiếu tán thành việc tách khỏi Ucraina và sáp nhập Nga. Tại Sevastopol và nhiều địa điểm quan trọng khác, người dân đã đổ ra đường ăn mừng sự kiện trở về với “đất Mẹ”<sup>1</sup>.

Cuộc khủng hoảng chính trị - xã hội đang khiến Ucraina ngày càng bị chia rẽ, một cuộc nội chiến đến nay chưa có lối thoát. Những dàn xếp của các cường quốc bên ngoài vẫn rơi vào vòng luẩn quẩn không thể tạo dựng niềm tin và hài hòa lợi ích giữa các bên. Nghị định thư Minsk hồi tháng 9-2014 và Hội nghị Thượng đỉnh Minsk được tổ chức tại Bêlarút giữa Nga, EU và Ucraina nhằm giải quyết vấn đề Ucraina đã không đem lại kết quả đáng khích lệ nào. Ngay sau khi các biên bản ghi nhớ Minsk được ký kết, giao tranh lại tiếp tục nổ ra.

Hầu hết mọi quan sát ở thời điểm hiện nay đều nhận định: EU đang phải đối mặt với quá nhiều thử thách và cuộc khủng hoảng di cư thời gian qua tiếp tục đẩy EU trượt dài. Di cư không phải là vấn đề mới của châu Âu hay bất cứ cường quốc nào khác, nhưng nó được chú ý bởi sự trỗi dậy của những kẻ khủng bố với hàng loạt các vụ khủng bố ở châu Âu. Hơn nữa, những người di cư không mang trong mình ý niệm về văn minh

---

1. Hiếu Minh (theo CNN): *Người dân Crimea đi bỏ phiếu về việc sáp nhập Nga*, 2014. Xem: <http://vov.vn/thegioi/nguoi-dan-crimea-di-bo-phieu-ve-viec-sap-nhap-vao-nga-315680.vov>

phương Tây, bởi họ là người Hồi giáo - gồm cả những người Hồi giáo lương thiện và những kẻ Hồi giáo cực đoan. Không một quốc gia nào ở châu Âu hay thậm chí trên cả thế giới đủ khả năng phân biệt đâu là những người di cư, đâu là những kẻ khủng bố giả danh người tị nạn. George Borjas - nhà nghiên cứu về di dân nổi tiếng hiện nay - cho rằng: “Người nhập cư không chỉ mang theo sức lao động của họ mà còn mang theo cả văn hóa của họ”. Donald Trump không phải ngẫu nhiên mà coi bà Angela Merkel là kẻ phá hoại nước Đức vì đã vội vã chào đón hàng nghìn người tị nạn nhập cảnh vào quốc gia này. Không chỉ nước Đức, mà cả châu Âu dưới sự dẫn dắt của nước Đức có thể sẽ phải trả giá đắt, “một cái giá mà có khi còn đắt hơn cái giá đóng cửa biên giới”<sup>1</sup>. Việc đánh đồng người di cư với khủng bố, hoặc từ chối người di cư chẳng khác nào một lời tuyên bố về sự chấm dứt những tư tưởng ở thời kỳ Khai sáng tại châu Âu. Thủ tướng Đức Angela Merkel chính là người hiểu hơn ai hết châu Âu cần làm gì. Và lựa chọn mà người phụ nữ quyền lực nhất châu Âu này đưa ra là hối thúc một chương trình chung giữa các nước châu Âu nhằm điều tiết người di cư. Chính sách của bà Merkel bắt đầu mang đậm màu sắc dân túy và cũng biệt lập hơn.

Đầu năm 2016, trang *Economist Intelligence Unit* đưa ra 10 rủi ro hàng đầu đối với thế giới, trong đó có tới bốn rủi ro thuộc về riêng châu Âu. Hiện nay, hai trong số đó đã xảy ra: Vương quốc Anh rời khỏi EU, nước Nga can thiệp vào Ucraina và Xyri. Từ cuộc khủng hoảng nợ công ở châu Âu, thực trạng “Brexit” và viễn cảnh “Grexit”, đến cuộc khủng hoảng di cư đã cho thấy những chia rẽ bên trong EU, đặc biệt giữa các nước đứng đầu. Khi những lợi ích chung toàn khối và lợi ích quốc gia không song trùng nhau thì chủ nghĩa dân tộc sẽ chiếm ưu thế, nhất là trong bối cảnh mỗi quốc gia đều có quá nhiều thứ khiến họ phải quan tâm. Trớ trêu thay, giữa lúc EU gặp khủng hoảng, điều cần nhất lúc này là EU cần đoàn kết thì họ lại không làm được, do suy thoái kinh tế, sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa đa phương từ dưới lên. Chính sách an ninh tập thể của EU không thể giúp châu Âu đẩy lùi được

---

1. Xuân Hoài: “Người tị nạn: “Nước Đức sẽ phải trả giá đắt””, *Tia Sáng*, 2016. Xem: <http://tiasang.com.vn/Default.aspx?tabid=116&CategoryID=42&News=9443>



các thảm họa đang ở sát biên giới của họ, như cách mà các cường quốc châu Âu thời trung đại đã làm để tránh cho khu vực này bị Hồi giáo hóa dưới sự bành trướng của đế chế Ottoman. EU không được phép chia rẽ nếu muốn châu Âu hòa bình. Việc nước Anh rời bỏ EU sẽ tạo tiền lệ xấu đối với châu Âu. Nếu EU sụp đổ hoặc các cường quốc như Đức, Pháp cũng tuyên bố rời khỏi EU thì châu Âu sẽ bước vào một kỷ nguyên mới “như rắn mất đầu”.

Ở khu vực Mỹ - Latinh, một số quốc gia ở đây đã đạt được những thành tựu to lớn. Điển hình là Braxin, quốc gia này đã trở thành nơi tổ chức nhiều sự kiện lớn có quy mô toàn cầu, chẳng hạn như World Cup 2014 và Thế vận hội Olympic 2016. Là khu vực được coi là “sân sau” của Mỹ, do đó, sức ảnh hưởng của Mỹ tới khu vực này rất lớn. Mặc dù cũng vấp phải nhiều sự kháng cự từ một số chính phủ cánh tả, đặc biệt là Cuba và Vê-nê-xuê-la, song về căn bản Mỹ vẫn kiểm soát được khu vực này, chưa có bất kỳ một chủ thể nào đủ sức đối trọng với Mỹ ở “Tân lục địa”. Sự kiện được coi là quan trọng nhất tại Mỹ - Latinh kể từ đầu thế kỷ XXI đến nay chính là việc Mỹ và Cuba đã tuyên bố bình thường hóa quan hệ (ngày 18-12-2014), sau khi cắt đứt quan hệ ngoại giao hồi đầu thập niên 1960. Đúng như Tổng thống Mỹ Obama tuyên bố: “Ở Cuba, Mỹ đang đặt dấu chấm hết cho một chính sách đã lỗi thời.”

Trong bối cảnh thế giới có nhiều biến động thì các vấn đề khác không kém phần quan trọng đang ảnh hưởng trực tiếp tới quan hệ quốc tế - đó là vấn đề năng lượng, tài nguyên, môi trường và khí hậu... Trong số đó, quan trọng bậc nhất là vấn đề an ninh năng lượng trong thế kỷ XXI. Dầu mỏ từ lâu đã được coi là “tử huyệt” của nhiều cường quốc kinh tế với tốc độ tiêu thụ tăng mạnh trong vài năm trở lại đây, trong khi giá dầu thế giới lại liên tục tăng<sup>1</sup>. Bản thân các quốc gia cũng đang tìm cách làm phong phú thêm nguồn tài nguyên của mình, cũng như đã và đang tìm mọi cách để giải bài toán năng lượng. “*Trong bối cảnh các nước có sự gắn kết số phận chặt chẽ với nhau như hiện nay, việc tăng cao nhu cầu tiêu thụ và*

---

1. Lê Minh Quang: “Dầu mỏ - “tử huyệt” của nhiều cường quốc kinh tế trong thế giới đương đại”, 2008. *Tạp chí Cộng sản*. Xem: <http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/Binh-luan/2008/185/Dau-mo-tu-huyet-cua-nhieu-cuong-quoc-kinh-te-trong.aspx>.

*nguy cơ thiếu hụt nguồn cung nguyên liệu này đang gây rất nhiều rắc rối trong quan hệ quốc tế”<sup>1</sup>.*

Tuy nhiên, bằng cách này hay cách khác, giá dầu cũng chịu tác động từ những biến động chính trị. Không phải ngẫu nhiên mà vấn đề năng lượng được Tổng thống Mỹ Barack Obama nhắc tới đầu tiên trong *Thông điệp Liên bang năm 2015*. Sau hàng loạt cú sốc về giá dầu do ảnh hưởng trực tiếp từ cuộc khủng hoảng Ucraina, và quan trọng nhất là công nghệ nứt vỡ thủy lực, đã tạo nên cách mạng dầu khí đá phiến tại Mỹ khiến giá dầu thế giới liên tục lao dốc. Mỹ đang định hình lại thị trường dầu mỏ thế giới bằng sức mạnh và khả năng về khoa học - công nghệ. Điều này đã gián tiếp phá vỡ tư duy “địa chính trị dầu mỏ” mà nhiều quốc gia áp dụng, đặc biệt là Nga, Vênêxuêla... Việc giá dầu giảm mang lại không ít những lợi ích cho người dân nhưng cũng gây ra không ít tổn thất cho một số nước.

Khu vực Đông Á - Thái Bình Dương dường như cũng được xem là trung tâm tiếp theo của nền chính trị thế giới giai đoạn 2009-2016 với việc Mỹ tuyên bố “xoay trục” về châu Á. Năm 2009, Obama đắc cử Tổng thống Mỹ và tái đắc cử nhiệm kỳ thứ hai năm 2013. Trước đó, ông Tập Cận Bình đã kế nhiệm ông Hồ Cẩm Đào để trở thành Chủ tịch Trung Quốc, đồng thời là Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Trung Quốc từ tháng 11-2012. Việc một tổng thống của Đảng Dân chủ cầm quyền ở Mỹ có ảnh hưởng rất lớn tới chính trị quốc tế ở Đông Á. Quả thật, sau đó, một loạt các chính phủ có xu hướng thân hữu - cứng rắn được thành lập ở Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, thậm chí là có phần “xác xược” ở Philippin. Sự trỗi dậy của Trung Quốc có lẽ là điểm nhấn lớn nhất ở Đông Á bên cạnh sự xoay trục của Mỹ và sự tái vũ trang của Nhật Bản. Bởi khi Trung Quốc trỗi dậy thì đồng thời cũng xuất hiện nhiều hơn các điểm nóng an ninh khu vực, như xung đột ở Biển Đông và biển Hoa Đông.

Trong suốt 25 năm sau khi cải cách, đà tăng trưởng mạnh mẽ của Trung Quốc luôn trên 10% đã dẫn tới một loạt các dự báo lạc quan về tương lai của Trung Quốc, thậm chí là có thể vượt Mỹ. Đến quý II năm 2010,

---

1. Ngô Phương Nghi, Nguyễn Thanh Tùng, Đào Ngọc Tuấn: *Đại cương về chính trị học quốc tế*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2015, tr.191.

nền kinh tế Trung Quốc đã vượt Nhật Bản để trở thành nền kinh tế lớn thứ hai trên thế giới, sau Mỹ. Hai trong số ba nền kinh tế lớn nhất thế giới là ở Đông Á, điều này cho thấy sức mạnh kinh tế của châu Á đang ngày càng lớn. Tại Trung Quốc, các dự báo gần đây về nền kinh tế Trung Quốc đã không còn lạc quan như trước nữa, nền kinh tế nước này đã tăng trưởng chậm lại; thậm chí là xảy ra một cuộc “hạ cánh cứng” và sau đó là suy thoái. Điều này cũng tác động lớn tới chính sách của Trung Quốc đối với khu vực.

Như vậy, nền chính trị thế giới vẫn đang tiếp tục vận động phát triển với những thay đổi liên tục, đặc biệt là trong tư duy đối ngoại của các cường quốc thể hiện qua việc thay đổi người lãnh đạo của các nước như Mỹ, Nga, Trung Quốc, Nhật Bản, Iran,... đã khiến tình hình chính trị ngày càng phức tạp hơn. Bức tranh toàn cảnh với các mảng màu sáng, tối hiện lên rõ nét. Hợp tác luôn là bước đầu tiên trong các chính sách đối ngoại của các nhà ngoại giao trong nhiều năm nay nhằm thu những lợi ích quan trọng nhưng họ luôn cảnh giác, sẵn sàng trước bất cứ cuộc đụng độ, xung đột nào xảy ra. Không những thế, mấy năm gần đây các cuộc chạy đua vũ trang diễn ra hết sức mạnh mẽ và quyết liệt trên toàn thế giới, đặc biệt là khu vực Đông Á.

## **2. Cơ cấu quyền lực và sự tương tác của các chủ thể trong cục diện chính trị Đông Á giai đoạn 2009-2016**

### ***2.1. Tham vọng và thực tế chiến lược xoay trục của Mỹ***

Theo Hiến pháp Mỹ, Tổng thống không được phép cầm quyền quá hai nhiệm kỳ liên tiếp. Tổng thống G.W. Bush phải rời Nhà Trắng vào năm 2009. Thượng nghị sĩ Đảng Dân chủ Barack Obama, với khẩu hiệu “Change” đã mang đến cho nước Mỹ một luồng gió mới. Cương lĩnh tranh cử Tổng thống của ông Barack Obama đã thuyết phục phần đông cử tri Mỹ ở hai điểm chính: *Một là*, ưu tiên giải quyết các vấn đề trong nước, tập trung thúc đẩy sự hồi phục của nền kinh tế, giảm tình trạng thất nghiệp,... *Hai là*, trong vấn đề đối ngoại, B. Obama sẽ không đi vào “vũng lầy” mà người tiền nhiệm George W. Bush sa phải. Ông cam kết rút dần sự hiện diện của quân đội Mỹ ra khỏi Trung Đông (cụ thể là

Irắc và Ápganixtan). Nhờ “đánh trúng tâm lý cần thay đổi của người Mỹ sau khi đã “quá mệt mỏi” cả về tinh thần, sức người, lẫn tiền bạc sau tám năm cầm quyền của ông Bush, hoặc có thể, đối với phần đông cử tri Mỹ vậy là đủ cho một “chu kỳ chính trị”<sup>1</sup>, Barack Obama đã giành chiến thắng trong cuộc chạy đua vào Nhà Trắng năm 2008 - trở thành vị Tổng thống da màu đầu tiên trong lịch sử nước Mỹ. Tân Tổng thống Barack Obama tiếp tục làm những người đã bỏ phiếu cho ông thêm hy vọng bằng tuyên bố rất mạnh mẽ về chiến lược “xoay trục” sang châu Á - Thái Bình Dương và ngay sau đó là những chuyến công du liên tục sang khu vực này.

Trong một bài phát biểu nhân chuyến công du tới châu Á, Ngoại trưởng Mỹ Hillary Clinton nói: “Chúng ta bắt đầu từ một mệnh đề đơn giản là tương lai của Mỹ gắn liền với tương lai của khu vực châu Á - Thái Bình Dương và tương lai của khu vực này cũng phụ thuộc vào Mỹ”.

Mỹ coi “*châu Á là tương lai của Mỹ*” và tương lai của Mỹ ở Đông Á được xác định ở hai khía cạnh. Một là, Mỹ tiếp tục thực hiện chiến lược “hợp tác và kiềm chế” đối với các nước đồng minh. Mỹ thắt chặt mối quan hệ dựa trên nền tảng an ninh quân sự, từ đó kiềm chế các đồng minh để họ không có cơ hội vượt qua Mỹ hoặc đe dọa tới lợi ích của Mỹ. Hai là, nếu coi sự trỗi dậy của Trung Quốc và Nga là không thể khác được thì Mỹ buộc phải tạo thế vững chắc trước khi Nga và Trung Quốc kịp hành động. Thực tế, Mỹ cũng đã nhận ra “sự trỗi dậy hòa bình” của Trung Quốc thực chất chỉ là sự biện minh cho những hành động âm thầm vươn tới đỉnh cao quyền lực trong bối cảnh Mỹ đang kiêu hãnh về vị thế của mình<sup>2</sup>. Quyền lực của Trung Quốc đang trở thành đối trọng lớn nhất đối với quyền lực của Mỹ trong thế kỷ XXI. Trong cục diện Đông Á, vị thế và sức mạnh của Mỹ vẫn đứng hàng đầu - thậm chí không có đối thủ xứng tầm, nhưng xét một cách tương đối, nước Mỹ không còn mạnh như vậy trong mối quan hệ với các đối thủ.

---

1. Hoàng Anh Tuấn: “Tìm hiểu hệ thống bầu cử Mỹ và bầu cử giữa kỳ 2014”, *Nghiên cứu quốc tế*, 2014, Xem: <http://nghiencuuquocte.org/2014/11/04/tim-hieu-he-thong-bau-cu-my/>

2. Xem Fareed Zakaria: *Thế giới hậu Mỹ*, *Sđd*, tr.143.

Ở Barack Obama, thế giới thấy được sự nhất quán trong những tuyên bố của ông, vậy nên, những gì ông thực hiện ở nhiệm kỳ tiếp theo dường như không có sự thay đổi so với những gì đã tuyên bố ngay từ khi nhậm chức. Ngày 19-01-2010, đánh dấu 50 năm Hiệp ước an ninh Mỹ - Nhật Bản được ký kết. Trong một tuyên bố chung, hai bên đều khẳng định “Liên minh Mỹ - Nhật Bản vẫn là tối cần thiết, không chỉ để bảo vệ Nhật Bản mà còn vì hòa bình, an ninh và thịnh vượng của khu vực châu Á - Thái Bình Dương”<sup>1</sup>.

Sau khi George W. Bush rời nhiệm sở, Barack Obama tiếp tục thực hiện chương trình đối thoại kinh tế của người tiền nhiệm. Và bởi Trung Quốc là đối tác thương mại hàng đầu của Mỹ, nên Barack Obama đã đưa nước này vào danh sách ưu tiên trong các chính sách đối ngoại của Mỹ tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Thực tế cho thấy, trong các cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ những năm gần đây, Trung Quốc luôn là chủ đề được các cử tri Mỹ quan tâm, do đó, các ứng cử viên sẽ nhận được nhiều sự ủng hộ hơn từ phía cử tri nếu đưa ra được những phương án, chính sách đối phó với sự trỗi dậy của Trung Quốc. Obama mặc dù có những lời lẽ khá mềm dẻo đối với Trung Quốc, nhưng bản thân ông đã chuẩn bị cho những chuyển biến mới trong quan hệ Mỹ - Trung Quốc, coi sự hợp tác là quan trọng, nhưng ngăn chặn Trung Quốc là chủ chốt. Tháng 4-2009, trong cuộc gặp gỡ bên lề Hội nghị G20 tại Luân Đôn (Anh) giữa Tổng thống Mỹ Barack Obama và Chủ tịch Trung Quốc Hồ Cẩm Đào, hai bên đã đạt được thỏa thuận chung là nâng tầm quan hệ kinh tế Mỹ - Trung Quốc lên mức mới thành “Đối thoại Chiến lược và Kinh tế” (Strategic and Economic Dialogue), nhằm tăng cường sự hiểu biết và tin cậy lẫn nhau. Thực hiện thỏa thuận này, tháng 7-2009, tại Oasinhton D.C. (Mỹ), Đối thoại Chiến lược và Kinh tế Mỹ - Trung Quốc chính thức diễn ra. Trong diễn văn khai mạc, Tổng thống Mỹ Barack Obama một mặt nêu lên tầm quan trọng của cuộc đối thoại, mặt khác, ông trình bày chính sách đối ngoại mới của Mỹ ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương<sup>2</sup>. Hơn nữa, chủ đề của cuộc đối thoại

---

1. BBC Vietnamese: *Nhật và Mỹ đạt thỏa thuận về Okinawa*, 2010, xem: [http://www.bbc.co.uk/vietnamese/world/2010/05/100528\\_japan\\_us\\_okinawa.shtml](http://www.bbc.co.uk/vietnamese/world/2010/05/100528_japan_us_okinawa.shtml)

2. BBC Vietnamese: *Đối thoại chiến lược Mỹ - Trung*. Xem: [http://www.bbc.co.uk/vietnamese/world/2009/07/090727\\_us\\_china\\_dialogue.shtml](http://www.bbc.co.uk/vietnamese/world/2009/07/090727_us_china_dialogue.shtml)

lần này không chỉ dừng ở các vấn đề kinh tế, mà hai bên đã bắt đầu bàn về các vấn đề quốc tế và khu vực, như vấn đề chương trình hạt nhân của Triều Tiên và Iran, vấn đề biến đổi khí hậu và năng lượng.

Những động thái này cho thấy, Mỹ dường như đang muốn lôi kéo Trung Quốc vào một cuộc chơi tay đôi của hai “võ sĩ” siêu hạng trên đấu trường thế giới. Người ta đã bắt đầu lường tượng ra viễn cảnh về một Hội nghị G2 giữa Mỹ và Trung Quốc sẽ luân phiên được tổ chức tại hai quốc gia có nền kinh tế lớn nhất thế giới này. Tuy nhiên, trở ngại giữa hai bên cũng rất lớn, đặc biệt là vấn đề tỷ giá đồng nhân dân tệ. Năm 2007, Bộ Thương mại Mỹ (DOC) đã trừng phạt đối với mặt hàng giấy bóng láng của Trung Quốc xuất khẩu sang Mỹ. Nghiêm trọng hơn, chính quyền George W. Bush còn phải chịu sức ép khi thâm hụt thương mại của Mỹ với Trung Quốc đạt mức kỷ lục 256 tỷ USD, chiếm 1/3 tổng thâm hụt thương mại của nền kinh tế Mỹ. Tháng 02-2010, Tổng thống Mỹ B. Obama tuyên bố, Mỹ cần “cứng rắn hơn nữa” với Trung Quốc về tỷ giá hối đoái đồng nhân dân tệ và các tranh chấp thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc đang ảnh hưởng xấu tới nền kinh tế Mỹ. Phát biểu trên kênh truyền hình *CNBC*, ngày 20-9-2010, Tổng thống Mỹ Barack Obama cam kết duy trì áp lực đối với Bắc Kinh về vấn đề tiền tệ và thương mại, đồng thời cảnh báo mối quan hệ kinh tế Mỹ - Trung Quốc phải là “con đường hai chiều”. Obama cũng kêu gọi Bắc Kinh cần làm nhiều hơn nữa để thúc đẩy các điều kiện thương mại “cân bằng”<sup>1</sup>.

*Về an ninh - chính trị*, vấn đề eo biển Đài Loan vẫn là chủ đề nóng, song không thể được giải quyết theo ý muốn của bất kỳ bên nào và chính sách “ba không” đối với Đài Loan sẽ tiếp tục được hai bên duy trì và thực tế là sự xuống thang của Mỹ đối với Trung Quốc<sup>2</sup>.

---

1. Hà Nội Mới Online: *Mỹ cảnh báo Trung Quốc về đồng nhân dân tệ và thương mại*. Xem: <http://hanoimoi.com.vn/Tin-tuc/The-gioi/376944/my-canhbao-trung-quoc-ve-dong-nhan-dan-te-va-thuong-mai>

2. Quan điểm “Ba không” của Trung Quốc đối với Đài Loan: Đài Loan không phải là quốc gia độc lập; Không thừa nhận bất kỳ tuyên bố độc lập nào của Đài Loan; Không ủng hộ Đài Loan gia nhập các tổ chức quốc tế với tư cách là quốc gia.

Tháng 7-2010, Diễn đàn Khu vực ASEAN (ARF) được tổ chức tại Hà Nội (Việt Nam), Ngoại trưởng Mỹ - Hillary Clinton - tuyên bố: *“Nước Mỹ có lợi ích quốc gia ở khu vực này”*. Tuyên bố này của Ngoại trưởng Mỹ đã gián tiếp phản đối những yêu sách của Trung Quốc tại Biển Đông. Và trong năm 2010, Mỹ tiếp tục bán vũ khí cho chính quyền Đài Loan. Do đó, mâu thuẫn giữa Mỹ và Trung Quốc ngày một lớn dần.

Tháng 11-2009, bên lề Hội nghị APEC tổ chức tại Xingapo, Tổng thống Mỹ Barack Obama đã có cuộc gặp gỡ với nguyên thủ 10 nước ASEAN, đưa ra sáng kiến về Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), nhằm tạo lập mối liên kết an ninh - kinh tế mới trong khu vực. Trong Báo cáo *Đánh giá quốc phòng bốn năm* (tháng 02-2010), Lầu Năm góc đã xác định cụ thể ba nhóm đối tác chính ở khu vực “cần thiết phải tiếp tục nuôi dưỡng các quan hệ về quốc phòng”, gồm: Đồng minh chính thức (Thái Lan và Philippin) đã có hiệp ước về quân sự; đối tác chiến lược (Xingapo), các đối tác chiến lược trong tương lai (Malaixia, Indônêxia và Việt Nam).

Ngày 24-9-2010, Hội nghị Thượng đỉnh Mỹ - ASEAN được tổ chức tại Niu Oóc (Mỹ), với sự tham dự của các nhà lãnh đạo Mỹ và khối ASEAN. Trong diễn văn khai mạc, Tổng thống Mỹ Barack Obama tuyên bố *“muốn tăng cường quan hệ với các đồng minh cũ, gắn chặt thêm quan hệ với các đối tác mới”*, đồng thời *“tái cam kết hợp tác với các tổ chức khu vực, trong đó có ASEAN”*. Barack Obama đang coi châu Á là hòn đá tảng trong chính sách đối ngoại của Mỹ. Trong đó, Đông Nam Á là khu vực sống còn trong chính sách đối ngoại của Mỹ, theo đó, Obama tự nhận mình “là tổng thống Thái Bình Dương đầu tiên của nước Mỹ”<sup>1</sup>. Tại Hội nghị lần này, Mỹ cũng mong muốn mở rộng quan hệ kinh tế, hợp tác với ASEAN trong lĩnh vực chống khủng bố, buôn bán ma túy và chống phổ biến vũ khí hạt nhân.

---

1. Nguyễn Viêt: *Thượng đỉnh Mỹ - ASEAN nhấn mạnh trọng tâm an ninh, kinh tế*. Xem: <http://dantri.com.vn/the-gioi/thuong-dinh-my-asean-nhan-manh-trong-tam-an-ninh-kinh-te-424688.htm>

Trọng tâm chính sách châu Á - Thái Bình Dương của chính quyền Obama trong nhiệm kỳ thứ hai là hoàn tất Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP). TPP được đánh giá sẽ giúp củng cố vai trò của Mỹ ở châu Á trong bối cảnh sức mạnh quân sự của Mỹ trong khu vực bị xói mòn do ngân sách quốc phòng giảm và cùng lúc phải can thiệp vào nhiều khu vực trên thế giới. Trang *Real Clear World* đánh giá, Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương là một thỏa thuận có tầm quan trọng vượt ra ngoài khuôn khổ thương mại đầy tham vọng của nó. Khi được hoàn tất, TPP sẽ là một đối tác quan trọng về kinh tế và chiến lược đối với các liên minh của Mỹ ở khu vực Thái Bình Dương. TPP hứa hẹn mang lại những lợi ích đáng kể về kinh tế. Mười hai quốc gia tham gia Hiệp định chiếm khoảng 40% GDP và hơn 33% giá trị thương mại toàn cầu. Trong 11 năm tới, Hiệp định dự kiến sẽ tạo thêm khoảng 440,4 tỷ USD giá trị xuất khẩu và 285 tỷ USD thu nhập toàn cầu và nhiều việc làm hơn nữa<sup>1</sup>.

Đó là tham vọng của chính quyền Obama ở Đông Á - Thái Bình Dương, nhưng thực tế đôi khi phản ánh điều ngược lại. Trước những biến động chính trị khu vực, các mối liên minh này ngày càng rạn nứt, sức mạnh và ảnh hưởng của Mỹ tại Đông Á ngày càng giảm sút. Vấn đề chiến lược Mỹ vấp phải là họ chưa thể thoát khỏi Trung Đông để chuyển trọng tâm sang châu Á - Thái Bình Dương như cam kết. Trong khi nguồn lực của Mỹ có hạn, nguồn ngân sách quốc phòng bị cắt giảm đã đẩy ông Obama vào lựa chọn khó khăn. Trong các bản *Thông điệp liên bang* gần đây, ông B. Obama không hề nhắc tới Trung Quốc và vấn đề Biển Đông, mặc dù có đề cập việc hỗ trợ các đồng minh hình thành một tương lai an toàn và thịnh vượng<sup>2</sup>, và “bảo đảm các nước khác tuân theo quy tắc... trong các tranh chấp biển đảo”<sup>3</sup>. *Chiến lược an ninh quốc gia 2015*

---

1. Thông tấn xã Việt Nam: “Mỹ và Nhật Bản đang cản trở TPP”, *Tin kinh tế*, số: 2047-TTX, ngày 31-10-2014.

2. Barack Obama: *President Barack Obama's State of the Union Address*, 2014. Xem: <http://www.whitehouse.gov/the-press-office/2014/01/28/president-barack-obamas-state-union-address>.

3. Barack Obama: *President Barack Obama's 2015 State of the Union Address*. Xem: <https://www.whitehouse.gov/sotu>.



của Mỹ (National Security Strategy) có riêng một phần nhỏ nói về mục tiêu “thúc đẩy tái cân bằng châu Á - Thái Bình Dương” dựa trên việc tăng cường ngoại giao, mở rộng thương mại và đầu tư; đồng thời giải quyết bất đồng với từng quốc gia thay vì giải quyết một vấn đề chung cụ thể nào đó<sup>1</sup>. Biển Đông vẫn không được Obama nhắc đến như một ưu tiên về an ninh ở khu vực Đông Á. Tổng thống B. Obama cũng vạch ra một chiến lược đối phó với Trung Quốc, nhưng nhìn chung không thực sự cứng rắn.

Chính Obama cũng thừa nhận sự ngờ vực về khả năng nước Mỹ có đủ nguồn lực để theo đuổi chính sách xoay trục sang châu Á - Thái Bình Dương hay không<sup>2</sup>. Khó có thể phân định chính xác chính quyền Obama đã sai vì không theo đuổi mạnh mẽ hơn chiến lược châu Á - Thái Bình Dương hay vì việc rút quân ra khỏi Trung Đông quá sớm khiến khu vực này giờ đây tiếp tục trở thành mối bận tâm lớn của người Mỹ. Quả thực, trong tình thế tiến thoái lưỡng nan hiện nay, chính quyền Obama đã tỏ ra yếu đuối và thiếu sự mạnh mẽ cần thiết. Đúng như tiêu đề bài viết của Christopher Holshek được đăng trên tạp chí *Foreign Policy* rằng, nước Mỹ vẫn đang chạy trên một con đường sai lầm (Uncle Sam Is Still Running the Wrong Way).

Mặc dù chính sách Đông Á của Tổng thống Barack Obama có những khác biệt rõ nét so với người tiền nhiệm George W. Bush, nhưng dường như nó không mang lại kết quả như mong đợi. Điểm nhấn trong giai đoạn này không còn là cuộc chiến chống khủng bố trong chiến lược Đông Á của Mỹ, mà thay vào đó, Mỹ đã chú trọng nhiều hơn tới các hợp tác an ninh, kinh tế. Chính sách của Obama mềm dẻo hơn so với sự cứng nhắc của George W. Bush và nó cũng tỏ ra hiệu quả hơn. Những đổi mới này trong chính sách đối ngoại của Obama là cần thiết bởi nó giúp cải thiện hình ảnh của Mỹ trong mắt các nước Đông Á, nhờ đó, Mỹ đã tiếp tục duy

---

1. Xem The White House: *2015 National Security Strategy*, [https://www.whitehouse.gov/sites/default/files/docs/2015\\_national\\_security\\_strategy.pdf](https://www.whitehouse.gov/sites/default/files/docs/2015_national_security_strategy.pdf)

2. Phạm Quỳnh Hương, Nguyễn Thanh Tùng: “Nước Mỹ qua cuộc bầu cử giữa nhiệm kỳ và một số dự báo đến năm 2016”, Tạp chí *Đối ngoại trung ương*, số 12/2014 (62), tr.21.

trì được vị thế là chủ thể quyền lực lớn nhất tại Đông Á ở cả hiện tại và tương lai.

## **2.2. Trung Quốc từ trỗi dậy đến kiến tạo vị thế mới**

Ở Trung Quốc cũng có sự nhất quán tương tự như chính quyền Obama nhưng khác với cách áp dụng lý thuyết vào thực tiễn chính sách đối ngoại của Mỹ và phương Tây, giới lãnh đạo Trung Quốc thường vạch ra cho mình một chiến lược đối ngoại dài hạn với những thuật ngữ mang tính ẩn dụ. Năm 2010, giới nghiên cứu quốc tế ở trong và ngoài Trung Quốc bị ấn tượng bởi một công trình có tiếng vang của Lưu Minh Phúc với tựa đề *Giấc mơ Trung Quốc*. Trong đó Lưu Minh Phúc chỉ ra rằng, Trung Quốc đã bước vào giai đoạn đại chiến lược thứ 3 - Chiến lược trỗi dậy. Đây không phải là một tuyên bố suông hay chỉ mang tính dọa nạt, Trung Quốc đã vạch ra một lộ trình dài kể từ khi bắt đầu mở cửa cuối thập niên 1970 để có thể kết thúc *Giấc mơ Trung Quốc* với vị thế đứng đầu thế giới (giai đoạn đại chiến lược thứ 4 - Chiến lược lãnh tụ) vào năm 2049 - nhân kỷ niệm 100 năm lập quốc<sup>1</sup>.

Quá trình tăng trưởng về kinh tế đã giúp Trung Quốc ngày càng có vị thế lớn hơn trên bản đồ kinh tế - chính trị toàn cầu, nhất là trong bối cảnh vị thế của Mỹ đang suy giảm tương đối do bị sa lầy vào cuộc chiến ở Trung Đông và cuộc khủng hoảng kinh tế năm 2008. Trung Quốc bắt đầu điều chỉnh chính sách đối ngoại bằng chiến lược “ngoại giao nước lớn” nhằm bước vào một giai đoạn mới để nâng cao vị trí trong khu vực, thậm chí hướng tới lật đổ Mỹ để xác lập vị trí bá quyền mới của Trung Quốc ở Đông Á.

Đại hội lần thứ XVIII Đảng Cộng sản Trung Quốc (năm 2012) đã đánh dấu một thế hệ lãnh đạo mới ở Trung Quốc, còn gọi là “thế hệ lãnh đạo thứ năm”, người đứng đầu là Tập Cận Bình. Ông Tập Cận Bình đã tuyên bố tham vọng xây dựng Trung Quốc thành một cường quốc toàn cầu, thông qua việc thực hiện *Giấc mơ Trung Quốc* (China Dream) - phục hưng lại dân tộc Trung Hoa lừng lẫy trong quá khứ. Tập Cận Bình đã nắm

---

1. Lưu Minh Phúc: *Giấc mơ Trung Quốc*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2011.

toàn bộ quyền lực vào tay bằng những chính sách đối nội và đối ngoại cực kỳ cứng rắn. Trong nước, Tập Cận Bình tiến hành chiến dịch “đả hổ, diệt ruồi”<sup>1</sup>, đưa ra xét xử hàng loạt các quan chức cấp cao. Bên ngoài, Bắc Kinh từ bỏ chính sách đối ngoại “*thao quang dưỡng hối*” (giấu mình chờ thời) để chuyển sang thực hiện chiến lược “ngoại giao nước lớn”. Bắc Kinh không chỉ tạo nên những xáo trộn trong khu vực với vị thế mạnh hơn nước khác, mà còn gây ra những căng thẳng nội bộ.

*Thứ nhất, chính trị nội bộ Trung Quốc.* Trung Quốc đã vươn lên trở thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới trong thập niên đầu thế kỷ XXI. Đây là sự bảo đảm không thể vững chắc hơn đối với vị trí lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Nhưng bên trong tồn tại rất nhiều vấn đề đang dần lộ ra mà họ chưa thể giải quyết, nhất là thời gian khi ông Tập Cận Bình lên nắm quyền vào cuối năm 2012. Các chính sách cải cách kinh tế của ông Tập đã không hiệu quả như mong muốn. Nền kinh tế Trung Quốc đang tiếp tục đà suy thoái. Theo *World Bank* (2016)<sup>2</sup>, năm 2015 kinh tế Trung Quốc chỉ tăng trưởng ở mức 6,9% - mức thấp nhất trong vòng 25 năm qua, và dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng chậm lại trong vòng ba năm tới. Nền kinh tế Trung Quốc cũng được xem là kém bền vững hơn so với các nền kinh tế lớn khác trong khu vực như Hàn Quốc hay Nhật Bản. Tình trạng này dẫn đến những dự đoán bi quan đối với Trung Quốc. Chính quyền Trung Quốc đã rất lúng túng trước các cảnh báo như vậy, chẳng hạn Bắc Kinh cáo buộc tỷ phú George Soros đang tuyên chiến với Trung Quốc sau những phát biểu của ông ta về cuộc “hạ cánh cứng” - và sau đó là suy thoái - của nền kinh tế Trung Quốc.

Ông Tập Cận Bình cũng đang tiến hành chiến dịch chống tham nhũng “đả hổ, diệt ruồi”. Những nhân vật quyền lực của Trung Quốc vốn được xem là không thể động đến như Bạc Hy Lai, Chu Vĩnh Khang, Từ Tài Hậu, đều bị điều tra hoặc rơi vào vòng lao lý. Từ *Foreign Policy* (tháng 3-2016), cho biết, trong năm 2015, Trung Quốc đã xử lý gần 300.000 quan chức liên quan đến tham nhũng.

---

1. Đây là cách truyền thông quốc tế gọi chiến dịch phòng, chống tham nhũng do ông Tập Cận Bình phát động.

2. The World Bank: *China*. Xem: <http://data.worldbank.org/country/china>.

Hai vấn đề lớn này, cùng với hàng loạt vấn đề khác như tình trạng ô nhiễm không khí, già hóa dân số do chính sách một con (hiện đã được gỡ bỏ), sự di cư ồ ạt của giới thượng lưu ra nước ngoài... đang dần đẩy Trung Quốc vào tình trạng không ổn định.

Một nghiên cứu của The Perth USAsia Centre và các cộng sự (2014)<sup>1</sup>, tại năm thành phố lớn của Trung Quốc gồm Bắc Kinh, Thượng Hải, Quảng Châu, Thành Đô, Trường Sa về *Nhận thức về biển của Trung Quốc* qua hai tranh chấp ở Biển Đông và biển Hoa Đông năm 2013 đã phản ánh rõ nét vấn đề sau.

**Bảng 5: Các mối quan tâm lớn của người dân Trung Quốc**

Các vấn đề của Trung Quốc	Mức độ quan tâm của dân chúng
Tệ nạn tham nhũng	84,3%
Chênh lệch giàu - nghèo	79,7%
An toàn thực phẩm và thuốc men	71,9%
Vấn đề thực tế và đạo đức xã hội	53,1%
Ô nhiễm môi trường	52,9%
Tranh chấp biển đảo với các quốc gia láng giềng	51,2%
Cải cách luật pháp	43,5%
Tiếp tục phát triển nền kinh tế	38,5%
Thống nhất với Đài Loan	22,9%

*Nguồn:* Andrew Chubb & Perth USAsia Centre (2014)

Khảo sát này chỉ ra rằng, năm mối quan tâm hàng đầu đối với những người được hỏi là các vấn đề bên trong quốc gia, trong khi vấn đề tranh

---

1. Andrew Chubb & Perth USAsia Centre: *Exploring China's "Maritime Consciousness"*, 2014, tr.25. Xem: <http://perthusasia.edu.au/publications/Maritime-Consciousness-Attitudes-Report>

chấp lãnh thổ với các quốc gia láng giềng chỉ chiếm khoảng 51,2% sự chú ý của dư luận. Rõ ràng, biến số này trái ngược với phần lớn suy nghĩ và quan sát của thế giới rằng, người dân Trung Quốc quan tâm đến các vấn đề bên ngoài (tranh chấp chủ quyền, vị thế của Trung Quốc) so với bên trong quốc gia. Điều này giải thích vì sao những dự báo bi quan về nền chính trị, kinh tế của Trung Quốc ngày càng nhiều hơn.

Những vấn đề xấu này đang có chiều hướng gia tăng, nằm ngoài sự kiểm soát của chính quyền trung ương, vì vậy, Bắc Kinh buộc phải giảm các sức ép trong nước bằng cách hướng sự chú ý của dân chúng ra khỏi các vấn đề trong nước. Trung Quốc muốn biến Biển Đông trở thành mối quan tâm chính. Có thể thấy cách ông Tập Cận Bình khơi dậy chủ nghĩa dân tộc qua *Giấc mơ Trung Quốc*, với tham vọng phục hưng dân tộc Trung Quốc vĩ đại - trung tâm của nền văn minh phương Đông - và xóa tan quá khứ nhục nhã đã từng bị phương Tây đô hộ. Đó là cách gia tăng sự cố kết quốc gia để phục vụ lợi ích quốc gia, có ý nghĩa quan trọng trong việc gia tăng sức mạnh của Trung Quốc. Sự cố kết quốc gia - dân tộc là một trong những lợi ích dân tộc quan trọng mà mọi quốc gia phải đạt được, phải bảo đảm cho sự cố kết trong lòng dân tộc ngày càng bền chặt<sup>1</sup>. Hans J. Morgenthau, một trong những nhân vật hàng đầu về nghiên cứu chính trị quốc tế thế kỷ XX cho rằng, sự cố kết quốc gia được phản ánh trên ba phương diện: đoàn kết giữa lãnh đạo và nhân dân; đoàn kết giữa các bộ phận dân cư trong quốc gia; đoàn kết trong giới lãnh đạo với nhau. Các yếu tố này góp phần làm nên quyền lực quốc gia, sự thiếu hụt một trong ba phương diện trên đều có thể ảnh hưởng lớn hay thậm chí phá vỡ sự đoàn kết quốc gia<sup>2</sup>. Trong bối cảnh đất nước có nhiều mâu thuẫn và chia rẽ thì nhiệm vụ của ông Tập Cận Bình là giảm bớt các mối lo ngại đó. Cách làm này không phải là chưa từng có tiền lệ. Chính quyền Mỹ của George W. Bush (2000-2008) đã hướng nỗi sợ hãi của người dân Mỹ về chủ nghĩa khủng bố sau vụ khủng bố 11 tháng 9 vào cuộc chiến ở

---

1. Xem Ngô Phương Nghi, Nguyễn Thanh Tùng, Đào Ngọc Tuấn: *Đại cương về chính trị học quốc tế*, Sđd, tr.16.

2. Xem Hoàng Khắc Nam: *Một số vấn đề lý luận quan hệ quốc tế dưới góc nhìn lịch sử*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2014, tr.269.

Áp-ganix-tan và Irắc. George W. Bush cũng giành chiến thắng trong cuộc bầu cử Tổng thống năm 2004 nhờ việc tiếp tục cam kết tiêu diệt tận gốc bọn khủng bố khi mà ký ức về sự kiện ngày 11 tháng 9 vẫn còn in đậm trong các cử tri Mỹ.

Nước Nga thời Tổng thống Putin cũng được xem là một ví dụ điển hình. Sự ủng hộ ông Putin đã lên đến kỷ lục, phần lớn dựa trên những thành tựu về chính sách đối ngoại của ông. Khảo sát của Trung tâm Nghiên cứu công luận Nga (tháng 10-2015)<sup>1</sup>, cho biết tỷ lệ ủng hộ Tổng thống Putin ở mức 89,9%, thậm chí còn cao hơn mức kỷ lục cũ hồi tháng 6-2015, đó là nhờ nỗ lực của ông trong việc tiêu diệt Nhà nước Hồi giáo tự xưng (IS) ở Xyri. Quyết định táo bạo này của ông Putin cũng giúp Nga cải thiện đáng kể vị thế của họ trong mắt các đồng minh ở Trung Đông và cộng đồng quốc tế. Điều này cũng đi ngược lại những dự báo của phương Tây về tương lai chính trị của ông Putin sau một loạt khó khăn mà nước Nga phải đối mặt, như tình trạng suy thoái kinh tế do biện pháp trừng phạt của Mỹ và EU, và sự sụt giảm giá dầu khiến nguồn dự trữ ngoại tệ của nước này đứng trước nguy cơ cạn kiệt.

Ted G. Carpenter - nhà nghiên cứu của Viện CATO và là biên tập viên của tờ *National Interest*, đã cảnh báo về việc Trung Quốc sẽ kéo sự chú ý của người dân ra khỏi những bất ổn trong nước bằng cách tạo ra một cuộc khủng hoảng về chính sách đối ngoại<sup>2</sup>. Điều này hoàn toàn có cơ sở, cho dù cái giá phải trả cho một cuộc khủng hoảng đôi khi còn lớn hơn lợi ích mang lại. Một cuộc khủng hoảng ở quy mô nhỏ đã từng diễn ra vào năm 2012, Trung Quốc chiếm bãi cạn Scarborough/Hoàng Nham

---

1. Trọng Giáp: *Tỷ lệ ủng hộ Putin lập kỷ lục mới vì không kích Syria*. Xem: <http://vnexpress.net/tin-tuc/the-gioi/ty-le-ung-ho-putin-lap-ky-luc-moi-vi-khong-kich-syria-3300158.html>.

2. Xem Ted G. Carpenter: “Could China's Economic Troubles Spark a War?” *National Interest*, <http://nationalinterest.org/feature/could-chinas-economic-troubles-spark-war-13784>.

Vĩnh Thụy (lược dịch): *Kinh tế Trung Quốc bị rối, Bắc Kinh có thể gây chiến tranh*. <http://motthegioi.vn/quoc-te/ho-so/kinh-te-trung-quoc-bi-roi-bac-kinh-co-the-gay-chien-tranh-228206.html>.

đang trong tình trạng tranh chấp với Philippin, ngay sau khi nội bộ nước này rối loạn vì vụ án Bạc Hy Lai. Chính trị quốc tế vẫn tồn tại những tình huống khó đoán định như vậy, các biến số trong nước luôn đóng vai trò định hướng, đôi khi là quyết định, để các nhà nước duy trì tính chính đáng và khả năng tồn tại của mình. Điều nguy hiểm nhất trong trường hợp này là chủ nghĩa dân tộc được tạo nên bởi những bất ổn có thể khiến giới lãnh đạo hành động một cách liều lĩnh và thiếu tính toán. Đó là một cuộc “khủng hoảng chính sách đối ngoại” thực sự mà các nước khác không hề mong muốn.

*Thứ hai*, những thay đổi về tương quan sức mạnh giữa Trung Quốc và Mỹ. Đặng Tiểu Bình khởi động chương trình “cải cách” ở Trung Quốc trong bối cảnh quan hệ Mỹ - Trung Quốc ở trong giai đoạn ổn định dựa trên ưu thế vượt trội của Mỹ so với Trung Quốc, còn hiện tại, thế cân bằng trong quan hệ Trung Quốc - Mỹ ở Đông Á đang được Bắc Kinh cố gắng thiết lập, vì thế tính cạnh tranh và thiếu ổn định cũng ở mức cao hơn thời điểm năm 1972. Ngay trong năm đầu nắm quyền, Tập Cận Bình đã đề nghị Tổng thống Mỹ Barack Obama xây dựng “quan hệ nước lớn kiểu mới” thay cho các quan hệ song phương truyền thống. Điều này hàm ý rằng, Mỹ cần coi Trung Quốc là một chủ thể lớn ngang hàng với Mỹ trong mọi vấn đề, đặc biệt là thừa nhận vị thế đứng đầu của Bắc Kinh ở Đông Á, để từ đó định hình nên cục diện chính trị mới cho khu vực và thế giới trong thế kỷ XXI. Nói cách khác, đó luôn là mục tiêu của Trung Quốc. Điều này cũng đã được công khai qua tuyên bố “Giấc mơ Trung Quốc” của ông Tập Cận Bình. Ngoại giao nước lớn cũng chính là ưu tiên trong chính sách đối ngoại hiện nay của Trung Quốc.

Mặt khác, không giống như châu Âu, Đông Á là khu vực mà các thiết chế an ninh chung hoạt động thiếu hiệu quả và Trung Quốc không có những đối thủ xứng tầm. Trung Quốc chưa thể so sánh được với Mỹ, song việc Oasinhton chú tâm vào các chính sách trong nước và sa lầy vào cuộc chiến ở Trung Đông khiến nước Mỹ không có đủ nguồn lực để tăng cường sự hiện diện ở Đông Á. Các thiết chế chung, như ASEAN, dường như không đủ sức mạnh để kiềm chế Trung Quốc.

*Sách Trắng quốc phòng 2015* của Trung Quốc quy định: “Để đáp ứng các yêu cầu mới đến từ việc các lợi ích chiến lược đang gia tăng của quốc

gia, các lực lượng quân đội sẽ tham gia tích cực vào các hoạt động hợp tác an ninh quốc tế và khu vực, và bảo vệ hiệu quả các lợi ích ở bên ngoài của Trung Quốc”<sup>1</sup>. Kể từ sau cuộc khủng hoảng tên lửa ở eo biển Đài Loan (1996) đến năm 2015, lực lượng quân đội Trung Quốc đã phát triển nhanh chóng, cho phép Bắc Kinh có thể bảo đảm an ninh tốt hơn và thậm chí là tiến hành các hoạt động quân sự nhằm răn đe các quốc gia khác ở Đông Á. Ước tính, Trung Quốc hiện đã sử dụng 1.400 tên lửa đạn đạo và hàng trăm tên lửa hành trình với độ chính xác cao và tầm bắn vươn tới các căn cứ quân sự của Mỹ tại Nhật Bản hoặc Hàn Quốc; số lượng tàu ngầm diesel hiện đại của Trung Quốc là 37 chiếc, trong đó có 33 chiếc được trang bị tên lửa<sup>2</sup>.

Bên cạnh việc bồi đắp, cải tạo trái phép các đảo đá trên Biển Đông nhằm phục vụ các mục đích quân sự, Trung Quốc còn tiến hành các hoạt động mang tính “thử” khác. Vụ giàn khoan HD981 năm 2014 là đỉnh điểm của sự thử nghiệm này. Sau đó, liên tiếp tại Đối thoại Shangri La năm 2015 và 2016, Trung Quốc tuyên bố về việc thiết lập vùng ADIZ mới trên Biển Đông nếu Bắc Kinh nhận thấy có các mối đe dọa ngày càng lớn đối với họ. Phản ứng của các nước tham dự đã khiến những dự định của Bắc Kinh không thể trở thành hiện thực. Tuy nhiên, Trung Quốc có thể thấy mức độ quan tâm của các nước khác đối với xung đột Biển Đông. Qua đó, Bắc Kinh không nhất thiết sử dụng vũ lực để kiểm soát Biển Đông một cách vội vàng, mà họ có thể làm điều đó bằng những hoạt động quân sự nhỏ lẻ nhưng chắc chắn hơn.

Có thể thấy, sự điều chỉnh chiến lược đối ngoại của Trung Quốc khá rõ ràng, song những nhận thức về nó trong giới nghiên cứu quốc tế thường thiếu nhất quán. Sẽ là nguy hiểm nếu coi Trung Quốc là chủ thể có sức mạnh hành động theo bản năng, vì đó là mối đe dọa thực sự đối với an ninh và thịnh vượng của châu Á - Thái Bình Dương. Điều cần thiết là

---

1. State Council Information Office of the People's Republic of China: *China's Military Strategy*, Beijing, 2015.

2. Heginbotham Eric: *The U.S. - China Military Scorecard: Forces, Geography, and the Evolving Balance of Power, 1996-2017* (Summary xxiii - xxv), RAND Corporation.



phải đánh giá đầy đủ sự trỗi dậy của Trung Quốc trong sự tác động của các yếu tố khác nhau, đó có lẽ là cách hiệu quả nhất để hiểu về những thay đổi hiện nay của Bắc Kinh.

### **2.3. Nhật Bản bước vào cuộc chơi nước lớn**

Trong vòng ba năm từ 2009 đến 2011, Nhật Bản đã trải qua ba đời Thủ tướng của Đảng Dân chủ, chỉ đến khi Shinzo Abe (Đảng Dân chủ tự do) thắng cử cuối năm 2012, nước Nhật mới không phải chứng kiến cảnh liên tục phải thay đổi chính phủ từ đó cho đến nay. Năm 2010, Nhật Bản đã bị Trung Quốc soán ngôi vị nền kinh tế lớn thứ hai thế giới.

Không thể phủ nhận vai trò quan trọng của Nhật Bản đối với an ninh và sự thịnh vượng của Đông Á từ cuối thế kỷ XX đến nay. Do tính chất nhạy cảm của lịch sử và mối ràng buộc trong quan hệ liên minh với Mỹ nên Nhật Bản không có nhiều cơ hội để thể hiện tham vọng nước lớn. Việc phải tồn tại gần một cường quốc đang trỗi dậy như Trung Quốc khiến Nhật Bản rơi vào tình thế tiến thoái lưỡng nan: Nếu quốc gia này tăng cường sức mạnh quân sự thì sẽ làm tăng sự nghi ngờ từ phía Bắc Kinh; nhưng ngược lại, nếu Nhật Bản chấp nhận Trung Quốc là một cường quốc không thể cưỡng lại thì chẳng khác nào thừa nhận Trung Quốc sẽ là kẻ đứng đầu Đông Á - vị thế mà Nhật Bản cũng rất muốn có. Vấn đề lớn nhất với Nhật Bản là họ bị vướng vào Hiệp ước An ninh Mỹ - Nhật Bản - thiết chế an ninh song phương nhằm hạn chế Nhật Bản phát triển khả năng quân sự.

Trước tình hình đó, việc lựa chọn ông Shinzo Abe tái cử Thủ tướng Nhật Bản phần nào phản ánh tâm trạng lo lắng của người dân Nhật Bản trước thái độ đầy thách thức của Trung Quốc và phản ứng thiếu quyết liệt của Mỹ trước các biến động ở Đông Á. Đảng Dân chủ Tự do của ông Shinzo Abe vốn có xu hướng cứng rắn, nên chính sách đối ngoại của Nhật Bản được dự báo sẽ mang tính đơn phương và mạnh mẽ hơn. Điều tương tự cũng diễn ra ở Hàn Quốc khi bà Park Geun-hye - một người có xu hướng thân hữu - trở thành Tổng thống Hàn Quốc. Tuy nhiên, Nhật Bản thể hiện mạnh mẽ hơn so với Hàn Quốc rất nhiều. Nhật Bản bắt đầu theo đuổi một chính sách đối ngoại cứng rắn dưới thời Thủ tướng Shinzo Abe không chỉ để đối phó với Trung Quốc mà còn nhằm đưa nước này trở

thành một chủ thể quan trọng hơn trong cục diện chính trị Đông Á. Đây chính là bước khởi đầu cho giai đoạn tái định hình lại tư duy đối ngoại của Nhật Bản kể từ sau thất bại của chiến lược “đàn nhận bay” hồi cuối thế kỷ XX do tác động của bong bóng kinh tế trong nước. Chính quyền của ông Abe cũng muốn thoát khỏi cái bóng của người Mỹ để xây dựng sức mạnh quân sự cho mình, mặc dù liên minh Mỹ - Nhật Bản vẫn giúp ích rất lớn cho họ.

Ngày 06-8-2013, Nhật Bản cho hạ thủy tàu sân bay trực thăng Izumo - tàu lớn nhất của nước này, đúng vào dịp kỷ niệm sự kiện Mỹ ném bom nguyên tử xuống Nhật Bản trong Chiến tranh thế giới thứ hai. Điều này cho thấy, nước này đã sẵn sàng cho một cuộc chạy đua mới mà những ký ức của thế chiến thứ hai sẽ không còn là nỗi ám ảnh với người dân Nhật Bản. Đầu tháng 11-2013, Nhật Bản tiếp tục triển khai tên lửa ở Thái Bình Dương, khiến Trung Quốc phản ứng lại bằng Vùng nhận dạng phòng không trên biển Hoa Đông.

Dấu ấn lớn nhất của ông Shinzo Abe là việc quyết tâm sửa đổi Hiến pháp Nhật Bản, cho phép nước này sử dụng vũ lực để giải quyết các tranh chấp quốc tế, thậm chí là “đánh phủ đầu” để phòng thủ từ xa. Thêm vào đó, dựa trên cơ sở của Hiệp ước An ninh Mỹ - Nhật Bản, Hiến pháp sửa đổi cũng giúp Nhật Bản có thể tiến hành phòng vệ chung với Mỹ. Dù ở bất cứ hoàn cảnh nào, liên minh với Mỹ cũng là nền tảng an ninh vững chắc nhất đối với Nhật Bản để Tôkyô có thêm sức mạnh đương đầu với Trung Quốc. Căng thẳng Trung Quốc - Nhật Bản xung quanh vấn đề tranh chấp quần đảo Điếu Ngư/Senkaku từ năm 2013 đến nay đã hạ nhiệt nhờ tuyên bố của Mỹ về việc sẽ bảo vệ Nhật Bản. Trong chương trình an ninh mới của Nhật Bản, Thủ tướng Shinzo Abe đã phê chuẩn tăng 5% ngân sách quốc phòng trong giai đoạn 2014-2019 lên mức 240 tỷ USD.

Nếu việc Trung Quốc trở dậy là có thể dự báo được, thì việc Nhật Bản ngày càng gia tăng sức mạnh quân sự là điều rất đáng chú ý. Ông Shinzo Abe đang thể hiện mình cứng rắn chẳng kém ông Tập Cận Bình, chấp nhận mạo hiểm để bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc. Ông Abe cũng khôn khéo khơi dậy Chủ nghĩa dân tộc ở Nhật Bản để biểu dương sức mạnh của quốc gia này. Xét trên nhiều mặt, sức mạnh của Nhật Bản bền vững hơn so với Trung Quốc, bởi nó không chỉ dựa trên khả năng nội tại của nước Nhật, mà còn

có sự trợ giúp từ phía đồng minh lớn nhất là Mỹ. Đó là lý do khiến Trung Quốc có thể lớn tiếng với Nhật Bản nhưng sẽ không thể mạnh tay với nước này như với các quốc gia Đông Nam Á khác.

Đối với Đông Nam Á, chính quyền Abe có một thái độ rất khác. Đây là sự hồi sinh của ý tưởng “Vòng cung tự do và thịnh vượng” và “Ngoại giao giá trị quan” trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản dưới thời ông Abe, cũng là xương sống trong *Học thuyết Abe*. *Học thuyết Abe* gồm năm nguyên tắc căn bản sau: (i) cùng với thành viên ASEAN bảo vệ và thúc đẩy các giá trị phổ quát như tự do, dân chủ và các quyền cơ bản của con người; (ii) cùng với các quốc gia thành viên ASEAN bảo đảm cho các vùng biển mở và tự do được quản trị bằng luật pháp và quy định chứ không phải bằng vũ lực và chào đón sự tái cân bằng của Mỹ ở châu Á - Thái Bình Dương; (iii) thúc đẩy đầu tư và thương mại thông qua mạng lưới liên kết kinh tế đa dạng, qua đó góp phần phục hồi nền kinh tế Nhật Bản và sự thịnh vượng của các nước ASEAN; (iv) bảo vệ, duy trì và gìn giữ các di sản và truyền thống văn hóa phong phú của ASEAN; (v) thúc đẩy giao lưu giữa các thế hệ trẻ nhằm tăng cường hiểu biết chung<sup>1</sup>. Đây cũng là cách Nhật Bản hướng tới xây dựng Cộng đồng Đông Á theo quan điểm của Chủ nghĩa khu vực mới, “hướng đến củng cố vai trò của Nhật Bản với tư cách là nhân tố liên kết, dẫn dắt sự phát triển”<sup>2</sup>.

Cùng với Trung Quốc, Nhật Bản sẽ là một trong những tác nhân quan trọng nhất trong cục diện chính trị Đông Á giai đoạn 2009-2016.

#### **2.4. Sự thận trọng của nước Nga**

Trước khi nước Mỹ chào đón một chính phủ ôn hòa của Barack Obama, thì nước Nga cũng đã có người đứng đầu Điện Kremli là Dmitry Anatolyevich Medvedev - một tân Tổng thống có xu hướng gần gũi hơn

---

1. Lê Hoàng Anh: “Điểm lại chính sách ngoại giao của Nhật Bản đối với khu vực Đông Nam Á qua các đời thủ tướng”, Tạp chí *Nghiên cứu Đông Bắc Á*, số 8(162), 2014, tr.22-23.

2. Lưu Minh Văn: “Chủ nghĩa khu vực mới và sức mạnh mềm Nhật Bản”, Tạp chí *Nghiên cứu Đông Bắc Á*, số 6(160), 2014, tr.29-30.

với phương Tây. Song về căn bản, Medvedev là một sự tiếp nối của Putin, được giới truyền thông gọi là “cặp bài trùng”, do đó, sau một nhiệm kỳ, Putin đã quay trở lại làm Tổng thống Liên bang Nga (2012) theo đúng quy định của Hiến pháp nước này. Nhiệm kỳ đầu tiên của cả Obama và Medvedev chứng kiến sự tan băng trong quan hệ Nga - Mỹ, bắt đầu có những điều chỉnh thận trọng trong các mối quan hệ song phương. Mỹ và Nga cũng đã đạt được cam kết quan trọng về thực hiện Hiệp ước cắt giảm vũ khí tiến công chiến lược của mỗi bên xuống còn 1/3 vào năm 2012.

Nền kinh tế Nga đã phục hồi và phát triển mạnh mẽ sau cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới, lên mức cao nhất năm 2013 với GDP đạt 2,231 nghìn tỷ USD. Là một nước giàu tài nguyên, đặc biệt là dầu mỏ, nước Nga đã biết cách khai thác lợi thế này để làm giàu trong bối cảnh giá dầu thế giới liên tục lên cao do nhu cầu tăng trưởng kinh tế từ các quốc gia khác. Nhưng mọi chuyện đã trở nên xấu đi từ khi cuộc khủng hoảng Ucraina xảy ra, Mỹ và phương Tây đã thi hành nhiều biện pháp trừng phạt kinh tế đối với Nga nhằm ép chính quyền Putin phải xuống tay ở Ucraina.

Quan điểm của Nga đối với châu Á - Thái Bình Dương có thể được định hình trong khuôn khổ chiến lược Hướng Đông được công bố năm 2010. Nội dung cơ bản của chiến lược này là: (i) “giảm bớt sự phụ thuộc về kinh tế của nước này vào phương Tây và lợi dụng các nền kinh tế đang lớn mạnh của châu Á. Chính sách này sẽ được thúc đẩy hơn nữa do giá dầu sụt giảm và những biện pháp trừng phạt của phương Tây đã đẩy nền kinh tế Nga vào khủng hoảng”; (ii) tìm kiếm các cơ hội mở rộng thương mại, đặc biệt là ở Đông Nam Á, trong bối cảnh tiềm ẩn khả năng phải cạnh tranh với Trung Quốc; (iii) “sự hiện diện quân sự của Nga ở châu Á nhiều hơn so với bất kỳ thời điểm nào kể từ sau khi Chiến tranh lạnh chấm dứt. Tuy nhiên, khía cạnh nổi trội nhất trong sự can dự quốc phòng của Nga với Đông Nam Á vẫn là các giao dịch mua bán vũ khí với các nhà nước khu vực”<sup>1</sup>. Tuy nhiên, chiến lược Hướng Đông của Nga nhìn

---

1. Ian Storey: “Chính sách hướng Đông của Nga và tác động đối với Đông Nam Á và Biển Đông”, Tạp chí *Nghiên cứu Biển Đông*. Xem: <http://nghien-cuu-bien-dong.vn/nghien-cuu-chau-au/5625-chinh-sach-huong-dong-cua-nga->

chung vẫn bị xem là hời hợt, dè dặt, mà chính xác hơn, Đông Á chưa phải là trọng tâm trong chính sách đối ngoại của Liên bang Nga.

Xét trên nhiều khía cạnh, Nga vẫn là một cường quốc có sức ảnh hưởng rộng lớn trên toàn cầu. Phần lớn lãnh thổ Nga nằm ở châu Á nên tương lai của Nga cũng phụ thuộc rất lớn vào khu vực này, nhất là trong bối cảnh Mỹ và phương Tây đang ngày càng lấn lướt Nga ở châu Âu. Và Nga vẫn coi Đông Á là khu vực có ý nghĩa địa - chính trị quan trọng, chiến lược Hướng Đông của Nga cũng đã xác định đây là nơi có thể thúc đẩy sự phát triển nền kinh tế Nga, nhất là vùng phía Đông. Trong các vấn đề an ninh lớn ở Đông Á, nước Nga có tiếng nói mạnh nhất trong vấn đề hạt nhân của Triều Tiên, bởi đây là câu chuyện chung của không chỉ các nước Đông Á mà còn là của các cường quốc và các thể chế quốc tế quan trọng. Trong xung đột ở Biển Đông, Nga chọn vị trí trung lập, không trở thành bên thứ ba để điều tiết xung đột và cũng không khuyến khích các nước khác đóng vai trò đó. Hiện tại, ưu tiên của Nga lần lượt là giải quyết các vấn đề trong nước, nhất là nền kinh tế đang chịu thiệt hại từ lệnh trừng phạt của phương Tây, tiếp tục chiếm ưu thế ở Ucraina và chi phối cục diện quyền lực ở Trung Đông thông qua Xyri, do đó không có thêm dấu hiệu đáng kể nào cho thấy chính quyền Putin sẽ tăng cường hiện diện ở Đông Á hoặc chính thức can thiệp thêm vào một vấn đề lớn nào khác. Biển Đông không ở gần biên giới Nga nên xung đột xảy ra ở đây không ảnh hưởng tới an ninh, kinh tế của nước này. Hơn nữa, Nga không cần thiết phải tham gia vào cuộc xung đột này vì họ không có đồng minh ở Đông Nam Á nên không có trách nhiệm bảo vệ, miễn là quan hệ của Nga với các nước ở đây vẫn được duy trì. Một số động thái cho thấy Nga quan tâm tới Đông Á có thể được thể hiện qua việc quan hệ Nga - Trung Quốc đang được củng cố về kinh tế và quân sự, hai bên đã ký kết hiệp định thương mại lớn và tiến hành các đợt tập trận chung trên biển; ý định tăng cường quan hệ quốc phòng với một số nước Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam.

Sau sự kiện Ucraina và Xyri, Nga sẽ buộc phải cân nhắc thật kỹ các quyết định liên quan tới chính sách đối ngoại để không gây thêm bất kỳ một rắc rối nào có thể khiến quan hệ của Nga với thế giới bên ngoài thêm căng thẳng, Nga có thể tiếp tục duy trì quan hệ với Trung Quốc nhưng

cũng không ủng hộ Bắc Kinh tăng cường sức mạnh và mở rộng lãnh thổ ra Đông Á. Một sự can dự sâu hơn vào Đông Á cũng có nghĩa là nước Nga sẽ trở thành một tay chơi trực tiếp, vừa chống lại Mỹ và đồng minh của Mỹ, vừa chống lại Trung Quốc, và vừa khiến các nước Đông Á khác lo ngại. Đây là nguyên nhân sâu xa lý giải cho sự thận trọng của Nga, Nga vừa không muốn, vừa không đủ sức đối đầu với Mỹ hoặc Trung Quốc ở Biển Đông<sup>1</sup> hoặc bất kể vấn đề nào khác mà họ không trực tiếp là kẻ hưởng lợi.

## **2.5. ASEAN giữa thách thức từ cuộc cạnh tranh nước lớn**

Được biết đến với tư cách là một tổ chức quốc tế duy nhất và thành công nhất ở Đông Á, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) đã góp phần tạo nên một khu vực hòa bình, thịnh vượng và đóng vai trò đáng kể vào quan hệ quốc tế ở châu Á - Thái Bình Dương. Với hình thức là một cơ chế điều phối khu vực, ASEAN hoạt động như một kênh giữa các nước thành viên với nhau và giữa các nước thành viên với nhiều tổ chức quốc tế khác; trong nửa cuối thế kỷ XX, ASEAN là “tổ chức khu vực thành công nhất của các nước thế giới thứ ba”<sup>2</sup>. ASEAN - một tổ chức của các nước vừa và nhỏ ở Đông Nam Á - đang hướng tới xây dựng và hoàn thiện Cộng đồng ASEAN dựa trên nền tảng kinh tế, chính trị - an ninh, và văn hóa - xã hội. Những bước tiến rất nhanh khi rút ngắn thời gian thành lập Cộng đồng ASEAN cho thấy sự lạc quan đang bao trùm lên các thành viên ASEAN kể từ sau Tuyên bố hòa hợp Bali II (2003). Lộ trình hành động để xây dựng Cộng đồng ASEAN vào năm 2015 đã được thông qua tại Hội nghị cấp cao ASEAN 14 (2009). Tương lai của Cộng đồng ASEAN được định hình trên ba trụ cột chính (Cộng đồng Chính trị - An ninh, Cộng đồng Kinh tế, Cộng đồng Văn hóa - Xã hội) với mục tiêu tổng quát là: Xây dựng Hiệp hội thành một tổ chức hợp tác liên Chính phủ liên kết sâu rộng hơn và ràng buộc hơn trên cơ sở pháp lý là Hiến chương

---

1. Mu Chunshan: “Why doesn’t Russia Support China in the South China Sea?” *The Diplomat*. Xem: <http://thediplomat.com/2014/06/why-doesnt-russia-support-china-in-the-south-china-sea/>

2. Donald K. Crone: “Hiệp hội các nước Đông Nam Á”, in trong Joel Krieger (chủ biên): *Toàn cảnh nền chính trị thế giới, Sđd*, tr.92.

ASEAN; nhưng không phải là một tổ chức siêu quốc gia và không khép kín mà vẫn mở rộng hợp tác với bên ngoài.

- Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN (APSC) với mục tiêu tạo dựng một môi trường hòa bình và an ninh cho khu vực Đông Nam Á phát triển thông qua việc nâng hợp tác chính trị - an ninh ASEAN lên tầm cao mới, với sự tham gia và đóng góp xây dựng của các đối tác bên ngoài; tạo ra một khối phòng thủ chung.

- Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) với mục tiêu tạo ra một thị trường chung duy nhất và cơ sở sản xuất thống nhất, trong đó có sự lưu chuyển tự do của hàng hóa, dịch vụ, đầu tư, vốn và lao động có tay nghề; từ đó nâng cao tính cạnh tranh và thúc đẩy sự thịnh vượng chung cho cả khu vực; tạo sự hấp dẫn với đầu tư - kinh doanh từ bên ngoài.

- Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN (ASCC) với mục tiêu phục vụ và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân ASEAN bằng cách tập trung xử lý các vấn đề liên quan đến bình đẳng và công bằng xã hội, bản sắc văn hóa, môi trường, tác động của toàn cầu hóa và cách mạng khoa học công nghệ<sup>1</sup>.

Tại Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN lần thứ 27 tại Malaixia (tháng 11-2015), các nhà lãnh đạo ASEAN đã ký kết Tuyên bố Cuala Lămpua về việc thành lập Cộng đồng ASEAN. “Văn kiện Tuyên bố thành lập Cộng đồng ASEAN là sự tuyên bố chính thức với thế giới về sự ra đời của Cộng đồng ASEAN. Với Hiệp hội đây là bước ngoặt lịch sử khẳng định vị thế mới của Cộng đồng ASEAN trong cộng đồng quốc tế, biểu thị mạnh mẽ cam kết của ASEAN là sẽ nỗ lực củng cố vững mạnh Cộng đồng ASEAN vì mục tiêu chung là hòa bình, ổn định và phát triển. Tuyên bố thành lập Cộng đồng ASEAN là một dấu mốc quan trọng trong tiến trình liên kết của ASEAN”<sup>2</sup>. Có thể tái khẳng định rằng, sự ra đời và phát triển của

---

1. Xem: *Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)*. <http://www.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/NuocCHXHCNVietNam/ChiTietVeToChucQuocTe?diplomacyOrgId=124>

2. Phương Chi: *Cộng đồng ASEAN 2015 - người dân thụ hưởng nhiều lợi ích*. Xem: <http://vov.vn/the-gioi/quan-sat/cong-dong-asean-2015-nguoi-dan-thu-huong-nhieu-loi-ich-464526.vov>

ASEAN đã tác động tích cực đến “diện mạo khu vực Đông Nam Á: từ một khu vực nhiều bất cập bởi sự thiếu ổn định, các cuộc xung đột và gồm nhiều nước kém phát triển trong những năm 1960 trở thành một trong những khu vực có tính ổn định nhất và một nền hòa bình tương đối trên thế giới”<sup>1</sup>.

Ban đầu, SEATO, tiền thân của ASEAN, là “sản phẩm của lý do cân bằng quyền lực”<sup>2</sup> của một số nước thân Mỹ trong khu vực Đông Nam Á nhằm chống lại sự bành trướng của chủ nghĩa cộng sản do Liên Xô dẫn đầu. Cách tiếp cận mang màu sắc chủ nghĩa hiện thực này phản ánh nỗi lo sợ thường trực của mọi quốc gia trong môi trường vô chính phủ ở châu Á, khi vai trò của Mỹ - với tư cách là người cân bằng sức mạnh với Liên Xô và giữ gìn an ninh - chưa được thừa nhận. Tuy nhiên, khi ASEAN ngày càng phát triển và mở rộng và quan hệ quốc tế có những thay đổi quan trọng thì tính chất hiện thực của tổ chức này cũng dần phai mờ, bất chấp các mối đe dọa vẫn luôn thường trực, nhất là từ phía Trung Quốc. Một trong những phản biện đối với chủ nghĩa hiện thực là chủ nghĩa tự do (đặc biệt là nhánh Chủ nghĩa tự do thể chế). Chủ nghĩa tự do thể chế tin rằng, sự phát triển hiện nay của ASEAN là nhằm tạo ra một thể chế quốc tế giúp tạo điều kiện cho an ninh và thịnh vượng ở Đông Nam Á, cho chính Đông Nam Á chứ không phải để đứng về phía nào và chống lại ai<sup>3</sup>.

Quả thực, sự phát triển của ASEAN là một tín hiệu tích cực cho quan hệ quốc tế ở châu Á - Thái Bình Dương, nhất là khi các hợp tác quốc tế ở khu vực này - chủ yếu dựa trên lĩnh vực kinh tế - còn rất lỏng lẻo và không bền vững. ASEAN được kỳ vọng là tổ chức có thể điều phối an ninh và kiến tạo nên môi trường phát triển chung cho khu vực Đông Á. Bằng việc giải quyết thành công vấn đề Campuchia và xây dựng những cơ sở pháp lý đầu tiên với Trung Quốc trong vấn đề Biển Đông, ASEAN đã “chứng tỏ khả năng tìm kiếm những giải pháp cho những vấn đề an

---

1. Muhadi Sugiono: “Các logic cho nền hòa bình: ASEAN và khu vực hòa bình tại Đông Nam Á”, in trong Phạm Quang Minh (biên soạn): *Quan hệ chính trị quốc tế, Sđd.*

2, 3. Phạm Quang Minh: *Quan hệ quốc tế ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương, Sđd*, tr.132, 133-134.



ninh “gai góc” của khu vực”<sup>1</sup>. Tuy nhiên, dường như vai trò điều phối an ninh của ASEAN đang dần phai nhạt do những vấn đề bên trong của tổ chức này và do sự cạnh tranh từ các cường quốc bên ngoài. Điều này sẽ là một thách thức lớn đối với tham vọng của ASEAN trong việc tiến tới một cộng đồng chung, bởi nếu không thể bảo đảm một môi trường hòa bình ở trong và ngoài khu vực, thì ASEAN sẽ khó có thể tập trung vào các mục tiêu phát triển nội khối. Bất kỳ một sự cố kết nào cũng dựa trên những lợi ích chung - riêng và phải đối mặt với những thách thức khác nhau từ bên trong và bên ngoài. Cộng đồng ASEAN cũng vậy, sự tồn tại và phát triển của cộng đồng này chắc chắn sẽ tạo nên những biến động trong quan hệ quốc tế ở châu Á - Thái Bình Dương theo nhiều chiều hướng khác nhau.

Theo chiều hướng bi quan nhất, tổ chức này đang dần mất đi tầm ảnh hưởng chính trị trong một khu vực có nhiều biến động mạnh mẽ, điều mà các nhà hiện thực tin rằng, thế giới đang thiếu các thể chế có hiệu quả cho việc thống trị toàn cầu<sup>2</sup>. ASEAN được kỳ vọng sẽ giải quyết được vấn đề xung đột, mâu thuẫn ở Biển Đông, bởi đây là tổ chức lớn nhất khu vực Đông Nam Á, là kết quả của sự hợp tác khá chặt chẽ trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, an ninh - quốc phòng. ASEAN xác định lập trường chung khẳng định cần phải giải quyết xung đột Biển Đông bằng biện pháp hòa bình trên tinh thần tuân thủ Luật pháp quốc tế, hài hòa lợi ích giữa các bên liên quan. Tổ chức này không ủng hộ quan điểm của bất kỳ bên tranh chấp nào. Theo đó, họ cố gắng đưa ra các sáng kiến nhằm tìm kiếm giải pháp về pháp lý, trong đó việc thỏa thuận với Trung Quốc được đặt lên hàng đầu. Trên thực tế, những nỗ lực ký kết Tuyên bố về cách ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC) hoặc tiến xa hơn là Bộ quy tắc ứng xử ở Biển Đông (COC) không tạo ra được sự đột phá trong việc giải quyết xung đột.

---

1. Phạm Quang Minh: *Quan hệ quốc tế ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương*, Sđd, tr. 135.

2. Xem Charles W. Kegley, Jr. & Shanon L. Blanton: *World Politics - Trend and Transformation* (2010-2011 Edition), Cengage Learning, pp. 43.

Các thành viên của ASEAN cũng là các bên trong tranh chấp ở Biển Đông và chưa thể tự giải quyết với nhau, khiến ASEAN gặp nhiều khó khăn trong việc dung hòa lợi ích giữa các bên và đòi hỏi tổ chức này phải xem xét lại thiết chế an ninh và hợp tác của mình. Đồng thời, họ đều là những nước vừa và nhỏ, tức là có sức mạnh tương đương nhau, không một quốc gia nào đủ sức chi phối toàn khối nên ảnh hưởng của ASEAN đối với hành vi của mỗi quốc gia là rất hạn chế. Một tổ chức quốc tế muốn mạnh và bền vững thì các thành viên của nó phải mạnh mới có đủ khả năng duy trì và phát triển theo đúng mục tiêu mong muốn.

ASEAN đang thiếu một cơ chế thống nhất trong hợp tác an ninh, quản lý và giải quyết các vấn đề xung đột, tranh chấp trong khu vực. Lập trường của các quốc gia luôn có những khác biệt, nhất là khi phải đối mặt với một đối thủ lớn như Trung Quốc.

### **3. Đánh giá lại quan hệ giữa các nước lớn đã định hình cục diện chính trị Đông Á**

Giai đoạn 2009-2016 có thể được xem là giai đoạn mà các chủ thể lớn trong quan hệ chính trị ở Đông Á tái định hình quan hệ với nhau. Trung Quốc cần phải được nhắc đến như là trung tâm của quá trình thay đổi này. Trung Quốc là một quốc gia thuộc châu Á, điều này là không thể thay đổi, vì vậy, mục tiêu trước mắt của họ là trở thành cường quốc lớn nhất ở châu Á trước khi có thể cạnh tranh với các quốc gia khác ở phạm vi toàn cầu. Mỹ, Nhật Bản và ASEAN là những chủ thể quan trọng của khu vực châu Á - Thái Bình Dương và là những yếu tố quyết định đến quá trình tái định hình vị thế của Trung Quốc.

#### **3.1. Quan hệ Trung Quốc - Mỹ**

Cuộc dàn xếp năm 1972 và mô hình địa - chính trị tồn tại sau đó là quãng thời gian Trung Quốc chấp nhận đứng sau Mỹ để đổi lấy một giai đoạn ổn định phục vụ cho phát triển kinh tế. Quan hệ kinh tế là cầu nối quan trọng nhất trong quan hệ Trung Quốc - Mỹ khi Bắc Kinh coi đó là “chìa khóa của sự phát triển”<sup>1</sup>. Mỹ đã giúp Trung Quốc tham gia sâu rộng

---

1. Fareed Zakaria: *Thế giới hậu Mỹ*, Sđd, tr.141.

hơn vào các định chế quốc tế. Đà tăng trưởng mạnh mẽ của Trung Quốc luôn trên 10% trong suốt 25 năm sau khi cải cách đã tạo ra một loạt các dự báo lạc quan về tương lai của Trung Quốc, thậm chí có thể vượt Mỹ. Đến quý II năm 2010, nền kinh tế Trung Quốc đã vượt Nhật Bản để trở thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới, sau Mỹ.

Khi Trung Quốc đã trở nên quá lớn mạnh và mong muốn tìm một vị thế xứng đáng hơn thì họ không thể “giấu mình” được nữa. Khi nước Mỹ tiếp tục vướng vào cuộc chiến ở Trung Đông và phải dồn các nguồn lực để khôi phục nền kinh tế trong nước thì đó là thời cơ để Trung Quốc thực hiện giấc mơ của họ. Trung Quốc và Mỹ không còn kẻ thù chung kể từ khi Liên Xô sụp đổ và nước Nga đã mất đi vai trò ở châu Á - Thái Bình Dương. Quan hệ Trung Quốc - Mỹ đã chuyển sang giai đoạn mới khác biệt nhau về cách tiếp cận và mục tiêu chiến lược. Trong khi Oasinhton vẫn chỉ coi quan hệ Trung Quốc - Mỹ là quan hệ song phương truyền thống và cần được xây dựng thành quan hệ tích cực toàn diện, thì Bắc Kinh đã đề cập “quan hệ nước lớn kiểu mới”. Cũng như quan hệ Trung Quốc - Mỹ sau năm 1972, không có sự thừa nhận chính thức nào về quan hệ nước lớn kiểu mới này, song khả năng cao là Tập Cận Bình cần Nhà Trắng xem xét lại quan hệ Trung Quốc - Mỹ, coi Trung Quốc là một cường quốc ngang hàng để từ đó định hình nên mối quan hệ giữa hai nước trong thế kỷ mới, thay vì đi theo quan hệ song phương truyền thống. Cơ cấu quyền lực trong quan hệ Trung Quốc - Mỹ thế kỷ XXI sẽ tương tự như trong quan hệ Liên Xô - Mỹ trong Chiến tranh lạnh, nhưng không phải để tiêu diệt nhau. Thậm chí, giới lãnh đạo Bắc Kinh dường như đang thiên về cách tiếp cận *zero-sum game* (trò chơi có tổng số bằng không - chiến thắng của kẻ này đồng nghĩa với thất bại của kẻ khác) trong quan hệ với Oasinhton<sup>1</sup>.

Nhà Trắng tin rằng, họ có thể duy trì được mục tiêu thống trị ở Đông Á như đang có hoặc tối thiểu là trạng thái cân bằng với Trung Quốc; trong khi giới lãnh đạo Bắc Kinh chỉ muốn Trung Quốc là người duy nhất thống trị tại Đông Á. Đạt được mục tiêu đó, Bắc Kinh không những có thể làm yếu đi liên minh của Mỹ ở châu Á mà còn giúp ổn định nền chính trị trong

---

1. Wang Jisi and Kenneth Lieberthal: *Addressing U.S. - China Strategic Distrust*, The John L. Thornton China Center at Brookings, Washington.

nước, củng cố quyền lực và tính chính danh của Đảng Cộng sản Trung Quốc - mục tiêu mà Mỹ cũng muốn thay đổi ở Trung Quốc. Mỹ có ý nghĩa then chốt đối với vị thế của Trung Quốc trong khu vực bởi chính Mỹ đang là chủ thể đóng vai trò dẫn dắt quan hệ quốc tế ở Đông Á và cũng là đối thủ lớn nhất của Trung Quốc.

Các vấn đề trung tâm trong cạnh tranh Trung Quốc - Mỹ phần lớn vẫn liên quan đến an ninh mà cả hai đều chưa thể có được hướng đi chung phù hợp với lợi ích của mỗi bên. Về phía Mỹ, việc quá tập trung vào vấn đề đối nội và phải tiếp tục giải quyết vấn đề Trung Đông đã khiến cho chính quyền Obama không đủ nguồn lực để theo đuổi bất cứ lựa chọn chính sách ngoại giao lớn nào khác<sup>1</sup>. Chính quyền Obama đã rất tự tin vào chiến lược “xoay trục” sang châu Á - Thái Bình Dương và xem khu vực này là tương lai của nước Mỹ. Tuy nhiên, thực tế ngược lại, “xoay trục” chỉ là mỹ từ của chính sách “tái cân bằng” mà Oasinhton thực hiện ở châu Á - Thái Bình Dương để đối phó với Trung Quốc, nước Mỹ không thể tiến hành một chiến lược mới một cách mạnh mẽ như nhiều nước Đông Á mong đợi. Quan hệ Trung Quốc - Mỹ về danh nghĩa vẫn được xây dựng trên cơ sở lòng tin và đối tác chiến lược, song về bản chất, quan hệ cạnh tranh đang trở nên nổi trội hơn. Kể từ khi ông Tập Cận Bình lên lãnh đạo Trung Quốc, thế giới đã chứng kiến nhiều hành động chứng tỏ Trung Quốc đang thách thức sức mạnh và vai trò của Mỹ ở châu Á - Thái Bình Dương hơn. Thiếu các thông tin tình báo và sự chủ động cần thiết đã khiến Mỹ thất bại trong việc ngăn cản Trung Quốc thiết lập Vùng nhận dạng phòng không (ADIZ) trên biển Hoa Đông và Oasinhton cũng sẽ khó có thể tính toán trước được Bắc Kinh sẽ làm gì tiếp theo, ngay cả khi Bắc Kinh tuyên bố họ sẽ lập thêm một vùng ADIZ mới ở Biển Đông.

Trong các vấn đề an ninh khu vực khác, Mỹ luôn cần đến Trung Quốc như một đối tác quan trọng để giải quyết. Khi tình hình trên bán đảo Triều Tiên diễn biến căng thẳng và phức tạp, vai trò của Trung Quốc càng được

---

1. Alan R. Sweeten: “Đề cương bài giảng “Quan hệ Mỹ - Trung: Bệnh hoang tưởng, chính sách ngăn chặn và việc bình thường hóa quan hệ”. trong Đỗ Thanh Bình, Văn Ngọc Thành (chủ biên): *Quan hệ quốc tế thời hiện đại: Những vấn đề mới đặt ra*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr.509.

Mỹ đề cao như một nhân tố không thể thiếu. Trung Quốc đã đóng vai trò chủ nhà trong các vòng đàm phán sáu bên về vấn đề hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên khi chính quyền Mỹ đưa Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên vào danh sách “trục ma quỷ”, đồng thời ngăn chặn thành công sự can thiệp bằng quân sự vào Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên từ phía Mỹ. Khi Tổng thống Obama tiếp quản hồ sơ Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên từ người tiền nhiệm thì mọi thứ đã thay đổi. Đàm phán sáu bên bị hoãn, Bình Nhưỡng vẫn tồn tại và quyết tâm theo đuổi đến cùng chương trình hạt nhân, thậm chí đe dọa tấn công cả Mỹ và Hàn Quốc. Bắc Kinh vẫn duy trì được lợi ích của họ là một bán đảo Triều Tiên không thống nhất và không có chiến tranh; Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên vẫn là “vùng đệm an toàn” của Trung Quốc.

Trung Quốc đang trên đường đạt mục tiêu bằng sức mạnh. Nước Mỹ cũng đề ra chiến lược xoay trục, và sau đó điều chỉnh lại thành “tái cân bằng”. Nhưng chính Tổng thống Obama đã thừa nhận sự nghi ngờ về khả năng tái cân bằng của nước Mỹ ở châu Á - Thái Bình Dương, nhất là khi Nhà Trắng đang cắt giảm ngân sách quốc phòng. Với phong cách của những người theo Chủ nghĩa tự do, chính quyền Obama đã ưu tiên cho các biện pháp kinh tế: “Khi hơn 95% khách hàng tiềm năng của chúng ta sống ngoài biên giới nước Mỹ, chúng ta không thể để những nước như Trung Quốc soạn ra luật lệ cho kinh tế toàn cầu”<sup>1</sup>. Chính quyền Mỹ đã đặt Trung Quốc ra ngoài TPP và tin rằng, họ có thể sử dụng kinh tế để ngăn chặn sự phát triển mở rộng của Trung Quốc, như đang làm với nước Nga của Putin. Nhưng biện pháp kinh tế này dường như không thể làm thay đổi ý chí của cả Tập Cận Bình và Putin. Vấn đề trước tiên và bao trùm quan hệ Trung Quốc - Mỹ “vẫn là các vấn đề chính trị - quân sự hơn là các vấn đề kinh tế”<sup>2</sup>.

Việc Mỹ coi quan hệ Mỹ - Trung Quốc sẽ định hình cho thế kỷ XXI đã cho thấy tương quan sức mạnh của Trung Quốc với Mỹ đang có sự biến đổi.

---

1. Hoàng Nguyên: *Vì sao Trung Quốc không tham gia TPP*. Xem: <http://kinhdoanh.vnexpress.net/tin-tuc/quoc-te/vi-sao-trung-quoc-khong-tham-gia-tpp-3292603.html>

2. Phạm Quang Minh: *Quan hệ quốc tế ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương*, Sđd, tr.91.

Chính quyền Obama đang thiếu một chiến lược nhất quán và đủ mạnh để ngăn chặn Trung Quốc. Những phản ứng của Mỹ thường mang tính thụ động và phụ thuộc vào mức độ gây hấn của Trung Quốc ở khu vực. Điều đó chẳng khác nào thừa nhận vai trò của Trung Quốc - với tư cách là một chủ thể quan trọng nhất - trong khu vực Đông Á. Trong khi Trung Quốc đã cho thấy, họ sẵn sàng sử dụng vũ lực để đạt được mục tiêu thì chính quyền Obama lại ưu tiên thuyết phục hơn là bao vây, ngăn chặn<sup>1</sup>.

Nếu như ở giai đoạn trước, Mỹ hoàn toàn có đủ khả năng đơn phương lấn át Trung Quốc hoặc thông qua một liên minh quân sự và kinh tế để cân bằng với Bắc Kinh, thì giờ đây mọi thứ đang thay đổi. Mearsheimer và Stephen Walt - hai nhà lý thuyết hàng đầu về quan hệ quốc tế - đã gợi ý về một cách thức mới cho Mỹ trong việc ứng xử với Trung Quốc, nhưng theo chiều hướng dành nhiều sự thừa nhận đối với vị thế của Trung Quốc ở châu Á hơn. Mearsheimer và Walt đã đề ra khái niệm chiến lược mới “cân bằng từ khơi xa” (*offshore balancing*). Theo đó, nước Mỹ nên theo đuổi chiến lược này để khuyến khích các nước khác kiềm chế những cường quốc mới nổi tại khu vực của chúng và chỉ nên can thiệp khi cần thiết; điều kiện tiên quyết là Mỹ vẫn duy trì được sự thống trị ở Tây bán cầu<sup>2</sup>.

Mỹ vẫn đứng trên Trung Quốc theo nghĩa tuyệt đối, nhưng vị thế của Mỹ đang bị lung lay hơn bao giờ hết. Trung Quốc đang chủ động để có thể đứng ngang hàng với Mỹ và sẽ vượt lên trong tương lai. Quan hệ Trung Quốc - Mỹ đã thay đổi rất nhiều từ năm 2009, Trung Quốc không còn muốn bị coi là cường quốc hạng hai, do đó lật đổ sự thống trị của Mỹ ở Đông Á là mục tiêu lớn nhất của đại chiến lược thứ ba của Trung Quốc. Một cuộc chiến tranh để phân định ngôi vị khó có khả năng xảy ra, song những xung đột và va chạm là khó tránh khỏi.

---

1. Thomas J. Christensen: “The Advantages of an Assertive China”, *Foreign Affairs*, 2011. Xem: <https://www.foreignaffairs.com/articles/east-asia/2011-02-21/advantages-assertive-china>.

2. John J. Mearsheimer, Stephen M. Walt, 2016: “The Case for Offshore Balancing: A Superior U.S. Grand Strategy”, *Foreign Affairs*, *Ibid*.

### **3.2. Quan hệ Trung Quốc - Nhật Bản**

Tương tự Trung Quốc, ông Shinzo Abe đang mở đường cho Nhật Bản trỗi dậy - một trong những tác nhân khiến cục diện chính trị Đông Á trở nên bất ổn. Sự trỗi dậy của Nhật Bản dưới thời Shinzo Abe không chỉ là một đòi hỏi tất yếu của chủ thể vốn được coi là một cường quốc, mà còn là phản ứng nhằm đối phó với thái độ cứng rắn của Trung Quốc trong bối cảnh nước Mỹ đang lúng túng ở Đông Á. Shinzo Abe là nhà lãnh đạo mang màu sắc dân túy giữa lúc chủ nghĩa dân tộc ở Nhật Bản đang phục hồi, thậm chí xuất hiện làn sóng phản đối sự hiện diện của quân đội Mỹ ở đất nước này.

Việc Nhật Bản nằm trong liên minh với Mỹ và sự ngăn cách của biển đã giảm thiểu những xung đột giữa Trung Quốc và Nhật Bản kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Mặc dù không nổi trội bằng cạnh tranh Trung Quốc - Mỹ, song quan hệ Trung Quốc - Nhật Bản phức tạp và khó lường ở chỗ: đây là hai cường quốc trong cùng một khu vực, do đó, tham vọng của nước này sẽ không tránh khỏi va chạm với nước còn lại. Thực tế, quan hệ Trung Quốc - Nhật Bản luôn trong tình trạng căng thẳng, nhất là từ khi Mỹ tuyên bố “xoay trục” sang châu Á - Thái Bình Dương. Kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, giữa Trung Quốc và Nhật Bản đã tồn tại nhiều bất đồng ký ức về cuộc xâm lược của Nhật Bản, vấn đề ngôi đền Yasukuni, nhất là sự kiện thảm sát Nam Kinh năm 1937 - luôn được Trung Quốc coi là nỗi nhục quốc gia - là vấn đề chi phối sự thù địch giữa hai quốc gia. Nhật Bản không thể sở hữu vũ khí hạt nhân như Trung Quốc, do phụ thuộc vào “ô bảo hộ” an ninh của Mỹ và Hiệp ước An ninh Mỹ - Nhật Bản, song quốc gia này luôn là một cường quốc quân sự. Trước những động thái thiếu thiện chí của Bắc Kinh và thái độ thiếu quyết liệt của Oasinhton, Tôkyô đã có những bước đi mạnh mẽ hơn nhằm gia tăng khả năng phòng thủ của bản thân bằng việc sửa đổi Hiến pháp. Năm 2013, nhiều sự kiện xảy ra đã đẩy cạnh tranh Trung Quốc - Nhật Bản lên đỉnh điểm. Sau khi Nhật Bản có những hành động quân sự mang tính cảnh báo với Trung Quốc, thì ngay sau đó nước này đã đáp lại bằng Vùng nhận diện phòng không (ADIZ) trên biển Hoa Đông. Vai trò của Mỹ đã được thể hiện phần nào qua việc làm dịu sự căng thẳng giữa Trung Quốc và Nhật Bản sau khi Oasinhton tuyên bố sẽ bảo vệ Tôkyô dựa trên Hiệp ước An ninh Mỹ - Nhật Bản.

Trung tâm của quan hệ Trung Quốc - Nhật Bản là vấn đề tranh chấp quần đảo Senkaku/Điếu Ngư. Về căn bản, mục đích lớn nhất của Trung Quốc và Nhật Bản trong vấn đề quần đảo Senkaku/Điếu Ngư không nằm ở các lợi ích kinh tế mà nhằm đe dọa lẫn nhau và phô trương sức mạnh, bởi cả hai đều coi nhau là đối thủ trực tiếp. Cạnh tranh Trung Quốc - Nhật Bản đang nóng lên do chính sách cân bằng của Tôkyô đối với Bắc Kinh, song kiềm chế lẫn nhau vẫn là phương án tốt hơn vào lúc này, thay vì phải đối đầu quân sự. Trong trung hạn, Nhật Bản có thể tiếp tục tự gia tăng sức mạnh cho mình trong một giới hạn nhất định, tránh gây ra một cuộc chạy đua vũ trang mới với Trung Quốc. Tương tự với Mỹ, Trung Quốc không nên tiến hành một cuộc chiến tranh với Nhật Bản, bởi như vậy Trung Quốc phải đối đầu với cả nước Mỹ. Trung Quốc dù tiềm lực mạnh thế nào cũng phải tính đến những tổn thất sẽ gặp phải nếu một cuộc chiến tranh diễn ra.

Nhật Bản có thể tự định ra giới hạn cho mình trong quá trình tái quân sự hóa để có thể chống lại Trung Quốc, nhưng Tôkyô sẽ không thể đơn phương tìm kiếm một vị thế cao hơn trong cục diện Đông Á nếu không nhận được sự chấp thuận của Mỹ. Cạnh tranh giữa hai cường quốc châu Á này còn kéo dài, nhưng hoàn toàn phụ thuộc vào động thái của Trung Quốc. Bằng cách đó, Trung Quốc đang chi phối an ninh ở khu vực Đông Bắc Á.

Như Susan Shirk mô tả: Thái độ chống Nhật Bản mạnh mẽ trên Internet phản ánh suy nghĩ của người Trung Quốc rằng, Trung Quốc và Nhật Bản đang lao vào cuộc chạy đua giành vai trò thống trị tại châu Á. Ví dụ, “đã đến lúc chúng ta phải đối xử với Nhật Bản như một kẻ thù. Chúng ta không thể đợi đến lúc người Nhật Bản giương lưới lê trên đầu chúng ta; chúng ta không thể đợi đến lúc chúng ta giúp Mỹ và Nhật Bản ngồi đếm tiền sau khi đã bán Đài Loan; chúng ta càng không thể để Nhật Bản trở thành ủy viên thường trực của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, và đẩy Trung Quốc xuống nhóm nước hạng hai”<sup>1</sup>.

---

1. Susan L. Shirk: *Gã khổng lồ mắt ngủ: Một góc nhìn về chính trị Trung Quốc đương đại*, Sdd, tr.275.



### 3.3. Quan hệ Trung Quốc - Nga

Trong bối cảnh nước Nga đang ngày càng mâu thuẫn với Mỹ và phương Tây về một số vấn đề như cuộc khủng hoảng Ucraina, hệ thống phòng thủ tên lửa của Mỹ ở châu Âu, sự mở rộng của NATO sang Đông Âu,..., thì cơ hội cho sự cố kết Trung Quốc - Nga ngày càng gia tăng. Ngay sau khi lên cầm quyền, Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình đã chọn Nga làm điểm công du nước ngoài đầu tiên. Hai quốc gia đứng đầu khối BRICS này đang cho thấy những bước đi mới trong cách tư duy về địa chính trị, thay vì phải cùng lúc đối đầu với nhiều đối thủ ngay sát biên giới (đối với Nga là phương Tây ở phía Tây, đối với Trung Quốc là các nước láng giềng ở phía Đông và Nam). Hai bên đã hợp tác để tránh đối đầu, bất chấp nhiều mâu thuẫn chưa thể giải quyết triệt để. Tháng 5-2014, Tập đoàn Dầu khí Nga (Gazprom) và Tập đoàn Dầu khí quốc gia Trung Quốc (CNPC) đã ký hợp đồng cung cấp khí đốt khổng lồ trị giá tới 400 tỷ USD trong thời gian 30 năm.

Tuy nhiên, đây là quan hệ giữa hai cường quốc hàng đầu thế giới, nên cần tìm hiểu bản chất thực sự phía sau sự nồng ấm Trung Quốc - Nga, cũng như dự báo tương lai của mối quan hệ này. Liệu có một liên minh thứ hai ở Đông Bắc Á giữa Nga và Trung Quốc không? Vấn đề trong liên minh giữa hai người khổng lồ của lục địa Á - Âu là gì? Trả lời các câu hỏi trên sẽ giúp giải thích vì sao khó có thể xuất hiện liên minh Nga - Trung Quốc, mặc dù trong ngắn hạn hai quốc gia này có thể đứng cùng một phía.

Theo quan điểm chủ nghĩa hiện thực, quan hệ đồng minh diễn ra khi xuất hiện mối đe dọa từ bên ngoài, hoặc khi một chủ thể vượt trội hơn phần còn lại; do đó, đồng minh là nhằm cân bằng quyền lực, hay chỉ đơn giản là cân bằng các mối đe dọa<sup>1</sup>. Loại trừ sự gài gút về mặt địa lý luôn có thể biến Nga và Trung Quốc trở thành đối thủ trực tiếp, nếu cả Nga và Trung Quốc đều coi Mỹ là đối thủ cần loại bỏ thì vấn đề là cần loại bỏ ở đâu? Nước Nga của Putin cần đối phó với Mỹ ở châu Âu, trong khi Trung Quốc phải cạnh tranh với Mỹ ở châu Á - Thái Bình Dương. Đối thủ của

---

1. Xem Stephen M. Walt: "Alliance - Đồng minh", in trong Joel Krieger (chủ biên): *Toàn cảnh nền chính trị thế giới*, Sđd, tr.37-38.

cả hai không trên cùng một mặt trận, bởi vậy việc đề cao quan hệ liên minh lâu dài dường như chỉ là cách đánh lạc hướng đối phương.

Hơn nữa, trong bất kỳ mối liên minh nào cũng cần phải có người đứng đầu, vậy Nga hay Trung Quốc sẽ đảm nhận vị trí đó? Rất khó để lựa chọn bởi nó liên quan đến vị thế và hình ảnh quốc gia - lợi ích mà quốc gia nào cũng muốn trong quan hệ quốc tế. Khi cả Nga và Trung Quốc đều tự coi mình là nước lớn, có đủ khả năng dẫn dắt các mối quan hệ rộng lớn, vì vậy họ sẽ không chấp nhận đứng dưới cái bóng của kẻ khác.

Theo quan điểm chủ nghĩa tự do, “đồng minh là kết quả của sự tương đồng tự nhiên giữa những quốc gia có đặc điểm trong nước tương tự nhau”<sup>1</sup>. Stephen M. Walt cho rằng, liên minh giữa các nước trong khối NATO bền vững được là nhờ các cam kết giữa các thành viên về dân chủ và kinh tế thị trường. Tương tự, Thomas Risse-Kappen, một học giả về quan hệ quốc tế tại Đức<sup>2</sup> lập luận, NATO là một tổ chức đa phương “dựa trên các nguyên tắc và quy tắc ra quyết định mang tính dân chủ phản ánh các giá trị chung và bản sắc chung”. Điều này e rằng không đúng với Nga và Trung Quốc - hai quốc gia luôn bị phương Tây chỉ trích về sự thiếu dân chủ trong nước, cũng như việc nhà nước can thiệp quá sâu vào nền kinh tế, dù với mức độ ở mỗi quốc gia là khác nhau.

Quan điểm của chủ nghĩa tự do tỏ ra thiếu thuyết phục hơn so với chủ nghĩa hiện thực. Chủ nghĩa hiện thực tuy vẫn nghi ngờ về khả năng liên minh Nga - Trung Quốc, song những luận điểm căn bản của nó vẫn đủ để giải thích cho mối quan hệ nồng ấm giữa hai quốc gia này. Giống như mọi mối quan hệ quốc tế khác, về bản chất, quan hệ Trung Quốc - Nga vẫn là sự cạnh tranh. Trong bối cảnh Mỹ và phương Tây đang lấn át trên toàn cầu, cả Trung Quốc và Nga đều cần đến nhau để không bị rơi vào vòng xoáy khủng hoảng và không để bị cô lập. Tuy nhiên, đây là giải pháp mang tính ngắn hạn, còn về dài hạn không một quốc gia nào muốn quốc

---

1. Xem Stephen M. Walt: “Alliance - Đồng minh”, in trong Joel Krieger (chủ biên): *Toàn cảnh nền chính trị thế giới, Sđd*, tr.37.

2. Thomas Risse-Kappen: “Bản sắc chung trong cộng đồng dân chủ: Trường hợp NATO”, in trong sách Học viện Ngoại giao (chủ biên): *Lý luận quan hệ quốc tế*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2003, tr.166-219.

gia láng giềng lại mạnh hơn. Do đó, Trung Quốc cần đến Nga nhưng không muốn Nga trở thành một chủ thể quan trọng trong việc điều phối và định hình cục diện chính trị ở Đông Á. Từ bên trong, quan hệ Trung Quốc - Nga vẫn dựa trên các lợi ích kinh tế hơn là chính trị. Từ bên ngoài, hai quốc gia này có kết với nhau để giải quyết những bài toán an ninh khu vực.

Trong vấn đề xung đột Biển Đông, Nga chọn vị trí trung lập, không trở thành bên thứ ba để điều tiết xung đột và cũng không khuyến khích các nước bên ngoài châu Á đóng vai trò đó. Tham gia vào cuộc chơi nước lớn ở Biển Đông có nghĩa là Nga sẽ vừa phải đối đầu với Mỹ, vừa khiến Trung Quốc không hài lòng; trong khi quốc gia này còn rất nhiều vấn đề phải giải quyết. Nga cũng không phản đối Trung Quốc tiến hành các hoạt động quân sự và dân sự ở Biển Đông. Gần đây, sau khi lên tiếng khẳng định lại vai trò trung lập khi ủng hộ các giải pháp hòa bình và không quốc tế hóa tranh chấp ở Biển Đông, chính quyền của Putin dường như ủng hộ Trung Quốc ở Biển Đông. Thật vậy, Trung Quốc là cường quốc ở Đông Á, do đó tham vọng của nước này là thống trị khu vực. Điều đó cũng giống như tham vọng của nước Nga đối với các nước thuộc không gian hậu Xôviết. Hai bên đã phát đi một thông điệp để có thể ngầm ủng hộ, thậm chí là thừa nhận vị thế mới của nhau trong bối cảnh vai trò đứng đầu của Mỹ ngày càng suy yếu.

Quan hệ Nga - Trung Quốc ở Đông Á có lẽ là một trong số ít quan hệ giữa hai cường quốc đang lên mà không xung đột nhau, nhất là khi chúng gần gũi nhau về vị trí địa lý. Đây là một may mắn cho quan hệ quốc tế ở Đông Á. Nếu phương Tây coi sự hiện diện của Mỹ trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương là điều kiện cho an ninh và ổn định của khu vực, thì theo chiều hướng tương tự, mối quan hệ Nga - Trung Quốc cũng là cần thiết để cân bằng sức mạnh với Mỹ. Bởi vậy, mối quan hệ nồng ấm giữa Nga và Trung Quốc cũng là chất xúc tác lớn cho một châu Á hòa bình và phát triển.

Quan hệ Trung Quốc - Mỹ tác động đến cục diện chính trị Đông Á trên hai khía cạnh chính:

*Thứ nhất*, cục diện chính trị Đông Á từ sau Chiến tranh lạnh được đặc trưng bởi sự thống trị của Mỹ, kể đến là các cường quốc như Trung Quốc,

Nga, Nhật Bản, và tổ chức ASEAN,... Với sự cố kết Nga - Trung Quốc, vai trò dẫn dắt quan hệ quốc tế ở Đông Á không còn chỉ dựa vào Mỹ, mà nó sẽ được chia sẻ cho các chủ thể khác của khu vực này, tạo thành *cục diện đa cực* thay thế cho *cục diện nhất siêu - đa cường*.

*Thứ hai*, quan hệ Nga - Trung Quốc có tác động quan trọng đến an ninh khu vực, do đó, những biến động trong quan hệ của hai cường quốc này cũng ảnh hưởng đến an ninh Đông Á. Đồng thời, với sự cố kết Nga - Trung Quốc, sự cân bằng quyền lực ở Đông Á không chỉ được xác lập dựa trên quan hệ tay ba Mỹ - Trung Quốc - Nga, mà còn tiềm ẩn khả năng dựa trên nền tảng tập hợp lực lượng giữa một bên bao gồm Mỹ và các đồng minh châu Á với bên kia là Nga và Trung Quốc.

Dù bản chất của quan hệ Nga - Trung Quốc vẫn là sự cạnh tranh, song đây vẫn là một điểm sáng hiếm hoi trong bối cảnh thế giới đang nảy sinh nhiều xung đột, mâu thuẫn giữa các cường quốc. Sự kết hợp giữa hai cường quốc hàng đầu về kinh tế và quân sự này là một dấu hiệu khác cho thấy, ý đồ thiết lập một trật tự thế giới mới với sự lãnh đạo của Mỹ khó có thể trở thành hiện thực, mà thay vào đó, các cường quốc khác cũng cần được khẳng định vị trí của mình một cách xứng đáng.

### **3.4. Quan hệ Trung Quốc - ASEAN**

Không giống như quan hệ đối với Mỹ và Nhật Bản, Trung Quốc thường hành xử theo kiểu nước lớn trong quan hệ với các nước Đông Nam Á, kể cả tổ chức ASEAN.

ASEAN là một tổ chức của các nước vừa và nhỏ ở Đông Nam Á. Mục đích của tổ chức này đã thay đổi so với thời kỳ đầu mới được thành lập. Từ một liên minh để chống lại các thế lực bên ngoài nay trở thành một cơ chế đa phương cho toàn khu vực Đông Nam Á dựa trên nền tảng sự cố kết về kinh tế, chính trị và văn hóa. Các thành viên ASEAN đã lựa chọn con đường trung lập để có thể dung hòa lợi ích với các cường quốc trong khu vực. Trong khi quan điểm của chủ nghĩa hiện thực không đánh giá cao khả năng của ASEAN, nhất là khi giới lãnh đạo Trung Quốc cũng đang hành động không kém tính hiện thực, thì chủ nghĩa tự do thể chế tỏ ra lạc quan rằng, ASEAN sẽ “tạo điều kiện cho an ninh và thịnh vượng ở Đông Nam Á, của chính các nước Đông Nam Á, chứ không phải là sự

“kéo bè kéo cánh” theo Mỹ”<sup>1</sup>. Quả thực, ASEAN đang rơi vào tình trạng tiến thoái lưỡng nan. Nếu tổ chức này nghiêng về phía Mỹ thì chẳng khác nào chọc tức Trung Quốc, nhưng nếu ASEAN tiếp tục đóng vai trò trung lập thì các thành viên nên chuẩn bị cho giai đoạn Trung Quốc có thể làm bất cứ điều gì ở Đông Nam Á và việc đối phó với Trung Quốc sẽ là vấn đề riêng của từng quốc gia mà không phải là của chung ASEAN nữa. Trung Quốc sẽ giữ ASEAN trong vai trò là một thị trường chung, không thể là một liên minh chính trị bền vững cho toàn khu vực Đông Nam Á.

Các nước Đông Nam Á có thể tin vào sức mạnh quốc tế mà ASEAN có được dựa trên sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế và các nguyên tắc ứng xử dựa trên luật pháp quốc tế, nhưng không nên ảo tưởng về nó. Không chỉ Đông Nam Á phản đối, mà ngay cả khi Mỹ, Nhật Bản, EU lên tiếng bảo vệ ASEAN thì cũng khó có thể thay đổi được tham vọng của Trung Quốc. Trung Quốc có thể ngang nhiên triển khai nhiều tàu khai thác dầu khí ra Biển Đông, phá hoại các hoạt động kinh tế và dân sự của ngư dân các nước khác, chiếm bãi cạn Scarborough và đưa giàn khoan HD-981 vào vùng biển chủ quyền của Việt Nam mà không cần quan tâm hành động đó có vi phạm luật pháp quốc tế mà họ đã ký kết hay không. Các quốc gia có rất ít cơ hội ngồi lại với nhau để giải quyết một cách hòa bình, mặc dù, chính Trung Quốc cũng tuyên bố ưu tiên giải quyết vấn đề Biển Đông bằng đàm phán trực tiếp. Tuyên bố của các bên về ứng xử trên Biển Đông (DOC) năm 2002 và tương lai sẽ là Bộ quy tắc ứng xử Biển Đông (COC) đều là những cố gắng lớn mà các nước Đông Nam Á tạo ra để kiềm chế Trung Quốc; song Trung Quốc lại muốn tận dụng vị thế nước lớn để lấn lướt các nước nhỏ thông qua cơ chế song phương, loại bỏ sự can thiệp từ bên ngoài vào vấn đề Biển Đông. Đó là cách ứng xử kinh điển trong quan hệ nước lớn - nước nhỏ, ngoại giao là một trò đùa, việc theo đuổi nó chỉ nhằm có thêm thời gian chuẩn bị các hành động quân sự<sup>2</sup>. Khó có thể trông chờ vào một điều kỳ diệu nào đó đến từ Bắc Kinh,

---

1. Phạm Quang Minh: *Quan hệ quốc tế ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương*, Sdd, tr.134.

2. Fareed Zakaria: “The Arrogant Empire”, *Newsweek*, *Ibid*.

và Biển Đông sẽ còn dậy sóng nếu sức mạnh của Trung Quốc không bị kiềm chế.

Do đó, nếu ASEAN còn hy vọng thống nhất như một chủ thể trong môi trường quốc tế, thì cách tốt hơn hết là các thành viên cần phải đoàn kết lại vì như Ngoại trưởng Xingapo Rajaratnam: Nếu ASEAN không thể đoàn kết thì nó sẽ bị tiêu diệt một cách riêng rẽ và tự cứu mình bằng cách mạnh lên.

### **3.5. Mô thức mới trong quan hệ Mỹ - Nhật Bản - Trung Quốc**

Bộ ba cường quốc Trung Quốc - Nhật Bản - Mỹ về căn bản khó có thể định hình “thế chân vạc” địa chiến lược như bộ ba Mỹ - Trung Quốc - Nga<sup>1</sup>, song sẽ là những nhân tố chủ chốt quyết định diện mạo quan hệ quốc tế ở Đông Á trong những năm tới. Điều đáng lo ngại là cả ba cường quốc này đều là những quốc gia ở châu Á - Thái Bình Dương - nơi có ý nghĩa quyết định đến vị thế của mỗi quốc gia trên toàn cầu. Trung Quốc sẽ tiếp tục là chủ thể được chú ý đến nhiều nhất không chỉ bởi sự trỗi dậy của Bắc Kinh hiện tại, mà còn bởi họ chưa từng có kinh nghiệm lãnh đạo thế giới và là một cường quốc đơn độc. Mục tiêu của Trung Quốc là sẽ trở thành cường quốc đứng đầu thế giới vào năm 2049 đúng vào dịp kỷ niệm 100 năm thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

Cặp quan hệ Trung Quốc - Mỹ sẽ vẫn là chủ đề chính trong mọi tranh luận mang tính học thuật lẫn thực tiễn về nền chính trị quốc tế đương đại. Trong cuốn *World Order*<sup>2</sup>, cựu Ngoại trưởng Mỹ Henry Kissinger - một người theo quan điểm chính trị hiện thực - chỉ ra rằng, Trung Quốc đang tái hiện lại hình ảnh về sự trỗi dậy của các cường quốc trong quá khứ, một

---

1. Xem Thái Văn Long: ““Thế chân vạc” địa chiến lược Mỹ - Trung - Nga trong thế kỷ XXI”, *Tạp chí Lý luận chính trị*. <http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/quoc-te/item/1090-the-chan-vac-dia-chien-luoc-my-trung-nga-trong-the-ky-xxi.html>

2. Xem Henry Kissinger: *World Order*, New York: Penguin Books; và Thanh Tuấn: *Kissinger và “Trật tự thế giới”*. <http://tuoitre.vn/tin/tuoi-tre-cuoi-tuan/van-de-su-kien/quoc-te/kissinger-va-trat-tu-the-gioi/677820.html>

cường quốc mới (Trung Quốc) cạnh tranh với cường quốc cũ là Mỹ. Điều tệ hại nhất là cuộc chiến tranh giữa hai cường quốc cũ - mới.

Các nhà nước đều phải tính toán trước khi tiến hành một hành động có thể gây chiến tranh, bởi cái lợi thu được sau mỗi cuộc chiến thường khó bù đắp được những tổn thất phải trả, nhất là trong bối cảnh các quốc gia phụ thuộc lẫn nhau. Như phân tích, các biến số nội bộ và ngoại biên luôn tác động rất lớn tới hành vi của các quốc gia, do đó không thể loại trừ trường hợp xảy ra xung đột quân sự tại các khu vực nhất định. Cả Trung Quốc và Mỹ đều có những cố gắng nhất định để tránh một viễn cảnh mà Henry Kissinger đang lo ngại. Trung Quốc đề xuất xây dựng quan hệ Trung Quốc - Mỹ là quan hệ nước lớn kiểu mới đã cho thấy, những bước đi khôn ngoan từ phía Bắc Kinh, bằng cách này quan hệ Trung Quốc - Mỹ dựa trên sự phân chia khu vực ảnh hưởng có thể được thiết lập, bất chấp những khác biệt giữa hai cường quốc.

Quan hệ Trung Quốc - Mỹ xung khắc trên khá nhiều vấn đề nóng, chẳng hạn như chiến lược châu Á - Thái Bình Dương của Mỹ, vấn đề an ninh mạng... Chính quyền Obama đã cho thấy sự lúng túng và thiếu linh hoạt trong việc thực hiện chiến lược “xoay trục” sang châu Á - Thái Bình Dương, mà sau đó chính Nhà Trắng cũng thừa nhận đây là chiến lược để “tái cân bằng” với Trung Quốc. Đây cũng là vấn đề lớn nhất trong quan hệ Trung Quốc - Mỹ. Trong khi Oasinhton mong muốn sẽ kiềm chế được sức mạnh của Trung Quốc thì Bắc Kinh cho rằng, chiến lược này là hành động can thiệp của Mỹ vào những khu vực có lợi ích chiến lược của Trung Quốc. Những bất đồng và căng thẳng ngày một công khai hơn sau khi chính quyền Obama tuyên bố ủng hộ Nhật Bản và Philíppin trong các tranh chấp biển đảo với Trung Quốc. Tuy nhiên, những tranh cãi này vẫn chủ yếu diễn ra trên bàn ngoại giao, các hành động quân sự vẫn được duy trì ở mức thăm dò lẫn nhau.

Nước Mỹ có đủ sức mạnh để kiềm chế Trung Quốc và kiểm soát tình hình ở Đông Á, song Tổng thống Obama là người có quan điểm khá ôn hòa nên ông ta sẽ không mạo hiểm sử dụng các biện pháp quân sự. Đó là lý do vì sao chính quyền Obama chủ yếu lựa chọn các giải pháp ngoại giao, thuyết phục hơn là đe dọa. Quan hệ Trung Quốc - Mỹ đang trở nên cân bằng hơn và bản chất của mối quan hệ này vẫn là cuộc chạy

đua giữa hai siêu cường để giành lấy vị thế bá quyền ở châu Á - Thái Bình Dương.

Quan hệ Trung Quốc - Nhật Bản trở thành chủ đề chính trong quan hệ quốc tế ở Đông Á những năm qua sau một loạt những cuộc đụng độ trên biển. Cả Trung Quốc và Nhật Bản đều tỏ rõ sự cạnh tranh ở mức cao có thể dẫn tới một cuộc chạy đua vũ trang mới. Đồng thời, việc Trung Quốc và Nhật Bản coi nhau là mối đe dọa cũng trở nên công khai hơn. Tại Hội nghị cấp cao APEC 2014 tại Bắc Kinh, Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình và Thủ tướng Nhật Bản Shinzo Abe đã có thái độ rất lạnh lùng khi thực hiện nghi thức ngoại giao. Hành động này thể hiện lời tuyên bố của Bắc Kinh đối với Nhật Bản, Mỹ và các quốc gia khác rằng “Trung Quốc hiện nay là một trong những cường quốc mạnh nhất thế giới, thể hiện sức mạnh và sự cương quyết trong việc bảo vệ các lợi ích của mình”<sup>1</sup>.

Sự trỗi dậy của hai cường quốc châu Á này cũng làm thay đổi quan hệ Trung Quốc - Nhật Bản. Đó cũng là sự cạnh tranh cho vị trí đứng đầu khu vực Đông Á, song Tôkyô không được đánh giá cao so với Oasinhton. Sự trỗi dậy của Nhật Bản hiện nay trở thành một ẩn số khó lường, chính phủ cánh hữu của Thủ tướng Abe ngày càng mạnh mẽ hơn trong các hoạt động quân sự mà không cần sự tham gia của Mỹ. Song đây sẽ là một mối nguy hại bởi nó sẽ làm gia tăng sự nghi ngờ từ phía Bắc Kinh, dù khả năng về một cuộc chiến tranh giữa hai nước này là không cao.

Cạnh tranh Trung Quốc - Mỹ là một cuộc đua lâu dài và cả hai đều có thể tự kiềm chế nhau để không xung đột, nhất là khi Mỹ đang dành sự quan tâm tới cuộc bầu cử Tổng thống vào cuối năm 2016. Do đó, sẽ có rất ít điểm nhấn đáng chú ý trong quan hệ giữa hai quốc gia này cho đến khi nước Mỹ xác định được vị Tổng thống tiếp theo. Trung Quốc sẽ tận dụng thời cơ để gia tăng ảnh hưởng ra Đông Nam Á và các khu vực khác bằng nhiều cách, kể cả bằng quân sự. Cạnh tranh Trung Quốc - Nhật Bản sẽ trở nên quan trọng hơn cả, nổi trội hơn mọi quan hệ khác ở châu Á - Thái Bình Dương. Chính phủ Trung Quốc và Nhật Bản sẽ không thay đổi quan

---

1. Thục Ninh (theo *Đa Chiều*): *Giải mã cái bắt tay Tập Cận Bình - Shinzo Abe*. Xem: <http://www.tienphong.vn/the-gioi/giai-ma-cai-bat-tay-tap-can-binh-shinzo-abe-783566.tpo>



điểm cứng rắn đối với nhau, các động thái làm gia tăng căng thẳng có thể diễn ra nhiều hơn khi cả hai đều thoải phồng mỗi đe dọa từ phía đối thủ.

Nhà phân tích chính trị quốc tế Robert D. Kaplan đã mô tả “Đại lục Á - Âu đang trở nên vô chính phủ (*anarchy*)”<sup>1</sup> - một trạng thái mà quan hệ quốc tế trở nên hỗn loạn và khó kiểm soát. Tác nhân chủ yếu của “vô chính phủ” chính là Trung Quốc, bên cạnh đó là sự gia tăng sức mạnh của Nhật Bản và tình hình bất ổn trên bán đảo Triều Tiên.

An ninh và sự thịnh vượng của châu Á - Thái Bình Dương đang bị đe dọa nghiêm trọng. Tuy nhiên, điều tồi tệ nhất đối với khu vực không phải là việc Trung Quốc sẽ kiểm soát hoặc trở thành bá quyền đối với các vùng xung quanh, mà là sự gia tăng sức mạnh quá mức của Trung Quốc sẽ thúc đẩy Nhật Bản muốn sở hữu vũ khí hạt nhân. Cuộc chạy đua hạt nhân giữa Trung Quốc và Nhật Bản sẽ cực kỳ nguy hiểm, bởi họ là những quốc gia nằm gần nhau và liên tục va chạm với nhau tại các vùng tranh chấp. Nếu Nhật Bản công khai bày tỏ tham vọng hạt nhân của mình, thì Hàn Quốc cũng sẽ làm điều tương tự. Đó là điều chắc chắn, nhất là khi Bình Nhưỡng luôn đe dọa tấn công Xơun. Tất cả những điều này diễn ra trong bối cảnh Đông Á không có một thiết chế an ninh đa phương nào đủ mạnh để kiểm chế các cường quốc.

Viễn cảnh đen tối này có thể khiến Trung Quốc, Nhật Bản suy nghĩ lại không? Xác suất để hai cường quốc này dừng lại là không cao, ít nhất là trong ngắn hạn. Bởi luôn tồn tại những nghi ngờ giữa họ với nhau, điều này gần như là bất biến, vì vậy cả hai đều có xu hướng “đề phòng” bằng việc gia tăng sức mạnh bản thân. Nước Mỹ có thể đóng vai trò quan trọng trong việc điều phối an ninh khu vực, nhưng với bối cảnh hiện tại thì Oasinhton có thể khiến mọi chuyện trở nên tồi tệ hơn. Như vậy, những điều chỉnh về chính sách đối ngoại của cả Trung Quốc và Nhật Bản sẽ được duy trì. Điều đó cũng có nghĩa, căng thẳng trong quan hệ Trung Quốc - Nhật Bản và sự bất ổn của Đông Á sẽ còn tiếp tục kéo

---

1. Robert D. Kaplan: “Eurasia's Coming Anarchy”, *Foreign Affairs*, March/April, 2016 Issue. Xem: <https://www.foreignaffairs.com/articles/china/2016-02-15/eurasias-coming-anarchy>.

dài và phức tạp. Kết quả của tình trạng này phụ thuộc rất lớn vào động thái của Trung Quốc.

#### **4. Vai trò của các chủ thể trong một số điểm nóng an ninh khu vực và sự tan rã của cục diện chính trị cũ**

##### **4.1. Quan hệ giữa các chủ thể trong một số vấn đề an ninh khu vực**

Đời sống chính trị ở khu vực Đông Á kể từ năm 2009 đến nay ngày càng có xu hướng căng thẳng và phức tạp do bị chi phối bởi các cuộc xung đột, tranh chấp ở biển Hoa Đông, Biển Đông và quan hệ đối đầu giữa các cường quốc lớn. Đặc biệt từ cuối năm 2012, ở một loạt các nước lớn như Mỹ, Nga, Trung Quốc, Nhật Bản,... diễn ra quá trình thay đổi người lãnh đạo quốc gia. Điểm nhấn của cuộc chuyển giao quyền lực này là: trong khi những người dẫn dắt chính sách đối ngoại của Trung Quốc và Nhật Bản có quan điểm cứng rắn, thì Barack Obama - một người có xu hướng ôn hòa - lại tái đắc cử ở Mỹ. Đây là những tham số rất quan trọng mà giới lãnh đạo quốc gia và giới nghiên cứu quốc tế cần chú ý đến bởi nó có tác động rất lớn đến quan hệ quốc tế ở cả cấp độ khu vực lẫn toàn cầu. Nếu chúng ta nhìn nhận hệ thống quốc tế là cơ cấu quyền lực giữa các nước lớn, sự tương tác giữa các cường quốc sẽ quyết định trạng thái thế giới, và quan điểm của người lãnh đạo quốc gia về bên ngoài phần lớn được phản ánh qua chính sách đối ngoại, thì điều đó sẽ giúp vạch ra một cách nhìn tổng quát nhất về sự thay đổi của hệ thống quốc tế, cũng như dự báo về khả năng hợp tác hoặc cạnh tranh giữa các quốc gia này trong ngắn hạn. Dĩ nhiên, điều mà các nước nhỏ có thể làm là dựa vào các tham số đó để nắm bắt tình hình và đề ra những chính sách phù hợp với sức mạnh và lợi ích quốc gia trong mối quan hệ với các cường quốc bên ngoài.

Thực tế, các diễn biến trong cục diện chính trị Đông Á trong suốt giai đoạn 2009-2016 đã cho thấy điều đó. Những chuyển biến trong chính sách đối ngoại của Mỹ, Trung Quốc và Nhật Bản - với vai trò là những chủ thể định hình nên cục diện Đông Á - ngày càng được thể hiện rõ nét. Thậm chí, mầm mống về cuộc chạy đua vũ trang mới ở Đông Á đã dần xuất hiện kể từ năm 2013.

#### 4.1.1. Tương lai bất định của bán đảo Triều Tiên

Quan hệ quốc tế ở Đông Á đang khiến thế giới thực sự quan ngại. Nhà lãnh đạo Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên Kim Jong Un đang đe dọa sử dụng vũ khí hạt nhân để chống lại Hàn Quốc và Mỹ, trong khi các nhà lãnh đạo Trung Quốc liên tiếp có những tuyên bố mạnh bạo về Biển Đông. Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên có thể mang tên lửa đến sát biên giới Hàn Quốc, song liệu Bình Nhưỡng có bắn vào Xouun hay không rất khó đoán định, bởi quốc tế cũng đã quen với những lời dọa dẫm suông như vậy của họ.

Cổ vấn ngoại giao kỳ cựu của chính quyền Obama, Jeffrey A. Bader viết: *“Bên cạnh một cách tiếp cận Trung Quốc phù hợp, thách thức lớn nhất của Mỹ tại Đông Á là cách thức xử lý vấn đề hạt nhân của Bắc Triều Tiên”*<sup>1</sup>. Việc thống nhất Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên gần như không còn được coi trọng, Mỹ tập trung vào vấn đề hạt nhân và viễn cảnh phi hạt nhân hóa bán đảo Triều Tiên, trong khi đó Hàn Quốc lại chú trọng đến việc đàm phán với Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên để làm dịu đi sự tức giận của Bình Nhưỡng. Tháng 4-2009, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên phóng vệ tinh thất bại, Mỹ đã khởi động lệnh trừng phạt đối với Bình Nhưỡng và nhận được sự đồng thuận từ phía Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc. Vòng đàm phán sáu bên về vấn đề hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên rơi vào bế tắc, Bình Nhưỡng tự do phát triển tham vọng hạt nhân của mình.

Bán đảo Triều Tiên đang rơi vào trạng thái lưỡng nan. Duy trì nguyên trạng không phải là mục đích người dân Triều Tiên mong muốn, nhưng đó lại là lợi ích của cả Trung Quốc và Mỹ. Thậm chí, có khả năng Trung Quốc cũng không hề muốn Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên thống nhất với Hàn Quốc, vì Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên có vũ khí nguyên tử cùng với sức mạnh kinh tế sẵn có của Hàn Quốc sẽ biến Triều Tiên thành đối thủ của Trung Quốc. Điều này vẫn chưa tính đến những biến số khác từ nội bộ hai miền, trong đó thái độ của Kim Jong Un

---

1. Jeffrey A. Bader: *Obama và sự trỗi dậy của Trung Quốc: Bên trong chiến lược châu Á của Mỹ*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2016, tr.72.

trở thành yếu tố quan trọng nhất. Nhà lãnh đạo trẻ của Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên không dễ gì từ bỏ quyền lợi của dòng họ mình để theo đuổi một lợi ích chung của hai miền nếu ông ta còn bị phương Tây coi là kẻ độc tài.

Mấu chốt nằm ở vấn đề hạt nhân của Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên - vũ khí có thể giúp quốc gia họ cân bằng sức mạnh hoặc đơn giản là mặc cả sự tồn tại với Hàn Quốc và Mỹ. Chúng ta cần một bán đảo Triều Tiên hòa bình và phi hạt nhân, điều đó đòi hỏi những nỗ lực từ hai phía chính quyền Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên và Hàn Quốc cũng như sự hỗ trợ của cộng đồng quốc tế.

Một số nước Bắc Âu đã khôn ngoan lựa chọn cho mình lối đi trung dung trước sức ép từ phía Nga và phương Tây để tránh cho đất nước của họ có thể bị chia rẽ hoặc trở thành nhân tố trong cuộc chơi nước lớn. Điều kiện cần là một bán đảo Triều Tiên phi hạt nhân, còn điều kiện đủ là một đất nước Triều Tiên hoặc Hàn Quốc trung lập. Theo Shale Horowitz: “Lý tưởng mà nói, Trung Quốc muốn “Phần Lan hóa” Hàn Quốc - để lôi kéo Hàn Quốc vào một vị thế địa - chính trị trung lập hơn. Điều này sẽ liên quan đến việc đẩy Mỹ ra khỏi Triều Tiên, hoặc ít nhất giảm thiểu sự hiện diện và cam kết của Mỹ tại Hàn Quốc. Đẩy lui được mối đe dọa “phương Tây”, Trung Quốc sẽ yên tâm hơn về cả an ninh quân sự bên ngoài và tính hợp pháp chính trị trong nước”<sup>1</sup>. Một bán đảo Triều Tiên thống nhất sẽ trở nên vô hại hoặc đơn giản là không tạo nên mối nghi ngờ đối với các cường quốc gần kề, còn Mỹ có thể sẽ chấp nhận mất đi một đồng minh trong khi vẫn duy trì được vành đai Thái Bình Dương. Nếu điều đó xảy ra, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên không chỉ thực hiện được ước muốn của người dân mà còn có thể trở thành trung gian hòa giải cho các vấn đề an ninh và là cầu nối cho hợp tác khu vực.

---

1. Shale Horowitz: “Why China’s Leaders Benefit from a Nuclear, Threatening North Korea: Preempting and Diverting Opposition at Home and Abroad”, *Pacific Focus*, Volume 30, Issue 1 April 2015, pp.10-32. Tham khảo bản dịch tiếng Việt của Văn Cường tại: <http://nghienquubiendong.vn/nghien-cuu-dong-bac-a/5438-tai-sao-cac-nha-lanh-dao-trung-quoc-duoc-huong-loi-tu-mot-nha-nuoc-trieu-tien-hat-nhan>.

#### 4.1.2. Biển Đông - sân chơi mới

Các xung đột, mâu thuẫn trong khu vực đang ngày càng nổi lên với quy mô lớn và tính chất ngày càng phức tạp, khó giải quyết, nhất là những xung đột liên quan tới lãnh thổ, chủ quyền quốc gia. Xung đột lớn nhất ở Đông Á hiện tại phải kể đến tranh chấp chủ quyền ở Biển Đông giữa sáu bên, bao gồm Trung Quốc, Đài Loan, Brunây, Malaixia, Philíppin và Việt Nam. Xung đột, mâu thuẫn ở Biển Đông xoay quanh việc đòi hỏi chủ quyền, lãnh thổ, quyền tài phán của các quốc gia ven biển đối với các vùng biển, vùng đất dưới đáy biển, các đảo và quần đảo, vùng trời trên Biển Đông; tranh giành quyền được thăm dò, khai thác các nguồn lợi kinh tế: dầu mỏ, khí đốt, khoáng sản, thủy sản...; và đồng thời còn là sự cạnh tranh quyền lực giữa các quốc gia, các cường quốc khu vực và quốc tế.

**Bảng 6: Các tầng xung đột ở Biển Đông**

	<b>Chủ thể chính</b>	<b>Loại xung đột chính</b>
<b>Tầng trên</b>	- <i>Trung Quốc và Mỹ.</i> - Văn minh Trung Hoa (Trung Quốc) và văn minh phương Tây (Mỹ và các đồng minh ở châu Á) (quan điểm của Huntington 2005).	<i>Xung đột quyền lực:</i> Tranh giành ưu thế thống trị (bá chủ) và khu vực ảnh hưởng.
<b>Tầng dưới</b>	<i>5 nước - 6 bên:</i> Trung Quốc, Việt Nam, Philíppin, Đài Loan, Brunây, Malaixia.	- <i>Xung đột lãnh thổ.</i> - <i>Xung đột lợi ích kinh tế</i> (tài nguyên biển, giao thông hàng hải).

Không có gì bất ngờ, nội dung trọng tâm của các đối thoại đa phương (ARF, Shangri-La,...) những năm gần đây thường bị chi phối bởi xung đột trên Biển Đông. Mỹ và Trung Quốc vẫn là những chủ thể được chú ý đến nhiều nhất, trong khi Trung Quốc vẫn đóng vai trò là tác nhân chính gây mất an ninh ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương, thì Mỹ tiếp tục được mong đợi là có thể kiềm chế Trung Quốc. Thời gian gần đây,

quan hệ Trung Quốc - Mỹ về vấn đề Biển Đông có nhiều thay đổi, chính quyền Obama dường như đang sử dụng nhiều các kênh ngoại giao đa phương hơn để lên án Trung Quốc, còn Trung Quốc vẫn duy trì các yêu sách trên Biển Đông, thậm chí còn mạnh mẽ hơn. Sau một thời gian dài im lặng, Nga đã thể hiện vai trò trung lập khi ủng hộ các giải pháp hòa bình và không quốc tế hóa tranh chấp Biển Đông. Ở Đài Loan, chính quyền mới do bà Thái Anh Văn lãnh đạo cho thấy những động thái mềm dẻo hơn, mặc dù vẫn duy trì yêu sách đối với đảo Ba Bình (hòn đảo mà Đài Loan chiếm đóng bất hợp pháp thuộc chủ quyền của Việt Nam).

Trung Quốc tiếp tục trở thành trung tâm của xung đột trên Biển Đông. Bắc Kinh đã đẩy mạnh hơn bao giờ hết các chiến lược nhằm mở rộng phạm vi ảnh hưởng ra toàn châu Á. Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình đang thể hiện là một vị lãnh đạo cứng rắn trong cả chính sách đối nội lẫn đối ngoại, nhất là khi các lực lượng cánh hữu cũng lên nắm quyền ở Hàn Quốc và Nhật Bản. Sau sự kiện Trung Quốc thiết lập Vùng nhận diện phòng không (ADIZ) trên biển Hoa Đông - nơi đang có tranh chấp với Nhật Bản - thì Trung Quốc đã chuyển hướng sang một khu vực chủ chốt là Biển Đông.

Về dài hạn, Trung Quốc muốn kiểm soát toàn bộ các khu vực xung quanh mình nhằm tạo lợi thế để Bắc Kinh trở thành chủ thể có ảnh hưởng lớn nhất ở châu Á - Thái Bình Dương với vị thế tương đương hoặc vượt trội hơn Mỹ. Trong trung hạn và ngắn hạn, các mối lo ngại về an ninh truyền thống - quân sự vẫn sẽ tiếp tục chi phối động thái của Trung Quốc; bởi vậy, mục tiêu mà Bắc Kinh phải đạt được là đẩy lùi sự hiện diện của quân đội Mỹ và đồng minh ra khỏi châu Á - Thái Bình Dương. Lý tưởng nhất với Bắc Kinh là trạng thái cân bằng hoặc mạnh hơn về sức mạnh quân sự tại các vùng biển chiến lược so với Mỹ, mà Biển Đông sẽ là mặt trận chính.

Về phía Mỹ, chính quyền Obama bị chi phối bởi quá nhiều mục tiêu, trong bối cảnh chiến lược tái cân bằng sang châu Á - Thái Bình Dương đang vấp phải nhiều nghi ngờ. Oasinhton hoàn toàn nhận thức được rằng, việc ngăn chặn Trung Quốc gia tăng sức mạnh và ảnh hưởng ra khu vực Đông Á là điều cần phải làm, song việc cân nhắc các lợi ích ở khu vực với lợi ích giữa Trung Quốc và Mỹ khiến Nhà Trắng có phần thiếu quyết

đoán và thiếu linh hoạt. Điều này cũng bị ảnh hưởng bởi thiên hướng tự do, ưu tiên các giải pháp mềm dẻo và đa phương của Tổng thống Obama. Mỹ vẫn đóng vai trò cân bằng sức mạnh với Trung Quốc ở châu Á - Thái Bình Dương, tuy nhiên trong một số vấn đề cụ thể, chẳng hạn như xung đột Biển Đông, họ sẽ lựa chọn các giải pháp thận trọng và chần chừ hơn, thay vì sử dụng sức mạnh quân sự có thể làm gia tăng căng thẳng.

Chính quyền Obama không thay đổi quan điểm rằng, duy trì trạng thái hòa bình trên Biển Đông, đảm bảo tự do hàng hải là lợi ích quan trọng của nước Mỹ. Sự trỗi dậy của Trung Quốc chưa đến mức cần đến sự can thiệp bằng quân sự của Mỹ, bởi vậy chính quyền Obama sẽ tiếp tục thúc đẩy các cơ chế đa phương nhằm giải quyết xung đột Biển Đông. Một trong những giải pháp như vậy là thúc đẩy các nước Đông Nam Á liên kết với nhau để chống lại Trung Quốc trên bàn ngoại giao, trong chừng mực nhất định có thể hình thành một liên minh pháp lý được Mỹ hỗ trợ. Cách làm này rõ ràng ít rủi ro hơn rất nhiều so với việc hỗ trợ về quân sự.

Nhìn chung, chiến lược của Mỹ ở Biển Đông chưa thực sự rõ ràng và không phải là trọng tâm trong vấn đề châu Á - Thái Bình Dương của chính quyền Obama. Trong *Chiến lược An ninh quốc gia* của Mỹ năm 2015 mà Tổng thống Obama công bố, có thể thấy rằng, chiến lược đối phó của Mỹ đối với Trung Quốc không đủ mạnh mẽ và không phải là ưu tiên chính trong chính sách tái cân bằng ở châu Á - Thái Bình Dương. Mặc dù vậy, không thể loại trừ hai lợi ích chính của Mỹ ở khu vực này là: duy trì phạm vi ảnh hưởng và lợi ích của Mỹ - mà Oasinhton đóng vai trò trung tâm trong quan hệ quốc tế ở châu Á - Thái Bình Dương; kiềm chế sự tăng cường sức mạnh của Trung Quốc - nhân tố có thể đe dọa tới vị thế của Mỹ và tới cấu trúc an ninh khu vực. Cả hai điều này đều được thực hiện bằng những biện pháp ngoại giao đa phương mềm dẻo và tập trung vào lợi ích chung về kinh tế giữa Mỹ với các nước châu Á - Thái Bình Dương.

Những tính toán dựa trên lợi ích kinh tế không còn là động lực để thúc đẩy Trung Quốc gia tăng kiểm soát Biển Đông. Các động thái gần đây của nước này tập trung vào việc biến các đảo ở Trường Sa (thuộc chủ quyền của Việt Nam) thành các căn cứ quân sự - nơi Trung Quốc có thể mở rộng khả năng tấn công hoặc ngăn chặn từ xa trước các mối đe dọa.

Hình ảnh từ vệ tinh cho thấy, một số đảo đá lớn như đảo đá Chữ Thập, đảo đá Vành Khăn và đảo đá Xu Bi đã được cải tạo nhằm hình thành một “nguyên trạng mới” có lợi cho Bắc Kinh.

Trong nhiệm kỳ thứ hai, ông Obama đã phản não cứng rắn hơn với Trung Quốc, song sự thận trọng vẫn được duy trì. Kể từ sau sự kiện Trung Quốc thiết lập vùng ADIZ trên biển Hoa Đông năm 2013, Mỹ đã ngăn chặn thành công những ý đồ tương tự của Trung Quốc. Các lực lượng quân đội Mỹ đã gia tăng sự hiện diện trên Biển Đông nhằm đối phó với những động thái của Trung Quốc; mặc dù phần lớn chỉ mang tính thăm dò. Đáng kể nhất là tháng 11-2015, hai máy bay B.52 của Mỹ đã bay gần các đảo nhân tạo mà Bắc Kinh xây lên ở Biển Đông; sau đó Tổng thống Mỹ Obama lên tiếng yêu cầu Trung Quốc dừng các hoạt động quân sự ở Biển Đông và kêu gọi Bắc Kinh giải quyết bất đồng với các nước láng giềng thông qua cơ chế hòa giải.

Điểm nhấn lớn nhất đến từ Đối thoại Shangri-La lần thứ 15 năm 2016 tại Xingapo, Mỹ cùng nhiều cường quốc lớn khác trong khu vực và trên thế giới đã đồng thuận về vấn đề an ninh chung ở châu Á - Thái Bình Dương, mà Biển Đông là một cảnh báo, trong lúc thế giới đang chao đảo vì những vụ khủng bố ở châu Âu và các thách thức an ninh toàn cầu khác. Đây là cách tiếp cận mới cho vấn đề Biển Đông, song để làm được điều đó, các tranh chấp trên Biển Đông cần phải được nhìn nhận như một xung đột quốc tế nổi trội trong khu vực - điều mà Trung Quốc không hề mong muốn.

Khả năng Trung Quốc thiết lập một vùng ADIZ mới ở Biển Đông là không cao, bởi khác với biển Hoa Đông - nơi Trung Quốc chỉ tranh chấp với Nhật Bản - thì Biển Đông là nơi Trung Quốc phải đối mặt với nhiều bên khác nhau (Việt Nam, Philippin, Malaixia, Đài Loan,...). Hơn nữa, Biển Đông có vai trò quốc tế quan trọng hơn rất nhiều so với biển Hoa Đông, vì vậy, bất kỳ hành động đơn phương nào của Trung Quốc cũng có thể gây nên những tổn hại cực kỳ lớn tới an ninh và sự thịnh vượng của khu vực, mà Trung Quốc cũng chịu tác động. Dĩ nhiên, Mỹ, Nhật Bản và nhiều cường quốc khác sẽ không chấp nhận để Trung Quốc thiết lập ADIZ mới trên Biển Đông và sẽ coi đây là một hành vi khiêu khích - động thái này có thể làm gia tăng căng thẳng và tạo ra xung đột giữa các bên.



Ở thời điểm hiện tại, cả giàn khoan và vùng ADIZ đều trở thành những phép thử hết tác dụng đối với Trung Quốc. Bắc Kinh hoàn toàn có thể hiểu rằng, họ không nên tiếp tục tạo ra những rắc rối lớn như vậy. Trong thời gian tới, Trung Quốc sẽ tăng cường xây dựng các đảo đá ở Biển Đông trở thành các căn cứ quân sự mạnh, đủ khả năng đối đầu với các lực lượng quân sự của Mỹ và đồng minh ở trong khu vực. Bằng cách này, Trung Quốc thực hiện tham vọng sẽ trở thành một cường quốc ở cả trên đất liền và trên biển. Khi những đảo đá này trở thành các căn cứ quân sự vững chắc, Trung Quốc mới có thể lập các vùng ADIZ quanh chúng để khẳng định quyền kiểm soát của họ. Đây sẽ là thách thức đối với vị tổng thống mới của Mỹ, D. Trump, đồng thời, cũng là mối lo ngại thực sự đối với các nước Đông Nam Á.

#### **4.2. Cục diện chính trị trước năm 2009 đang tan rã**

Ở Đông Á xảy ra một nghịch lý là chiến lược xoay trục của Mỹ lại làm cho khu vực thêm rối loạn, dẫn đến một cuộc chạy đua mới giữa các cường quốc. Tam giác chiến lược Mỹ - Trung Quốc - Nhật Bản cuối thế kỷ XX không thể kiến tạo nên nền hòa bình ở Đông Á như nhiều người ảo tưởng; vai trò kiến tạo đó thuộc về Mỹ thông qua chiến lược “trục và nan hoa” và cũng nhằm đạt được cân bằng với Trung Quốc thông qua các đồng minh ở châu Á. Mỹ và Trung Quốc là hai người chơi chính trong cục diện chính trị ở Đông Á, song sự chuyển dịch đang diễn ra với sự trỗi dậy của Trung Quốc và ảnh hưởng lớn hơn của Nhật Bản.

Một trong những tác nhân quan trọng nhất dẫn đến sự tan rã của cục diện chính trị khu vực Đông Á là Trung Quốc. Quốc gia này đã chấp nhận trở thành một cường quốc hạng hai trong khu vực sau cuộc đàn xếp năm 1972, đổi lại họ sẽ có được môi trường quốc tế hòa bình phục vụ cho quá trình cải cách sau này. Giờ đây mọi thứ đang thay đổi, khi sức mạnh đang gia tăng nhanh chóng, Trung Quốc đã tuyên bố với thế giới về quá trình trỗi dậy của họ. Giới lãnh đạo Bắc Kinh đã khởi động đại chiến lược trỗi dậy để xây dựng một châu Á theo ý muốn của mình trong tổng thể lộ trình dài hạn theo đuổi tham vọng thống trị thế giới. Không còn nghi ngờ gì về việc quốc gia này đang làm tan rã cục diện địa - chính trị đã tồn tại gần 45 năm qua, họ không muốn bị xem là cường quốc hạng hai, đồng thời mong muốn thay thế vai trò dẫn dắt khu vực của Mỹ.

Không phải ngẫu nhiên mà các đồng minh của Mỹ ở châu Á đang được lãnh đạo bởi các chính trị gia thiên hữu - mang màu sắc dân túy, như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan và Philippin. Nổi bật nhất trong số đó là Nhật Bản, chính phủ của ông Shinzo Abe một mặt muốn Mỹ tiếp tục duy trì ảnh hưởng trong khu vực này, mặt khác lại muốn tự mình gia tăng sức mạnh quốc gia mà không cần đến Oasinhton. Chính quyền Abe đang tìm cách xóa bỏ những rào cản có thể biến Nhật Bản trở thành một cường quốc quân sự bằng cách thay đổi Hiến pháp và phát triển khả năng quân sự để đối phó với Bắc Kinh. Những điều này làm tăng thêm mối lo ngại về việc Tôkyô sẽ quay trở lại thời kỳ quân phiệt, có thể khiến Trung Quốc càng thêm nghi ngờ. Oasinhton chỉ có thể điều hòa được mối quan hệ giữa các đồng minh với nhau, nhưng lại gặp khó khăn khi đồng minh của mình mâu thuẫn với Trung Quốc.

Sự tan rã của các mô hình địa - chính trị đó không chỉ là hệ quả của việc Mỹ đã rút lui ở châu Âu, Trung Đông và Đông Á như giới nghiên cứu Mỹ vẫn tranh luận, mà còn do sự trỗi dậy của Nga, Trung Quốc hoặc bất cứ cường quốc khác dẫn đến sự sụp đổ của trạng thái cân bằng quyền lực. Sự tan rã các trật tự địa - chính trị trong lịch sử thường dẫn đến chiến tranh trực tiếp giữa các cường quốc, mặc dù điều đó khó lặp lại ở ngày nay, khi chiến tranh trở nên quá tốn kém và có sức hủy diệt quá lớn, nhưng điều đó không có nghĩa là xung đột không xảy ra.

“Chúng ta đang sống trong công cuộc chuyển giao quyền lực thứ ba thời hiện đại” và Trung Quốc và Ấn Độ chính là “hai quyền lực trỗi dậy quan trọng nhất”<sup>1</sup>. Nước Mỹ vẫn là số một, song các trung tâm quyền lực không còn được tập trung bởi Mỹ mà đang được chuyển dịch ra các khu vực khác trong thế giới đa cực. Giống như các quốc gia khác, khi sức mạnh của Trung Quốc tăng lên sẽ kéo theo những nhu cầu khác về an ninh, thịnh vượng và vị thế của nó trong hệ thống quốc tế - những lợi ích dân tộc căn bản mà mọi quốc gia đều theo đuổi.

Đông Á là một khu vực đa dạng về địa lý - hải đảo và lục địa, chế độ chính trị, kinh tế và văn hóa. Sự phát triển thần kỳ cuối thế kỷ XX đã biến

---

1. Fareed Zakaria: *Thế giới hậu Mỹ*, Sdd.

Đông Á thành một trung tâm kinh tế của thế giới; song sự đa dạng của khu vực này lại là rào cản đối với các quốc gia để có thể cùng nhau thiết lập nên một cơ chế an ninh chung cho toàn khu vực.

Kể từ sau cuộc dàn xếp năm 1972 của Henry Kissinger, trật tự ở châu Á - Thái Bình Dương được xác lập một cách có chủ ý, Mỹ là người đứng đầu và theo sau họ là các đồng minh chiến lược ở châu Á. Trung Quốc trở thành một quốc gia bình thường thay vì được xem là một nước cộng sản cần phải bị xóa bỏ như Liên Xô, vì vậy Bắc Kinh có thể tập trung các nguồn lực cho phát triển kinh tế hơn là chạy đua vũ trang để chống lại các đối thủ xung quanh. Thỏa thuận Mỹ - Trung Quốc từ năm 1972 đã cơ bản định hình nên một cục diện chính trị tương đối vững chắc ở Đông Á, mà nhờ đó, trạng thái ổn định được duy trì bởi sự hiện diện của Mỹ.

Trung Quốc là tác nhân chính tạo nên những mâu thuẫn và căng thẳng ở Đông Á trong thời gian qua. Một mặt, hành động gây hấn của Trung Quốc đối với các nước láng giềng là cách để Bắc Kinh giải tỏa những áp lực nội bộ và hướng sự chú ý của dư luận ra bên ngoài. Mặt khác, nó cũng cho thấy Trung Quốc đang theo đuổi tham vọng bá chủ ở Đông Á. Bởi vậy, Trung Quốc sẽ không thể tránh khỏi việc phải cạnh tranh và xung đột với các chủ thể khác để thiết lập một cục diện hoặc một trật tự khu vực mới có lợi cho bản thân họ. Điều đó đặt ra hai câu hỏi lớn đối với nhà lãnh đạo các quốc gia và giới nghiên cứu quốc tế: Sự thay đổi cục diện chính trị ấy đang diễn ra như thế nào? Và cấu trúc đơn cực mà Mỹ đang duy trì hay cấu trúc đa cực với sự tham dự của Trung Quốc có thể giúp thế giới và khu vực Đông Á giảm bớt những căng thẳng và xung đột như thế nào?

Về căn bản, hai câu hỏi trên đều hướng tới vấn đề quyền lực trong chính trị quốc tế nhằm đi tìm lời giải cho bài toán cơ cấu quyền lực ở Đông Á hiện tại và tương lai. Bởi vậy, bất chấp các quan hệ kinh tế và sự phụ thuộc lẫn nhau đang gia tăng không ngừng trong một khu vực năng động như Đông Á, thì trọng tâm chính trị quốc tế ở khu vực này vẫn là vấn đề quyền lực và ảnh hưởng của quyền lực đến hòa bình và xung đột ở Đông Á - vấn đề cốt lõi của nghiên cứu chính trị học cao cấp.

Đặc trưng lớn nhất của cục diện chính trị Đông Á từ năm 1972 là vị thế vượt trội của Mỹ so với các đối thủ. Nhờ đó, khả năng đụng độ quân sự giữa các cường quốc trong khu vực giảm dần, Đông Á trải qua một giai

đoạn ổn định nhất. Nhưng cục diện đó đang thay đổi, cấu trúc địa - chính trị tồn tại suốt 45 năm qua đứng trước nguy cơ sụp đổ kể từ sau khi chính sách đối ngoại của Mỹ được dẫn dắt bởi Obama và sự trỗi dậy mạnh mẽ của Trung Quốc gần đây.

Sự ổn định của Đông Á đang bị đe dọa, cục diện chính trị ở khu vực này đứng trước nguy cơ bị sắp xếp lại, mà trong đó Trung Quốc là tác nhân chính. Nước Mỹ không thể đơn phương xác lập vị thế là chủ thể đứng đầu và duy nhất định hình nên cục diện chính trị ở Đông Á nữa, mà thay vào đó, Trung Quốc sẽ đóng một vai trò lớn hơn. Người Trung Quốc không giấu giếm tham vọng của họ là vươn lên đứng đầu thế giới, hoặc ít nhất là “đứng ngang hàng với Mỹ trong thế kỷ XXI”<sup>1</sup>. Bản thân các nhà lãnh đạo Mỹ như Tổng thống Mỹ Barack Obama và Ngoại trưởng John Kerry đều thừa nhận việc Trung Quốc sẽ cùng với Mỹ định hình nên trật tự thế giới trong thế kỷ XXI<sup>2</sup>.

Hệ quả của nó là Đông Á đang rơi vào tình trạng hỗn loạn và không kiểm soát được. Căng thẳng và xung đột giữa Trung Quốc với các nước láng giềng ngày càng gia tăng, nhất là ở Biển Đông và biển Hoa Đông, đang leo thang ở mức báo động cao. Các chính phủ thân hữu xuất hiện ở Hàn Quốc và Nhật Bản đang cố gắng gia tăng sức mạnh quốc gia một cách độc lập và tỏ ra đối đầu nhiều hơn với Trung Quốc. Chính quyền Kim Jong Un ở Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên thường xuyên làm căng thẳng tình hình bằng những tuyên bố gây chiến tranh với Hàn Quốc và Mỹ, đồng thời tiến hành các vụ thử vũ khí, bao gồm cả vũ khí hạt nhân. Các nước vừa và nhỏ ở Đông Nam Á đẩy mạnh hiện đại hóa quân đội thông qua gia tăng chi tiêu quốc phòng. Sự hỗn loạn này trở nên phức tạp hơn khi Mỹ không còn duy trì được sức mạnh ở Đông Á và chính quyền hiện tại muốn thay thế vai trò của Mỹ vốn dựa trên sức mạnh quân sự bằng sức mạnh kinh tế.

---

1. Allison G., R. D. Blackwill và A. Wyne: *Lý Quang Diệu bàn về Trung Quốc, Hoa Kỳ và thế giới*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2014, tr.3.

2. Như Tâm: *Kerry: Quan hệ Mỹ - Trung định hình thế kỷ 21*. Xem: <http://vnexpress.net/tin-tuc/the-gioi/kerry-quan-he-my-trung-dinh-hinh-the-ky-21-3102790.html>

Các nhà lãnh đạo Trung Quốc thì đang làm ngược lại Mỹ. Trong quá trình tái định hình lại vị thế của mình, Trung Quốc đang dần trở thành một cường quốc truyền thống kiểu cũ: tạo dựng vị thế dựa trên sức mạnh vượt trội về quân sự so với các đối thủ và tất nhiên, xung đột là điều hoàn toàn có thể xảy ra.

Như vậy, với việc tạo ra vô số mâu thuẫn với bên ngoài và bỏ qua các nguyên tắc quốc tế, gần đây là phủ nhận phán quyết của Tòa trọng tài Thường trực (PCA) về vụ kiện của Philipppin đối với yêu sách của Trung Quốc ở Biển Đông, giới lãnh đạo Bắc Kinh thể hiện mình là những người hiện thực: Trung Quốc đang trỗi dậy theo mô thức quyền lực truyền thống và nó sẽ đẩy môi trường chính trị khu vực vào trạng thái hỗn loạn, từ đó kiểm soát Đông Á nhờ ưu thế vượt trội của nó so với các đối thủ trong khu vực. Trong khi đó, những người theo chủ nghĩa tự do ở Nhà Trắng khó có thể đạt được điều họ mong muốn rằng Trung Quốc sẽ trở thành một cường quốc có trách nhiệm đối với khu vực; nếu Trung Quốc không làm được điều đó thì những biện pháp kinh tế mà Mỹ thực hiện sẽ khiến Bắc Kinh phải lùi bước hoặc chấp nhận đi theo luật chơi do Mỹ đề ra.

Các đối thủ trực tiếp của Trung Quốc trong khu vực là Nhật Bản và Hàn Quốc dường như đã bắt đầu chấp nhận những rủi ro để đối phó với nước này. Hàn Quốc vẫn tiếp tục can đảm Mỹ để đối phó với Trung Quốc và Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên. Nhật Bản đang cho thấy họ sẽ đối đầu trực diện với Trung Quốc. Chính phủ thân hữu của ông Shinzo Abe đã giành thắng lợi trong cuộc bầu cử vào Thượng viện Nhật Bản vừa qua cũng nhờ sự cứng rắn của ông trong việc chống lại Trung Quốc và đưa Nhật Bản trở lại với vai trò lớn hơn ở Đông Á. Nhật Bản có quay trở lại chủ nghĩa dân tộc, tệ hơn là chủ nghĩa phát xít, như trước hai cuộc chiến tranh thế giới trong thế kỷ XX hay không vẫn là một dấu hỏi lớn; song với những gì đã thể hiện, Nhật Bản sẽ là thách thức lớn nhất đối với tham vọng của Trung Quốc trong khu vực. Không chỉ với Mỹ, Trung Quốc cũng cần phải có một chiến lược mới với Nhật Bản - trong vai trò là một cường quốc ở châu Á chứ không phải là đồng minh của Mỹ. Nếu Mỹ tiếp tục thái độ hờ hững hiện tại với châu Á - Thái Bình Dương thì tương lai của Đông Á sẽ phụ thuộc vào quan hệ Trung Quốc - Nhật Bản.

## *Chương 4*

# **TRIỂN VỌNG CỦA CỤC DIỆN CHÍNH TRỊ ĐÔNG Á VÀ NHỮNG TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI VIỆT NAM**

Cục diện chính trị Đông Á giai đoạn 1991 - 2016 là một bức tranh với bố cục được tạo nên bởi một thể chân kiềng giữa ba nhóm chủ thể: chân kiềng đầu tiên thuộc về các cường quốc khu vực như Trung Quốc, Nhật Bản; chân kiềng thứ hai thuộc về các cơ chế đa phương như ASEAN (các cơ chế thể hiện tiếng nói của các nước vừa và nhỏ ngày càng mạnh mẽ); chân kiềng thứ ba thuộc về các cường quốc ngoài khu vực như Mỹ và Nga (với sức mạnh và ảnh hưởng ngày càng sâu mạnh). Ba chân kiềng này xoay vần cục diện chính trị khu vực, tương tác với nhau tạo ra diện mạo của chính trị khu vực. Tùy vào từng thời điểm, vấn đề, sự điều chỉnh, thay đổi của mỗi chân kiềng đều có những tác động làm thay đổi bức tranh chính trị khu vực. Diện mạo chính trị khu vực Đông Á qua những phân tích ở Chương 3 đã hiện lên với những gam màu ẩn chứa nhiều căng thẳng, tinh thần hợp tác chưa thực sự cao và còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ xung đột giữa các nhóm chủ thể là mỗi chân kiềng.

Và cục diện này được hình thành bởi hệ thống các luật chơi của các nhóm chủ thể, cụ thể là sự trỗi dậy ngày càng mạnh mẽ của Trung Quốc, sự vận dụng linh hoạt công cụ ngoại giao kinh tế của Nhật Bản, sự khẳng định vị thế ngày càng rõ rệt của ASEAN - các cơ chế đa phương quan trọng nhất trong khu vực Đông Á hiện nay, sự áp đặt vị trí siêu cường số một của Mỹ, sự kế thừa, phục hồi của Nga từ sau khi Liên Xô sụp đổ và cũng không thể không nhắc tới ảnh hưởng của yếu tố kinh tế đối với sự vận động của cục diện chính trị khu vực.

## **1. Một số nhận xét về các cường quốc trong cục diện chính trị khu vực Đông Á**

### **1.1. Mỹ áp đặt vị trí siêu cường tại khu vực Đông Á**

Mỹ hiện đang là siêu cường duy nhất trên thế giới với sức mạnh kinh tế và quân sự vượt trội. Trong bối cảnh đó, không ít các học giả trên thế giới đã nói tới cục diện chính trị thế giới nói chung và châu Á - mà cụ thể là Đông Á - nói riêng sẽ được định hình và dẫn dắt bởi Mỹ. Và quả thực, bất chấp những “mệt mỏi” sau cuộc đua dài hơi với Liên Xô trong Chiến tranh lạnh, Mỹ chưa khi nào từ bỏ tham vọng trở thành bá chủ thế giới.

*Trong những năm cuối thế kỷ XX, Mỹ đã thể hiện tham vọng và sức mạnh của họ bằng việc thiết lập những luật chơi, những thể chế quốc tế do Mỹ sắp đặt, nằm trong luật chơi chung toàn cầu, thông qua việc sử dụng kết hợp sức mạnh cứng và sức mạnh mềm.* Nước Mỹ - siêu cường của thế giới - chính là chủ thể có vai trò lớn nhất chi phối, dẫn dắt và định hình các quan hệ quốc tế trong khu vực Đông Á thập niên cuối thế kỷ XX. Các chủ thể trong khu vực vận động theo luật chơi mà nước Mỹ đang đặt ra.

*Nét nổi bật trong chiến lược của Mỹ ở Đông Á chính là việc thiết lập và vận hành mô hình “trực và nan hoa”.* Mỹ vẫn duy trì và tăng cường sức mạnh tại các nước như Nhật Bản, Hàn Quốc, Philippin... Thực tế, việc tạo dựng hành lang chính trị an ninh như vậy nhằm giúp Mỹ phong tỏa được Đông Á, kiềm chế hoặc trừng trị các tác nhân có thể gây hại tới lợi ích của Mỹ. Một thực tế khác là, cục diện chính trị Đông Á sau Chiến tranh lạnh vẫn chưa có một chủ thể nào có đủ sức mạnh duy trì trật tự và an ninh khu vực nên Mỹ vẫn thể hiện sức mạnh vượt trội, bất chấp sự nổi lên của Nhật Bản - theo cách độc lập với Mỹ - và Trung Quốc đã trở dậy mạnh mẽ.

Ưu thế tuyệt đối của Mỹ trên tất cả các khía cạnh của sức mạnh quốc gia là nhân tố chính giúp Mỹ dễ dàng áp đặt luật chơi tại Đông Á. Những năm sau Chiến tranh lạnh, ở Mỹ, chính quyền của Bill Clinton đã dốc sức cho các nỗ lực tái thiết trong nước nên không thể tiến hành một chính sách đối ngoại mạnh mẽ như người tiền nhiệm thời kỳ Chiến tranh lạnh.

Mối quan ngại lớn nhất từ Liên Xô đang dần bị triệt tiêu, trong khi Trung Quốc vẫn chưa phát triển lớn mạnh về quân sự, kinh tế và còn đang “ăn mình” kín đáo, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên chưa phát triển được năng lực hạt nhân, các quốc gia theo hướng xã hội chủ nghĩa khác còn đang khó khăn trong việc cải cách,... khiến cho cán cân lực lượng ở khu vực trở nên nghiêng hẳn về phía Mỹ và đồng minh của Mỹ. Áp lực về việc xuất hiện điểm nóng quân sự mới ở khu vực Đông Á giảm đi rõ rệt, chính sách an ninh khu vực của Mỹ có những chuyển biến. Vai trò quân sự của Mỹ lại có sự chuyển dịch sang khu vực Trung Đông và châu Âu với hai cuộc chiến tranh quan trọng là Chiến tranh vùng Vịnh, cuộc chiến ở Côxôvô, ở Ápganixtan và Irắc, cùng việc xây dựng thêm hàng loạt các căn cứ quân sự trên thế giới, tăng cường sức mạnh và mở rộng NATO về phía Đông (không gian hậu Xôviết).

Bên cạnh việc duy trì một vị thế sức mạnh quân sự tại khu vực Đông Á, Mỹ vẫn duy trì được vị thế kinh tế quan trọng của mình tại khu vực và trên thế giới. Sự sụp đổ của Liên Xô dẫn đến một khoảng trống về quyền lực và lẽ dĩ nhiên, Mỹ trở thành một cường quốc có ảnh hưởng lớn ở khu vực. Vai trò kinh tế của Mỹ tiếp tục được khẳng định bằng vị thế đồng đôla Mỹ. Đồng euro và đồng yên Nhật vẫn chưa có được vị trí tương xứng có thể cạnh tranh được với đồng đôla Mỹ.

*Không chỉ tạo dựng luật chơi thông qua sức mạnh, Mỹ còn sử dụng các định chế tài chính quốc tế để gia tăng ảnh hưởng và sự lệ thuộc của các quốc gia Đông Á.* Nổi bật trong số đó là Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) thông qua các khoản cứu trợ tới các nền kinh tế đang khủng hoảng. Và các nền kinh tế muốn được giải cứu bởi IMF đều phải chấp nhận những biện pháp mà tổ chức này yêu cầu về cải cách. Cái mà IMF đưa ra chính là việc cải cách các bộ máy hành chính, khắc phục tình trạng tham nhũng trong hệ thống chính quyền và các điểm yếu của nền kinh tế. Cặp đôi Mỹ - IMF đã tạo ra những sóng gió thực sự trên chính trường Đông Á, điển hình là ở Hàn Quốc và Thái Lan. Trong nghiên cứu của mình, Joseph E. Stiglitz đưa ra trường hợp của Hàn Quốc, khoản vay của IMF đi kèm với điều kiện thay đổi điều lệ của ngân hàng trung ương, làm cho nó độc lập hơn với các tiến trình chính trị, mặc dù có rất ít bằng chứng cho thấy, các nước có ngân hàng trung ương độc lập hơn thì tăng trưởng nhanh hơn



hoặc có ít biến động kinh tế hơn hoặc với mức độ nhẹ hơn<sup>1</sup>. Cách thức đó vẫn tiếp tục được IMF sử dụng đối với các quốc gia gặp khủng hoảng trên thế giới và gần đây nhất là những ràng buộc chính sách đối với Hy Lạp và các nước trong cuộc khủng hoảng nợ công châu Âu.

Có thể nói rằng, bằng việc củng cố và kết hợp các nguồn sức mạnh, từ sau Chiến tranh lạnh, nước Mỹ đã giữ vai trò chủ đạo trong nền chính trị Đông Á. Các trục quan hệ trong khu vực đều có sự gắn kết với chủ thể quyền lực quan trọng nhất là Mỹ.

Tuy nhiên, bước vào thế kỷ XXI, Mỹ đã thật sự cảm thấy mình bị đe dọa và đe dọa này đến từ chủ nghĩa khủng bố, điển hình là vụ tấn công khủng bố ngày 11-9-2001, (vụ tấn công Trân Châu Cảng của Nhật Bản cách xa bờ biển nước Mỹ, là lần đầu tiên nước Mỹ bị tấn công từ bên ngoài). Chính vụ tấn công này đã làm thay đổi chiến lược an ninh cũng như chính sách đối ngoại của Mỹ. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương trở lại trong mối quan tâm lợi ích của chính quyền Tổng thống G.W. Bush với những lợi ích sống còn, lợi ích đặc biệt quan trọng và lợi ích quan trọng. Mối quan hệ đối tác của Mỹ trong khu vực cũng thay đổi, đặc biệt là những hợp tác mới với Nga và Trung Quốc trong cuộc chiến chống khủng bố.

Tại Đông Á, Mỹ vẫn tiếp tục duy trì hoạt động ở các căn cứ quân sự của mình tại Hàn Quốc, Nhật Bản, Philippin. Trong đó, đặc biệt là cuộc chiến chống lại nhóm khủng bố Abu Sayaf. Sự hiện diện quân sự của Mỹ ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương cho thấy vị trí quan trọng của Mỹ tại khu vực này bất chấp việc Mỹ gặp nhiều vấn đề tại Irắc và Ápganixtan. Tuy nhiên, một thực tế rõ ràng rằng, trong lúc Mỹ đang tiến hành cuộc chiến tại Irắc và Ápganixtan, các chủ thể quyền lực khác ở khu vực Đông Á cũng đang trỗi dậy, đặc biệt là Trung Quốc. Sự phát triển kinh tế nhanh chóng của Trung Quốc đã tạo điều kiện cho quốc gia này tăng cường thực lực quốc phòng thông qua việc mua số lượng lớn vũ khí từ Nga. Phát triển hạt nhân của Triều Tiên cũng trở thành một mối đe dọa đối với lợi ích an ninh của Mỹ và các đồng minh. Trong khi đó, Nga cũng đang dần trở lại châu Á, nơi gần mà xa của họ. Tất cả điều đó tạo ra một cục diện mới trên

---

1. Joseph E. Stiglitz: *Toàn cầu hóa và những mặt trái*, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh, 2010, tr.61.

phương diện quân sự, khiến Mỹ dù vẫn là siêu cường quân sự mạnh nhất nhưng không còn là duy nhất ở khu vực.

Vị thế kinh tế của Mỹ trong khu vực giai đoạn 2001-2016 cũng không còn được như thời kỳ trước. Cuộc khủng hoảng tài chính thế giới xuất phát từ Mỹ đã ảnh hưởng xấu đến vai trò kinh tế của Mỹ trên thế giới và tại khu vực, những vấn đề về thất nghiệp, đầu tư, thâm hụt thương mại với Trung Quốc, vấn đề tỷ giá đồng nhân dân tệ... làm đau đầu các nhà làm chính sách Mỹ. Cuộc khủng hoảng kinh tế lan rộng khắp thế giới và Đông Á cũng không tránh khỏi. Dù bị ảnh hưởng, nhưng Đông Á vẫn chứng kiến sự tăng trưởng, trở thành một đầu tàu quan trọng kéo nền kinh tế thế giới vượt qua khủng hoảng. Tiêu biểu phải kể đến vai trò của Trung Quốc ngày càng trở nên quan trọng hơn ở khu vực Đông Á và trên thế giới. Sự vươn lên của Trung Quốc, vượt qua cả Nhật Bản, trở thành nền kinh tế đứng thứ hai thế giới thực sự đã trở thành một đối trọng với Mỹ ở khu vực Đông Á. Vị thế tài chính của Mỹ ở khu vực cũng bị suy giảm phần nào khi đồng đô la Mỹ giảm giá trị trong cuộc chiến tiền tệ với Trung Quốc, đồng thời xuất hiện thêm sự tham gia của đồng euro vào thị trường tài chính thế giới.

Như vậy, Mỹ tuy vẫn là siêu cường duy nhất ở Đông Á nhưng không còn là kẻ duy nhất lãnh đạo khu vực. Cục diện chính trị khu vực có nhiều sự thay đổi với sự vươn lên của các chủ thể quyền lực mới, xuất hiện thêm những diễn biến căng thẳng mới trong khu vực. Phương thức hành xử của Mỹ cũng có những thay đổi tương ứng.

Tháng 9-2002, George W. Bush đệ trình lên Quốc hội Mỹ *Chính sách an ninh quốc gia thời kỳ mới*, trong đó, Mỹ vẫn ưu tiên cho việc thực hiện các chính sách an ninh chống khủng bố và bảo đảm cho Mỹ an toàn trước các mối đe dọa từ bên ngoài bằng các “hành động trực tiếp và liên tục”.

Thoạt nhìn, cách hành xử có phần đơn phương của chính quyền George W. Bush sẽ khiến các quốc gia có ý định thách thức Mỹ (Trung Quốc, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên) và phần còn lại của Đông Á phải dè chừng. Tuy nhiên, cho dù đã cố gắng tăng cường vị thế tại châu Á - Thái Bình Dương, Mỹ vẫn không thể cáng đáng được toàn bộ Đông Á, bởi cuộc chiến tại Trung Đông đang đè nặng lên đôi vai Mỹ. Thêm vào đó,

cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu năm 2008, mà điểm khởi phát chính là Mỹ đã khiến nước này lâm vào thời kỳ suy thoái kinh tế trầm trọng. Nhìn lại hai nhiệm kỳ cầm quyền của Tổng thống G.W. Bush không thấy được nhiều nét nổi bật trong quan hệ quốc tế tại Đông Á. Cách tiếp cận khu vực của chính quyền G.W. Bush thông qua cuộc chiến chống khủng bố mà Mỹ phát động, trong đó Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên là quốc gia Đông Á duy nhất được Mỹ liệt vào danh sách “trục ma quỷ”. Tuy nhiên, trước những biến động chính trị khu vực, các mối liên minh này ngày càng rạn nứt, sức mạnh và ảnh hưởng của Mỹ tại Đông Á ngày càng bị giảm sút. Gần đây, một số nước Đông Á chỉ trích mạnh mẽ chủ nghĩa đơn phương Mỹ đã “vượt quá giới hạn kinh tế và chính trị”.

Việc tàu ngầm Trung Quốc “nấn gân” hải quân Mỹ trên khu vực biển có tranh chấp với Nhật Bản và Biển Đông cho thấy, Mỹ không còn mạnh mẽ và linh hoạt trước các mối đe dọa từ phía Trung Quốc, hoặc việc Mỹ phải xuống thang trong vấn đề Đài Loan khi cam kết “ba không” với Trung Quốc trong quan hệ với Đài Loan, chấp nhận để Trung Quốc chủ trì vòng đàm phán sáu bên về vấn đề hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên. Điều này hoàn toàn trái ngược với những gì đã xảy ra trong những năm 1990, khi mà Mỹ đã phản ứng nhanh trong cuộc khủng hoảng tên lửa ở Đài Loan năm 1997; hay sự kiên nhẫn dẫn tới phản ứng có như không của Bắc Kinh sau việc Đại sứ quán Trung Quốc tại Belgrade bị quân đồng minh NATO đánh bom trong cuộc chiến tranh Nam Tư (1999) hay vụ máy bay do thám Mỹ va chạm với một máy bay phản lực của Trung Quốc.

Trong vấn đề Triều Tiên, Mỹ đã không thể đạt được kết quả như mong muốn khi các vòng đàm phán sáu bên về vấn đề hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên rơi vào bế tắc. Bình Nhưỡng được sự hậu thuẫn của Bắc Kinh đang tỏ ra “cứng đầu” với Oasinhton trong việc từ bỏ chương trình hạt nhân của mình. Mỹ buộc phải dùng Hàn Quốc làm con bài gây sức ép đối với chính phủ Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên bằng các khoản cứu trợ nhân đạo và lương thực cho quốc gia đang gặp khó khăn này. Nếu chương trình hạt nhân của Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên thành công, thì Mỹ sẽ phải đương đầu với hai cường quốc hạt nhân

trong khu vực là Trung Quốc và Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên. Hoặc giả sử, Trung Quốc và Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên sẽ liên kết lại với nhau trong vấn đề hạt nhân thì vị thế cường quốc hạt nhân lớn nhất của Mỹ cũng sẽ bị đe dọa.

*Như vậy, nước Mỹ trong thập niên đầu thế kỷ XXI tuy vẫn giữ vai trò là chủ thể lãnh đạo khu vực nhưng vai trò đó đang mất đi tính tuyệt đối của nó trên mọi phương diện.* Sự nổi lên mạnh mẽ của Trung Quốc đang đòi hỏi Mỹ phải xem lại cách ứng xử ngạo mạn của mình. Các định chế tài chính, an ninh quốc tế mà Mỹ nắm vai trò điều khiển đang dần trôi về phía Trung Quốc, EU, Nga và các nền kinh tế khác do tiến trình dân chủ hóa đời sống chính trị toàn cầu. Và cũng từ đây, người ta lại nghi ngờ về vị trí thống trị của Mỹ trong thế giới đương đại và bắt đầu bàn về một tương lai hậu khủng hoảng mà ở đó có sự sắp xếp lại cục diện thế giới mà Mỹ không còn là siêu cường duy nhất. Mỹ đã chấp nhận thực tế là quốc gia này không còn là chủ thể có tiếng nói quyết định tới Đông Á nữa, mà thay vào đó Mỹ buộc phải để ý tới Trung Quốc, Nhật Bản và chia sẻ những luật chơi khu vực đối với các nước này. Đây không hẳn là sự san sẻ quyền lực của Mỹ, mà đơn giản là tình thế không thể khác được của Mỹ trong bối cảnh vai trò và vị thế của Mỹ ngày càng sụt giảm. Trung Quốc, Nhật Bản, Nga đang nổi lên mạnh mẽ và có tiếng nói quan trọng. Về cơ bản, cùng với Mỹ, đây sẽ là những quốc gia định hình quan hệ quốc tế ở Đông Á trong tương lai.

Tuy nhiên, vẫn có không ít quốc gia cần Mỹ lãnh đạo khu vực hơn là một quốc gia khác. Thực tế trong suốt thời gian qua, quan hệ quốc tế ở Đông Á diễn ra tương đối hòa bình và ổn định, với sự gia tăng nhanh chóng các mối cổ kết và sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế khu vực và trên thế giới. Sự trỗi dậy của Trung Quốc đang làm dấy lên mối lo ngại từ phía các quốc gia khác ở châu Á, nhất là trong bối cảnh Trung Quốc đang ngày càng có những hành động gây hấn đơn phương trong các tranh chấp biển, đảo và nhiều vấn đề khác trong khu vực. Nổi lên gần đây là vấn đề Biển Đông giữa Trung Quốc và các nước ASEAN, tranh chấp quần đảo Senkaku/Điếu Ngư giữa Trung Quốc và Nhật Bản, vấn đề Đài Loan,... Sự hiện diện sâu rộng của Mỹ sẽ là sự cản trở đối với các hành động của Trung Quốc. Các quốc gia trong khu vực có tranh chấp trên biển

với Trung Quốc đang có xu hướng nghiêng về phía Mỹ để nhận được sự ủng hộ về quân sự và ngoại giao. Vấn đề Đài Loan sẽ vẫn là chủ đề nóng gây bất đồng và căng thẳng giữa Mỹ và Trung Quốc. Mặc dù đã cam kết “ba không” đối với Đài Loan, nhưng gần đây Oasinh-ton có những động thái cho thấy sẽ tiếp tục hợp tác quân sự với Đài Bắc để chống lại áp lực thống nhất từ phía Bắc Kinh. Sự hiện diện của Mỹ sẽ tránh cho Đài Loan một cuộc chiến “đẫm máu và bi thảm”<sup>1</sup>, như cuộc chinh phạt đảo Melos của quân đội thành Athens trong lịch sử.

Trong cân bằng chiến lược ở Đông Á, Mỹ là siêu cường chủ chốt, mang lại ổn định và an ninh giúp cho tất cả các quốc gia phát triển và lớn mạnh trong hòa bình. Mỹ cũng thúc đẩy những cam kết hợp tác khu vực trong việc thực thi hiệp ước không phổ biến vũ khí hạt nhân và hạn chế buôn bán vũ khí, xây dựng liên minh chống khủng bố ở khu vực, trong đó trọng tâm là phi hạt nhân hóa bán đảo Triều Tiên và không cho các quốc gia khác có cơ hội phát triển hạt nhân.

## **1.2. Trung Quốc và tham vọng thống trị khu vực**

Trung Quốc, sau năm 1978, bước vào một thời kỳ cải cách và phát triển nhanh chóng trên mọi mặt. Thời kỳ Chiến tranh lạnh, Trung Quốc có một vị thế rất quan trọng ở khu vực châu Á. Vị thế của Trung Quốc được khẳng định bởi sức mạnh quân sự và ảnh hưởng kinh tế đối với các nước xã hội chủ nghĩa ở khu vực. Hợp tác Liên Xô - Trung Quốc trong giai đoạn Chiến tranh lạnh là cực đối trọng lại liên minh Mỹ - Nhật Bản ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Nhưng đồng thời, Trung Quốc từ đầu những năm 1970 lại xác định cho mình vị trí khôn ngoan khi quan hệ với cả Liên Xô và Mỹ. Bằng việc cải thiện quan hệ với Mỹ, Trung Quốc dần trở thành một cường quốc thách thức trật tự hai cực.

Bước sang thập niên 1990, Trung Quốc vẫn đặt trọng tâm vào việc duy trì sự phát triển kinh tế mạnh mẽ, ngoại giao cũng nhằm mục đích thúc đẩy nền kinh tế. Nhưng không thể phủ nhận rằng, câu nói kinh điển của Đặng Tiểu Bình - “Mèo đen hay mèo trắng không quan trọng, miễn là

---

1. Fareed Zakaria, *Thế giới hậu Mỹ*, Sđd, tr.168.

*bắt được chuột”* - đang định hình cho chiến lược ngoại giao thực dụng của Bắc Kinh. Năm 1997, tại Đại hội lần thứ XIII Đảng Cộng sản Trung Quốc, tiếp tục tư tưởng của Đặng Tiểu Bình, Trung Quốc nhắc lại ưu tiên cho *“hoà bình và phát triển”*, vai trò và vị thế của Trung Quốc trong cục diện chính trị khu vực và thế giới được thể hiện qua quan điểm *“giấu mình chờ thời, quyết không đi đầu”*.

Với vị trí địa chiến lược của mình, Đông Nam Á được Trung Quốc rất coi trọng, bởi đây sẽ là bàn đạp để Trung Quốc vươn ra thế giới. Cho dù tốc độ tăng trưởng kinh tế cao đã giúp Trung Quốc tăng cường vị thế trên trường quốc tế, nhưng bản thân nội tại Trung Quốc vẫn còn nhiều vấn đề khiến cho Trung Quốc bị cộng đồng quốc tế và khu vực e ngại, như vấn đề bất bình đẳng xã hội, vấn đề nhân quyền... Sự kiện tháng 6-1989 ở Bắc Kinh phần nào đã tác động đến cách nhìn nhận của cộng đồng quốc tế đối với Trung Quốc và ảnh hưởng đến vị thế của nước này tại khu vực.

Trong quan hệ với các nước láng giềng, Trung Quốc chủ trương xây dựng tinh thần đối thoại, giảm thiểu tối đa những căng thẳng đối đầu không cần thiết. Việc bình thường hóa quan hệ với Nga, với Nhật Bản có ý nghĩa lớn, tác động tích cực tới ổn định và an ninh khu vực.

Tuy nhiên, với sức mạnh quân sự và các mối quan hệ truyền thống, Trung Quốc vẫn giữ một vai trò an ninh đáng kể ở khu vực. Việc Trung Quốc mong muốn phát triển trở thành một cường quốc thay thế vị thế của Mỹ, trở thành một chủ thể quyền lực quốc tế quan trọng trong khu vực đã làm nảy sinh những căng thẳng đối với trục quyền lực Mỹ - Nhật Bản ở khu vực. Các vấn đề căng thẳng như tranh chấp chủ quyền các quần đảo trên biển Hoa Đông, vấn đề hai bờ Đại lục và Đài Loan, vấn đề hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên, tranh chấp chủ quyền ở Biển Đông... cho thấy, Trung Quốc vẫn là một chủ thể quyền lực chính trị quan trọng nhất ở Đông Á.

Nhìn nhận lại, Trung Quốc vẫn thể hiện được vai trò của mình trong khu vực sau Chiến tranh lạnh, cùng với Mỹ và Nhật Bản hình thành một cục diện *“Tam giác chiến lược”* ở khu vực<sup>1</sup>, nhưng sự chênh lệch về sức

---

1. Ngô Tân Bá: *“Mối quan hệ ba bên Trung - Nhật - Mỹ trong tình hình mới”*, Tạp chí *Châu Mỹ ngày nay* (4), tr.29.

manh quân sự cũng như kinh tế khiến trục tam giác có trọng tâm hướng về liên minh Mỹ - Nhật Bản nhiều hơn. Nếu như ở giai đoạn 1991-2001, Trung Quốc còn tỏ ra yếu thế hơn trong tam giác chiến lược khu vực Trung Quốc - Mỹ - Nhật Bản thì tới giai đoạn 2001-2016, Trung Quốc đã trở thành một cường quốc mạnh mẽ ở khu vực cũng như trên thế giới. Đông Á đang chứng kiến sự trỗi dậy của cực quyền lực quan trọng bậc nhất trong thế giới đương đại là Trung Quốc. Có thể thấy, Trung Quốc chính là yếu tố quan trọng nhất tạo nên sự cạnh tranh giữa các chủ thể tại Đông Á.

Napoleon đã từng nói: “Hãy đề Trung Hoa ngủ yên, bởi khi Trung Hoa thức giấc, nó sẽ khuấy đảo cả thế giới”<sup>1</sup>. Thật vậy, Trung Quốc đã và đang thức dậy. Thời khắc Trung Quốc trỗi dậy là lúc Liên Xô tan rã, vai trò của nước Nga suy giảm, siêu cường Mỹ thiếu cảnh giác, Nhật Bản bước vào thời kỳ suy yếu với nền kinh tế bong bóng. Trung Quốc đã tận dụng cơ hội này để lấp đầy “*khoảng trống quyền lực*”. Thành tựu của cuộc cải cách kinh tế đã giúp Trung Quốc dễ dàng thực hiện điều đó hơn, những thay đổi về kinh tế đã làm gia tăng quyền lực Trung Quốc và thu hẹp phạm vi ảnh hưởng của Mỹ trong hệ thống quốc tế và khu vực Đông Á.

Nếu như sức mạnh của Trung Quốc trong thập niên đầu sau Chiến tranh lạnh mới chỉ ở dạng tiềm năng và có phần khiêm tốn, thì bước sang thế kỷ XXI, nó dần được bộc lộ thông qua sức mạnh của nền kinh tế. Điểm nổi bật là Trung Quốc đã soán vị trí kinh tế thứ hai thế giới từ tay Nhật Bản vào năm 2010. Rõ ràng, Trung Quốc hoàn toàn không muốn đi vào vết xe đổ của Nhật Bản - trở thành một “gã khổng lồ về kinh tế” nhưng chỉ là “một gã lùn về chính trị” - như thế giới vẫn thường chế nhạo. Quyền lực của Trung Quốc trong hệ thống quốc tế mới và cục diện chính trị khu vực sẽ phải tương xứng với sức mạnh của nền kinh tế lớn thứ hai thế giới.

Fareed Zakaria - một nhà hiện thực tấn công - đã khái quát rằng, như những gì đã từng xảy ra trong lịch sử thế giới, Trung Quốc bước vào vũ đài chính trị quốc tế cũng xuất phát từ những biến đổi về kinh tế và sự xáo trộn nhất định trong trật tự đã có. Giống như Anh trong thế kỷ XIX,

---

1. Fareed Zakaria: *Thế giới hậu Mỹ*, Sđd, tr.118.

Đức và Nhật Bản trong thế kỷ XX, chiến tranh là dấu hiệu của một quyền lực mới đang lớn lên. Trung Quốc bước vào thế kỷ XXI với một sự mới mẻ hoàn toàn cả về chất và lượng. Thời cơ mà Đại hội XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc nhận định đã đến. Trung Quốc tin rằng, với sự trỗi dậy vô cùng mạnh mẽ này, họ sẽ có vai trò lớn hơn trong nền chính trị quốc tế, từ đó tăng cường quyền lực và tầm ảnh hưởng của mình trong mọi vấn đề quốc tế.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh trong suốt 30 năm đã đưa Trung Quốc vượt qua Nhật Bản để trở thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới. Chính Trung Quốc chứ không phải Nhật Bản hay Mỹ là đầu tàu kéo nền kinh tế thế giới vượt qua cuộc khủng hoảng tài chính thế giới 2008-2009. Với sự phát triển kinh tế, Trung Quốc đang ngày càng mong muốn thể hiện vai trò của mình trên chính trường quốc tế và khu vực. Thông qua các chiến lược đầu tư nước ngoài, Trung Quốc dần gây ảnh hưởng của mình đối với thế giới, thâm nhập các thị trường đang phát triển, thiếu nguồn tài chính, đặc biệt là khu vực châu Phi và Đông Nam Á. Cùng với chính sách giữ ổn định tỷ giá, Trung Quốc đã gây áp lực thâm hụt thương mại đối với Mỹ và các quốc gia khác trên thế giới. Đồng thời, Trung Quốc cũng trở thành chủ nợ lớn nhất đối với Mỹ với tỷ lệ nắm giữ giá trị trái phiếu chính phủ Mỹ lên đến 1,17 nghìn tỷ USD và dự trữ ngoại tệ của nước này cũng đạt 3.305 nghìn tỷ USD. Đã có nhiều dự đoán trong tương lai rằng, nền kinh tế Trung Quốc sẽ vượt Mỹ, trở thành nền kinh tế số 1 thế giới vào năm 2030, hoặc thậm chí sớm hơn là năm 2020. Tuy vậy, những dự báo lạc quan như vậy đang có chiều hướng trở nên bi quan kể từ giữa năm 2015 khi nền kinh tế Trung Quốc có dấu hiệu chững lại.

Việc trở thành một cường quốc kinh tế trên thế giới và khu vực giúp Trung Quốc có thêm tiếng nói trên diễn đàn kinh tế thế giới, đặc biệt là trong các tổ chức tài chính quốc tế như IMF và WB. Trung Quốc cũng tiếp tục nâng cao vị thế của mình trong những cơ chế hợp tác kinh tế đa phương trên thế giới như nhóm BRICS. Ở khu vực, Trung Quốc cũng mở rộng các hợp tác kinh tế song phương và đa phương, mở rộng quan hệ đối tác thương mại đối với các nước và tham gia mạnh mẽ vào các tổ chức, diễn đàn kinh tế khu vực. Vị thế kinh tế của Trung Quốc ngày càng lớn mạnh và trở thành đối thủ cạnh tranh trực tiếp với Nhật Bản và Mỹ trong



khu vực. Từ đây, Trung Quốc có thể áp đặt những luật chơi về kinh tế trong khu vực cũng như trên thế giới. Các cuộc chiến thương mại của Trung Quốc với Mỹ, Nhật Bản diễn ra ngày càng nhiều đã cho thấy, sự xuất hiện một thế cân bằng, cạnh tranh giữa Trung Quốc với các quyền lực kinh tế truyền thống trong khu vực<sup>1</sup>.

Sức mạnh kinh tế của Trung Quốc là không thể bàn cãi mặc dù bên trong vẫn tồn tại nhiều vấn đề. Nhưng để tiếp tục phát triển và củng cố vị thế của mình, Trung Quốc buộc phải vươn mình ra thế giới, nhập cuộc với xu thế của thế giới. Thế kỷ XXI là thế kỷ của Thái Bình Dương. Nhìn vào bản đồ địa - chính trị khu vực, những tuyến đường của Trung Quốc vươn ra Thái Bình Dương đều có bóng dáng các lực lượng đồng minh của Mỹ trong khu vực như Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Philippin. Trung Quốc thấy rõ rằng, chỉ sức mạnh kinh tế thì chưa đủ, sức mạnh quân sự chính là nhân tố quan trọng trong các công việc thuộc khu vực. Nhờ vào phát triển kinh tế, Trung Quốc có đủ lực để tăng cường hiện đại hóa lực lượng vũ trang của mình, mua vũ khí hiện đại của Nga, gia tăng số lượng tàu ngầm hạt nhân, tàu sân bay, hệ thống phòng thủ tên lửa. Ngân sách chi tiêu quốc phòng của Trung Quốc không ngừng gia tăng qua các năm cho thấy sự lớn mạnh của Trung Quốc trong lĩnh vực quân sự. So sánh tương quan sức mạnh quân sự, Trung Quốc vẫn chưa thể cân bằng với Mỹ, nhưng với việc Mỹ đang phải căng mình trên các mặt trận chống khủng bố, thì tại Đông Á, Trung Quốc đã tạo ra một vị thế lớn trong sức mạnh quân sự so với các chủ thể còn lại. Chính Trung Quốc chứ không phải chủ thể nào khác đang tạo ra những điểm nóng, căng thẳng trên các biển tranh chấp với các nước xung quanh, như tranh chấp vùng đảo Senkaku/Điếu Ngư, vấn đề với Đài Loan, tranh chấp trên Biển Đông,...

*Tóm lại*, Trung Quốc đã và đang cố gắng củng cố vị thế của mình tại khu vực bằng cả sức mạnh kinh tế và quân sự. Với sự “trỗi dậy hòa bình”, Trung Quốc đã tạo ra một cục diện cân bằng về chiến lược ở khu vực Đông Á nói riêng, châu Á - Thái Bình Dương nói chung, nhưng cũng từ

---

1. Chad P. Bown, Rachel McCulloch: “U.S - Japan and U.S. - China Trade Conflict: Export Growth, Reciprocity, and the International Trading System”, *Journal of Asian Economics* (20), pp.669-687.

đó tạo ra thêm những căng thẳng mới trong khu vực và quốc tế. Còn nhiều những tranh luận khác nhau về sự trỗi dậy của Trung Quốc, song với những gì đã thể hiện, Trung Quốc cho thấy rằng họ đang cố gắng phá vỡ cấu trúc địa - chính trị cũ - với vị thế vượt trội của Mỹ - đã tồn tại ở Đông Á trong suốt hơn 45 năm qua. Trung Quốc từ một cường quốc hạng hai đang vươn lên đứng đầu khu vực. Hệ quả của quá trình biến đổi đó là tình trạng bất ổn diễn ra ở Đông Á.

Sự trỗi dậy của Trung Quốc không mang tính chu kỳ và chắc chắn không phải là chu kỳ chuyển giao quyền lực trong quan hệ quốc tế. Trung Quốc chưa từng có kinh nghiệm lãnh đạo khu vực và thế giới, họ là một nhân tố hoàn toàn mới trong hệ thống quốc tế hiện đại. Đó là kết quả của một giai đoạn phát triển mạnh mẽ về kinh tế đã tất yếu dẫn đến sự gia tăng sức mạnh quốc gia và là một đại chiến lược dài hạn mà Trung Quốc đang thực hiện. Mục tiêu của chiến lược trỗi dậy là thống trị châu Á, như cách mà Mỹ thống trị Tây bán cầu, bằng việc theo đuổi ưu thế quân sự so với các quốc gia láng giềng; hoặc tối thiểu là đẩy nước Mỹ ra xa khu vực châu Á - Thái Bình Dương<sup>1</sup>.

Sự trỗi dậy của Trung Quốc là một thách thức địa - chính trị lớn đối với Đông Á. Cách Trung Quốc thực hiện cân bằng quyền lực với Mỹ trong khu vực này sẽ là một lời cảnh tỉnh cho Oasinhton và bất kỳ quốc gia nào vẫn ngây thơ tin vào chiến thắng của chủ nghĩa tự do trong chính trị quốc tế. Rốt cuộc, Trung Quốc đang biến mình trở thành “người kiến tạo” nên một cục diện chính trị mới ở Đông Á mà ở đó họ có vị thế đứng đầu.

### **1.3. Nga phục hồi ngày càng mạnh mẽ**

Sau khi Liên Xô tan rã, Nga thừa kế vị trí của Liên Xô trong Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhưng vị thế chính trị của Nga không còn được như Liên Xô trước kia. Vị thế của nước Nga trên bản đồ chính trị thế giới nói chung và tại khu vực Đông Á có sự suy giảm rõ rệt. Sau khi Liên Xô tan rã, Liên bang Nga phải tập trung khắc phục những hậu quả của việc áp dụng mô hình kinh tế chỉ huy trong suốt một thời gian dài. Việc khắc

---

1. John J. Mearsheimer: *Why China's Rise will not be Peacefull, Ibid.*

phục những hậu quả kinh tế này chưa thể kết thúc một sớm một chiều. Tình hình chính trị thiếu ổn định và nền kinh tế có nhiều vấn đề khiến Nga phải rơi vào tình trạng yếu kém, mất đi vai trò của một siêu cường trước đây tại khu vực cũng như trên thế giới.

Trong cách nhìn nhận về vị trí của Nga tại châu Á, một học giả Mỹ là Michael Mandelbaum đã nhận định: "... Sự có mặt của Nga ở châu Á tóm lại là không đáng kể, nếu Nga còn có sức nặng trong các mối quan hệ tay tư thì chẳng qua với tư cách là một chủ thể gây tác động". Chính sự sụt giảm về vị trí quân sự cũng như kinh tế tại khu vực Đông Á của Liên Xô trước kia và Liên bang Nga hiện nay đã tạo ra một cục diện chính trị mới tại khu vực với trục trung tâm là Mỹ.

Tuy nhiên, một nước Nga với tiềm lực sẵn có về quân sự cũng như các nguồn tài nguyên thiên nhiên sẽ không chịu mất đi vai trò của mình trên trường quốc tế và khu vực, sẽ cố gắng tìm kiếm con đường trở lại thành một cường quốc. Ngày 23-4-1997, Tổng thống Nga Boris Yeltsin và Chủ tịch Trung Quốc Giang Trạch Dân ký tuyên bố chung về thế giới đa cực chống bá quyền. Một sự khẳng định lại vị trí của Nga sau Chiến tranh lạnh không chấp nhận bị đối thủ trong lịch sử của họ qua mặt.

Nước Nga đã thực sự thay đổi kể từ khi Putin lên nắm quyền, trở thành thủ tướng Nga năm 1999 và chiến thắng trong cuộc bầu cử năm 2000. Tổng thống Putin đã đặt nhiệm vụ là "đưa đất nước Nga trở thành một đất nước mà phần còn lại của thế giới cũng phải giao hòa theo"<sup>1</sup>, đó chính là đưa nước Nga trở lại vị trí một cường quốc trên thế giới.

Là một quốc gia giàu tài nguyên, nhờ vào sự tăng giá dầu thế giới (đã có lúc lên đến đỉnh điểm 147 USD/thùng vào giữa năm 2008) đã giúp quốc gia này duy trì được đà tăng trưởng kinh tế. Nhờ đó, Nga đã trả được hết các khoản nợ và dự trữ được trên 300 tỷ USD<sup>2</sup>. Cũng nhờ chính sách ngoại giao năng lượng mà vị thế của Nga đã không ngừng được nâng cao trên chính trường quốc tế.

---

1. Daniel Yergin, Joseph Stanislaw: *Những đỉnh cao chỉ huy - Cuộc chiến vì nền kinh tế thế giới*, Nxb. Tri thức, Hà Nội, 2008, tr.588.

2. Xem Nguyễn Trường: *Thế giới thời kỳ hậu Chiến tranh lạnh*, Nxb. Tri thức, Hà Nội, 2010, tr.744.

Tuy đã dần lấy lại vị thế một cường quốc trên thế giới, nhưng tại khu vực Đông Á, sức ảnh hưởng của Nga vẫn chưa trở lại như thời Liên Xô. Sức ảnh hưởng về tài chính và quân sự của Nga vẫn chỉ ở khu vực Cộng đồng các quốc gia độc lập (SNG) và quan hệ với Trung Quốc. Dấu ấn của Nga ở khu vực Đông Á chủ yếu thể hiện trong mối quan hệ đi kèm, hợp tác với Trung Quốc như Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO), nhóm các nền kinh tế mới nổi BRICS. Nga cũng bước đầu có những động thái thể hiện sự quan tâm hơn đối với cơ chế đa phương trong khu vực như APEC, ASEM<sup>1</sup> và nhất là với ASEAN. Trong Diễn đàn Khu vực ASEAN (ARF), Nga cũng đóng vai trò lớn hơn, đặc biệt trong vấn đề hạt nhân ở bán đảo Triều Tiên.

*Tóm lại*, trong điều kiện quốc tế có nhiều biến đổi và nước Nga dưới thời Tổng thống Putin, sau là Medvedev và giờ tiếp là Putin đã có những điều chỉnh trong chính sách đối ngoại thể hiện sự cân bằng “Đông - Tây” và xuất hiện như một chủ thể quyền lực ngày càng quan trọng trong khu vực Đông Á.

Rõ ràng rằng, bước sang thế kỷ XXI, một loạt những sự kiện quan trọng đã diễn ra và tác động sâu sắc đến cục diện chính trị quốc tế và khu vực. Lực lượng khủng bố al-Qaeda tấn công tòa tháp đôi trung tâm thương mại thế giới ở Niu Oóc ngày 11-9-2001 đã làm “rung chuyển thế giới”. Sự kiện này đánh dấu một sự chuyển hướng chiến lược của Mỹ trong vấn đề an ninh, đối ngoại trên toàn cầu. Sau vụ khủng bố ngày 11 tháng 9, hàng loạt những sự kiện quan trọng khác đã diễn ra trong suốt thập kỷ đầu của thế kỷ XXI như hai cuộc chiến tranh của Mỹ tại Ápganixtan và Irắc, vấn đề an ninh năng lượng, khủng hoảng kinh tế thế giới,... Chính lúc này, các chủ thể quyền lực ở khu vực Đông Á đã có những thay đổi, tạo ra một cục diện mới ở khu vực với những vai trò và vị thế mới.

Những biến đổi mạnh mẽ của quan hệ quốc tế Đông Á những năm đầu thế kỷ XXI đã cho thấy cục diện chính trị khu vực vẫn đang trong giai đoạn định hình và xác lập lại vị thế của các chủ thể.

---

1. Phạm Quang Minh: “Diễn đàn Á - Âu (ASEM): Thách thức của quá trình mở rộng”, Tạp chí *Nghiên cứu châu Âu* (121), tr.13-18.

#### **1.4. Sự linh hoạt của Nhật Bản**

Trong thời kỳ Chiến tranh lạnh, vị thế của Nhật Bản ở khu vực bị lu mờ bởi liên minh Mỹ - Nhật Bản. Với hậu quả để lại của Chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật Bản bị ràng buộc không được phát triển quân sự nên vị thế của nước này ở khu vực gần như phụ thuộc hoàn toàn vào Mỹ. Nhưng bù lại, với vị trí địa lý quan trọng trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương, Nhật Bản đã được Mỹ rót vào nguồn tài chính khổng lồ để tái thiết đất nước sau chiến tranh. Nhờ nguồn tài chính khổng lồ từ Mỹ, cùng với những cơ hội kinh tế, cung ứng hàng hóa cho các thị trường của Mỹ ở châu Á và đặc biệt, nhờ tinh thần tự lực tự cường của mình, Nhật Bản đã nhanh chóng vươn mình, trở thành nền kinh tế đứng thứ hai thế giới và là một trong ba trung tâm kinh tế của thế giới.

*Do được Mỹ bảo đảm an ninh, Nhật Bản có điều kiện giành nhiều ưu tiên hơn trong chính sách đối ngoại bằng con đường ngoại giao kinh tế và hợp tác thương mại khu vực.* Xét theo góc độ này, con bài kinh tế có ý nghĩa vô cùng to lớn vì Đông Á mới thoát khỏi chiến tranh, ổn định và phát triển về kinh tế đang là mối quan tâm hàng đầu của các quốc gia. Nhật Bản tuy là một “gã lùn về chính trị” nhưng lại là “người khổng lồ về kinh tế”. Vị thế của Nhật Bản không ngừng được nâng cao trong khu vực và thế giới bằng cách xây dựng sự phụ thuộc kinh tế của khu vực, thông qua đầu tư, chuyển giao công nghệ và thương mại. Mô hình kinh tế “đàn nhạn bay” được các công ty Nhật Bản quảng bá ở khu vực là động lực kéo theo các nền công nghiệp mới như Hàn Quốc, Xingapo, Hồng Kông, Đài Loan,... Bên cạnh việc xuất khẩu công nghệ, Nhật Bản còn nhanh chóng thâm nhập vào các thị trường Đông Nam Á, đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các nước trước kia thuộc khối chủ nghĩa xã hội và viện trợ ODA. Nhật Bản với ưu thế vượt trội về kinh tế trong khu vực, với chiến lược xuất khẩu công nghệ và thâm nhập các thị trường khu vực, đã trở thành “bá chủ kinh tế” khu vực, có khả năng định hình môi trường kinh tế khu vực, đóng vai trò quan trọng trong các liên minh kinh tế khu vực.

*Khẳng định được vị thế kinh tế của mình trong khu vực, Nhật Bản cũng nỗ lực trong việc tạo ảnh hưởng đối với an ninh khu vực.* Quyền lực quân sự vẫn là hợp phần quan trọng trong việc quyết định ai được gì, bao giờ và như thế nào trong quan hệ quốc tế và Nhật Bản hiểu rõ điều này.

Song song với coi trọng liên minh Mỹ - Nhật Bản, từ đầu những năm 1990, Nhật Bản bắt đầu quan tâm hơn tới những cơ chế đa phương. Nhật Bản tham gia nhiều hơn vào các chiến dịch gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc ở khu vực và trên thế giới, đặc biệt ủng hộ Diễn đàn Khu vực ASEAN (ARF), chủ trương xây dựng Cộng đồng Đông Á (East Asian Community)<sup>1</sup>, trong đó Nhật Bản đóng vai trò quan trọng cùng Trung Quốc. *Sách Xanh Ngoại giao 2002* của Nhật Bản đã nêu rõ: “Hòa bình và thịnh vượng của Nhật Bản chắc chắn gắn liền với hòa bình và thịnh vượng của khu vực châu Á - Thái Bình Dương và của thế giới”. Từ sau Chiến tranh lạnh, vị thế của Nhật Bản tại khu vực rõ ràng đã được nâng tầm lên nhiều, đặc biệt là vị thế kinh tế.

Tuy nhiên, bước sang thế kỷ XXI, vị thế của Nhật Bản ở khu vực đã bị cạnh tranh mạnh bởi sự trỗi dậy của Trung Quốc. Nhật Bản tuy vẫn giữ vị trí một cường quốc kinh tế trong khu vực nhưng Trung Quốc dần trở thành đối trọng kinh tế, cạnh tranh với Nhật Bản trong khu vực. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Nhật Bản cũng chậm lại, chỉ giữ được tốc độ 1,3% trong thời kỳ 1991-2001<sup>2</sup>. Nếu như Nhật Bản vẫn tiếp tục thành công với chiến lược xâm nhập thị trường khu vực thông qua FDI và viện trợ ODA thì Trung Quốc cũng bắt đầu có những động thái tương tự ở khu vực. Việc Trung Quốc vượt qua Nhật Bản trở thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới và lớn nhất ở khu vực phần nào cho thấy ảnh hưởng kinh tế của Trung Quốc ngày càng lớn mạnh dù thu nhập bình quân đầu người của Trung Quốc vẫn còn kém xa Nhật Bản.

Trên lĩnh vực an ninh khu vực, một liên minh quân sự với Mỹ vẫn bảo đảm cho Nhật Bản một tiếng nói có giá trị trong khu vực. Nhưng sự nổi lên của một Trung Quốc và tham vọng hạt nhân của Triều Tiên đã khiến Nhật Bản phải có những đường hướng thay đổi chính sách để bảo vệ lợi ích, an ninh của mình tại khu vực. Một trong những thay đổi đáng quan tâm, đó là năm 2007, lực lượng phòng vệ Nhật Bản đã được chuyển thành

---

1. Trần Văn Thọ: *Cộng đồng kinh tế Đông Á nhìn từ các nước đi sau*. Xem: [http://www.tapchithoidai.org/ThoiDai8/200608\\_TranVanTho.htm](http://www.tapchithoidai.org/ThoiDai8/200608_TranVanTho.htm)

2. Vũ Quang Việt: *Về thập kỷ suy thoái của Nhật Bản*. Xem: [http://www.tapchithoidai.org/200401\\_VQViet\\_book.htm](http://www.tapchithoidai.org/200401_VQViet_book.htm)

Bộ Quốc phòng Nhật Bản. Gần đây, Nhật Bản không ngần ngại bày tỏ tham vọng tái quân sự hóa và độc lập hơn với Mỹ, chính quyền của ông Shinzo Abe chắc chắn sẽ thay đổi chính sách đối ngoại của Nhật Bản theo hướng sẽ đóng góp vào cục diện chính trị khu vực Đông Á một vai trò to lớn hơn. Với tiềm lực kinh tế của mình, Nhật Bản hoàn toàn có thể trở thành một cường quốc quân sự trong khu vực và thế giới. Điều đó cũng sẽ gây ra những vấn đề quan ngại cho tình hình chính trị khu vực vốn cũng đang tiềm ẩn những mâu thuẫn.

Dù vậy, phương châm hoạt động của Nhật Bản vẫn thể hiện rõ mong muốn sống hòa hợp với châu Á và thế giới. Hiện giờ Nhật Bản không chỉ dựa vào vị thế sức mạnh quân sự và tài chính, mà còn chú ý đến việc xây dựng các nguồn sức mạnh mềm, phổ biến, lôi cuốn các nước trong khu vực đến với một xã hội mang đậm bản sắc văn hóa nhưng có trình độ khoa học công nghệ cao, những tư duy minh triết...

### **1.5. Nhìn lại ASEAN**

Sau khi Liên Xô sụp đổ, quá trình thể chế hóa và mở rộng của ASEAN được đẩy mạnh với việc kết nạp thêm các quốc gia Đông Nam Á còn lại. ASEAN đang trên con đường trở thành một chủ thể có đủ sức mạnh để chèo lái con thuyền an ninh khu vực; hoặc ít nhất là trở thành một nhân tố quan trọng bên cạnh các cường quốc khác, giúp điều phối an ninh và duy trì sự ổn định của Đông Nam Á.

Cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI, trong bối cảnh toàn cầu hóa, vấn đề hội nhập khu vực, liên kết khu vực ngày càng được quan tâm và là một hiện tượng phổ biến trong nền chính trị thế giới. Ý tưởng này được những người theo chủ nghĩa tự do khuyến khích dựa trên sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia gần kề về địa lý chia sẻ nhiều điểm tương đồng và coi đó là xu hướng chính của nền chính trị đương đại. Đây là bệ đỡ vững chắc cho ASEAN tạo ra một môi trường hòa bình, ổn định và thịnh vượng ở Đông Nam Á. Quả thực, trải qua gần 50 năm tồn tại và phát triển, tổ chức này đã trở thành một chủ thể có vị thế nhất định trong cục diện chính trị Đông Á. Nhiều nhà nghiên cứu thống nhất quan điểm cho rằng, sau nhiều năm ASEAN thực sự đã phát triển thành một cộng đồng ASEAN hiệu quả và hiện nay đã có vị thế trên trường quốc tế và đang trong quá trình trở

thành một nhân tố quan trọng trong định hình trật tự khu vực. Do đó, cơ chế đa phương này có thể đảm nhận vai trò lãnh đạo trong quá trình đàm phán về việc thiết lập các luật chơi ở khu vực Đông Nam Á nói riêng và Đông Á nói chung.

Việc thúc đẩy hợp tác kinh tế và chính trị bằng một chính sách trung lập với các cường quốc bên ngoài đã mang lại nhiều lợi ích cho ASEAN và các quốc gia thành viên. Bởi vậy, Đông Nam Á không chỉ là một khu vực trọng yếu về mặt địa - chính trị mà còn là trung tâm cạnh tranh giữa các cường quốc, không chỉ những cường quốc trong khu vực như Trung Quốc, Nhật Bản mà cả những cường quốc ngoài khu vực như Mỹ và Nga, cùng nhiều nước lớn khác cũng đều muốn tranh thủ tận dụng sự ủng hộ từ tiếng nói của ASEAN trong các vấn đề an ninh chính trị Đông Á. Từ một tổ chức lỏng lẻo với những nền tảng yếu với mục tiêu ban đầu là cố kết Đông Nam Á và làm chủ an ninh khu vực, ASEAN đã phát triển thành một chủ thể được coi trọng. Thậm chí, những người lạc quan tin rằng, ASEAN đang dần trở thành EU ở châu Á. Một trong những mục tiêu của ASEAN được ghi trong Hiến chương ASEAN là “Duy trì vai trò trung tâm và chủ động của ASEAN như là một động lực chủ chốt trong quan hệ và hợp tác với các đối tác bên ngoài trong một cấu trúc khu vực mở, minh bạch và bao trùm” và nguyên tắc của ASEAN là “Giữ vững vai trò trung tâm của ASEAN trong các quan hệ chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội với bên ngoài, đồng thời vẫn duy trì tính chủ động, hướng ra bên ngoài, thu nạp và không phân biệt đối xử”<sup>1</sup>.

Tuy nhiên, sức mạnh thực sự của ASEAN cũng đang bị nghi ngờ. Tổ chức này là một trung tâm có đủ khả năng điều phối an ninh hay chỉ là người đứng sau các cường quốc và không thể là một nhân tố có thể thay đổi diện mạo khu vực. Tính chất như một chế độ an ninh tập thể của ASEAN đang dần bị thay thế bằng sự cố kết về chính trị, kinh tế, văn hóa,... song không phải các lĩnh vực này đều được coi trọng như nhau. Sự trỗi dậy của Trung Quốc, xung đột quốc tế ở Biển Đông, hay gần đây là xung đột giữa Campuchia và Thái Lan liên quan đến ngôi đền

---

1. Học viện Ngoại giao: *150 câu hỏi và đáp về ASEAN - Hiến chương ASEAN và Cộng đồng ASEAN*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2010, tr.76.



cổ Preah Vihear, trở thành liều thuốc thử thực sự đối với sức mạnh của ASEAN.

## **2. Những xu thế vận động chính trong cục diện chính trị Đông Á**

### **2.1. *Mối quan hệ giữa cục diện kinh tế với cục diện chính trị ở Đông Á***

Nghiên cứu quá trình vận động của cục diện chính trị Đông Á từ năm 1991 đến 2016 cho thấy *xu hướng hình thành cục diện chính trị Đông Á* đã xuất hiện. Xu hướng này được quy định bởi khả năng chuyển hóa cục diện kinh tế khu vực sang cục diện chính trị khu vực trong những điều kiện đặc thù của Đông Á. Những lý do của nhận định này như sau:

*Thứ nhất*, bối cảnh quốc tế đang đem lại điều kiện thuận lợi cho khả năng này. Sau Chiến tranh lạnh, sự gắn bó giữa kinh tế và chính trị đang ngày càng tăng. Không những thế, yếu tố kinh tế ngày càng nổi lên và có khả năng chi phối chính trị ngày càng mạnh mẽ. Nhận thức về mối liên quan giữa lợi ích phát triển đối với lợi ích tồn tại ngày càng phổ biến và chi phối chính sách đối ngoại quốc gia, các nước đều thi hành chính sách mở cửa và đặt ưu tiên nhiều hơn cho phát triển kinh tế và hợp tác kinh tế quốc tế. Trong quan hệ quốc tế, sự hợp tác kinh tế và khu vực hóa kinh tế cũng diễn ra mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Đồng thời, tác động của toàn cầu hóa vốn đang diễn ra chủ yếu trong lĩnh vực kinh tế càng làm tăng hợp tác kinh tế quốc tế cũng như quá trình khu vực hóa kinh tế này.

Vì những lẽ đó, chúng ta đang chứng kiến quá trình chuyển dịch từ các vấn đề chính trị sang các vấn đề kinh tế của thế giới. Chúng ta cũng đang chứng kiến sự nổi lên của nền kinh tế - chính trị quốc tế thay cho nền chính trị quốc tế trước kia. Trong xu hướng thay đổi lớn lao này, khu vực hóa đang diễn ra mạnh mẽ, chủ yếu trong lĩnh vực kinh tế. Và chính xu hướng này đang làm tăng sự hình thành cục diện kinh tế khu vực mới của thế giới. Đồng thời, như trên đã đề cập, do sự gắn bó ngày càng tăng giữa kinh tế với chính trị, một khu vực kinh tế cũng đang ngày càng có nhiều khả năng chi phối sự định hình cục diện chính trị của khu vực.

Trong bối cảnh chung đó, cục diện kinh tế Đông Á cũng chịu những tác động kể trên và hoàn toàn có khả năng chuyển hóa thành cục diện chính trị khu vực.

*Thứ hai*, Đông Á có những đặc thù có thể giúp quá trình chuyển hóa nói trên. Do môi trường an ninh chính trị ở Đông Á phức tạp, hợp tác kinh tế khu vực được coi là cách thức phù hợp để tạo môi trường thuận lợi cho việc giải quyết các vấn đề chính trị giữa các nước trong vùng. Do tính mở của khu vực này cũng như sự liên quan tới nhiều cường quốc ngoài khu vực, chủ nghĩa khu vực Đông Á hiện diện đầu tiên trong lĩnh vực kinh tế là thích hợp để hạn chế bớt những phản đối từ bên ngoài. Bên cạnh đó, do quá trình bị can thiệp mạnh mẽ từ bên ngoài, nên hợp tác kinh tế khu vực cũng được coi là cách thức cố kết nội vùng để hạn chế bớt sự can thiệp từ bên ngoài.

Đồng thời, thông qua quá trình tăng cường hợp tác kinh tế khu vực cả song phương lẫn đa phương, sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các nước trong khu vực cũng sẽ ngày càng sâu sắc, sự phối hợp nhằm giải quyết các vấn đề chung sẽ ngày càng tăng và thông qua đó, ý thức về khu vực kinh tế Đông Á ngày càng được định hình. Ngoài ra, trong bối cảnh toàn cầu hóa, một khu vực địa - kinh tế Đông Á hình thành sẽ giúp nâng cao vai trò của khu vực trong nền kinh tế chính trị thế giới.

*Thứ ba*, ở Đông Á đã xuất hiện những dấu hiệu thực tế của sự chuyển hóa này. Mặc dù xu thế hợp tác Đông Á hiện nay chủ yếu hiện diện trong lĩnh vực kinh tế và văn hóa - xã hội, nhưng ý thức về khu vực chính trị đã được nâng cao và những cố gắng thúc đẩy đối thoại an ninh chính trị khu vực đã được tiến hành. Đầu tiên là những cố gắng đàm phán giải quyết các mâu thuẫn song phương hay ít nhất là gác lại tranh chấp giữa các nước Đông Á.

Tiếp theo là các cố gắng mở rộng chức năng chính trị của các thể chế khu vực hiện hành. ASEAN đề ra chủ trương xây dựng cộng đồng an ninh ASEAN. ASEAN+3 có những đối thoại chính trị và những khuyến nghị thúc đẩy hợp tác an ninh chính trị mạnh mẽ hơn trong báo cáo của EAVG cũng như EASG. Tương tự như vậy, EAS cũng đề ra nhiệm vụ thúc đẩy hợp tác an ninh chính trị giữa các nước trong khu vực.

Một cố gắng rất quan trọng là thiết lập cơ chế hợp tác an ninh khu vực: ARF. ARF được thành lập năm 1994 và đến nay vẫn chỉ là một diễn đàn có tính tư vấn mặc dù đây là tổ chức an ninh chính trị duy nhất của Đông Á hiện nay. ARF có sự tham gia của các nước lớn ngoài khu vực. Mặc dù vậy, ARF vẫn là cơ sở thuận lợi cho sự hình thành cục diện chính trị Đông Á với tính cách của một khu vực mở khi có chủ trương và lộ trình cụ thể để thúc đẩy sự hợp tác trong lĩnh vực này - một sự hợp tác mà nếu làm được sẽ có tác dụng lớn trong việc định hình cục diện chính trị Đông Á tương lai.

Nói như thế không có nghĩa là cục diện chính trị Đông Á đã hình thành. Theo chúng tôi, nó chỉ đang trong giai đoạn hình thành hơn là cái gì đó đã tồn tại. Cục diện chính trị của một khu vực được thể hiện không chỉ bằng sự gần gũi về địa lý, có sự phụ thuộc lẫn nhau về an ninh giữa các nước thành viên, có những vấn đề chính trị chung và có ý niệm chung về một khu vực chính trị. Nó còn được phản ánh bằng sự phối hợp về chính sách đối ngoại, nối kết về hành động chính trị và chia sẻ về tư tưởng an ninh. Đông Á có những dấu hiệu của vẻ đầu nhưng chưa có các dấu hiệu của vẻ sau.

## ***2.2. Mỹ tiếp tục giữ vai trò chủ đạo***

Mặc dù trong thập niên đầu của thế kỷ XXI, Mỹ có những biểu hiện suy giảm sức mạnh, xuất hiện nhiều thách thức làm lung lay và đe dọa vị trí siêu cường số 1 của Mỹ. Tuy nhiên, với những nguồn sức mạnh và ưu thế vốn có của mình về chính trị, kinh tế, quân sự..., nước Mỹ hoàn toàn có khả năng tiếp tục giữ vị trí đứng đầu thế giới và đóng vai trò chủ đạo trong việc duy trì ổn định trật tự thế giới nói chung và cục diện chính trị khu vực Đông Á nói riêng.

Nhiều lý do để giải thích việc Mỹ tiếp tục giữ vai trò chủ đạo, ít nhất trong 10 năm nữa, trong cục diện chính trị khu vực Đông Á:

*Thứ nhất*, từ sau khi Liên Xô sụp đổ đến nay, Mỹ vẫn luôn là siêu cường số 1 thế giới. Nói một cách chính xác hơn, Mỹ là cường quốc duy nhất thực hiện vai trò bảo đảm trật tự thế giới, theo đuổi các lợi ích toàn cầu và có đầy đủ khả năng để thực hiện những mục tiêu kể trên. Về kinh tế, Mỹ hiện vẫn là nước đứng đầu thế giới. Xét về tiềm lực quân sự, nước

này vẫn bỏ xa các cường quốc khác. Ngay cả trong lĩnh vực “quyền lực mềm”, Mỹ vẫn được coi là một quốc gia có sức hấp dẫn lớn khó có nước nào sánh được. Các cường quốc kinh tế mới nổi cũng đang dần bắt kịp Mỹ, nhưng cũng chưa thể vượt Mỹ, ngay cả Trung Quốc cũng không thể làm được điều đó sớm. Jonathan Adelman, Giáo sư thuộc Viện nghiên cứu quốc tế Josef Korbel thuộc Đại học Denver (University of Denver) đã viết: “Mỹ vẫn là người lãnh đạo thế giới và dường như sẽ giữ được vị trí đó trong hàng chục năm nữa. Cho đến nay, đây là nước có sức mạnh mềm vĩ đại nhất thế giới”.

Với những thế mạnh vốn có đó, Mỹ sẽ tiếp tục giữ vai trò chủ đạo trong cục diện chính trị khu vực Đông Á là một điều hoàn toàn có thể thực hiện được và thực tế là, cho đến thời điểm hiện nay, vẫn chưa có quốc gia nào có thể vượt qua Mỹ về sức mạnh tổng hợp cả ở tầm cỡ khu vực và thế giới.

*Thứ hai*, trước sự trỗi dậy mạnh mẽ của Trung Quốc và quyết tâm trở lại vị trí cường quốc của Nga, Mỹ đã ý thức được những nguy cơ đe dọa vị trí siêu cường của mình, đặc biệt là những nguy cơ đến từ khu vực châu Á mà trọng tâm là khu vực Đông Á. Sự trỗi dậy của Trung Quốc luôn bị coi là một nguy cơ đối với sự thống trị toàn cầu của Mỹ. Mặc dù Oasinhton nhận thức rõ ràng về khoảng cách sức mạnh với Bắc Kinh, nhưng đà tăng trưởng nhanh chóng của Trung Quốc vẫn khiến họ bất an. Theo các số liệu thống kê của Ngân hàng Thế giới, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Trung Quốc năm 1993 chỉ bằng chưa đầy 7% GDP của Mỹ, nhưng đã lần lượt tăng lên 13%, 36% và 53% vào các năm 2001, 2009 và 2012. Quan trọng hơn, các triển vọng phát triển tương lai của Trung Quốc khá hứa hẹn do Chính phủ Trung Quốc có một chiến lược, thời gian biểu và lộ trình phát triển rõ ràng<sup>1</sup>. Chính vì vậy, Mỹ đã có sự điều chỉnh chính sách và chuyển trọng tâm sang khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

---

1. Chen Jimin: *Double Intentions of Obama's Asia-Pacific Rebalance*. Xem: <http://www.chinausfocus.com/foreign-policy/double-intentions-of-obamas-asia-pacific-rebalance/>

Biểu hiện rõ nét nhất của sự chuyển hướng chiến lược này bắt đầu từ nhiệm kỳ của Tổng thống Obama và Ngoại trưởng Hillary Clinton. Tháng 7-2009, bà Hillary Clinton đã đến dự Diễn đàn Khu vực ASEAN, sau rất nhiều năm vắng bóng người đứng đầu ngành ngoại giao Mỹ. Trong dịp này, Ngoại trưởng Mỹ đã ký Hiệp ước Hợp tác hữu nghị ASEAN, mở đường cho việc Mỹ tham gia sâu vào công việc Đông Á và trở thành thành viên của Hội nghị cấp cao Đông Á năm 2011. Trong chuyến công du châu Á đầu tiên trên cương vị Ngoại trưởng Mỹ, bà Hillary Clinton đã tuyên bố chủ trương “trở lại châu Á” của Mỹ. Đến cuối năm 2010, chính sách “trở lại châu Á” được phát triển dưới tên “tái cân bằng lực lượng” hay còn gọi là “xoay trục”, nhằm chuyển trọng tâm chiến lược của Mỹ từ châu Âu, Trung Đông sang châu Á - Thái Bình Dương. Ngoại trưởng Mỹ Hillary Clinton đã viết như sau trên tạp chí *Foreign Policy*: “Tương lai chính trị sẽ được quyết định tại châu Á, chứ không phải ở Ápganixtan hay ở Iraq và nước Mỹ sẽ đứng ở trung tâm trong các diễn tiến chính trị của khu vực này”<sup>1</sup>. Sự can dự sâu vào cục diện chính trị khu vực Đông Á của Mỹ còn thể hiện qua việc Tổng thống Mỹ đã tiến hành bốn cuộc gặp cấp cao với các nhà lãnh đạo của các quốc gia ASEAN và tham dự hai cuộc gặp Thượng đỉnh Đông Á liên tiếp trong thời gian qua. Chính quyền Obama tin rằng, thông qua một chiến lược kinh tế mạnh mẽ và lâu dài, Mỹ có thể lôi kéo được hàng loạt các quốc gia khác đứng bên họ, qua đó trực tiếp đẩy Trung Quốc vào thế đơn độc trong cuộc chơi ở châu Á - Thái Bình Dương.

Chính quyền trong tương lai do Đảng Cộng hòa kiểm soát không theo đuổi đường lối mà Obama đã chọn - cũng bởi họ cho rằng, Obama đã phạm phải quá nhiều sai lầm - mà thay vào đó là một sự cứng rắn theo đúng phong cách của giới chính trị điều hâu. Theo đó, chính quyền tương lai của Donald Trump<sup>2</sup> tuyên bố sẽ đánh thẳng vào Trung Quốc, hoặc tính đến việc để cho các đồng minh của Mỹ ở châu Á theo đuổi chiến lược an ninh riêng, giảm bớt sự phụ thuộc vào Oasinhton. Quan trọng hơn, với

---

1. Hillary Clinton: “America’s Pacific Century”, *Foreign Policy*, 2011. Xem: <http://foreignpolicy.com/2011/10/11/americas-pacific-century/>

2. Donald Trump đã giành chiến thắng trong cuộc bầu cử Tổng thống ngày 8-11-2016 (BT).

việc tuyên bố “Make America Great Again” (đưa nước Mỹ vĩ đại trở lại), Tổng thống đắc cử Mỹ D. Trump đã củng cố thêm lý luận của chủ nghĩa hiện thực tân cổ điển về chính trị quốc tế rằng, bản thân nước Mỹ cần phải mạnh mẽ trở lại, khi họ đã vĩ đại thì họ sẽ thực hiện bất kỳ điều gì họ muốn; hoặc đơn giản là những đối thủ của họ tự phải rút lui.

*Thứ ba*, Mỹ chưa bao giờ bỏ rơi châu Á - Thái Bình Dương như nhiều người lầm tưởng, cho dù chính sách của chính quyền Obama không mang đến những thay đổi tích cực cho khu vực như mong đợi. Với chủ trương “trở lại châu Á” và thực hiện mục đích duy trì vị trí chủ đạo trong cục diện chính trị Đông Á, Mỹ sẽ có nhiều lợi thế hơn so với các quốc gia khác, vì tại khu vực này, Mỹ có nhiều đồng minh thân cận và nhận được sự ủng hộ của nhiều quốc gia khác.

Tại Đông Á, Mỹ có khá nhiều đồng minh thân cận, có lịch sử hợp tác lâu dài và xây dựng được một niềm tin ổn định. Đồng minh thân cận phải kể tới đầu tiên của Mỹ tại khu vực là Nhật Bản, kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, Nhật Bản thuộc khu vực ảnh hưởng trực tiếp của Mỹ, Chính phủ Mỹ đã xây dựng được mối quan hệ khá bền chặt với Nhật Bản và liên minh an ninh Nhật Bản - Mỹ vẫn được duy trì là “nền tảng” của an ninh Đông Á kể từ Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay. Đồng minh quan trọng tiếp theo phải kể tới đó là Hàn Quốc, kể từ sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, theo thỏa thuận của Hội nghị Yalta, phần phía Nam bán đảo Triều Tiên (Hàn Quốc) thuộc khu vực ảnh hưởng của Mỹ, đặc biệt sau cuộc chiến tranh Triều Tiên (1953) quan hệ Mỹ - Hàn Quốc lại càng trở nên khăng khít hơn bao giờ hết. Hàn Quốc luôn là đồng minh thân cận và quan trọng của Mỹ. Hiện tại, Mỹ có nhiều căn cứ quân sự được đặt trên lãnh thổ Hàn Quốc với quân số lên tới vài chục nghìn lính. Các đồng minh thân cận khác tại châu Á của Mỹ là Philippin, Thái Lan. Điều đáng chú ý là nhiều đồng minh thân cận của Mỹ tại Đông Á như Nhật Bản, Hàn Quốc và Philippin đều có những mâu thuẫn với Trung Quốc (đối thủ chính của Mỹ tại khu vực) trong các vấn đề do lịch sử để lại và do tranh chấp chủ quyền lãnh thổ.

Hai nhà nghiên cứu Michael J. Green và Nicholas Szecheyi (2014) thuộc Trung tâm Nghiên cứu quốc tế và chiến lược (CSIS, Mỹ) đã tiến

hành một khảo sát về “Quyền lực và trật tự tại châu Á” (Power and Order in Asia) dựa trên quan điểm của 402 chuyên gia, chiến lược gia về chính sách đối ngoại tại 11 nước châu Á<sup>1</sup>. Theo đó, 57% cho rằng, sự lãnh đạo của Mỹ vẫn tiếp tục duy trì mạnh mẽ và đây vẫn là đặc điểm chính của quan hệ quốc tế ở Đông Á trong 10 năm tới.

Mỹ đã dẫn dắt quan hệ quốc tế ở Đông Á trong gần nửa thế kỷ qua, và điều đó cũng sẽ được tiếp tục dù cho vị thế của họ bị đe dọa; trừ phi Mỹ chấp nhận rút lui khỏi vai trò đó. Nhưng cũng đã đến lúc, Oasinhton cần phải dành nhiều khoảng trống hơn cho các cường quốc khác trong khu vực Đông Á, bởi tham vọng là vô hạn, còn thực tế thì có giới hạn; Mỹ không thể tự mình cáng đáng toàn bộ các vấn đề lớn của khu vực và thế giới như trước.

### **2.3. Sự trỗi dậy của Trung Quốc và những thách thức đối với Mỹ**

Có thể nói, sự trỗi dậy mạnh mẽ của Trung Quốc trong thập niên đầu thế kỷ XXI đã đưa nước này trở thành một cường quốc tầm cỡ thế giới. Tuy chưa thể cạnh tranh vị trí số 1 thế giới với Mỹ, nhưng Trung Quốc hoàn toàn có đủ khả năng trở thành một siêu cường toàn diện và vượt trội ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương nói chung và Đông Á nói riêng.

Nhà nghiên cứu Trung Quốc Lưu Minh Phúc tin chắc rằng trong thế kỷ XXI, Trung Quốc sẽ là siêu cường dẫn dắt thế giới. Một trong những cơ sở được dẫn ra để minh chứng là luận thuyết “chu kỳ trăm năm” của nhà chính trị học Mỹ George Modelski cho rằng, cứ 100 năm lại xuất hiện một quốc gia lãnh đạo thế giới: Bồ Đào Nha thế kỷ XVI, Hà Lan thế kỷ XVII, Anh thế kỷ XVIII-XIX, Mỹ thế kỷ XX. Ông Lưu khẳng định, thế kỷ XXI thuộc về Trung Quốc<sup>2</sup>.

---

1. Michael J. Green, Nicholas Szechenyi: *Power and Order in Asia*, Lanham: Rowman & Littlefield.

2. Đặng Vương Hạnh: *Khi nào Trung Quốc vượt Mỹ?* Xem: [http://www.tienphong.vn/the-gioi/khi-nao-trung-quoc-vuot-my-653659.tpo#epi\\_web](http://www.tienphong.vn/the-gioi/khi-nao-trung-quoc-vuot-my-653659.tpo#epi_web)

Với những bước phát triển mạnh mẽ trên tất cả các mặt kinh tế, chính trị, ngoại giao, quân sự,... Trung Quốc đã nhanh chóng vươn lên vị thế cường quốc trong khu vực và trên thế giới hiện nay.

*Về kinh tế*, sau hơn ba thập niên cải cách và mở cửa, Trung Quốc đã thu được những thành tựu vô cùng ấn tượng. Năm 1978, GDP của Trung Quốc chỉ gần 21 tỷ USD, tức chiếm khoảng 1% của thế giới, thì đến năm 2007 đã tăng lên là 3.280 tỷ USD, chiếm 5% của thế giới. Trong khoảng năm năm trở lại đây, GDP của Trung Quốc đã tăng nhanh một cách kỷ lục với con số từ 1.500 tỷ USD năm 2004 lên 4.399 tỷ USD vào năm 2008, chiếm tới 5,8% GDP của thế giới, vượt Đức, trở thành quốc gia có nền kinh tế lớn thứ ba thế giới sau Mỹ và Nhật Bản. Đến năm 2009, GDP của Trung Quốc đã chiếm khoảng 9% của thế giới và đến năm 2010 đã vượt qua Nhật Bản, trở thành nước có nền kinh tế lớn thứ hai thế giới, chỉ sau Mỹ.

*Về chính trị - ngoại giao*, sự nổi lên của Trung Quốc với tư cách như một trung tâm kinh tế - chính trị của khu vực châu Á được biểu hiện rõ nét qua sự chủ động tham gia vào các tổ chức đa phương của khu vực và thế giới. Trung Quốc là thành viên sáng lập của “Tổ chức Hợp tác Thượng Hải” (SCO); “Diễn đàn Bắc Ngao” (Boao Forum for Asia); là thành viên trung gian quan trọng của “Đàm phán 6 bên” về vấn đề hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên; cơ chế ASEAN+1, ASEAN+3, Hội nghị Cấp cao Đông Á (EAS); Hợp tác Tiểu vùng sông Mê Công mở rộng (GMS; Hội nghị Cấp cao Đông Bắc Á giữa Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc; Khối BRICS (gồm Braxin, Nga, Ấn Độ, Trung Quốc và Nam Phi), v.v..

*Về quân sự*, với sự phát triển mạnh về kinh tế, việc hiện đại hóa quân sự của Trung Quốc cũng đang được đẩy mạnh một cách nhanh chóng, đưa nước này trở thành một cường quốc quân sự trong khu vực. Theo số liệu từ SIPRI (2016), ngân sách quốc phòng của Trung Quốc đạt mức tăng kỷ lục, lần lượt qua các giai đoạn, chi tiêu quốc phòng tăng từ 12,4 tỷ USD (1992) lên 32,1 tỷ USD (2002), đến 86,4 tỷ USD (2008) và năm 2015 là 214,7 tỷ USD; tức từ năm 1992 đến 2015, Bắc Kinh đã tăng gấp hơn 17 lần cho chi tiêu quốc phòng, trong đó tăng mạnh nhất khoảng từ năm 2009 đến 2015.



Với sự đầu tư mạnh mẽ này, Trung Quốc đang tiến hành đổi mới công nghệ quân sự, mua sắm vũ khí hiện đại, đầu tư cho nghiên cứu chế tạo các loại vũ khí, v.v.. Hiện nay, Trung Quốc đã làm chủ trong việc chế tạo các loại vũ khí, khí tài hiện đại như máy bay chiến đấu đa năng Sukhoi (Su-27, Su-30 và Su-34), hệ thống tên lửa phòng không S300 và đóng tàu sân bay. Những bước tiến dài về công nghệ quốc phòng và vũ trụ của Trung Quốc trong những năm gần đây như: phóng thành công tàu Thần Châu 6, đưa người vào vũ trụ lần hai vào năm 2006, thử nghiệm tên lửa bắn hạ vệ tinh và phóng phi thuyền không gian “Hằng Nga” lên mặt trăng năm 2007, phóng thành công tàu “Thần Châu 7”...

Với những thế mạnh đó, không thể phủ nhận một sự thật rằng, Trung Quốc đang và sẽ là một cường quốc trong khu vực. Việc Trung Quốc đang vươn mình mạnh mẽ và sẽ trở thành một nhân tố chủ đạo của cục diện chính trị Đông Á trong thời gian tới, hội tụ đủ cả ba yếu tố theo cách suy luận truyền thống của họ, đó là: thiên thời, địa lợi, nhân hòa.

*Về thiên thời*, sự suy giảm sức mạnh tương đối của Mỹ và Nhật Bản là thời cơ vô cùng thuận lợi để Trung Quốc vươn lên thay thế Nhật Bản để làm đầu tàu về kinh tế ở Đông Á và có thể gạt Mỹ ra để giữ vai trò chủ đạo trong cục diện chính trị Đông Á. Đây chính là thời cơ thuận lợi hiếm có để Trung Quốc có thể từng bước “đánh bại” Nhật Bản và Mỹ để leo lên vị trí siêu cường, trước hết là ở khu vực Đông Á và sau đó là trên phạm vi toàn cầu.

*Về địa lợi*, xét trong phạm vi khu vực, Trung Quốc là nước có diện tích rộng lớn nhất, nằm ở trung tâm khu vực Đông Á, có đường biên giới chung với rất nhiều nước láng giềng Đông Á. Yếu tố này đã tạo ra lợi thế về địa - chính trị rất to lớn cho Trung Quốc, tạo thuận lợi phát triển các mối quan hệ kinh tế, chính trị và giao lưu văn hóa giữa Trung Quốc với các nước trong khu vực.

*Về nhân hòa*, với những thế mạnh đang lên về kinh tế, chính trị, ngoại giao, Trung Quốc đã không ngừng quảng bá “hình ảnh”, “sự thành công” và “mô hình Trung Quốc” ra khắp thế giới, sử dụng sức mạnh mềm để nâng cao uy tín cũng như tăng sức hấp dẫn trên trường quốc tế

và đã thu được nhiều thành công to lớn, đặc biệt là trong việc phát triển quan hệ với các nước trong khu vực Đông Nam Á: xây dựng Đối tác chiến lược với ASEAN, CAFTA, GMS, các hành lang kinh tế, “một trục hai cánh”, v.v..

Như Fareed Zakaria mô tả, lịch sử loài người đã chứng kiến một cuộc cách mạng công nghiệp có tác động rất lớn tới hoạt động sản xuất, đưa con người bước vào thời kỳ công nghiệp rồi hậu công nghiệp với những tiến bộ mạnh mẽ. Ở thời kỳ phát triển đỉnh cao của nó, Vương quốc Anh - nước khởi đầu cuộc cách mạng công nghiệp - đã được coi là “*công xưởng của thế giới*”. Nhưng giờ đây, Trung Quốc đã soán ngôi vị này của Anh, hàng hóa Trung Quốc đang tràn ngập trên thế giới. Ông Eswar Prasad, một thành viên cao cấp tại Viện Brookings và từng đứng đầu Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) tại Trung Quốc nhận định: Trung Quốc vươn lên như một đầu tàu của kinh tế châu Á “là một dấu hiệu của vai trò ngày càng thống trị của mình trong nền kinh tế toàn cầu”. Thậm chí, Tập đoàn The Goldman Sachs dự đoán rằng, nếu duy trì được tốc độ tăng trưởng và quy mô nền kinh tế như hiện nay thì Trung Quốc sẽ vượt Mỹ vào năm 2027. Jeffrey Sachs, nhà kinh tế xuất sắc nhất thế giới hiện nay, Giám đốc Viện Trái đất thuộc Đại học Columbia và là cố vấn của Tổng thư ký Liên hợp quốc Ban Ki Moon, đã nói về Trung Quốc như sau: “Trung Quốc chính là câu chuyện phát triển thành công nhất trong lịch sử thế giới”<sup>1</sup>.

Cũng theo báo cáo của Michael J. Green và Nicholas Szecheyi (2014), có tới 53% chuyên gia và chiến lược gia về chính sách đối ngoại tin rằng, quyền lực ở châu Á sẽ chuyển dịch về phía Trung Quốc trong 10 năm tới. Dĩ nhiên, dự báo này dựa trên một chứng cứ khá phổ biến là Trung Quốc có ảnh hưởng tích cực tới sự phát triển kinh tế khu vực châu Á (79%), trong khi cũng có tới 61% nhận định quốc gia này có tác động xấu đến an ninh khu vực.

---

1. Fareed Zakaria: *Thế giới hậu Mỹ*, Sđd, tr.120.

**Bảng 7: Liệu thế kỷ XXI có là thế kỷ của Trung Quốc?<sup>1</sup>**

<b>Đồng ý và lập luận chính</b>	<b>Phản bác và lập luận chính</b>
<b><i>Niall Ferguson và David Li</i></b>	<b><i>Henry Kissinger và Fareed Zakaria</i></b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung Quốc là nước lớn: nền kinh tế lớn nhất thế giới, diện tích rộng lớn, dân cư đông đúc.</li> <li>- Sắp đuổi kịp các nước tiên tiến về sáng tạo, giáo dục.</li> <li>- Mỹ và châu Âu ngày càng đi xuống.</li> <li>- Sự trỗi dậy của Trung Quốc mang lại hy vọng cho các nước nghèo.</li> <li>- Trung Quốc là một mô hình (các thể chế kinh tế và xã hội) thay thế và khác với mô hình của phương Tây và Mỹ.</li> <li>- Trung Quốc sẽ tìm kiếm hòa bình và hợp tác.</li> <li>- Sự hồi sinh của một nền văn minh vĩ đại và một ảnh hưởng quốc tế tích cực.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kinh tế: Trung Quốc sẽ phát triển chậm lại (tương tự Nhật Bản).</li> <li>- Chính trị: Không đủ khả năng về chính trị để lãnh đạo thế giới.</li> <li>- Địa - chính trị: phản ứng từ các cường quốc châu Á khác.</li> <li>- Trung Quốc có rất nhiều vấn đề nội bộ, môi trường phát triển mà họ phải lưu tâm.</li> <li>- Các nước khác sẽ đoàn kết để chống lại tham vọng bá quyền của Trung Quốc.</li> </ul>

Vẫn còn quá sớm để khẳng định về sự thống trị của Trung Quốc ở Đông Á, nhưng đã đến lúc chuẩn bị cho điều đó bởi Trung Quốc đang ngày càng đóng vai trò không thể thay thế trong sự vận động của nền chính trị Đông Á. Chúng ta, hay các quốc gia khác ở châu Á có chấp nhận điều đó hay không thì cũng đều phải thừa nhận một thực tế rằng, Trung Quốc là một cường quốc châu Á và các nước châu Á không thể không nhắc đến Bắc Kinh nếu muốn tham gia vào đời sống chính trị quốc tế, dù mức độ quan hệ với Bắc Kinh sẽ khác nhau.

---

1. Munk Debates: *Will the 21<sup>st</sup> Century Belong to China?*  
<http://www.munkdebates.com/debates/china>. Tham khảo bản dịch tiếng Việt của Kim Minh tại <http://nghienquubiendong.vn/nghien-cuu-trung-quoc/3888-lieu-the-ky-21-co-thuoc-ve-trung-quoc>.

## **2.4. ASEAN hướng đến sự cân bằng ở Đông Á**

Cộng đồng ASEAN không chỉ là niềm hy vọng duy nhất của Đông Á hiện nay mà còn là một dấu hỏi lớn cho nền chính trị Đông Á: liệu có thể có một liên minh, tương tự EU, trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương không? Bởi đó là chất xúc tác cần thiết cho sự hợp tác khu vực, là công cụ cần thiết cho an ninh và hòa bình ở Đông Nam Á và cho Đông Á trong tương lai nếu ASEAN có thể mở rộng thành viên và chấp nhận sự lãnh đạo của Trung Quốc hoặc Nhật Bản. Nhưng giờ là thời điểm Cộng đồng ASEAN phải định vị lại mình trước sự cạnh tranh giữa các cường quốc trong và ngoài khu vực để tránh trở thành một nhân tố (quân xanh) trong cuộc chơi nước lớn.

Sheldon W. Simon đánh giá, Đông Nam Á không có cường quốc nào đạt tầm vóc toàn cầu, có phần lu mờ so với Đông Bắc Á (nơi có các nền kinh tế hàng đầu như Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Đài Loan), nhưng khu vực này lại là nơi ra đời của hầu hết các tổ chức khu vực của châu Á và được quyết định bởi các quốc gia Đông Nam Á. Song Simon cũng không quên nhắc nhở về “con đường gập ghềnh” phía trước mà ASEAN phải đối mặt<sup>1</sup>.

Chúng ta hoàn toàn có thể tin tưởng rằng, vị thế của ASEAN sẽ được củng cố nhờ vào sự phụ thuộc lẫn nhau và tính thể chế hóa ngày càng tăng đang là xu hướng chính của nền chính trị toàn cầu. Đó là tiền đề của chủ nghĩa đa phương khu vực mới mà ASEAN là trung tâm. Đồng thời, trong cục diện chính trị khu vực Đông Á hiện nay có thể thấy, Trung Quốc hay Nhật Bản vẫn chưa thể bắt tay nhau hay nước nào trong hai nước này nhìn hơn để lãnh đạo cục diện chính trị khu vực khi những mâu thuẫn về lịch sử, lãnh thổ..., giữa hai nước lớn này vẫn còn quá gay gắt. Một ASEAN giữ vai trò cầu nối, trung gian, thậm chí là trung tâm chèo lái bố cục, diện mạo chính trị khu vực để xảy ra trong thời gian tới, bởi ASEAN là tổ chức được tập hợp từ các nước vừa và nhỏ nên sức mạnh và cách thể

---

1. Sheldon W. Simon: “ASEAN and Multilateralism: The Long, Bumpy Road to Community”, *Contemporary Southeast Asia*, vol.30, No.2 (8-2008), pp. 264-292.

hiện của nó sẽ tránh rơi vào tình trạng lạm quyền hơn hẳn so với hai quốc gia “bá quyền” khu vực như Trung Quốc, Nhật Bản. Hơn nữa, với sức mạnh hiện tại của ASEAN, khi các cường quốc trong khu vực như Trung Quốc, Nhật Bản và ngoài khu vực như Mỹ, Nga, phải chọn một chủ thể lãnh đạo khu vực Đông Á thì ASEAN quả thực là sự lựa chọn sáng giá vì chắc chắn tổ chức này sẽ ít gây tổn hại lợi ích cho họ hơn các cường quốc còn lại trong mỗi vấn đề an ninh, chính trị khu vực nói riêng và thế giới nói chung.

ASEAN tồn tại và phát triển cũng chính nhờ những cố gắng cân bằng các quốc gia Đông Nam Á mà tổ chức này đã làm tốt trước khi bước vào thế kỷ XXI. Trong bối cảnh xung đột Biển Đông hiện nay, tình thế đó đang lặp lại. Campuchia đang phá vỡ sự cân bằng trong ASEAN. Song song với đó, cân bằng ảnh hưởng trước các cường quốc bên ngoài cũng là việc mà ASEAN hướng đến trong tương lai. Trong một khu vực đang biến đổi, những áp lực này càng đòi hỏi các nước ASEAN cố kết và đồng thuận với nhau nhiều hơn, không chỉ trong những tuyên bố, mà còn trong hành động thực tế.

## **2.5. Cục diện khu vực vẫn còn nhiều yếu tố bất ổn**

Như đã đề cập ở phần trên, Mỹ và Trung Quốc là hai chủ thể chính, hai “kỳ phùng địch thủ” của nhau trong cục diện chính trị khu vực. Hơn thế nữa, ở tầm cỡ thế giới và trong một tương lai không xa, Mỹ và Trung Quốc sẽ tiếp tục đối mặt và cạnh tranh với nhau trên phạm vi toàn cầu. Điều này đặt ra những câu hỏi: Liệu Mỹ và Trung Quốc có chịu ngồi yên nhìn đối thủ của mình “lộng hành” không? Trung Quốc có “trỗi dậy hòa bình” như họ tuyên bố không? Câu trả lời rất có thể là “không” và như vậy là một sự xung đột quyền lực lớn sẽ xảy ra vì những lý do sau đây:

*Thứ nhất*, về phía Mỹ. Kể từ sau *Chiến tranh thế giới thứ hai*, Mỹ đã chính thức nổi lên và trở thành một trong hai siêu cường của thế giới (trật tự hai cực Yalta). Đặc biệt kể từ khi Liên Xô sụp đổ cho đến nay, Mỹ đã ung dung trên chiếc ghế siêu cường số 1 của thế giới. Người Mỹ luôn tự hào và coi mình là “người lãnh đạo” của thế giới và chắc chắn sẽ không dễ dàng từ bỏ địa vị đó. Ngoại trưởng Mỹ Hillary Clinton cũng

tuyên bố “Mỹ có khả năng, cần và sẽ phải giữ vai trò lãnh đạo toàn cầu trong thế kỷ mới. Bản chất phức tạp của các quan hệ trong thế giới ngày nay định hình vai trò quan trọng mới cho nước Mỹ. Đây là kỷ nguyên mà vai trò lãnh đạo toàn cầu của chúng ta là tối quan trọng”<sup>1</sup>. Vì vậy, trước sự trỗi dậy mạnh mẽ của Trung Quốc thì Mỹ đã thực sự nhận ra nguy cơ đe dọa vị trí số 1 của mình lớn tới mức nào. Tham vọng của Trung Quốc không chỉ dừng lại ở phạm vi khu vực. Nếu Mỹ không ngăn chặn được Trung Quốc vươn lên vai trò chủ đạo trong cục diện chính trị khu vực thì cũng đồng nghĩa với việc họ có thể không ngăn chặn được nước này “soán ngôi” của mình trên phạm vi toàn cầu. John J. Mearsheimer đã nhận xét rằng: “Liệu Trung Quốc có đi đến vị trí đại cường bằng con đường hòa bình không? Kết luận của tôi là: không, không thể. Sau khi trở thành bá quyền khu vực, Mỹ đã tích cực cản trở sự xuất hiện của các đối thủ mạnh ở các nơi khác. Họ đã hành xử như vậy đối với cả Đức, Liên Xô và Nhật Bản. Mỹ không muốn có một quốc gia mạnh từ khu vực khác ngay sát sườn họ, đó chính là bản chất của Học thuyết Monroe. Nếu như ai đó vẫn dám thách thức chúng ta, chúng ta sẽ đánh đuổi nó đi và đối với Trung Quốc cũng sẽ như vậy”<sup>2</sup>. Tất cả các lý do trên có thể dẫn tới khả năng Mỹ sẽ sử dụng mọi cách (kể cả khả năng can thiệp, xung đột quân sự qua các điểm nóng như: Đài Loan, Triều Tiên, Biển Đông,...) để chống lại mối đe dọa đến từ Trung Quốc. Theo Mearsheimer, Mỹ “sẽ tìm cách ngăn chặn để cuối cùng làm cho Trung Quốc suy yếu đến mức nước này không còn khả năng thống trị châu Á ... [đối xử] với Trung Quốc theo cách Mỹ đã từng đối xử với Liên Xô trong thời kỳ Chiến tranh lạnh”<sup>3</sup>.

*Thứ hai, về phía Trung Quốc, họ có một câu ngạn ngữ: “một núi không thể có hai hổ”. Đứng đầu thế giới là giấc mơ “trăm năm” của*

---

1. Xem Người đưa tin: *Bệnh “nổ” của giới lãnh đạo Mỹ*. <http://m.nguoiduatin.vn/benh-no-cua-gioi-lanh-dao-my-a66846.html>

2. Xem Reds.vn: *Chiến tranh Trung - Mỹ tất yếu xảy ra*. <http://reds.vn/index.php/thoi-su/quan-su/6032-chien-tranh-my-trung-quoc-tat-yeu-xay-ra>

3. Mark Blyth (Chủ biên): *Cảm nang kinh tế chính trị quốc tế: Kinh tế chính trị quốc tế với tư cách là cuộc đối thoại mang tính toàn cầu*, Sđd, tr.260.

Trung Quốc. Giấc mơ này tập trung biểu hiện qua lý tưởng phấn đấu của ba nhân vật là Tôn Trung Sơn, Mao Trạch Đông và Đặng Tiểu Bình. Tôn Trung Sơn là người tiên phong của cuộc cách mạng dân chủ ở Trung Quốc; Mao Trạch Đông là người sáng tạo ra Trung Quốc mới; Đặng Tiểu Bình là nhà thiết kế cải cách mở cửa. Đặc trưng trong chiến lược chung của ba nhân vật vĩ đại này là: trong mục tiêu quốc gia lớn của Trung Quốc, họ đều là những người theo đuổi chủ nghĩa “*đứng đầu thế giới*” và các thể hệ lãnh đạo tiếp theo của Trung Quốc vẫn luôn kế tục và phát huy mục tiêu này: lãnh đạo Hồ Cẩm Đào đưa ra mục tiêu “*trỗi dậy hòa bình*”, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa Tập Cận Bình đưa ra “*giấc mơ Trung Hoa*” và “*phục hưng Trung Quốc*”<sup>1</sup>. Với tham vọng to lớn đó nhưng lại gặp phải sự cản trở của người Mỹ, Trung Quốc chắc chắn sẽ không chịu ngồi im để nhìn ước mơ của mình tan vỡ. Và cũng tương tự như đối với Mỹ, nếu Trung Quốc không thể “*đánh bại*” Mỹ ở khu vực Đông Á thì cũng đồng nghĩa với việc họ có thể thất bại trong ước mơ đứng đầu thế giới. Rõ ràng, để thực hiện tham vọng bá quyền của mình, tiến tới “*ăn thua với Mỹ*” để trở thành siêu cường thế giới, Trung Quốc cũng hiểu rằng Mỹ sẽ không ngồi yên để họ làm mưa làm gió, để vươn lên vị trí chủ chốt trong cục diện chính trị khu vực. Điều này tạo ra một cuộc cạnh tranh đầy bất trắc và nguy hiểm cho cả Mỹ và Trung Quốc trong cuộc chạy đua quyền lực tại Đông Á.

*Thứ ba*, trong lịch sử loài người chưa hề có một sự “*hòa hợp*” thực sự giữa các quốc gia, trong quan hệ quốc tế thì lợi ích quốc gia là tối cao và cũng hiếm thấy có sự “*thay đổi triều đại*” nào mà không đổ máu. Trong tương lai, với sự trỗi dậy ngày càng mạnh mẽ của Trung Quốc, mâu thuẫn giữa Trung Quốc và Mỹ sẽ ngày càng đẩy lên cao và sự cạnh tranh, đối đầu sẽ ngày một gay gắt và rất có thể sẽ xảy ra một xung đột thực sự về mọi mặt giữa hai quốc gia này.

---

1. Vũ Hiền: *Giải mã giấc mơ phục hưng Trung Quốc của ông Tập Cận Bình*. Xem: <http://southchinastudies.org/tin-quoc-te-tong-hop/3395-giai-ma-giac-mo-phuc-hung-trung-quoc>.

### 3. Tác động của cục diện chính trị Đông Á đối với Việt Nam

Là một quốc gia ở khu vực Đông Á với nhiều lợi ích đa diện và mối liên hệ gắn bó, Việt Nam không thể không chịu sự chi phối từ khu vực, nhất là khi Việt Nam đang chủ trương tăng cường quan hệ đối ngoại và thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế. Để thực hiện chủ trương này, Việt Nam phải đồng thời cải cách ở trong nước và mở cửa hội nhập vào hệ thống quốc tế. Quá trình này buộc chúng ta phải đối mặt với ngày càng nhiều tác động từ bên ngoài, trong đó, các tác động từ khu vực Đông Á có một vai trò đặc biệt quan trọng. Đây không chỉ là môi trường trực tiếp của Việt Nam, nơi chứa đựng những lợi ích cơ bản của Việt Nam mà còn là khu vực có vị trí quan trọng trong hệ thống quan hệ đối ngoại và là đầu cầu đi ra thế giới của Việt Nam. Rõ ràng sự gia tăng can dự, hợp tác và cạnh tranh giữa các nước lớn ở Đông Nam Á nói riêng và Đông Á nói chung, trong đó có Việt Nam đã và đang tạo ra cơ hội thuận lợi hơn cho Việt Nam trong việc theo đuổi chính sách độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa hay “đa cửa”, “đa đối tác” trong quan hệ quốc tế nhằm khai thác tối đa nguồn tài nguyên địa chính trị và nguồn lực bên ngoài cho thúc đẩy tái cấu trúc nền kinh tế, hội nhập có hiệu quả hơn vào hệ thống toàn cầu và tăng sức đề kháng dân tộc trong việc bảo vệ chủ quyền biển đảo, an ninh kinh tế và đặc biệt là thúc đẩy quan hệ đối tác với các nước, đặc biệt với Mỹ lên tầm cao mới<sup>1</sup>.

Trước quá trình vận động của cục diện chính trị khu vực Đông Á như đã trình bày ở các nội dung trên, vì mục tiêu cao nhất là bảo vệ và phát triển lợi ích quốc gia trong tiến trình hội nhập quốc tế, Việt Nam cần có những phương hướng, đối sách cụ thể.

*Một là, cần có nhận thức đúng đắn về cục diện chính trị khu vực và thế giới.*

Dù cục diện chính trị Đông Á có biến chuyển như thế nào thì Việt Nam cũng ngày càng gắn bó nhiều hơn với khu vực. Điều này khác với thời kỳ Chiến tranh lạnh khi Việt Nam liên kết chặt chẽ với các nước xã hội chủ nghĩa ngoài châu Á hơn là trong khu vực. Sự chuyển hướng này

---

1. Xem Trần Khánh (Chủ biên): *Hợp tác và cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á ba thập niên đầu sau Chiến tranh Lạnh*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2014, tr.280.



của Việt Nam được quy định bởi sự thay đổi trật tự quyền lực sau Chiến tranh lạnh, bởi xu thế phát triển của thế giới và khu vực, bởi sự phụ thuộc lẫn nhau ngày càng tăng trong khu vực... Nói cách khác, Việt Nam ngày càng bị “cuốn” vào khu vực một cách vừa bị động, vừa chủ động. Bên cạnh đó, trong bất luận cục diện nào, sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia trong khu vực ngày càng sâu sắc.

Trước sự thay đổi của cục diện chính trị khu vực và thế giới, từ giữa những năm 1980, chính sách đối ngoại của Việt Nam đã có những thay đổi căn bản. Sự thay đổi quan trọng nhất trong đường lối đối ngoại của Việt Nam là nhấn mạnh đến lợi ích dân tộc và quốc gia. Một trong những sự kiện quan trọng là Đại hội lần thứ VII của Đảng diễn ra vào tháng 6-1991. Tại Đại hội này, Việt Nam tuyên bố muốn làm bạn với tất cả các nước. Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000 mà Đại hội VII của Đảng thông qua đã khẳng định Việt Nam sẽ tiến hành đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ kinh tế với tất cả các nước và các tổ chức kinh tế. Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX (2001) của Đảng thì Việt Nam đã khẳng định khẩu hiệu của Việt Nam trong giai đoạn này là “Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển”<sup>1</sup>. Tiếp tục phát huy tinh thần đó, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Đảng ta xác định: “... thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa dạng hóa, đa phương hóa trong quan hệ đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế,...”<sup>2</sup>. Về mặt đối nội, hơn lúc nào hết, Việt Nam cần phát huy tối đa nội lực, giữ vững độc lập, tự chủ, định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc, an ninh quốc gia và bản sắc văn hóa dân tộc.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập (Đại hội VI, VII, VIII, IX, X, XI)*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2013, tr. 479.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, tr. 34-35.

*Hai là, Việt Nam cần khai thác một cách có hiệu quả lợi thế địa - chính trị của mình nhằm tạo ra nhiều cơ hội để phát triển đất nước, cũng như nâng cao vị thế của quốc gia trong khu vực và thế giới.*

Với vị trí địa lý nằm tiếp giáp với Trung Quốc, lại nằm trên các trục đường huyết mạch của quốc tế nên Việt Nam sẽ nằm trong tầm ngắm của cuộc chạy đua giành ưu thế địa - chính trị giữa Mỹ - Trung Quốc - Nhật Bản. Trong một, hai thập niên tiếp theo, sự tranh giành quyền lực Mỹ - Trung Quốc ở quy mô toàn cầu và cuộc tranh giành vị thế lãnh đạo ở Đông Á giữa Trung Quốc và Nhật Bản sẽ làm cho mâu thuẫn giữa các nước ngày càng gia tăng. Chiều hướng này không trái với xu hướng hòa hoãn, thỏa hiệp và tránh xung đột giữa các nước lớn, mà nó phản ánh tính quy luật tất yếu của xu thế vừa hợp tác, vừa cạnh tranh trong thời đại toàn cầu hóa và hội nhập ngày càng sâu sắc của thế giới hiện nay. Ngược lại, sự tranh chấp giữa các nước lớn trong khu vực sẽ đẩy Việt Nam vào thế phải đón nhận hậu quả từ những ganh đua này và như vậy, chẳng những không tạo được môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế trong nước, mà còn biến Việt Nam trở thành một điểm nóng mới bởi xung đột lợi ích của các cường quốc. Đây cũng là bài học được hình thành từ trong lịch sử. Trong các cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc trước đây, Việt Nam đã xử lý thành công quan hệ của mình với các nước lớn, do đó Việt Nam không phải cùng lúc đối phó với nhiều thế lực nước lớn. Trong bối cảnh Trung Quốc gia tăng áp lực, cứng rắn áp đặt chủ quyền của họ ở Biển Đông, thì sự gia tăng can dự của Mỹ, cả về quân sự, ngoại giao và pháp lý liên quan đến vùng biển này sẽ góp phần hạn chế hành động leo thang của Trung Quốc. Điều này có lợi cho Việt Nam trong việc đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo, nhất là tranh thủ sự ủng hộ từ phía Mỹ và các nước khác<sup>1</sup>.

Những năm gần đây, “khi thế giới không còn tình trạng bị phân tuyến một cách sâu sắc theo ý thức hệ và đối đầu như thời Chiến tranh lạnh, thì việc xác lập sự cân bằng trong quan hệ với các nước lớn trở thành một đối sách thích hợp giúp Việt Nam thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và phát

---

1. Xem Trần Khánh (chủ biên): *Hợp tác và cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á ba thập niên đầu sau Chiến tranh Lạnh*, Sđd, tr.281.

triển đất nước”<sup>1</sup>. Việc xử lý khôn khéo quan hệ với các nước lớn trong khu vực như Trung Quốc, Nhật Bản, Nga và cả Mỹ sẽ tạo được vị thế của Việt Nam trong tương quan lực lượng khu vực và trên thế giới; tránh việc Việt Nam bị đẩy vào tình thế đối đầu quân sự với các nước này sẽ góp phần quan trọng vào việc duy trì môi trường hòa bình, ổn định để phát triển kinh tế, xây dựng đất nước.

*Ba là, Việt Nam cần theo đuổi chính sách “cân bằng chiến lược” giữa các nước lớn.*

Trong cục diện chính trị Đông Á, Việt Nam cần duy trì quan hệ với các nước lớn trong khu vực. Việt Nam cần tăng cường quan hệ với Mỹ, Trung Quốc, Nga, Nhật Bản, các cường quốc khu vực khác như Ấn Độ trong khi vẫn tiếp tục kiên trì thiết lập quan hệ ngoại giao toàn diện với Liên minh châu Âu. Đương nhiên, để tạo được thế chủ động trong việc đàm phán xây dựng quan hệ đối tác với các cường quốc này, Việt Nam cần phải chứng tỏ được tầm quan trọng của mình đối với khu vực. Tự lực, tự cường là con đường duy nhất để cải thiện vị thế quốc tế của Việt Nam trong trật tự quyền lực này. Đẩy nhanh tốc độ phát triển, nâng cao sức mạnh tổng hợp của quốc gia, chủ động hội nhập quốc tế là phương hướng chiến lược lâu dài và cơ bản để tạo khả năng đứng vững của đất nước trước những biến động của thời cuộc. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng cần góp phần tích cực cùng với các nước ASEAN tạo lập một cộng đồng có sức mạnh thật sự nhằm tạo thế cân bằng trong quan hệ giữa các nước lớn. *Một là*, sau Chiến tranh lạnh, các nước lớn vẫn có thể tranh giành lẫn nhau quyền lãnh đạo khu vực, từ đó ảnh hưởng đến an ninh khu vực. *Hai là*, vị trí địa lý đặc thù đã khiến Việt Nam khó thoát khỏi ảnh hưởng của các nước lớn ngoài khu vực, không gian chiến lược của Việt Nam không thể tránh khỏi bị thu hẹp. *Ba là*, sự phát triển của toàn cầu hóa đã khiến bất cứ quốc gia hoặc dân tộc nào cũng đều không thể né tránh ảnh hưởng của tiến trình này. Để phát triển kinh tế, một quốc gia không thể tránh khỏi quá trình hòa nhập cộng đồng quốc tế và phải tuân thủ rất nhiều quy tắc quốc tế. *Bốn là*, cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ

---

1. PGS.TS. Nguyễn Hoàng Giáp: “Phát triển quan hệ với các nước lớn trong chính sách đối ngoại đổi mới của Đảng và Nhà nước ta”, Tạp chí *Nghiên cứu Quốc tế* (2), tr.34.

châu Á năm 1997 và cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu năm 2008 đã khiến Việt Nam gặp khó khăn nhất định về kinh tế.

Trong thời kỳ vừa hợp tác, vừa cạnh tranh, kinh nghiệm trong lịch sử quan hệ quốc tế cho thấy, giải pháp cân bằng giữa các thế lực luôn đem lại kết quả tối ưu dù phải có những nhân nhượng nhất định. Có như vậy mới có thể hội nhập quốc tế một cách hiệu quả và bảo vệ thành công lợi ích quốc gia vì vấn đề cơ bản và chủ yếu nhất hiện nay chính là bảo vệ và phát triển lợi ích quốc gia trong tiến trình hội nhập quốc tế.

“Phải tiếp tục làm cho toàn quân, toàn dân nhận thức đầy đủ hơn về mục tiêu, nhiệm vụ quốc phòng, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong điều kiện mới”<sup>1</sup>.

Đông Á là một khu vực phát triển kinh tế năng động bậc nhất trên thế giới hiện nay và cũng là khu vực hội tụ hầu hết các “ông lớn” của nền kinh tế - chính trị thế giới, chính vì vậy, trong tương lai đây sẽ là nơi diễn ra sự cạnh tranh giữa các chủ thể, tiếp tục làm cho cục diện chính trị ở khu vực này trở nên phức tạp và khó dự báo chính xác. Những thách thức và cơ hội của cục diện chính trị khu vực Đông Á những năm đầu thế kỷ XXI đang tác động sâu sắc, thường xuyên đến Việt Nam. Tuy nhiên, có thể nói do những nỗ lực chủ quan trong gần 30 năm đổi mới, Việt Nam đang ở vị thế ngàn năm có một, cho phép tận dụng tốt nhất cơ hội mới và đối mặt có hiệu quả nhất với mọi thách thức - điều kiện tiên quyết là Việt Nam phải ý thức được sự vận động đang diễn ra của thế giới và có những nỗ lực lớn nhất dựa vào sự đồng thuận dân tộc lớn nhất để khai thác sự vận động này. Tất cả nhằm mục tiêu: hòa bình, hợp tác và phát triển để phát huy vị thế toàn diện của Việt Nam trong khu vực Đông Á và cộng đồng quốc tế. Hơn nữa, do là nơi đan xen đa chiều các mối quan hệ kinh tế, chính trị..., nhạy cảm của thời đại, nên sự tác động của các quá trình quốc tế và khu vực đối với Việt Nam lại càng trở nên mạnh mẽ và đa dạng, do vậy, Việt Nam cần tranh thủ và

---

1. Lê Minh Hiếu, Dương Danh Huy: *Việt Nam trước chủ trương của Trung Quốc đối với Biển Đông*, <http://tuankvietnam.net/2009-01-11-viet-nam-truoc-chu-truong-cua-trung-quoc-doi-voi-bien-dong>.

khai thác tối đa lợi thế địa - chính trị của mình, thúc đẩy nhanh việc triển khai chiến lược biển, theo đuổi chính sách “cân bằng quyền lực”, cùng hợp tác với các quốc gia, các tổ chức khu vực và quốc tế trong việc giải quyết các vấn đề khu vực..., coi đó như một phương tiện bổ sung, tất cả đều vì lợi ích sống còn của dân tộc. Nghiên cứu cục diện chính trị khu vực Đông Á cũng chính là tìm hiểu cách thức ứng xử mà mỗi chủ thể sẽ thể hiện khi tham gia vào quan hệ quốc tế, có nghĩa rằng, các chủ thể phụ sẽ dựa vào cục diện chính trị khu vực để lựa chọn chính sách đối ngoại phù hợp.

Việt Nam đang trong công cuộc đổi mới, trước bối cảnh mới của khu vực, “*nhiều vấn đề mới, yêu cầu mới, cao hơn, phức tạp hơn đang và sẽ đặt ra đối với sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân ta phải có quyết tâm chính trị cao và nỗ lực phấn đấu mạnh mẽ hơn, tận dụng được thời cơ, vượt qua khó khăn, thử thách, chuyển thách thức thành thời cơ để tiếp tục đưa đất nước phát triển và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa*”<sup>1</sup>.

---

1. Đinh Thế Huynh (chủ biên): *30 năm đổi mới và phát triển ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2015, tr.360.

## KẾT LUẬN

*Quá trình vận động của cục diện chính trị Đông Á giai đoạn 1991-2016* đề cập một số vấn đề chính sau đây:

1. “Cục diện” là bố cục, diện mạo thường đi cùng với từ “chính trị”, “thế giới”, “khu vực”, là tình hình cụ thể thể hiện trật tự, sự phân bố quyền lực trong một giai đoạn nhất định. Trong cục diện đó (cục diện thế giới, cục diện khu vực), các nước lớn, các tổ chức đa phương giữ vị trí, vai trò vô cùng quan trọng.

“Cục diện chính trị khu vực” là kết cấu các quan hệ chính trị quốc tế, tương tác quyền lực của các chủ thể chính trị của khu vực có ảnh hưởng lớn đến khu vực trong quá trình phát triển, từ đó tạo thành các xu hướng, mô hình hợp tác chủ yếu của khu vực. Cục diện chính trị luôn tác động đến cục diện kinh tế của khu vực và ngược lại. Cục diện chính trị khu vực thường bị tác động, ảnh hưởng bởi các yếu tố như: i) Sự đấu tranh của các chủ thể chủ chốt trong khu vực. ii) Sự thay đổi cán cân quyền lực thế giới. iii) Các xu thế chủ yếu của thế giới đương đại. iv) Cách mạng khoa học kỹ thuật và tác động của toàn cầu hóa.

Tóm lại, cục diện chính trị khu vực được tạo nên bởi sức mạnh của các nước lớn thông qua chính sách của họ đối với khu vực và nếu như các nước lớn tạo nên bố cục thì các cơ chế đa phương và các vấn đề chung của khu vực sẽ tạo ra diện mạo của khu vực vào những thời điểm, giai đoạn nhất định.

2. Cục diện chính trị khu vực Đông Á giai đoạn 1991-2016 được chia thành ba giai đoạn chính:

*Giai đoạn thứ nhất (từ năm 1991 đến 2001):* Giai đoạn này bắt đầu sau khi Liên Xô chính thức sụp đổ vào năm 1991, đánh dấu sự chấm dứt của “Chiến tranh lạnh” và trật tự thế giới hai cực. Sự kiện Liên Xô sụp đổ là một dấu mốc quan trọng đối với lịch sử chính trị thế giới. Tại Đông Á,

cục diện chính trị cũng có sự thay đổi đáng kể từ sau Chiến tranh lạnh dưới tác động của các chủ thể chính trong khu vực. Trung Quốc và Nhật Bản tìm cách lấp đầy “khoảng trống quyền lực” do Mỹ và Nga rút khỏi khu vực. ASEAN - cơ chế hợp tác đa phương của các nước vừa và nhỏ trong khu vực đang dần hiện lên với vai trò ngày càng rõ trong các vấn đề chính trị, an ninh khu vực. Giai đoạn này, bố cục và diện mạo chính trị của khu vực còn mờ nhạt.

*Giai đoạn thứ hai (từ năm 2001 đến 2009):* Nhìn tổng quát, cục diện chính trị khu vực Đông Á những năm đầu thế kỷ XXI đã hiện lên với nhiều sắc diện. Đó là sự phân bố quyền lực đang dần được thực hiện, các nước lớn như Trung Quốc, Nhật Bản, Nga và Mỹ cùng các cơ chế đa phương như ASEAN, ARF, APEC đã trở thành các quân cờ chủ yếu trên bàn cờ chính trị Đông Á. Trong cục diện đó, các nước lớn được coi là những chủ thể chính bên cạnh các tổ chức đa phương, các chủ thể phi quốc gia. Sự thay đổi chính sách của một nước lớn nào đó sẽ tác động trở lại các chủ thể còn lại. Trật tự cũ vẫn chưa biến mất, trật tự mới vẫn chưa định hình, ván cờ chính trị Đông Á vẫn là sự tiếp nối của giai đoạn trước.

*Giai đoạn thứ ba (từ năm 2009 đến 2016):* Những thay đổi lớn trong chính sách đối nội và đối ngoại trong những năm gần đây của các nước lớn như Trung Quốc, Nhật Bản đã tạo nên cục diện chính trị đặc trưng cho khu vực Đông Á... Đó là bố cục “thế ba chân kiềng” với diện mạo khá căng thẳng, ít hợp tác, thiếu niềm tin. “Ba chân kiềng” được hình thành từ ba nhóm chủ thể: chân kiềng đầu tiên thuộc về các cường quốc khu vực như Trung Quốc, Nhật Bản; chân kiềng thứ hai thuộc về các cơ chế đa phương như ASEAN, ARF, APEC (các cơ chế thể hiện tiếng nói của các nước vừa và nhỏ ngày càng mạnh mẽ); chân kiềng thứ ba thuộc về các cường quốc ngoài khu vực như Mỹ và Nga (với sức mạnh và ảnh hưởng ngày càng sâu, mạnh). Ba chân kiềng này xoay vần cục diện chính trị khu vực, tương tác với nhau tạo ra diện mạo chính trị khu vực đang biến đổi. Tùy vào từng thời điểm, vấn đề, sự điều chỉnh, thay đổi của mỗi chân kiềng đều có những tác động làm thay đổi bức tranh chính trị khu vực, trong đó, Trung Quốc, Nhật Bản trở thành hai tác nhân chính của những thay đổi đó. Diện mạo chính trị khu vực Đông Á qua những phân tích ở Chương 3 đã hiện lên với những gam màu ảm chứa nhiều căng thẳng, tinh thần hợp tác chưa thực sự cao và còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ xung đột giữa các nhóm chủ thể là mỗi chân kiềng.

Một đặc trưng mang tính nguyên lý trong diễn tiến hiện tại của cục diện chính trị khu vực Đông Á là sự tranh giành quyền lực giữa các nước lớn thường gây ra những áp lực đối với những nước nhỏ, trong đó có Việt Nam. Điểm khác biệt so với thời Chiến tranh lạnh là sự co kéo, giành giật này diễn ra trong tiến trình toàn cầu hóa ngày càng sâu rộng, với những phương tiện chủ yếu được khai thác trong nền kinh tế toàn cầu hoá.

3. Trước những diễn biến phức tạp của cục diện chính trị khu vực Đông Á, Việt Nam có nhiều cơ hội để có thể vươn lên phát triển vị thế quốc gia của mình trong khu vực, nhưng bên cạnh đó cũng đặt ra không ít những khó khăn, thách thức, đòi hỏi Việt Nam phải có những chính sách phù hợp và khôn khéo. Để Việt Nam không trở thành “bãi thải công nghiệp” và tụt hậu, để hợp tác và hội nhập mà không bị “diễn biến hòa bình” và thôn tính, để vẫn giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia và không lệ thuộc, để không đi với một bên, chống một bên và cũng không ai có thể ép Việt Nam đi với một bên chống một bên, để trở thành đối tác được tin cậy, được nể trọng, được mọi người dù ở bên nào đều cần tới thì Việt Nam cần phải xây dựng một chiến lược có khả năng phát huy được tối đa bản lĩnh, chất xám, nguồn lực con người Việt Nam - dựa trên nền tảng của sự đồng thuận dân tộc.

4. Cục diện chính trị khu vực, cục diện thế giới hiện tại cũng đang phản ánh một hiện thực khách quan rằng: thời đại ngày nay là thời đại của sự phát huy sức mạnh dân tộc, phát huy triệt để những thế mạnh của chính mình, tận dụng mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực của cục diện chính trị khu vực và thế giới. Thế mạnh của Việt Nam là vị trí địa - chiến lược và con người Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, phù hợp với xu thế phát triển tiến bộ của thời đại. Dựa vào cái chung để phát huy cái riêng đều nhằm tăng thế và lực của đất nước; thế và lực ấy bổ sung và hỗ trợ cho nhau. Cục diện chính trị khu vực và thế giới đang biến đổi sâu sắc, việc xử lý đúng đắn và hài hòa quan hệ của Việt Nam với các nước láng giềng và nước lớn cần phải tiếp tục được coi trọng trong chính sách đối ngoại của Việt Nam. Cùng cố quan hệ với các nước theo hướng ổn định, lâu dài, hiểu biết, tin cậy lẫn nhau và phát huy tối đa tiềm năng, hiệu quả sự hợp tác trên mọi lĩnh vực là những điều cần thiết hiện nay. Chính vì vậy, Việt Nam cần linh hoạt và mềm dẻo về sách lược nhưng kiên định mục tiêu và nhiệm vụ chiến lược, vừa hợp tác vừa đấu tranh, chủ động và khôn khéo, “đĩ bất biến, ứng vạn biến” theo tư tưởng Hồ Chí Minh và vận dụng hiệu quả “ngũ tri” (biết mình, biết người, biết thời thế, biết dùng, biết biến) trong quan hệ quốc tế.



## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Hoàng Anh: “Điểm lại chính sách ngoại giao của Nhật Bản đối với khu vực Đông Nam Á qua các đời thủ tướng”, Tạp chí *Nghiên cứu Đông Bắc Á*, Số 8 (162) 8-2014.
2. Ngô Tân Bá: “Mối quan hệ ba bên Trung - Nhật - Mỹ trong tình hình mới”, Tạp chí *Châu Mỹ ngày nay* (4).
3. Đỗ Thanh Bình, Văn Ngọc Thành (Chủ biên): *Quan hệ quốc tế thời hiện đại: Những vấn đề mới đặt ra*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2012.
4. Lê Hải Bình: *Tác động của quan hệ Mỹ - Trung đến an ninh châu Á - Thái Bình Dương sau Chiến tranh lạnh*, Luận án Tiến sĩ Quan hệ quốc tế.
5. Bogaturov Aleksey D., Averkov Viktor V: *Lịch sử quan hệ quốc tế*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2016.
6. Bret Stephens: *America in Retreat: The New Isolationism and the Coming Global Disorder*, Niu Óoc, Penguin/Sentinel, 2014.
7. Brzezinski: *Bàn cờ lớn - Địa vị quan trọng hàng đầu của Mỹ và các vấn đề địa chính trị khác* (bản tiếng Trung Quốc), Nxb. Nhân dân Thượng Hải, Thượng Hải, 1998.
8. Bruce W. Jentleson: *Chính sách đối ngoại Mỹ: Động cơ của sự lựa chọn trong thế kỷ XXI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004.
9. Chad P. Bown, Rachel McCulloch: “U.S - Japan and U.S. - China Trade Conflict: Export Growth, Reciprocity, and the International Trading System,” *Journal of Asian Economics* (20), tr. 669-687.
10. Charles W. Kegley, Jr. & Shanon L. Blanton: *World Politics - Trend and Transformation* (2010-2011 Edition), Cengage Learning, 2011.
11. Cơ quan thông tin hải ngoại Hàn Quốc: *Hàn Quốc - Lịch sử và văn hoá*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.

12. Daniel Yergin, Joseph Stanislaw: *Những đỉnh cao chỉ huy - Cuộc chiến vì nền kinh tế thế giới*, Nxb. Tri thức, Hà Nội, 2008.
13. David Shambaugh, Michael Yahuda (eds): *International Relations of Asia*: Rowman & Littlefield Publishers, Maryland, 2008.
14. Eric Heginbotham (eds): *The U.S. - China Military Scorecard: Forces, Geography, and the Evolving Balance of Power, 1996-2017* (Summary xxiii - xxv), RAND Corporation, 2015.
15. Fareed Zakaria: *Thế giới hậu Mỹ*, Nxb. Tri thức, Hà Nội, 2010.
16. Nguyễn Hoàng Giáp: “Phát triển quan hệ với các nước lớn trong chính sách đối ngoại đổi mới của Đảng và Nhà nước ta”, Tạp chí *Nghiên cứu quốc tế* (2), 2005.
17. PGS.TS. Nguyễn Hoàng Giáp (Chủ biên): *Một số vấn đề chính trị quốc tế trong giai đoạn hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2014.
18. PGS.TS. Nguyễn Hoàng Giáp (Chủ biên): *Cạnh tranh chiến lược ở khu vực Đông Nam Á giữa một số nước lớn hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2013.
19. Đặng Vương Hạnh: *Khi nào Trung Quốc vượt Mỹ?* <http://www.tienphong.vn/the-gioi/khi-nao-trung-quoc-vuot-my>.
20. Henry Kissinger: *World Order*: Penguin Books, New York, 2014.
21. Hoàng Văn Hiến, Nguyễn Việt Thảo: *Quan hệ quốc tế từ 1945 đến 1995*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.
22. Dương Phú Hiệp, Vũ Văn Hà (Chủ biên): *Cục diện châu Á - Thái Bình Dương*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.
23. Lê Minh Hiếu, Dương Danh Huy: *Việt Nam trước chủ trương của Trung Quốc đối với Biển Đông*, <http://www.tuanvietnam.net/2009-01-11-viet-nam-truoc-chu-truong-cua-trung-quoc-doi-voi-bien-dong>.
24. Trần Bách Hiếu: “Khu vực tự do thương mại châu Mỹ (FTAA) với Mỹ và các nước Mỹ Latinh”, Tạp chí *Khoa học Đại học quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn*, 25 (2009).
25. Học viện Ngoại giao (Chủ biên): *Lý luận quan hệ quốc tế*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2008.
26. Học viện Ngoại giao: *Đông Tây Nam Bắc: Những diễn biến chính trong quan hệ quốc tế từ 1945*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2009.
27. Học viện Ngoại giao: *150 câu hỏi và đáp về ASEAN - Hiến chương ASEAN và Cộng đồng ASEAN*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2010.

28. Vũ Dương Huân: “Bàn về quy luật và tính quy luật trong quan hệ quốc tế”, Tạp chí *Nghiên cứu quốc tế* (2), tr.13-20.
29. Phạm Quỳnh Hương, Nguyễn Thanh Tùng: “Nước Mỹ qua cuộc bầu cử giữa nhiệm kỳ và một số dự báo đến năm 2016”, Tạp chí *Đối ngoại Trung ương*, số 12/2014 (62).
30. Đinh Thế Huynh (Chủ biên): *30 năm đổi mới và phát triển ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2015.
31. Ian Storey: *Chính sách hướng Đông của Nga và tác động đối với Đông Nam Á và Biển Đông*, <http://nghiencuubiendong.vn/nghien-cuu-chau-au/5625-chinh-sach-huong-dong-cua-nga->.
32. Jeffrey A. Bader: *Obama và sự trỗi dậy của Trung Quốc: Bên trong chiến lược châu Á của Mỹ*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2016.
33. Joanne Meyerowitz (Chủ biên): *Lịch sử và ngày 11 tháng 9*, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội, 2011.
34. Joel Krieger: *Toàn cảnh nền chính trị thế giới*, Nxb. Lao Động, Hà Nội, 2009.
35. John J. Mearsheimer: *Why China's Rise will not be Peacefull*. <http://mearsheimer.uchicago.edu/pdfs/A0034b.pdf>.
36. John J. Mearsheimer, Stephen M. Walt: “The Case for Offshore Balancing: A Superior U.S. Grand Strategy”, *Foreign Affairs*, <https://www.foreignaffairs.com/articles/united-states/2016-06-13/case-offshore-balancing>.
37. John T. Rourke: *International Politics on the World Stage* (Eleventh Edition), McGraw-Hill, Niu Oóc, 2007.
38. Joseph E. Stiglitz: *Toàn cầu hóa và những mặt trái*, Nxb. Trẻ, Thành Phố Hồ Chí Minh, 2010.
39. Joseph S. Nye: *The Paradox of American Power: Why the World's only Superpower can't Go it Alone*, New York, 2002, Oxford University Press.
40. Kazuhiko Togo, G. V. C. Naidu, (eds): *Building Confidence in East Asia: Maritime Conflicts, Interdependence and Asian Identity Thinking*, Palgrave Macmillan, Niu Oóc, 2015.
41. Trần Khánh (Chủ biên): *Hợp tác và cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á ba thập niên đầu sau Chiến tranh lạnh*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2014.

42. Kiyoshi Kojima: “The “Flying Geese” Model of Asian Economic Development: Origin, Theoretical Extensions, and Regional Policy Implications”, *Journal of Asian Economics* (11).
43. Korean Global Foundation: *International Relations in East Asia in the New Regional Context*, KGB Publishing House, 2016.
44. Thái Văn Long: ““Thế chân vạc” địa chiến lược Mỹ - Trung - Nga trong thế kỷ XXI”, Tạp chí *Lý luận chính trị*, <http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/quoc-te/item/1090-the-chan-vac-dia-chien-luoc-my-trung-nga-trong-the-ky-xxi.html>.
45. Trần Hoàng Long: “Quan hệ Nhật - Trung hiện nay: Thách thức và triển vọng”, Tạp chí *Nghiên cứu Đông Bắc Á* (7), tr. 13-19.
46. Lưu Minh Phúc: *Giấc mơ Trung Quốc*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2011.
47. Mark Blyth (Chủ biên): *Cẩm nang kinh tế chính trị quốc tế: Kinh tế chính trị quốc tế với tư cách là cuộc đối thoại mang tính toàn cầu*, Khoa Quốc tế học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.
48. Michael K. Connors, Rémy Davison, and Jörn Dosch (eds): *The New Global Politics of the Asia Pacific*, Routledge, Niu Oóc, 2004.
49. Michael J. Green, Nicholas Szechenyi; *Power and Order in Asia*, Rowman & Littlefield, Lanham, 2014.
50. Michael Leifer: *The ASEAN Regional Forum: A Model for Cooperative Security in the Middle East*, The Australian National University, 1998.
51. Michael Schuman: *The Miracle châu Á thần kỳ: Thiên sử thi về hành trình tìm kiếm sự thịnh vượng của châu Á*, Nxb. Thời đại, Hà Nội, 2009.
52. Phạm Bình Minh: “Xu thế phát triển của cục diện thế giới đến năm 2020 và định hướng chiến lược đối ngoại của Việt Nam”, *Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu của đề tài Mã số KX.04/06-10, Nghiên cứu khoa học lý luận chính trị giai đoạn 2006-2010*.
53. Phạm Quang Minh: *Cục diện thế giới nhìn từ góc độ lịch sử*, tham luận tại Hội thảo khoa học “Cục diện thế giới 2020” do Học viện Ngoại giao tổ chức ngày 14-8-2008, Hà Nội.
54. Phạm Quang Minh (Biên soạn): *Quan hệ chính trị quốc tế*, Khoa Quốc tế học – Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.
55. Phạm Quang Minh: “Diễn đàn Á - Âu (ASEM): Thách thức của quá trình mở rộng”, Tạp chí *Nghiên cứu châu Âu* (121).

56. Phạm Quang Minh: *Quan hệ quốc tế ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2014.
57. Hoàng Khắc Nam: *Chủ thể và hệ thống trong quan hệ quốc tế*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2008.
58. Hoàng Khắc Nam: *Một số vấn đề lý luận quan hệ quốc tế dưới góc nhìn lịch sử*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2014.
59. Ngô Phương Nghi, Nguyễn Thanh Tùng, Đào Ngọc Tuấn: *Đại cương về chính trị học quốc tế*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2015.
60. Nhicolai Zlobin: *Trật tự thế giới mới thứ hai: Những vấn đề địa - chính trị nan giải*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2012.
61. PGS.TS. Lê Minh Quân: *Về một số xu hướng chính trị chủ yếu trên thế giới hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2014.
62. Lê Minh Quang: “Dầu mỏ - “tử huyệt” của nhiều cường quốc kinh tế trong thế giới đương đại”, Tạp chí *Cộng sản* (5), 2008.
63. Đỗ Tiến Sâm (Chủ biên): *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn nổi bật của Trung Quốc trong 10 năm đầu thế kỷ 21*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2012.
64. Samuel P. Huntington: “The lonely Superpower”, *Foreign Affairs*, tập 78, số 2, tháng 3/4-1999.
65. Samuel Huntington: *Sự va chạm của các nền văn minh*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2005.
66. Lê Văn Sang (chủ biên): *Cục diện kinh tế thế giới hai thập niên đầu thế kỷ XXI*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2005.
67. Scott D. Sagan: “Why do states Build Nuclear Weapons? Three Models in Search of a Bomb”, *International Security*, tập 21, số 3 (Mùa thu, 1996-1997), tr. 54-86.
68. Shale Horowitz: “Why China’s Leaders Benefit from a Nuclear, Threatening North Korea: Preempting and Diverting Opposition at Home and Abroad”, *Pacific Focus*, tập 30, ngày 1-4-2015, tr.10-32.
69. Sheldon W. Simon: “ASEAN and Multilateralism: The Long, Bumpy Road to Community”, *Contemporary Southeast Asia*, tập 30, số 2 (tháng 8-2008), tr. 264-292.
70. Nguyễn Hùng Sơn: “Cấu trúc khu vực và vấn đề mở rộng cấu trúc khu vực ở châu Á - Thái Bình Dương”, Tạp chí *Nghiên cứu quốc tế*, số 2(81), tháng 6/2010: 5-22.

71. Phạm Minh Sơn: *Chính sách đối ngoại của một số nước trên thế giới*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2008.
72. Nguyễn Thiết Sơn: “Quan hệ kinh tế ASEAN - Mỹ: những vấn đề hiện nay”, Tạp chí *Châu Mỹ ngày nay* (4).
73. State Council Information Office of the People’s Republic of China, *China’s Military Strategy*, Bắc Kinh, 2015.
74. Stephen M. Walt: “What would a Realist World have Looked Like?” *Foreign Policy*, ngày 8-1-2016.
75. Susan L. Shirk: *Gã khổng lồ mất ngủ - Một góc nhìn về chính trị Trung Quốc đương đại*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 2015.
76. Nguyễn Anh Thái (Chủ biên): *Lịch sử thế giới hiện đại*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2008.
77. Nguyễn Trường: *Thế giới thời kỳ hậu Chiến tranh lạnh*, Nxb. Tri thức, Hà Nội, 2010.
78. Thanh Tuấn: *Kissinger và Trật tự thế giới*, <http://tuoitre.vn/tin/tuoi-tre-cuoi-tuan/van-de-su-kien/quoc-te/kissinger-va-trat-tu-the-gioi/677820.html>.
79. Lưu Minh Văn: “Chủ nghĩa khu vực mới và sức mạnh mềm Nhật Bản”, Tạp chí *Nghiên cứu Đông Bắc Á*, số 6 (160) 6-2014.
80. Viện nghiên cứu Đông Nam Á: *Bản Báo cáo tổng hợp Đề tài độc lập cấp Nhà nước: Sự biến động địa chính trị Đông Á hai thập niên đầu thế kỷ XXI, những vấn đề đặt ra và đối sách của Việt Nam*, Hà Nội, 2010.
81. Viện Thông tin Khoa học xã hội (chuyên đề): *Trật tự thế giới sau Chiến tranh lạnh: Phân tích và dự báo* (Tập 2), Nxb. Thông tin Khoa học xã hội, Hà Nội, 2001.
82. Phạm Thái Việt: *Toàn cầu hoá: Những biến đổi lớn trong đời sống chính trị quốc tế và văn hoá*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2006.
83. Phạm Thái Việt: *Ngoại giao văn hoá: Cơ sở lý luận, kinh nghiệm quốc tế và ứng dụng*, Nxb. Chính trị - Hành chính, Hà Nội, 2012.
84. Vũ Quang Việt: *Về thập kỷ suy thoái của Nhật Bản*, <http://www.tapchithoidai.org/>.
85. Wang Jisi and Kenneth Lieberthal: *Addressing U.S. - China Strategic Distrust*: The John L. Thornton China Center at Brookings, Oasinhton 2012.

# MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
<i>Lời mở đầu</i>	7
<i>Danh mục các từ viết tắt</i>	9

## *Chương 1*

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CỤC DIỆN CHÍNH TRỊ VÀ VỊ TRÍ CỦA KHU VỰC ĐÔNG Á TRONG NỀN CHÍNH TRỊ THẾ GIỚI	11
---	----

1. Khái niệm “Cục diện chính trị khu vực”	11
1.1. Khái niệm “cục diện”	11
1.2. Khái niệm “Cục diện chính trị khu vực”	14
2. Những nhân tố tác động đến cục diện khu vực và thế giới	17
3. Vị trí của Đông Á trong nền chính trị thế giới	20

## *Chương 2*

MỸ DẪN DẮT QUAN HỆ QUỐC TẾ Ở ĐÔNG Á GIAI ĐOẠN 1991-2009	24
--	----

1. Khái quát về cục diện chính trị Đông Á trước năm 1991	24
2. Cục diện chính trị Đông Á giai đoạn 1991-2001	29
2.1. Bối cảnh quốc tế và khu vực	29
2.2. Cơ cấu quyền lực và sự tương tác của một số chủ thể chính	39
2.3. Vai trò của các chủ thể trong một số điểm nóng an ninh khu vực	66
3. Cục diện chính trị Đông Á giai đoạn 2001-2009	72
3.1. Bối cảnh quốc tế và khu vực	72
3.2. Cơ cấu quyền lực và sự tương tác của một số chủ thể chính	83
3.3. Vai trò của các chủ thể trong một số điểm nóng an ninh khu vực	104

### Chương 3

SỰ TAN RÃ CỦA CỤC DIỆN CHÍNH TRỊ CŨ	
VÀ SỰ HÌNH THÀNH CỤC DIỆN MỚI GIAI ĐOẠN 2009-2016	109
1. Bối cảnh quốc tế và khu vực	109
2. Cơ cấu quyền lực và sự tương tác của các chủ thể trong cục diện chính trị Đông Á giai đoạn 2009-2016	121
2.1. Tham vọng và thực tế chiến lược xoay trục của Mỹ	121
2.2. Trung Quốc từ trỗi dậy đến kiến tạo vị thế mới	128
2.3. Nhật Bản bước vào cuộc chơi nước lớn	135
2.4. Sự thận trọng của nước Nga	137
2.5. ASEAN giữa thách thức từ cuộc cạnh tranh nước lớn	140
3. Đánh giá lại quan hệ giữa các nước lớn đã định hình cục diện chính trị Đông Á	144
3.1. Quan hệ Trung Quốc - Mỹ	144
3.2. Quan hệ Trung Quốc - Nhật Bản	149
3.3. Quan hệ Trung Quốc - Nga	151
3.4. Quan hệ Trung Quốc - ASEAN	154
3.5. Mô thức mới trong quan hệ Mỹ - Nhật Bản - Trung Quốc	156
4. Vai trò của các chủ thể trong một số điểm nóng an ninh khu vực và sự tan rã của cục diện chính trị cũ	160
4.1. Quan hệ giữa các chủ thể trong một số vấn đề an ninh khu vực	160
4.2. Cục diện chính trị trước năm 2009 đang tan rã	167

### Chương 4

TRIỂN VỌNG CỦA CỤC DIỆN CHÍNH TRỊ ĐÔNG Á VÀ NHỮNG TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI VIỆT NAM	
	172
1. Một số nhận xét về các cường quốc trong cục diện chính trị khu vực Đông Á	173
1.1. Mỹ áp đặt vị trí siêu cường tại khu vực Đông Á	173
1.2. Trung Quốc và tham vọng thống trị khu vực	179
1.3. Nga phục hồi ngày càng mạnh mẽ	184
1.4. Sự linh hoạt của Nhật Bản	187
1.5. Nhìn lại ASEAN	189
2. Những xu thế vận động chính trong cục diện chính trị Đông Á	191



2.1. Mối quan hệ giữa cục diện kinh tế với cục diện chính trị ở Đông Á	191
2.2. Mỹ tiếp tục giữ vai trò chủ đạo	193
2.3. Sự trỗi dậy của Trung Quốc và những thách thức đối với Mỹ	197
2.4. ASEAN hướng đến sự cân bằng ở Đông Á	202
2.5. Cục diện khu vực vẫn còn nhiều yếu tố bất ổn	203
3. Tác động của cục diện chính trị Đông Á đối với Việt Nam	206
<i>Kết luận</i>	212
<i>Tài liệu tham khảo</i>	215

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT; Số 6/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội  
ĐT: 080 49221 Fax: 080 49222 Email: [suthat@nxbctgg.vn](mailto:suthat@nxbctgg.vn) Website: [www.nxbctgg.vn](http://www.nxbctgg.vn)

**TÌM ĐỌC SÁCH CỦA NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT**

**JEFFREY A. BADER**

**OBAMA VÀ SỰ TRỖI DẬY CỦA TRUNG QUỐC  
BÊN TRONG CHIẾN LƯỢC CHÂU Á CỦA MỸ**

**PGS.TS. NGUYỄN THÁI YÊN HƯƠNG (Chủ biên)**  
**THỂ HỆ LÃNH ĐẠO THỨ NĂM CỦA TRUNG QUỐC**  
**NHỮNG ĐIỀU CHỈNH CHÍNH SÁCH VỚI MỸ VÀ CÁC TÁC ĐỘNG**  
**TỚI KHU VỰC CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG**

**Đại tá LÊ THẾ MẪU**  
**THẾ GIỚI - BƯỚC NGOẶT LỊCH SỬ**



**Giá: 53.000đ**